

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUỐC TẾ SÀI GÒN



BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ

Theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng
cơ sở giáo dục đại học của Bộ Giáo dục và Đào tạo
(Giai đoạn đánh giá: 2015-2019)

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH, THÁNG 12 NĂM 2019

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUỐC TẾ SÀI GÒN



BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ

Theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng
cơ sở giáo dục đại học của Bộ Giáo dục và Đào tạo
(Giai đoạn đánh giá: 2015-2019)


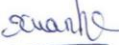

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH: THÁNG 12 NĂM 2019

**DANH SÁCH VÀ CHỮ KÝ CÁC
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ**

STT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ	Chữ kí
1	Ông Trần Xuân Định	Hiệu trưởng	Chủ tịch HĐ	
2	Bà Văn Thị Thiên Hà	Phó Hiệu trưởng thường trực - Phó Phòng Đào tạo	Phó Chủ tịch HĐ	
3	Bà Nguyễn Thị Thảo Phương	Phó Phòng KT&ĐBCL	Thư ký HĐ	
4	Bà Trần Thị Lan Chi	Thư ký HĐQT	Ủy viên HĐ	
5	Ông Jose Jimenez Santural Rewel	Trưởng Phòng KT&ĐBCL	Ủy viên HĐ	
6	Bà Nguyễn Thị Hồng Dung	Phòng KH&HTQT	Ủy viên HĐ	
7	Ông Cao Quảng Tư	Trưởng Phòng TS&CTSV	Ủy viên HĐ	
8	Ông Hồ Thiện Thông Minh	Phó Phòng KH&HTQT	Ủy viên HĐ	
9	Bà Nguyễn Thị Trung Thủy	Trưởng Phòng HC&DVSV	Ủy viên HĐ	
10	Bà Phạm Bảo Châu	Trưởng Phòng Tài chính – Nhân sự	Ủy viên HĐ	
11	Bà Migyu Kang	Trưởng Khoa Ngoại ngữ	Ủy viên HĐ	
12	Ông Phạm Quang Trường	Phó Trưởng Khoa Kinh doanh & Luật	Ủy viên HĐ	
13	Ông Nguyễn Tất Viễn	Trưởng Phòng KH&HTQT	Ủy viên HĐ	
14	Ông Huỳnh Quốc Anh	Giảng viên	Ủy viên HĐ	
15	Trần Nguyễn Tường Vi	Sinh viên	Ủy viên HĐ	

(Danh sách gồm có 15 người)

















DANH SÁCH VÀ CHỮ KÍ THÀNH VIÊN BAN THƯ KÝ

STT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ	Chữ kí
1	Bà Nguyễn Thị Thảo Phương	Phó Phòng KT&ĐBCL	Thư ký HĐ	
2	Bà Nguyễn Thị Xuân Nhật	Chuyên viên Phòng KT&ĐBCL	Ủy viên	
3	Ông Nguyễn Nam Hàn	Chuyên viên Phòng KT&ĐBCL (kiêm nhiệm)	Ủy viên	

(Danh sách gồm có 3 người)

DANH SÁCH VÀ CHỮ KÍ THÀNH VIÊN CÁC NHÓM CÔNG TÁC CHUYÊN TRÁCH

Nhóm	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ	Chữ kí
1 (TC 1, 2, 3, 4, 5)	Ông Trần Xuân Định	Hiệu trưởng	Nhóm trưởng	
	Bà Trần Thị Lan Chi	Thư ký HĐQT	Thư ký	
	Bà Trần Thị Huyền	Nhân viên Phòng HC&DVSV		
2 (TC 14, 15, 16, 22)	Bà Văn Thị Thiên Hà	Phó Hiệu trưởng thường trực - Phó Phòng Đào tạo	Nhóm trưởng	
	Bà Nguyễn Thị Hồng Dung	Phòng KH&HTQT	Thư ký	
	Ông Phạm Quang Trường	Phó Trưởng Khoa Kinh doanh & Luật		
	Ông Nguyễn Tất Viễn	Trưởng Phòng KH&HTQT		
	Ông Huỳnh Quốc Anh	Giảng viên		
	Ông Nguyễn Đặng Thế Vinh	Giảng viên		
3 (TC 9, 10, 11, 12)	Bà Nguyễn Thị Thảo Phương	Phó Phòng KT&ĐBCL	Nhóm trưởng	
	Bà Nguyễn Thị Xuân Nhật	Chuyên viên Phòng KT&ĐBCL	Thư ký	

	Ông Nguyễn Nam Hàn	Chuyên viên Phòng KT&ĐBCL (kiêm nhiệm)		
	Bà Migyu Kang	Trưởng Khoa Ngoại ngữ		
4 (TC 8, 18, 19, 20, 23)	Ông Hồ Thiện Thông Minh	Phó Phòng KH&HTQT	Nhóm trưởng	
	Ông Nguyễn Long Tiên	Giảng viên	Thư ký	
	Ông Trần Bảo Tâm Nhật	Giảng viên		
	Ông Jose Jimenez Santural Rewel	Trưởng Phòng KT & ĐBCL		
5 (TC 6, 7, 17, 25)	Bà Nguyễn Thị Trung Thùy	Trưởng Phòng HC&DVSV	Nhóm trưởng	
	Bà Phạm Bảo Châu	Trưởng Phòng Tài chính - Nhân sự	Thư ký	
	Bà Cao Thị Hồng Khánh	Nhân viên Phòng Tài chính - Nhân sự		
	Bà Lâm Thùy An	Nhân viên Phòng Tài chính - Nhân sự		
	Bà Nguyễn Thị Phượng	Trưởng Thư viện		
6 (TC 13, 21, 24)	Ông Cao Quảng Tư	Trưởng Phòng TS&CTSV	Nhóm trưởng	
	Bà Huỳnh Kim Hải	Nhân viên Phòng TS&CTSV	Thư ký	
	Bà Hồ Thị Huỳnh	Nhân viên Phòng TS&CTSV		
	Ông Trần Văn Trắng	Nhân viên Phòng TS&CTSV		
	Bà Phan Thị Thanh Vân	Nhân viên Phòng Đào tạo		

(Danh sách gồm có 27 người)

MỤC LỤC

DANH SÁCH VÀ CHỮ KÝ CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ	i
MỤC LỤC.....	iv
DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT	vi
PHẦN I. HỒ SƠ VỀ TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUỐC TẾ SÀI GÒN	8
1. Khái quát về Trường Đại học Quốc tế Sài Gòn.....	8
2. Bối cảnh triển khai các hoạt động của cơ sở giáo dục.....	11
3. Cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng CSGD (Phụ lục 1).....	15
PHẦN II. TỰ ĐÁNH GIÁ VỀ CHẤT LƯỢNG CƠ SỞ GIÁO DỤC TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUỐC TẾ SÀI GÒN	16
Tiêu chuẩn 1: Tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa.....	16
Tiêu chuẩn 2: Quản trị	32
Tiêu chuẩn 3: Lãnh đạo và quản lý.....	37
Tiêu chuẩn 4: Quản trị chiến lược	43
Tiêu chuẩn 5: Các chính sách về ĐT, NCKH và PVCĐ	49
Tiêu chuẩn 6: Quản lý nguồn nhân lực.....	54
Tiêu chuẩn 7: Quản lý tài chính và cơ sở vật chất.....	63
Tiêu chuẩn 8. Các mạng lưới và quan hệ đối ngoại	74
Tiêu chuẩn 9: Hệ thống ĐBCL bên trong.....	80
Tiêu chuẩn 10: TĐG và đánh giá ngoài.....	88
Tiêu chuẩn 11: Hệ thống thông tin ĐBCL bên trong	94
Tiêu chuẩn 12: Nâng cao chất lượng	99
Tiêu chuẩn 13: Tuyển sinh và nhập học	105
Tiêu chuẩn 14: Thiết kế và rà soát chương trình dạy học	114
Tiêu chuẩn 15: Giảng dạy và học tập	121
Tiêu chuẩn 16: Đánh giá người học.....	128
Tiêu chuẩn 17: Các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học.....	135
Tiêu chuẩn 18: Quản lý NCKH	141
Tiêu chuẩn 19: Quản lý tài sản trí tuệ.....	148
Tiêu chuẩn 20: Hợp tác và đối tác NCKH.....	153
Tiêu chuẩn 21: Kết nối và phục vụ cộng đồng.....	159
Tiêu chuẩn 22. Kết quả đào tạo	165
Tiêu chuẩn 23: Kết quả NCKH	174
Tiêu chuẩn 24: Kết quả PVCĐ	185

Tiêu chuẩn 25: Kết quả tài chính và thị trường	195
BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CSGD	200
PHỤ LỤC.....	206

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

<i>TỪ VIẾT TẮT</i>	<i>TỪ VIẾT NGUYÊN</i>
BGH	<i>Ban giám hiệu</i>
CB	<i>Cán bộ</i>
CBQL	<i>Cán bộ quản lý</i>
CD	<i>Cao đẳng</i>
CDR	<i>Chuẩn đầu ra</i>
CLB	<i>Câu lạc bộ</i>
CNTT	<i>Công nghệ thông tin</i>
CSGD	<i>Cơ sở giáo dục</i>
CSVC	<i>Cơ sở vật chất</i>
CTDH	<i>Chương trình dạy học</i>
CTĐT	<i>Chương trình đào tạo</i>
CTSV	<i>Công tác sinh viên</i>
CVHT	<i>Cố vấn học tập</i>
DVSV	<i>Dịch vụ sinh viên</i>
ĐBCL	<i>Đảm bảo chất lượng</i>
ĐH	<i>Đại học</i>
ĐT	<i>Đào tạo</i>
GDDH	<i>Giáo dục đại học</i>
GD&ĐT	<i>Giáo dục và Đào tạo</i>
GS	<i>Giáo sư</i>
GV	<i>Giảng viên</i>
HC-DVSV	<i>Hành chính và Dịch vụ sinh viên</i>
HĐQT	<i>Hội đồng quản trị</i>
HTNH	<i>Hỗ trợ người học</i>
HTQT	<i>Hợp tác quốc tế</i>
KĐCL	<i>Kiểm định chất lượng</i>
KH&HTQT	<i>Khoa học và Hợp tác quốc tế</i>
KHCL	<i>Kế hoạch chiến lược</i>
KHCN	<i>Khoa học công nghệ</i>
KH&CN	<i>Khoa học và Công nghệ</i>
KPIs	<i>Key Performace Indicator (chỉ số đánh giá năng</i>

	<i>lực thực hiện công việc)</i>
<i>KT&ĐBCL</i>	<i>Khảo thí và Đảm bảo chất lượng</i>
<i>NCKH</i>	<i>Nghiên cứu khoa học</i>
<i>NTD</i>	<i>Nhà tuyển dụng</i>
<i>NV</i>	<i>Nhân viên</i>
<i>PGS</i>	<i>Phó Giáo sư</i>
<i>PVCD</i>	<i>Phục vụ cộng đồng</i>
<i>QL</i>	<i>Quản lý</i>
<i>QLCL</i>	<i>Quản lý chất lượng</i>
<i>QTSG</i>	<i>Quốc tế Sài Gòn</i>
<i>SĐH</i>	<i>Sau đại học</i>
<i>SHTT</i>	<i>Sở hữu trí tuệ</i>
<i>SV</i>	<i>Sinh viên</i>
<i>TC-NS</i>	<i>Tài chính - Nhân sự</i>
<i>TĐG</i>	<i>Tự đánh giá</i>
<i>ThS</i>	<i>Thạc sĩ</i>
<i>THPT</i>	<i>Trung học phổ thông</i>
<i>TN, SM</i>	<i>Tầm nhìn sứ mạng</i>
<i>TP.HCM</i>	<i>Thành phố Hồ Chí Minh</i>
<i>TS</i>	<i>Tiến sĩ</i>
<i>TS&CTSV</i>	<i>Tuyển sinh và Công tác sinh viên</i>
<i>TS&TT</i>	<i>Tuyển sinh và Truyền thông</i>
<i>TW</i>	<i>Trung ương</i>
<i>UBND</i>	<i>Ủy ban Nhân dân</i>

PHẦN I. HỒ SƠ VỀ TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUỐC TẾ SÀI GÒN

1. Khái quát về Trường Đại học Quốc tế Sài Gòn

a) Khái quát về lịch sử phát triển, tóm tắt thành tích nổi bật của trường

Trường ĐH Quốc tế Sài Gòn được thành lập theo Quyết định số 1273/QĐ-TTg ngày 24/9/2007 của Thủ tướng Chính phủ và được giao nhiệm vụ đào tạo trình đại học và cao đẳng theo Quyết định số 6588/QĐ-BGDĐT ngày 15/10/2007 của Bộ GD&ĐT.

Trường ĐH Quốc tế Sài Gòn thuộc Tập đoàn Giáo dục Quốc tế Á Châu (GAIE), gồm các thành viên: Trường Quốc tế Á Châu (Asian School), Viện Nghiên cứu Châu Á (IAS) và Trường ĐH Quốc tế Sài Gòn (SIU), được xem là hệ thống giáo dục tiêu chuẩn quốc tế từ tiểu học, trung học đến đại học, sau đại học và nghiên cứu khoa học lớn nhất Việt Nam. Thành lập năm 1999, GAIE có 81.708 học sinh, sinh viên và học viên đến từ 27 quốc gia và các vùng lãnh thổ, đã và đang theo học tại 15 cơ sở và 7 dự án đang đầu tư xây dựng; 70 công ty Việt Nam và đầu tư nước ngoài bảo trợ chương trình thực tập của Trường ĐH Quốc tế Sài Gòn; hơn 2.200 giáo viên, nhân viên Việt Nam và nước ngoài có văn bằng cử nhân, thạc sĩ, tiến sĩ, phó giáo sư, giáo sư đang làm việc; 2.491 học sinh, sinh viên chuyên tiếp du học tại 449 trường ở 21 quốc gia thuộc 4 châu lục.

Năm 2010, Trường ĐH Quốc tế Sài Gòn được công nhận là thành viên chính thức của Hội đồng kiểm định quốc tế các trường đại học đào tạo ngành kinh doanh (IACBE). Đến tháng 9/2011, Trường ĐH Quốc tế Sài Gòn trở thành thành viên giáo dục của Hiệp hội phát triển giảng dạy doanh nghiệp bậc đại học (AACSB), đồng thời có quan hệ hợp tác với nhiều trường đại học nước ngoài uy tín.

Năm 2015, Trường ĐH Quốc tế Sài Gòn được Bộ GD&ĐT giao nhiệm vụ đào tạo chuyên ngành Quản trị kinh doanh trình độ thạc sĩ và sau đó là đào tạo ngành Luật kinh tế trình độ đại học từ tháng 8/2018.

Xác định sứ mạng cung cấp cho xã hội nguồn nhân lực chất lượng cao, đa lĩnh vực đồng thời sở hữu nhiều tố chất của công dân thời đại mới, Trường ĐH Quốc tế Sài Gòn đã nỗ lực xây dựng chương trình đào tạo hiện đại, áp dụng phương pháp dạy và học theo hướng hội nhập, tiếp thu những phương pháp đào tạo hiện đại từ các nước có nền giáo dục tiên tiến với việc đề cao ứng dụng thực tiễn. Trường ĐH Quốc tế Sài Gòn giúp sinh viên tích lũy kỹ năng, kinh nghiệm thực tế cũng như tìm kiếm các kênh thực tập, việc làm bằng cách thiết lập quan hệ hợp tác, đào tạo gắn kết chặt chẽ với doanh nghiệp. Theo thống kê năm 2019, 97% sinh viên của trường có việc làm sau khi tốt nghiệp, trong đó nhiều SV thành lập doanh nghiệp, tạo việc làm cho nhiều người khác, 3% còn lại học lên bậc học cao hơn hoặc chuyên tiếp du học tại nhiều nước. Sinh viên của trường đã và đang đạt được những thành công tại các công ty hàng đầu Việt Nam và tập đoàn đa quốc gia danh tiếng.

Với triết lý giáo dục “Tâm hồn Việt Nam, giáo dục thế giới”, bên cạnh chương trình đào tạo khoa học, giúp sinh viên lĩnh hội tri thức tiên tiến của thế giới, Trường ĐH Quốc tế Sài Gòn còn tạo ra môi trường rèn luyện tiếng Anh, hoạt động ngoại khóa, câu lạc bộ sôi động, đặc biệt là chú trọng giáo dục lễ nghĩa giúp sinh viên tích lũy kỹ năng, rèn luyện đạo đức để trở thành những công dân toàn cầu có trách nhiệm và thành công sau khi ra trường.

b) Tầm nhìn, sứ mạng và các giá trị

Triết lý giáo dục:

“Tâm hồn Việt Nam, giáo dục thế giới”.

Tầm nhìn:

Trường ĐH Quốc tế Sài Gòn hướng đến là trường đại học quốc tế hàng đầu Việt Nam theo xu hướng giáo dục toàn cầu.

Sứ mạng:

Xây dựng môi trường giáo dục tiên phong, tôn trọng sự khác biệt và đa văn hóa, Trường ĐH Quốc tế Sài Gòn đào tạo ra những lãnh đạo và công dân có ích cho xã hội, đẩy mạnh nghiên cứu gắn liền thực tiễn, rèn luyện năng lực chuyên môn và hun đúc những nguyên tắc đạo đức trong mỗi sinh viên.

Giá trị cốt lõi:

Nhà trường theo đuổi sự xuất sắc về học thuật trong giảng dạy, học tập và nghiên cứu để phục vụ cộng đồng, quốc gia và quốc tế.

Học thuật

Trường ĐH Quốc tế Sài Gòn mang đến cho sinh viên kiến thức, kỹ năng và khả năng để theo đuổi cuộc sống với tư cách là công dân toàn cầu; cung cấp cho sinh viên cơ hội phát triển thể chất, tinh thần, cảm xúc, sự hiểu biết xã hội và văn hóa. Nhà trường cung cấp nền giáo dục chuyên nghiệp dựa trên nền tảng học tập tự do đồng thời khuyến khích sinh viên nỗ lực và hành động trách nhiệm với các vấn đề mà xã hội đang đối mặt.

Phục vụ cộng đồng

Trường ĐH Quốc tế Sài Gòn cam kết tạo ra một cộng đồng thân thiện, hòa nhập và hợp tác trên nền tảng chú trọng tinh thần tự do và thiện nguyện, bảo vệ quyền lợi và phẩm giá của mỗi cá nhân. Mong muốn đóng góp cho sự phát triển của xã hội, Trường ĐH Quốc tế Sài Gòn tìm hiểu và giải quyết các vấn đề và đáp ứng nhu cầu xã hội trong các lĩnh vực liên quan đến hoạt động giảng dạy và nghiên cứu của Nhà trường. Trường ĐH Quốc tế Sài Gòn khuyến khích cộng đồng trường tham gia các hoạt động phục vụ những người cần sự giúp đỡ.

Nghiên cứu

Triển khai nghiên cứu trong các lĩnh vực khoa học, nghệ thuật, xã hội và nhân văn; khuyến khích cộng đồng trường mở rộng biên giới kiến thức, sáng tạo trong nghiên cứu để tạo ra những ứng dụng mới cũng như giải quyết các vấn đề thực tế của thế giới đương đại.

Bản sắc

Chúng tôi trân trọng di sản và truyền thống của Tập đoàn Giáo dục Quốc tế Á Châu, và kết hợp các giá trị cốt lõi này giữ gìn triết lý giáo dục và bản sắc của Trường ĐH Quốc tế Sài Gòn. Đồng thời, tôn trọng bản sắc và truyền thống các tổ chức khác, thúc đẩy sự phát triển chung của nhân loại.

Chuẩn chất lượng:

Vận hành theo các tiêu chuẩn chất lượng của Bộ Giáo dục và Đào tạo và tiêu chuẩn quốc tế.

c) Cơ cấu tổ chức của Trường ĐH Quốc tế Sài Gòn



Bảng 1.1. Danh sách cán bộ lãnh đạo chủ chốt của Trường ĐH Quốc tế Sài Gòn

Stt	Các đơn vị (bộ phận)	Họ và tên	Chức danh, học vị, chức vụ	E-mail
1.	Hội đồng quản trị	Nguyễn Lê Thanh Trúc	Cử nhân Chủ tịch Hội đồng quản trị	nguyenlethanhtruc@siu.edu.vn
2.	VP HĐQT	Trần Thị Lan Chi	ThS Thư ký HĐQT	chitran@siu.edu.vn
3.	Ban giám hiệu	Trần Xuân Định	TS Hiệu trưởng	chancellor@siu.edu.vn
4.	Phó Hiệu trưởng	Trương Mạnh Tiến	PGS.TS.	truongmanhtien@siu.edu.vn
5.	Phó Hiệu trưởng thường trực	Văn Thị Thiên Hà	ThS	vanthithienha@siu.edu.vn
6.	Công đoàn	Nguyễn Thị Trung Thủy	ThS Chủ tịch công đoàn	nguyenthitrongthuy@siu.edu.vn

Stt	Các đơn vị (bộ phận)	Họ và tên	Chức danh, học vị, chức vụ	E-mail
7.	Phòng Đào tạo	Trương Mạnh Tiến	PGS.TS. Trưởng phòng	truongmanhtien@siu.edu.vn
8.	Phòng Tài chính – Nhân sự	Phạm Bảo Châu	Cử nhân Trưởng phòng	phambaochau@siu.edu.vn
9.	Phòng Tuyển sinh & CTSV	Cao Quảng Tư	ThS Trưởng phòng	caoquangtu@siu.edu.vn
10.	Phòng HC-DVSV	Nguyễn Thị Trung Thủy	ThS Trưởng phòng	nguyenthitrungthuy@siu.edu.vn
11.	Phòng Khảo thí & ĐBCL	Jose Rewel Santural	TS Trưởng phòng	coordinator@siu.edu.vn
12.	Phòng Khoa học & Hợp tác quốc tế	Nguyễn Tất Viễn	PGS.TS. Trưởng phòng	nguyentatvien@siu.edu.vn
13.	Khoa Kinh doanh & Luật	Phạm Quý Ty	TS Trưởng khoa	phamquyty@siu.edu.vn
14.	Khoa Ngoại ngữ	Migyu Kang	TS Trưởng khoa	migyukang@siu.edu.vn
15.	Khoa Công nghệ thông tin	Nguyễn Chí Hiệp	TS Trưởng khoa	nguyenchihiiep@siu.edu.vn

d) CTĐT: Hiện nay Trường ĐH Quốc tế Sài Gòn có 03 Khoa, 11 CTĐT thuộc 4 ngành của các trình độ SDH, đại học.

Bảng 1.2. Bảng tóm tắt chương trình đào tạo

Khoa/viện đào tạo	Đại học		Sau đại học		Khác (ghi rõ)	
	Số CTĐT	Số sinh viên	Số CTĐT	Số người học	Số CTĐT	Số người học
Kinh doanh & Luật	7	454	1	11		
Công nghệ thông tin	2	13				
Ngoại ngữ	1	147				

2. Bối cảnh triển khai các hoạt động của cơ sở giáo dục

a) Mô tả quy định pháp lý các hoạt động của Trường ĐH Quốc tế Sài Gòn và mức độ ảnh hưởng đến hoạt động của Trường

Trường ĐH Quốc tế Sài Gòn là trường đại học tư thục, được thành lập theo quyết định số 1273/QĐ-TTg ngày 24/9/2007 của Thủ tướng Chính phủ và được giao nhiệm vụ đào tạo trình độ đại học và cao đẳng theo Quyết định số 6588/QĐ-BGDĐT ngày 15/10/2007 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT. Hội đồng quản trị và Hiệu trưởng Trường ĐH Quốc tế Sài Gòn được công nhận bởi Quyết định số 2804/QĐ-UBND ngày 06/7/2018 và Quyết định số 3622/QĐ-UBND ngày 24/8/2018 của UBND TP.HCM.

Trường ĐH Quốc tế Sài Gòn nằm trong hệ thống giáo dục quốc dân của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, chịu sự quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo của Bộ GD&ĐT và các cơ quan quản lý giáo dục theo sự phân công, phân cấp của Chính phủ; đồng thời chịu sự quản lý hành chính theo khu vực trên địa bàn TP.HCM.

Kể từ năm 2007 đến nay, sau 12 năm thành lập và phát triển, Trường ĐH Quốc tế Sài Gòn đã thành lập đầy đủ các phòng, ban, các khoa trực thuộc để thực hiện chức năng nhiệm vụ là ĐT, NCKH và PVCĐ. Nhà trường luôn chú trọng đến công tác ĐBCL giáo dục và nghiêm túc thực hiện chủ trương của Bộ GD&ĐT về công tác ĐBCL và hướng đến KĐCL trường đại học để tìm ra những tồn tại để khắc phục và điều chỉnh, nhằm giúp Trường ngày càng hoàn thiện hơn. Mặt khác, Trường nhận thức được tính cấp thiết và tầm quan trọng của công tác ĐBCL, TĐG và KĐCL trong nước và quốc tế trước xu thế đổi mới, hòa nhập với khu vực và thế giới cũng như yêu cầu công nhận lẫn nhau trong khu vực.

b) Mô tả những thách thức chính mà CSGD gặp phải và kế hoạch của CSGD để khắc phục những thách thức đó

Sự phát triển kinh tế - xã hội trong nước và thế giới đã tác động và ảnh hưởng không nhỏ đến các CSGD nói chung và Trường ĐH Quốc tế Sài Gòn nói riêng. Nhận định những nguy cơ, thách thức sẽ gặp phải, HĐQT, BGH Nhà trường đã đề ra những kế hoạch, giải pháp cụ thể để khắc phục những khó khăn. Cụ thể:

- Yếu tố cạnh tranh thị trường: đó là sự cạnh tranh giữa các CSGD đại học trong nước và quốc tế, giữa CSGD đại học công lập và tư thục, đặc biệt là giữa các CSGD đại học tư thục, CSGD đại học quốc tế trong nước trên địa bàn khu vực TP.HCM. Trước tình hình đó, HĐQT, BGH xác định rõ chất lượng đào tạo là yếu tố then chốt giúp trường phát triển bền vững để cạnh tranh lành mạnh trong thị trường giáo dục. Vì thế, Nhà trường không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo bằng cách luôn đổi mới, cải tiến CTĐT; phương pháp giảng dạy; CSVC; nâng cao năng lực đội ngũ CBQL, CBGV, NV; phát triển NCKH và chuyển giao công nghệ; PVCĐ, đáp ứng sự hài lòng của các bên liên quan. Vấn đề nâng cao chất lượng được Nhà trường vận hành, rà soát và cải tiến liên tục.

- Yếu tố văn hóa - xã hội - kinh tế: đó là những thách thức về vấn đề việc làm cho sinh viên sau tốt nghiệp, nhu cầu tuyển dụng của doanh nghiệp đối với SV tốt nghiệp, những tác động của hội nhập quốc tế và cuộc cách mạng công nghiệp 4.0.

Số lượng lớn SV tốt nghiệp hàng năm tại các CSGD đại học đã tạo nên sự cạnh tranh việc làm gay gắt trong thị trường lao động. Trường ĐH Quốc tế Sài Gòn với mối quan hệ hợp tác mật thiết cùng với rất nhiều công ty Việt Nam và đầu tư nước ngoài đã góp phần mở ra nhiều cơ hội việc làm cho sinh viên. Ngoài ra, với thế mạnh về trình độ tiếng Anh và kỹ năng được trang bị, SV của trường có thể đáp ứng nhu cầu tuyển dụng của doanh nghiệp trong và ngoài nước, hay khởi nghiệp thành công và tạo việc làm cho nhiều người khác. Mặt khác, những tác động của hội nhập quốc tế và cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 đã ảnh hưởng rất lớn đến nền giáo dục trong nước nói chung và Nhà trường nói riêng. HĐQT và

BGH đã xác định rõ định hướng hội nhập quốc tế thông qua việc nâng cao chất lượng hoạt động ĐBCL, KĐCLĐT trong nước và quốc tế. Ngoài ra, Nhà trường triển khai các giải pháp để ứng dụng CNTT trong hoạt động ĐT, NCKH và PVCD, tạo điều kiện cho SV của trường tiếp cận những công nghệ hiện đại, tiên tiến của thế giới trong quá trình học tập và nghiên cứu.

c) Mô tả các điểm mạnh và cơ hội của CSGD và cách mà CSGD tận dụng những điểm mạnh và cơ hội đó.

Trải qua 12 năm hình thành và phát triển, Trường ĐH Quốc tế Sài Gòn đã gặp không ít khó khăn, thách thức, tuy nhiên cũng có những điểm mạnh và cơ hội mà Nhà trường có được.

Điểm mạnh

Trường ĐH Quốc tế Sài Gòn có 03 cơ sở đào tạo tọa lạc tại TP.HCM là trung tâm kinh tế - văn hóa - xã hội của khu vực phía Nam thuận tiện cho hoạt động ĐT, NCKH và PVCD của Nhà trường. Ngoài ra, Trường đã đầu tư xây dựng Khu truyền thống - dã ngoại Trường ĐH Quốc tế Sài Gòn rộng 5ha ở thị xã Long Khánh - tỉnh Đồng Nai, là nơi diễn ra các hoạt động học tập, sinh hoạt mang tính giáo dục truyền thống, giữ gìn văn hóa Việt trong SV.

Trường có hệ thống cơ sở vật chất quy mô, hiện đại không chỉ phục vụ nhu cầu học tập, NCKH mà còn cả nhu cầu văn hóa, nghệ thuật của SV. Việc chú trọng xây dựng các cơ sở học tập, nghiên cứu và sinh hoạt theo tiêu chuẩn quốc tế chính là cách Nhà trường hỗ trợ và thúc đẩy tiềm năng của mỗi SV.

Trường ĐH Quốc tế Sài Gòn có mối quan hệ đối ngoại tốt với các cơ quan, trường ĐH, doanh nghiệp trong và ngoài nước, không chỉ tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động đào tạo mà còn mở ra cơ hội việc làm cho SV của trường sau khi tốt nghiệp.

Chương trình và nội dung đào tạo của trường luôn được nghiên cứu đổi mới đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động trong bối cảnh hội nhập quốc tế. Trường có môi trường giảng dạy, học tập và sinh hoạt theo tiêu chuẩn quốc tế, đặc biệt là môi trường giao tiếp Anh ngữ sống động, tạo điều kiện lý tưởng để SV phát triển khả năng tư duy độc lập, sáng tạo.

Sinh viên của trường năng động, sáng tạo, đóng vai trò trung tâm ở giảng đường, giảng viên Việt Nam và nước ngoài chỉ giữ vai trò tư vấn và hướng dẫn. SV luôn chủ động và hưởng ứng tích cực các hoạt động ngoại khóa, câu lạc bộ, tham gia các dự án học thuật, dự án kết nối cộng đồng, nghiên cứu khoa học và tranh tài trong các cuộc thi trong và ngoài nước.

Đội ngũ CB, GV, NV của trường có chuyên môn, giàu kinh nghiệm và có phẩm chất đạo đức tốt, đáp ứng đầy đủ yêu cầu về bằng cấp và kinh nghiệm theo tiêu chuẩn Việt Nam và quốc tế. Nhà trường luôn mở rộng và đa dạng hóa các hoạt động hợp tác trong nước và quốc tế với các doanh nghiệp, tổ chức nghề nghiệp, trường ĐH, cựu SV, tổ chức chính phủ và phi chính phủ trong các lĩnh vực đào tạo, nghiên cứu và phát triển nguồn nhân lực. Từ đó, đội ngũ GV được nâng cao tính chuyên nghiệp, năng lực giảng dạy và nghiên cứu, SV được học tập, tích lũy kinh nghiệm thực tế, trải nghiệm học tập toàn cầu và tìm kiếm cơ hội công việc.

Là CSGD đại học tư thục nên Trường ĐH Quốc tế Sài Gòn hoàn toàn tự chủ trong việc phân bổ và lập kế hoạch tài chính. Hội đồng quản trị, cũng chính là các nhà sáng lập, quan tâm đầu tư mạnh cho hoạt động và phát triển của Trường.

Điểm tồn tại

Nhà trường chưa phát huy triệt để cơ hội liên kết với các CSGD đại học trong nước và quốc tế.

Hoạt động NCKH của trường chưa mạnh. Nhà trường chưa có nhiều các đề tài NCKH cấp cao, mang tính ứng dụng thực tiễn. Hoạt động NCKH của GV, SV chưa nhiều.

Số lượng SV của trường còn hạn chế và còn tỷ lệ SV chậm tốt nghiệp do điều kiện chuẩn đầu ra.

Nhà trường chưa có ký túc xá riêng biệt cho SV.

Cơ hội

Nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, đặc biệt là vùng kinh tế phía Nam ngày càng tăng để đáp ứng sự phát triển kinh tế xã hội và hội nhập quốc tế.

Xu thế hội nhập thế giới đã thúc đẩy mạnh mẽ việc trao đổi, hợp tác và huy động nguồn lực cho hoạt động ĐT, NCKH và PVCD.

Nhà nước ngày càng quan tâm, chú trọng và có nhiều chính sách cho nền giáo dục nước nhà, đặc biệt là các cơ sở giáo dục đại học.

Chủ trương tự chủ tài chính đối với các cơ sở giáo dục đại học công lập của Nhà nước đã tạo nên thế cân bằng trong chiến lược cạnh tranh giữa các cơ sở giáo dục đại học.

Thách thức

Sự cạnh tranh gay gắt giữa các cơ sở giáo dục đại học trong và ngoài nước.

Thị trường lao động và việc làm cho SV sau khi tốt nghiệp trong điều kiện hội nhập thế giới có nhiều biến động.

Nguồn nhân lực còn nhiều hạn chế về số lượng, năng lực, chuyên môn, ngoại ngữ và CNTT.

Những thay đổi trong chính sách của Bộ GD&ĐT về tuyển sinh hàng năm tác động đến chiến lược phát triển của Nhà trường.

Số lượng SV và nhu cầu ngành nghề của người học luôn tác động đến hoạt động tuyển sinh và hiệu quả đào tạo của trường.

Các giải pháp hạn chế rủi ro và vận dụng những cơ hội

Về tuyển sinh đầu vào: Triển khai kế hoạch truyền thông về các CTĐT và môi trường học tập nhằm thu hút SV đăng ký vào trường; Cải tiến công tác tuyển sinh trình độ đại học, thạc sĩ theo các thông lệ quốc tế.

Về CTĐT: Phát triển các CTĐT theo định hướng ứng dụng, chú trọng thực hành và trang bị kỹ năng cho SV nhằm đáp ứng nhu cầu sử dụng nhân lực của xã hội.

Về PPGD: Ứng dụng CNTT để đổi mới PPGD; Phát triển các chương trình trao đổi giảng viên với các đối tác nước ngoài để học tập, chia sẻ kinh nghiệm giảng dạy;

Tăng cường tập huấn, bồi dưỡng GV về phương pháp giảng dạy đồng thời hướng dẫn SV về các phương pháp học tập chủ động, tích cực, hội nhập quốc tế.

Về đội ngũ giảng viên: Chú trọng nâng cao chất lượng GV có năng lực chuyên môn cao, có trình độ ngoại ngữ và kỹ năng tin học đáp ứng yêu cầu cho hoạt động đào tạo và NCKH.

Về cơ sở vật chất: Tập trung đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị tiên tiến, hiện đại để đáp ứng nhu cầu ĐT, NCKH và PVCĐ.

Về NCKH và hợp tác quốc tế: Tăng cường hoạt động NCKH, tạo điều kiện, cơ chế và chính sách cho CB, GV, NV tham gia NCKH, chuyên giao công nghệ đồng thời khuyến khích SV NCKH; Mở rộng và thiết lập quan hệ hợp tác quốc tế với các đối tác, các tổ chức giáo dục, các trường ĐH nước ngoài, tận dụng mối quan hệ với các đối tác trong nước và quốc tế để triển khai các dự án, các nội dung ghi nhớ về hợp tác ĐT, NCKH đã được ký kết.

Về quản lý đào tạo: Xây dựng phương pháp làm việc theo cơ chế phối hợp, hỗ trợ để đạt mục tiêu chung; Đào tạo, bồi dưỡng và phát triển đội ngũ cán bộ quản lý đào tạo.

Về ĐBCL: Chú trọng xây dựng và vận hành hệ thống ĐBCL bên trong hiệu quả, KĐCL cấp cơ sở giáo dục theo bộ tiêu chuẩn của Bộ GD&ĐT và KĐCL CTĐT theo bộ tiêu chuẩn của Bộ GD&ĐT, tiếp tục tiến trình kiểm định quốc tế IACBE đối với các chuyên ngành thuộc ngành QTKD, triển khai kiểm định quốc tế đối với các chuyên ngành thuộc ngành Khoa học máy tính và ngành Ngôn ngữ Anh để hội nhập khu vực và thế giới.

3. Cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng CSGD (Phụ lục 1)

PHẦN II. TỰ ĐÁNH GIÁ VỀ CHẤT LƯỢNG CƠ SỞ GIÁO DỤC TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUỐC TẾ SÀI GÒN

Tiêu chuẩn 1: Tâm nhìn, sứ mạng và văn hóa

Tiêu chí 1.1: Lãnh đạo CSGD đảm bảo tầm nhìn sứ mạng của CSGD đáp ứng được nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan.

Trường Đại học Quốc tế Sài Gòn được thành lập vào năm 2007 theo Quyết định số 1273/QĐ-TTg ngày 24 tháng 9 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ [H1.01.01.01], [H1.01.01.02]. Nhà trường hoạt động theo Quy chế tổ chức và hoạt động trường đại học tư thục ban hành kèm theo Quyết định số 14/2005/QĐ-TTg ngày 17/01/2005, Quyết định số 61/2009/QĐ-TTg ngày 17/4/2009 thay thế Quyết định số 14/2005/QĐ-TTg, Quyết định số 63/2011/QĐ-TTg ngày 10/11/2011 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế và hoạt động của trường đại học tư thục ban hành kèm theo Quyết định số 61/2009/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ và Quy chế tổ chức và hoạt động Trường Đại học Quốc tế Sài Gòn hiện hành [H1.01.01.03], [H1.01.01.04]. Trường Đại học Quốc tế Sài Gòn đào tạo theo tiêu chuẩn quốc tế trình độ cao đẳng, ĐH và sau ĐH đa ngành, liên thông hệ thống giáo dục đại học Việt Nam và quốc tế; sinh viên có đầy đủ phẩm chất đạo đức, tri thức, sức khỏe, tinh thần dân tộc, có kỹ năng quan hệ xã hội, đáp ứng nhu cầu hội nhập và phát triển của đất nước [H1.01.01.01], [H1.01.01.02]. Nhà trường có chức năng, nhiệm vụ: Đào tạo các chương trình giảng dạy bằng tiếng Việt và tiếng Anh trình độ quốc tế trong các lĩnh vực khoa học - công nghệ, khoa học sức khỏe, khoa học quản lý, kinh tế, giáo dục, xã hội, nghệ thuật và nhân văn; Chủ trương tinh thần Việt Nam, khoa học thế giới; Khẳng định uy tín về chất lượng giáo dục, đào tạo và nghiên cứu để hòa nhập, phục vụ cộng đồng và xuất khẩu giáo dục ra nước ngoài, được quốc tế công nhận [H1.01.01.01], [H1.01.01.02], [H1.01.01.04]. Lần đầu tiên, Nhà trường xác định sứ mạng vào ngày 21/11/2007, đó là: “Sứ mệnh đầu tiên của Trường ĐH Quốc tế Sài Gòn là khuyến khích sinh viên mở rộng tìm hiểu và nghiên cứu kiến thức thuộc các lĩnh vực nghệ thuật, khoa học, xã hội và nhân văn mà các nguồn lực của trường có thể cung cấp. Để theo đuổi mục tiêu này, Trường ĐH Quốc tế Sài Gòn đã lựa chọn áp dụng mô hình giáo dục phát triển của Mỹ vì lợi ích tốt nhất cho sinh viên; Sứ mệnh thứ hai là cung cấp kinh nghiệm học tập cho sinh viên, trong đó kỹ năng tư duy phản biện và khả năng diễn đạt lưu loát được chú trọng nhất. Sinh viên sẽ được rèn luyện kinh nghiệm trong mỗi môn học và mở rộng ra ở lĩnh vực khác. Vì thế, Trường ĐH Quốc tế Sài Gòn luôn tìm cách tạo niềm đam mê học hỏi lâu dài cho mỗi sinh viên; Sứ mệnh thứ ba của Trường ĐH Quốc tế Sài Gòn là khuyến khích việc thảo luận những vấn đề hiện tại mà nền văn hóa và xã hội Việt Nam đang đối mặt. Không những thế, trường còn khuyến khích những buổi thảo luận về xã hội toàn cầu mới mang tính thời sự. Trường ĐH Quốc tế Sài Gòn thực hiện nhiệm vụ này bằng cách liên tục tìm kiếm những buổi thảo luận mang tính học thuật và trao đổi văn hóa với những trường đại học khác cũng như những cộng đồng học thuật trên thế giới. Trường ĐH Quốc tế Sài Gòn luôn hướng tới việc phát triển một tầm nhìn quốc tế có thể mang đến sự nỗ lực và hành động trách nhiệm cho mỗi cá nhân, dựa trên sự nhận biết những giá trị nội tại từ cuộc sống con người và cả cuộc sống của động thực vật trong thiên nhiên. Trường ĐH Quốc tế Sài Gòn khuyến khích tất cả giảng viên, nhân viên và toàn thể sinh viên trường tham gia vào các cuộc thảo luận và nghiên cứu những giải pháp hiệu quả cho những vấn đề trên. Tóm lại, ba mục tiêu đào tạo xuyên suốt của Trường ĐH Quốc tế Sài Gòn bao gồm:

Thứ nhất, khuyến khích sinh viên và giảng viên nỗ lực ở mức độ cao nhất; Thứ hai, cung cấp cho sinh viên những kinh nghiệm về kỹ năng tư duy phản biện và cách diễn đạt ý tưởng một cách logic; Thứ ba, khuyến khích sinh viên thảo luận về các vấn đề xã hội và nghiên cứu những giải pháp hiệu quả cho cả xã hội Việt Nam và thế giới, trong khuôn khổ trách nhiệm của mỗi cá nhân” [H1.01.01.05]. Lần thứ hai, tháng 3 năm 2011, Nhà trường tiến hành rà soát sứ mạng và SM của Nhà trường nhìn chung không thay đổi về nội dung [H1.01.01.06]. Lần thứ ba, tháng 2 năm 2019, TN, SM của Nhà trường được rà soát, cập nhật và bổ sung theo Quyết định số 01/QĐ-HĐQT ngày 25/2/2019 của Chủ tịch HĐQT, đó là: Sứ mạng: “Khuyến khích sinh viên và giảng viên nỗ lực ở mức độ cao nhất; Cung cấp cho sinh viên những kinh nghiệm về kỹ năng tư duy phản biện và cách diễn đạt ý tưởng một cách logic; Khuyến khích sinh viên thảo luận về các vấn đề xã hội và nghiên cứu những giải pháp hiệu quả cho cả xã hội Việt Nam và thế giới, trong khuôn khổ trách nhiệm của mỗi cá nhân” [H1.01.01.07]. Bên cạnh đó, Tầm nhìn của Nhà trường được xác định theo Quyết định số 01/QĐ-HĐQT ngày 25/02/2019 của Chủ tịch Hội đồng quản trị, đó là: “Cung cấp nền giáo dục chất lượng mang tính toàn cầu theo xu hướng hội nhập”. [H1.01.01.07]. Lần thứ tư, đầu năm học 2019-2020, HĐQT Nhà trường quyết định hoàn thiện TLGD, TN, SM, GTCL cho phù hợp tình hình mới của thời đại, với thực tế phát triển của Tập đoàn Giáo dục Quốc Tế Á Châu. Kết quả sau rà soát, điều chỉnh, Tầm nhìn và Sứ mạng của Nhà trường được xác định cụ thể, trong đó Tầm nhìn được xác định là: “Trường ĐH Quốc tế Sài Gòn hướng đến là trường đại học quốc tế hàng đầu Việt Nam theo xu hướng giáo dục toàn cầu”, và Sứ mạng là: “Xây dựng môi trường giáo dục tiên phong, tôn trọng sự khác biệt và đa văn hóa, Trường ĐH Quốc tế Sài Gòn đào tạo ra những lãnh đạo và công dân có ích cho xã hội, đẩy mạnh nghiên cứu gắn liền thực tiễn, rèn luyện năng lực chuyên môn và hun đúc những nguyên tắc đạo đức trong mỗi sinh viên.” [H1.01.01.08].

Trong quá trình xây dựng và rà soát TN, SM, Nhà trường chú trọng việc tham khảo ý kiến của các bên liên quan và đã giao nhiệm vụ cho Phòng KT&ĐBCL chủ trì, triển khai lấy ý kiến của các bên liên quan về TN, SM của Trường [H1.01.01.09]. Phòng KT&ĐBCL xây dựng kế hoạch khảo sát ý kiến của các bên liên quan về TN, SM của Trường và phối hợp với các đơn vị để thực hiện [H1.01.01.10, [H1.01.01.11], [H1.01.01.12]. Phòng KT&ĐBCL xử lý, tổng hợp ý kiến của các bên liên quan về TN, SM của Nhà trường, báo cáo BGH và gửi đến Hội đồng KH&ĐT cùng HĐQT để tham khảo trong quá trình xây dựng, điều chỉnh TN, SM của Trường [H1.01.01.13]. Ngoài ra, HĐQT, BGH Nhà trường và lãnh đạo các đơn vị trong quá trình thông qua TN, SM của Trường đã luôn chú trọng, xem xét ý kiến của các bên liên quan [H1.01.01.14].

Trong quá trình xây dựng TN, SM, Phòng KT&ĐBCL đã tiến hành thu thập, phân tích, tham khảo các văn bản của Chính phủ, chiến lược phát triển kinh tế của TP.HCM và của cả nước [H1.01.01.15], [H1.01.01.16], [H1.01.01.17], [H1.01.01.18], [H1.01.01.19], [H1.01.01.20], [H1.01.01.21]. TN, SM của Nhà trường được xây dựng dựa trên các văn bản về chiến lược phát triển giáo dục, chiến lược phát triển kinh tế của địa phương và của đất nước [H1.01.01.05], H1.01.01.06], [H1.01.01.07], [H1.01.01.08], [H1.01.01.15], [H1.01.01.16], [H1.01.01.17], [H1.01.01.18], [H1.01.01.19], [H1.01.01.20], [H1.01.01.21]. Bên cạnh đó, trong quá trình xây dựng, điều chỉnh TN, SM, Nhà trường luôn căn cứ dựa trên nguồn lực hiện có của Trường cũng như định hướng phát triển của HĐQT nhằm đảm bảo tính khả thi, phù hợp của TN, SM [H1.01.01.22]. Văn bản quy định về TN, SM của Nhà trường được Chủ tịch

HDQT ký thông qua, Hiệu trưởng ký quyết định ban hành và gửi thông báo đến các đơn vị trong trường, phổ biến đến các bên liên quan bên trong và bên ngoài Trường, đăng tải trên website của Trường, truyền thông qua việc gửi email về TN, SM chính thức cũng như gửi brochure bằng đường bưu điện đến các bên liên quan ngoài trường, và niêm yết tại các bảng thông báo, màn hình điện tử đặt ở những nơi dễ nhìn thấy trong khuôn viên của Trường [H1.01.01.23], [H1.01.01.24], [H1.01.01.25], [H1.01.01.26], [H1.01.01.27], [H1.01.01.28], [H1.01.01.29].

Trong nội dung nghị quyết của HDQT, văn bản kết luận các cuộc họp của BGH luôn yêu cầu tất cả các đơn vị trong Trường ngay từ khâu lập kế hoạch các hoạt động phải luôn căn cứ và hướng đến việc đạt được TN, SM đã xác định [H1.01.01.30], [H1.01.01.31], [H1.01.01.32]. Tất cả các hoạt động trong kế hoạch chiến lược, kế hoạch năm học hàng năm của Nhà trường cũng như của các đơn vị luôn được xác định theo TN, SM của Trường [H1.01.01.33], [H1.01.01.34], [H1.01.01.35], [H1.01.01.36]. Nhà trường và các đơn vị áp dụng nhiều hình thức thông báo kế hoạch năm học hàng năm đến đội ngũ CB, GV, NV và SV biết để thực hiện [H1.01.01.37]. Ngoài ra, tại các cuộc họp, BGH Nhà trường luôn quán triệt, yêu cầu các đơn vị tích cực triển khai thực hiện các nội dung hoạt động trong kế hoạch năm học của Trường nhằm đạt được SM, TN của Nhà trường đã xác định [H1.01.01.38].

Tự đánh giá: 6/7

Tiêu chí 1.2. Lãnh đạo CSGD thúc đẩy các giá trị văn hóa phù hợp với tầm nhìn và sứ mạng của CSGD

Trong quá trình phát triển và thực hiện nhiệm vụ đào tạo, Nhà trường xác định triết lý giáo dục và giá trị cốt lõi, làm cơ sở và định hướng cho các hoạt động của Trường [H1.01.02.01], [H1.01.02.02]. Nhà trường thành lập Ban chỉ đạo xây dựng, rà soát TLGD, TN, SM, GTCL có sự phân công cụ thể đối với các đơn vị, đồng thời xây dựng kế hoạch rà soát TLGD, TN, SM, GTCL của nhà trường [H1.01.02.03], [H1.01.02.04]. Triết lý giáo dục của Nhà trường được xác định từ khi Trường ĐH Quốc tế Sài Gòn thành lập, thống nhất theo TLGD của Tập đoàn Giáo dục Quốc Tế Á Châu: “Tâm hồn Việt Nam, giáo dục thế giới” [H1.01.02.01]. TLGD sau nhiều lần rà soát vẫn nhận được sự thống nhất cao của cộng đồng Trường và được bổ sung nội dung giải thích cụ thể [H1.01.02.02], [H1.01.02.07]. Giá trị cốt lõi của Nhà trường được xác định vào lần rà soát TN, SM theo Quyết định số 01/QĐ-HDQT ngày 25/02/2019: “Khuyến khích sinh viên mở rộng tìm hiểu và nghiên cứu kiến thức thuộc các lĩnh vực nghệ thuật, khoa học, xã hội và nhân văn mà các nguồn lực trường có thể cung cấp. Để theo đuổi mục tiêu này, Trường ĐH Quốc tế Sài Gòn đã lựa chọn áp dụng mô hình giáo dục phát triển của Hoa Kỳ vì lợi ích tốt nhất cho sinh viên; Cung cấp kinh nghiệm học tập cho sinh viên, trong đó kỹ năng tư duy phản biện và khả năng diễn đạt lưu loát được chú trọng nhất. Sinh viên được rèn luyện kinh nghiệm trong mỗi môn học và mở rộng ra ở những lĩnh vực khác. Vì thế, Trường ĐH Quốc tế Sài Gòn luôn tìm cách tạo niềm đam mê học hỏi lâu dài cho mỗi sinh viên; Khuyến khích việc thảo luận những vấn đề hiện tại mà nền văn hóa và xã hội Việt Nam đang đối mặt. Không những thế, trường còn khuyến khích những buổi thảo luận về xã hội toàn cầu mới mang tính thời sự. Trường ĐH Quốc tế Sài Gòn thực hiện nhiệm vụ này bằng cách liên tục tìm kiếm những buổi thảo luận mang tính học thuật và trao đổi văn hóa với những trường đại học khác cũng như những cộng đồng học thuật trên thế giới. Trường ĐH Quốc tế Sài Gòn luôn hướng tới việc phát triển một tầm nhìn quốc tế có

thể mang đến sự nỗ lực và hành động trách nhiệm cho mỗi cá nhân, dựa trên sự nhận biết những giá trị nội tại từ cuộc sống con người và cả cuộc sống của động thực vật trong thiên nhiên. Trường ĐH Quốc tế Sài Gòn khuyến khích tất cả giảng viên, nhân viên và toàn thể sinh viên trường tham gia vào các cuộc thảo luận và nghiên cứu những giải pháp hiệu quả cho những vấn đề trên”. [H1.01.02.06]. Giá trị cốt lõi của Nhà trường được rà soát, điều chỉnh mới đây nhất theo Quyết định số 20/QĐ-HĐQT ngày 12/12/2019, đó là: Nhà trường theo đuổi sự xuất sắc về học thuật trong giảng dạy, học tập và nghiên cứu để phục vụ cộng đồng, quốc gia và quốc tế. Học thuật: Trường ĐH Quốc tế Sài Gòn mang đến cho sinh viên kiến thức, kỹ năng và khả năng để theo đuổi cuộc sống với tư cách là công dân toàn cầu; cung cấp cho sinh viên cơ hội phát triển thể chất, tinh thần, cảm xúc, sự hiểu biết xã hội và văn hóa. Nhà trường cung cấp nền giáo dục chuyên nghiệp dựa trên nền tảng học tập tự do đồng thời khuyến khích sinh viên nỗ lực và hành động trách nhiệm với các vấn đề mà xã hội đang đối mặt. Phục vụ cộng đồng: Trường ĐH Quốc tế Sài Gòn cam kết tạo ra một cộng đồng thân thiện, hòa nhập và hợp tác trên nền tảng chú trọng tinh thần tự do và thiện nguyện, bảo vệ quyền lợi và phẩm giá của mỗi cá nhân. Mong muốn đóng góp cho sự phát triển của xã hội, Trường ĐH Quốc tế Sài Gòn tìm hiểu và giải quyết các vấn đề và đáp ứng nhu cầu xã hội trong các lĩnh vực liên quan đến hoạt động giảng dạy và nghiên cứu của nhà trường. Trường ĐH Quốc tế Sài Gòn khuyến khích cộng đồng trường tham gia các hoạt động phục vụ những người cần sự giúp đỡ. Nghiên cứu: Triển khai nghiên cứu trong các lĩnh vực khoa học, nghệ thuật, xã hội và nhân văn; khuyến khích cộng đồng trường mở rộng biên giới kiến thức, sáng tạo trong nghiên cứu để tạo ra những ứng dụng mới cũng như giải quyết các vấn đề thực tế của thế giới đương đại. Bản sắc: Chúng tôi trân trọng di sản và truyền thống của Tập đoàn Giáo dục Quốc Tế Á Châu, và kết hợp các giá trị cốt lõi này giữ gìn triết lý giáo dục và bản sắc của Trường ĐH Quốc tế Sài Gòn. Đồng thời, tôn trọng bản sắc và truyền thống các tổ chức khác, thúc đẩy sự phát triển chung của nhân loại”. Triết lý giáo dục của Nhà trường được giải thích với ý nghĩa: “Trường ĐH Quốc tế Sài Gòn (Trường ĐH Quốc tế Sài Gòn) hiện là thành viên của các tổ chức quốc tế tiên phong về kiểm định chất lượng giáo dục: Hội đồng kiểm định quốc tế các trường đại học đào tạo ngành Kinh doanh (IACBE) và Hiệp hội phát triển giảng dạy doanh thương bậc đại học (AACSB). Trường ĐH Quốc tế Sài Gòn còn có quan hệ hợp tác với nhiều trường đại học danh tiếng thế giới; Là một cộng đồng đa dạng về tôn giáo, ngôn ngữ, văn hóa và tư duy độc lập, Trường ĐH Quốc tế Sài Gòn đặc biệt tôn trọng sự khác biệt của mỗi cá nhân. Trường ĐH Quốc tế Sài Gòn tin rằng giá trị cốt lõi của học tập là mỗi cá nhân được truyền cảm hứng và được trao cơ hội để phát triển toàn diện năng lực bản thân, chủ động kiến tạo và mở rộng kiến thức để hoàn thành mục tiêu của bản thân. Bên cạnh chương trình đào tạo mang tính chuẩn mực và gắn kết thực tiễn với tri thức tiên tiến của thế giới, Trường ĐH Quốc tế Sài Gòn luôn chú trọng rèn luyện kỹ năng, tạo điều kiện cho sinh viên phát huy năng khiếu, sức sáng tạo với các loại hình câu lạc bộ, sinh hoạt ngoại khóa và cơ hội thực tập đa dạng; Đề hun đúc tinh thần dân tộc, sinh viên Trường ĐH Quốc tế Sài Gòn được giáo dục lễ nghĩa và các giá trị đạo đức truyền thống qua các hoạt động văn hóa phong phú; Trường ĐH Quốc tế Sài Gòn cung cấp cho sinh viên nền tảng kiến thức, kỹ năng và khả năng cống hiến cho ngày mai với tư cách là công dân toàn cầu, đồng thời trân trọng và phát huy di sản truyền thống của Tập đoàn Giáo dục Quốc Tế Á Châu (GAIE) mà Trường ĐH Quốc tế Sài Gòn là thành viên”. [H1.01.02.02]

Trải qua quá trình 12 năm thành lập và phát triển, Nhà trường đã đào tạo nhiều thế hệ SV phát triển toàn diện về kiến thức chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp, phẩm chất cá nhân; đảm nhận tốt công việc trong môi trường quốc tế, đa lĩnh vực, đa văn hóa, phù hợp với triết lý giáo dục, tầm nhìn và sứ mạng của Trường [H1.01.02.08]. Các GTCL của Nhà trường được xác định từ sự tiếp nối và phát huy qua các thế hệ CB, GV, NV và SV nhằm “xây dựng môi trường giáo dục tiên phong, tôn trọng sự khác biệt và đa văn hóa, để đào tạo ra những lãnh đạo và công dân có ích cho xã hội, đẩy mạnh nghiên cứu gắn liền thực tiễn, rèn luyện năng lực chuyên môn và hun đúc những nguyên tắc đạo đức trong mỗi sinh viên” [H1.01.02.02], [H1.01.02.06]. Các GTCL của Nhà trường là sự liên tục, tiếp nối và phát triển các giá trị truyền thống của Tập đoàn Giáo dục Quốc Tế Á Châu với các trường thành viên bao gồm: Trường Quốc tế Á Châu (bậc tiểu học IPS và bậc trung học AHS), Viện Nghiên Cứu Châu Á (IAS) và Trường ĐH Quốc tế Sài Gòn (SIU) [H1.01.02.09], [H1.01.02.10]. Trong quá trình xác định GTCL, HĐQT và BGH Nhà trường luôn chú trọng đến tính kế thừa các giá trị truyền thống, đồng thời tính liên tục của Nhà trường với các trường trong hệ thống [H1.01.02.02], [H1.01.02.06], [H1.01.02.10].

Trong Nghị quyết của HĐQT và kế hoạch hàng năm của BGH Nhà trường luôn có các nội dung chỉ đạo, yêu cầu các đơn vị xây dựng kế hoạch hành động và tích cực triển khai các hoạt động nhằm giữ gìn và phát huy GTCL của Trường [H1.01.02.11]. Trong kế hoạch năm học hàng năm của Nhà trường luôn có các hoạt động nhằm giữ gìn và phát huy GTCL của Trường và phân công cụ thể cho các đơn vị thực hiện [H1.01.02.12]. Tại các cuộc họp đầu năm học và đầu học kỳ, BGH Nhà trường luôn quán triệt các đơn vị triển khai các hoạt động nhằm giữ gìn và phát huy GTCL của Trường được nêu rõ trong kế hoạch năm học [H1.01.02.13]. Bên cạnh đó, BGH Nhà trường yêu cầu lãnh đạo các đơn vị chú trọng đến việc xác định các hoạt động cụ thể trong kế hoạch năm học của đơn vị nhằm góp phần giữ gìn và phát huy GTCL của Trường [H1.01.02.13]. Trong kế hoạch năm học của các đơn vị luôn có các hoạt động cụ thể để góp phần giữ gìn và phát huy GTCL của Trường [H1.01.02.14]. Tại các cuộc họp của các đơn vị, lãnh đạo các đơn vị phổ biến và yêu cầu đội ngũ CB, GV, NV tích cực tham gia các hoạt động nhằm giữ gìn và phát huy GTCL của Trường [H1.01.02.15]. Tại tuần sinh hoạt công dân đầu năm học và đầu khóa học, lãnh đạo các phòng chức năng và các khoa phổ biến, yêu cầu SV tích cực học tập, tham gia các hoạt động nhằm góp phần giữ gìn và phát huy GTCL của Nhà trường [H1.01.02.16]. Ngoài ra, thông qua các kênh truyền thông, Nhà trường luôn đề cập, phổ biến đến các thành viên thuộc cộng đồng trường giữ gìn, phát huy giá trị cốt lõi cũng như thực hiện theo triết lý giáo dục của Trường [H1.01.02.17], [H1.01.02.18], [H1.01.02.19] [H1.01.02.20].

Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 1.3. Tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa của CSGD được phổ biến, quán triệt và giải thích rõ ràng để thực hiện

Nhà trường xác định TLGD, TN, SM, GTCL với sự đồng thuận, thống nhất cao của các bên liên quan bên trong và bên ngoài Trường [H1.01.03.01], [H1.01.03.02], [H1.01.03.03]. Trong Nghị quyết của HĐQT và các kết luận của BGH Nhà trường luôn chú trọng đến công tác truyền thông, phổ biến về TN, SM và GTCL đến các bên liên quan bên trong và bên ngoài Trường [H1.01.03.04]. Nhà trường ban hành kế hoạch truyền thông, phổ biến về TLGD, TN, SM, GTCL đến các bên liên quan bên

trong và bên ngoài Trường đồng thời triển khai để các đơn vị thực hiện [H1.01.03.05]. Đối với các bên liên quan bên trong trường, Phòng KT&ĐBCL kết hợp các đơn vị khác trong Trường thông báo TLGD, TN, SM, GTCL của Trường đến đội ngũ CB, GV, NV thông qua việc phổ biến các kết luận giao ban của BGH Nhà trường [H1.01.03.06], [H1.01.03.07]. Các Khoa phổ biến đến SV về TLGD, TN, SM, GTCL của Trường tại Tuần sinh hoạt công dân đầu năm học và đầu khóa học cũng như tại các hoạt động tập thể do Trường, Khoa tổ chức [H1.01.03.08], [H1.01.03.09]. Đối với các bên liên quan bên ngoài Trường, TLGD, TN, SM, GTCL của Trường được đăng tải trên website của Nhà trường hoặc gửi thư điện tử, brochure để các bên liên quan dễ dàng tiếp cận [H1.01.03.10], [H1.01.03.11]. Bên cạnh đó, TLGD, TN, SM, GTCL của Trường được niêm yết tại các bảng thông báo, màn hình điện tử đặt ở những nơi dễ nhìn thấy trong khuôn viên Nhà trường [H1.01.03.12]. Ngoài ra, TLGD, TN, SM, GTCL của Trường được thể hiện trên các ấn phẩm, brochure, tờ rơi tuyển sinh, các tài liệu phục vụ hội nghị, hội thảo do Trường tổ chức,... [H1.01.03.13], [H1.01.03.14], [H1.01.03.15], [H1.01.03.16].

Tại các cuộc họp, HĐQT và BGH luôn quán triệt lãnh đạo các đơn vị về TLGD, TN, SM, GTCL của Trường cũng như yêu cầu lãnh đạo các đơn vị có trách nhiệm giải thích rõ để các bên liên quan bên trong và bên ngoài Trường hiểu rõ [H1.01.03.17]. Trong nội dung các bài phát biểu của BGH Nhà trường cũng như lãnh đạo các đơn vị luôn lồng ghép nội dung giới thiệu, giải thích về TLGD, TN, SM, GTCL của Trường [H1.01.03.18]. Thông qua các hoạt động tập thể do Nhà trường cũng như các đơn vị tổ chức, BGH và lãnh đạo các đơn vị lồng ghép giới thiệu, quán triệt đến đội ngũ CB, GV, NV, SV về TLGD, TN, SM, GTCL của Trường [H1.01.03.05]. Trong nội dung họp của các đơn vị, lãnh đạo các đơn vị luôn phổ biến, quán triệt để CB, GV, NV của đơn vị hiểu rõ về TLGD, TN, SM, GTCL của Trường [H1.01.03.19]. TLGD, TN, SM, GTCL của Trường đồng thời được thể hiện trong Sổ tay GV, Sổ tay SV [H1.01.03.20], [H1.01.03.21]. Trong nội dung tuần sinh hoạt đầu năm học và đầu khóa học cũng như tại các buổi sinh hoạt lớp, các Khoa giải thích cụ thể về TLGD, TN, SM, GTCL để SV hiểu rõ và góp phần phát huy TLGD, TN, SM, GTCL Nhà trường đã xác định [H1.01.03.08], [H1.01.03.22]. Tại các hội nghị, hội thảo do Trường tổ chức hoặc các đơn vị bên ngoài tổ chức cũng như trong nội dung các ấn phẩm quảng bá, giới thiệu về Trường, BGH Nhà trường và lãnh đạo các đơn vị luôn giải thích rõ và cụ thể về TLGD, TN, SM, GTCL của Trường để các bên liên quan bên ngoài Trường tham gia các hoạt động của Nhà trường nhằm góp phần giữ gìn, phát huy TLGD, TN, SM, GTCL của Trường [H1.01.03.13], [H1.01.03.14], [H1.01.03.15], [H1.01.03.16]. Trong giai đoạn 2015-2019, Nhà trường tổ chức nhiều hoạt động phổ biến, quán triệt và giải thích rõ ràng về TLGD, TN, SM, GTCL của Trường đến các bên liên quan [H1.01.03.22], [H1.01.03.23], [H1.01.03.24].

Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 1.4. Tâm nhìn, sứ mạng và văn hóa của CSGD được rà soát để đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan.

Trong hai lần rà soát, cải tiến TLGD, TN, SM, GTCL gần nhất - năm 2018 và 2019, Nhà trường thành lập Ban rà soát, điều chỉnh TLGD, TN, SM, GTCL nhằm rà soát, đánh giá, điều chỉnh, cải tiến TLGD, TN, SM, GTCL của Trường cho phù hợp với xu thế phát triển của giáo dục đại học và định hướng phát triển của Trường [H1.01.04.01], [H1.01.04.02]. Năm 2019, ngoài Hội đồng KH&ĐT chịu trách nhiệm

xem xét, soạn thảo dự thảo Triết lý giáo dục, Tầm nhìn, Sứ mạng, Giá trị cốt lõi; Ban rà soát, điều chỉnh TLGD, TN, SM, GTCL được thành lập bao gồm 13 thành viên, trong đó Phó Hiệu trưởng thường trực là Trưởng ban, Phó Trưởng phòng KT&ĐBCL là Phó Trưởng ban, Thư ký HĐQT, lãnh đạo các Phòng HC-DVSV, Phòng Đào tạo, Phòng TS&CTSV, Phòng KH&HTQT, Phòng TC-NS là ủy viên thường trực [H1.01.04.01], [H1.01.04.02]. Ban chỉ đạo rà soát, điều chỉnh TLGD, TN, SM, GTCL phân công trách nhiệm cụ thể cho từng thành viên và triển khai thực hiện [H1.01.04.02], [H1.01.04.03].

Phòng KT&ĐBCL xây dựng kế hoạch khảo sát các bên liên quan về TLGD, TN, SM, GTCL của Trường để có cơ sở điều chỉnh TLGD, TN, SM, GTCL của Nhà trường nhằm đáp ứng nhu cầu của các bên liên quan, trình BGH ký ban hành và thông báo đến các đơn vị để tiến hành lấy ý kiến các bên liên quan [H1.01.04.04], [H1.01.04.05]. Đối với CB, GV, NV của Nhà trường, Phòng KT&ĐBCL tiến hành phát phiếu khảo sát hoặc gửi email phần mềm khảo sát ý kiến về TLGD, TN, SM, GTCL của Trường [H1.01.04.06], [H1.01.04.07]. Các Khoa tiến hành phát phiếu khảo sát hoặc gửi email phần mềm khảo sát ý kiến đối với SV về TLGD, TN, SM, GTCL của Trường [H1.01.04.06], [H1.01.04.08]. Đối với cựu SV, Phòng KT&ĐBCL khảo sát về TLGD, TN, SM, GTCL của Trường thông qua hình thức gửi phiếu khảo sát đến địa chỉ email của cựu SV và phỏng vấn qua điện thoại [H1.01.04.09]. Đối với tổ chức/doanh nghiệp hợp tác, Phòng TS&CTSV khảo sát về TLGD, TN, SM, GTCL của Trường thông qua phần mềm khảo sát [H1.01.04.10]. Phòng KT&ĐBCL xử lý dữ liệu khảo sát, phân tích và tổng hợp báo cáo kết quả khảo sát ý kiến các bên liên quan về TLGD, TN, SM, GTCL của Trường [H1.01.04.11]. Kết quả khảo sát được báo cáo BGH, gửi đến Hội đồng KH&ĐT và Ban rà soát, điều chỉnh TLGD, TN, SM, GTCL để sử dụng, tham khảo trong quá trình rà soát, cải tiến TLGD, TN, SM, GTCL của Nhà trường [H1.01.04.11].

Căn cứ kết quả khảo sát của các bên liên quan về TLGD, TN, SM, GTCL của Trường và các ý kiến góp ý thông qua các cuộc họp, Ban rà soát, điều chỉnh TLGD, TN, SM, GTCL xây dựng báo cáo kết quả rà soát về TLGD, TN, SM, GTCL [H1.01.04.11], [H1.01.04.12], [H1.01.04.13]. Trong báo cáo kết quả rà soát về TLGD, TN, SM, GTCL của Trường thể hiện nội dung rà soát, đánh giá về sự phù hợp của TLGD, TN, SM, GTCL cập nhật của Trường với xu thế phát triển và định hướng của Nhà trường trong thời gian tới, đồng thời đề xuất các nội dung cụ thể để điều chỉnh, cải tiến TLGD, TN, SM, GTCL của Nhà trường [H1.01.04.13]. Báo cáo kết quả rà soát về TLGD, TN, SM, GTCL của Nhà trường được báo cáo BGH và sử dụng để điều chỉnh, cải tiến TLGD, TN, SM, GTCL của Trường [H1.01.04.14], [H1.01.04.15]. Căn cứ kết quả khảo sát ý kiến của các bên liên quan, báo cáo kết quả rà soát về TLGD, TN, SM, GTCL của Nhà trường do Ban rà soát, điều chỉnh TLGD, TN, SM, GTCL thực hiện, Nhà trường ban hành quyết định điều chỉnh, bổ sung TLGD, TN, SM, GTCL cho phù hợp với chiến lược phát triển của Nhà trường [H1.01.04.11], [H1.01.04.13], [H1.01.04.14], [H1.01.04.15]. Sau rà soát, điều chỉnh, cập nhật, Nhà trường thông báo rộng rãi TLGD, TN, SM, GTCL đến CB, GV, NV, SV, tổ chức/doanh nghiệp hợp tác, cựu SV bằng văn bản, đăng tải trên website, fanpage, brochure, tờ rơi tuyển sinh, màn hình điện tử trong khuôn viên Nhà trường [H1.01.04.16], [H1.01.04.17], [H1.01.04.18], [H1.01.04.19], [H1.01.04.20], [H1.01.04.21]. Trong giai đoạn 2015-2019, TLGD, TN, SM, GTCL đã được rà soát để đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan [H1.01.04.22], [H1.01.04.23].

Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 1.5. Tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa của CSGD cũng như quá trình xây dựng và phát triển chúng được cải tiến để đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan.

Trước năm 2017, việc rà soát, điều chỉnh, cải tiến TN, SM của Nhà trường được thực hiện dựa trên sự phân công trách nhiệm cụ thể cho Hội đồng KH&ĐT và được thể hiện trong Quyết định giao Hội đồng KH&ĐT xây dựng TLGD, SM Trường ĐH Quốc tế Sài Gòn [H1.01.05.01], [H1.01.05.02], [H1.01.05.03]. Năm 2017, Nhà trường xây dựng quy định, quy trình rà soát, điều chỉnh, cải tiến TLGD, TN, SM và GTCL do Hiệu trưởng ký ban hành [H1.01.05.04]. Quy trình rà soát, điều chỉnh, cải tiến TLGD, TN, SM và GTCL của Nhà trường được thông báo đến các đơn vị để phối hợp thực hiện trong quá trình rà soát, điều chỉnh, cải tiến TN, SM và GTCL của Trường [H1.01.05.04]. Năm 2018 và 2019, nhà trường thành lập Ban chỉ đạo rà soát, điều chỉnh TLGD, TN, SM, GTCL, trong đó Phòng KT&ĐBCL giữ vai trò chính [H1.01.05.05], [H1.01.05.06]. Ban rà soát, điều chỉnh TLGD, TN, SM, GTCL xây dựng kế hoạch về việc rà soát, điều chỉnh TLGD, TN, SM và GTCL của Trường [H1.01.05.05], [H1.01.05.06], [H1.01.05.07]. Phòng KT&ĐBCL phối hợp với các đơn vị khảo sát ý kiến của CB, GV, NV, SV, cựu SV, doanh nghiệp sử dụng lao động về TLGD, TN, SM và GTCL [H1.01.05.08], [H1.01.05.09], [H1.01.05.10], [H1.01.05.11], [H1.01.05.12], [H1.01.05.13]. Phòng KT&ĐBCL tổng hợp ý kiến của các bên liên quan, gửi báo cáo kết quả khảo sát đến Hội đồng KH&ĐT để sử dụng trong quá trình điều chỉnh TLGD, TN, SM và GTCL của Trường [H1.01.05.14].

Căn cứ kết quả rà soát, ý kiến của các bên liên quan về TLGD, TN, SM và GTCL, Hội đồng KH&ĐT và Ban rà soát, điều chỉnh TLGD, TN, SM, GTCL họp để thông qua dự thảo về điều chỉnh, cải tiến TLGD, TN, SM và GTCL của Trường [H1.01.05.14], [H1.01.05.15]. Trên cơ sở thống nhất của HĐQT, BGH dựa trên ý kiến cuộc họp của Hội đồng KH&ĐT và Ban rà soát, điều chỉnh TLGD, TN, SM, GTCL, Chủ tịch HĐQT ký thông qua TLGD, TN, SM và GTCL của trường đã được điều chỉnh, cải tiến và Hiệu trưởng ký quyết định ban hành TLGD, TN, SM và GTCL đã được xác định [H1.01.05.16], [H1.01.05.17], [H1.01.05.18].

Bảng 1.5: So sánh SM, TN của Nhà trường qua các lần điều chỉnh

Nội dung	2007-2011	2011-2018	2018-2019	Từ 2019
Triết lý giáo dục	Tâm hồn Việt Nam, giáo dục thế giới	Tâm hồn Việt Nam, giáo dục thế giới	Tâm hồn Việt Nam, giáo dục thế giới	Tâm hồn Việt Nam, giáo dục thế giới
Sứ mạng	Sứ mệnh đầu tiên của Trường ĐH Quốc tế Sài Gòn là khuyến khích sinh viên mở rộng tìm hiểu và nghiên cứu kiến thức	Sứ mệnh đầu tiên của Trường ĐH Quốc tế Sài Gòn là khuyến khích sinh viên mở rộng tìm hiểu và nghiên cứu kiến thức thuộc các lĩnh	Khuyến khích sinh viên và giảng viên nỗ lực ở mức độ cao nhất; Cung cấp cho sinh viên những kinh nghiệm về kỹ năng tư duy phản biện và cách diễn đạt ý tưởng một	Xây dựng môi trường giáo dục tiên phong, tôn trọng sự khác biệt và đa văn hóa, Trường ĐH Quốc tế Sài Gòn đào tạo ra những lãnh đạo và công dân có ích

	<p>thuộc các lĩnh vực nghệ thuật, khoa học, xã hội và nhân văn mà các nguồn lực của trường có thể cung cấp. Để theo đuổi mục tiêu này, Trường ĐH Quốc tế Sài Gòn đã lựa chọn áp dụng mô hình giáo dục phát triển của Mỹ vì lợi ích tốt nhất cho sinh viên. Sứ mệnh thứ hai là cung cấp kinh nghiệm học tập cho sinh viên, trong đó kỹ năng tư duy phản biện và khả năng diễn đạt lưu loát được chú trọng nhất. Sinh viên sẽ được rèn luyện kinh nghiệm trong mỗi môn học và mở rộng ra ở lĩnh vực khác. Vì thế, Trường ĐH Quốc tế Sài Gòn luôn tìm cách tạo niềm đam mê học hỏi lâu dài cho mỗi sinh viên. Sứ mệnh thứ</p>	<p>vực nghệ thuật, khoa học, xã hội và nhân văn mà các nguồn lực trường có thể cung cấp. Để theo đuổi mục tiêu này, Trường ĐH Quốc tế Sài Gòn đã lựa chọn áp dụng mô hình giáo dục phát triển của Hoa Kỳ vì lợi ích tốt nhất cho sinh viên. Sứ mệnh thứ hai là cung cấp kinh nghiệm học tập cho sinh viên, trong đó kỹ năng tư duy phản biện và khả năng diễn đạt lưu loát được chú trọng nhất. Sinh viên được rèn luyện kinh nghiệm trong mỗi môn học và mở rộng ra ở những lĩnh vực khác. Vì thế, Trường ĐH Quốc tế Sài Gòn luôn tìm cách tạo niềm đam mê học hỏi lâu dài cho mỗi sinh viên. Sứ mệnh thứ ba của Trường ĐH Quốc tế</p>	<p>cách logic; Khuyến khích sinh viên thảo luận về các vấn đề xã hội và nghiên cứu những giải pháp hiệu quả cho cả xã hội Việt Nam và thế giới, trong khuôn khổ trách nhiệm của mỗi cá nhân.</p>	<p>cho xã hội, đầy mạnh nghiên cứu gắn liền thực tiễn, rèn luyện năng lực chuyên môn và hun đúc những nguyên tắc đạo đức trong mỗi sinh viên.</p>
--	--	---	--	---

	<p>ba của Trường ĐH Quốc tế Sài Gòn là khuyến khích việc thảo luận những vấn đề hiện tại mà nền văn hóa và xã hội Việt Nam đang đối mặt. Không những thế, trường còn khuyến khích những buổi thảo luận về xã hội toàn cầu mới mang tính thời sự. Trường ĐH Quốc tế Sài Gòn thực hiện nhiệm vụ này bằng cách liên tục tìm kiếm những buổi thảo luận mang tính học thuật và trao đổi văn hóa với những trường đại học khác cũng như những cộng đồng học thuật trên thế giới. Trường ĐH Quốc tế Sài Gòn luôn hướng tới việc phát triển một tầm nhìn quốc tế có thể mang đến sự nỗ lực và hành động trách nhiệm cho mỗi cá</p>	<p>Sài Gòn là khuyến khích việc thảo luận những vấn đề hiện tại mà nền văn hóa và xã hội Việt Nam đang đối mặt. Không những thế, trường còn khuyến khích những buổi thảo luận về xã hội toàn cầu mới mang tính thời sự. Trường ĐH Quốc tế Sài Gòn thực hiện nhiệm vụ này bằng cách liên tục tìm kiếm những buổi thảo luận mang tính học thuật và trao đổi văn hóa với những trường đại học khác cũng như những cộng đồng học thuật trên thế giới. Trường ĐH Quốc tế Sài Gòn luôn hướng tới việc phát triển một tầm nhìn quốc tế có thể mang đến sự nỗ lực và hành động trách nhiệm cho mỗi cá nhân, dựa trên sự nhận biết những giá trị nội tại từ cuộc</p>		
--	--	---	--	--

	<p>nhân, dựa trên sự nhận biết những giá trị nội tại từ cuộc sống con người và cả cuộc sống của động thực vật trong thiên nhiên. Trường ĐH Quốc tế Sài Gòn khuyến khích tất cả giảng viên, nhân viên và toàn thể sinh viên trường tham gia vào các cuộc thảo luận và nghiên cứu những giải pháp hiệu quả cho những vấn đề trên. Tóm lại, ba mục tiêu đào tạo xuyên suốt của Trường ĐH Quốc tế Sài Gòn bao gồm: Thứ nhất, khuyến khích sinh viên và giảng viên nỗ lực ở mức độ cao nhất; Thứ hai, cung cấp cho sinh viên những kinh nghiệm về kỹ năng tư duy phản biện và cách diễn đạt ý tưởng một cách logic;</p>	<p>sống con người và cả cuộc sống của động thực vật trong thiên nhiên. Trường ĐH Quốc tế Sài Gòn khuyến khích tất cả giảng viên, nhân viên và toàn thể sinh viên trường tham gia vào các cuộc thảo luận và nghiên cứu những giải pháp hiệu quả cho những vấn đề trên. Tóm lại, ba mục tiêu đào tạo xuyên suốt của Trường ĐH Quốc tế Sài Gòn bao gồm: Thứ nhất, khuyến khích sinh viên và giảng viên nỗ lực ở mức độ cao nhất; Thứ hai, cung cấp cho sinh viên những kinh nghiệm về kỹ năng tư duy phản biện và cách diễn đạt ý tưởng một cách logic; Thứ ba, khuyến khích sinh viên thảo luận về các vấn đề xã hội và nghiên cứu những giải</p>		
--	--	---	--	--

	Thứ ba, khuyến khích sinh viên thảo luận về các vấn đề xã hội và nghiên cứu những giải pháp hiệu quả cho cả xã hội Việt Nam và thế giới, trong khuôn khổ trách nhiệm của mỗi cá nhân.	pháp hiệu quả cho cả xã hội Việt Nam và thế giới, trong khuôn khổ trách nhiệm của mỗi cá nhân.		
Tầm nhìn			Cung cấp nền giáo dục chất lượng mang tính toàn cầu theo xu hướng hội nhập.	Trường ĐH Quốc tế Sài Gòn hướng đến là trường đại học quốc tế hàng đầu Việt Nam theo xu hướng giáo dục toàn cầu.
Giá trị cốt lõi			<ul style="list-style-type: none"> - Khuyến khích sinh viên mở rộng tìm hiểu và nghiên cứu kiến thức thuộc các lĩnh vực nghệ thuật, khoa học, xã hội và nhân văn mà các nguồn lực trường có thể cung cấp. Để theo đuổi mục tiêu này, Trường ĐH Quốc tế Sài Gòn đã lựa chọn áp dụng mô hình giáo dục phát triển của Hoa Kỳ vì lợi ích tốt nhất cho sinh viên. - Cung cấp kinh nghiệm học tập cho sinh viên, trong đó kỹ năng 	<p>Nhà trường theo đuổi sự xuất sắc về học thuật trong giảng dạy, học tập và nghiên cứu để phục vụ cộng đồng, quốc gia và quốc tế.</p> <p>Học thuật Trường ĐH Quốc tế Sài Gòn mang đến cho sinh viên kiến thức, kỹ năng và khả năng để theo đuổi cuộc sống với tư cách là công dân toàn cầu; cung cấp cho sinh viên cơ hội phát triển</p>

			<p>tư duy phản biện và khả năng diễn đạt lưu loát được chú trọng nhất. Sinh viên được rèn luyện kinh nghiệm trong mỗi môn học và mở rộng ra ở những lĩnh vực khác. Vì thế, Trường ĐH Quốc tế Sài Gòn luôn tìm cách tạo niềm đam mê học hỏi lâu dài cho mỗi sinh viên.</p> <p>- Khuyến khích việc thảo luận những vấn đề hiện tại mà nền văn hóa và xã hội Việt Nam đang đối mặt. Không những thế, trường còn khuyến khích những buổi thảo luận về xã hội toàn cầu mới mang tính thời sự. Trường ĐH Quốc tế Sài Gòn thực hiện nhiệm vụ này bằng cách liên tục tìm kiếm những buổi thảo luận mang tính học thuật và trao đổi văn hóa với những trường đại học khác cũng như những cộng đồng học thuật trên thế giới. Trường ĐH Quốc tế Sài Gòn luôn hướng tới việc phát triển một tầm nhìn</p>	<p>thể chất, tinh thần, cảm xúc, sự hiểu biết xã hội và văn hóa. Nhà trường cung cấp nền giáo dục chuyên nghiệp dựa trên nền tảng học tập tự do đồng thời khuyến khích sinh viên nỗ lực và hành động trách nhiệm với các vấn đề mà xã hội đang đối mặt.</p> <p>Phục vụ cộng đồng</p> <p>Trường ĐH Quốc tế Sài Gòn cam kết tạo ra một cộng đồng thân thiện, hòa nhập và hợp tác trên nền tảng chú trọng tinh thần tự do và thiện nguyện, bảo vệ quyền lợi và phẩm giá của mỗi cá nhân. Mong muốn đóng góp cho sự phát triển của xã hội, Trường ĐH Quốc tế Sài Gòn tìm hiểu và giải quyết các vấn đề và đáp ứng nhu cầu xã hội trong các lĩnh vực liên quan đến hoạt động giảng dạy và nghiên cứu của nhà trường.</p> <p>Trường ĐH</p>
--	--	--	--	--

			<p>quốc tế có thể mang đến sự nỗ lực và hành động trách nhiệm cho mỗi cá nhân, dựa trên sự nhận biết những giá trị nội tại từ cuộc sống con người và cả cuộc sống của động thực vật trong thiên nhiên. Trường ĐH Quốc tế Sài Gòn khuyến khích tất cả giảng viên, nhân viên và toàn thể sinh viên trường tham gia vào các cuộc thảo luận và nghiên cứu những giải pháp hiệu quả cho những vấn đề trên.</p>	<p>Quốc tế Sài Gòn khuyến khích cộng đồng trường tham gia các hoạt động phục vụ những người cần sự giúp đỡ.</p> <p>Nghiên cứu</p> <p>Triển khai nghiên cứu trong các lĩnh vực khoa học, nghệ thuật, xã hội và nhân văn; khuyến khích cộng đồng trường mở rộng biên giới kiến thức, sáng tạo trong nghiên cứu để tạo ra những ứng dụng mới cũng như giải quyết các vấn đề thực tế của thế giới đương đại.</p> <p>Bản sắc</p> <p>Chúng tôi trân trọng di sản và truyền thống của Tập đoàn Giáo dục Quốc tế Á Châu, và kết hợp các giá trị cốt lõi này giữ gìn triết lý giáo dục và bản sắc của Trường ĐH Quốc tế Sài Gòn. Đồng thời, tôn trọng bản sắc và truyền thống các tổ chức khác, thúc</p>
--	--	--	---	---

				đẩy sự phát triển chung của nhân loại.
--	--	--	--	--

Nhà trường gửi văn bản về TLGD, SM, TN, GTCL đã được điều chỉnh đến các đơn vị để thông báo, phổ biến đến CB, GV, NV, SV, tổ chức/doanh nghiệp hợp tác [H1.01.05.19]. TLGD, SM, TN, GTCL của Nhà trường sau khi được điều chỉnh được đăng tải trên website, fanpage của Trường và niêm yết trên bảng thông báo, màn hình điện tử đặt tại những nơi dễ thấy trong khuôn viên Nhà trường [H1.01.05.20], [H1.01.05.21], [H1.01.05.22], [H1.01.05.23]. Bên cạnh đó, TLGD, SM, TN, GTCL sau khi điều chỉnh được thể hiện trong Sổ tay GV, Sổ tay SV, brochure, tờ rơi tuyển sinh, các ấn phẩm,... của Trường [H1.01.05.24], [H1.01.05.25], [H1.01.05.26], [H1.01.05.27].

So với việc thực hiện rà soát, điều chỉnh, cải tiến TLGD, TN, SM và GTCL của Nhà trường dựa trên sự phân công trách nhiệm cụ thể cho Hội đồng KH&ĐT, Quy định và quy trình rà soát, điều chỉnh, cải tiến TLGD, TN, SM, GTCL được xác định đã thể hiện rõ các bước với các nội dung cần thực hiện trong quá trình rà soát, điều chỉnh, cải tiến TLGD, TN, SM và GTCL của Trường [H1.01.05.04], [H1.01.05.05]. Bên cạnh đó, đính kèm với quy trình rà soát, điều chỉnh, cải tiến TN, SM và GTCL của Trường là các biểu mẫu cụ thể, thống nhất và giúp cho quá trình rà soát, điều chỉnh, cải tiến TLGD, TN, SM và GTCL được thực hiện đồng bộ [H1.01.05.05]. Ngoài ra, trong quy trình rà soát, điều chỉnh, cải tiến TN, SM và GTCL do Nhà trường ban hành thể hiện sự quan tâm triển khai lấy ý kiến các bên liên quan bên trong và bên ngoài Trường về TLGD, TN, SM và GTCL của Trường và yêu cầu sử dụng kết quả khảo sát ý kiến của các bên liên quan trong quá trình điều chỉnh, cải tiến TLGD, TN, SM và GTCL [H1.01.05.05]. Trong giai đoạn 2015-2019, Nhà trường đã thực hiện tốt việc rà soát, điều chỉnh TN, SM, GTCL cũng như quá trình xây dựng và phát triển TN, SM, GTCL của Trường [H1.01.05.17], [H1.01.05.18], [H1.01.05.28], [H1.01.05.29].

Tự đánh giá: 5/7

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 1:

1. Tóm tắt các điểm mạnh:

Nhà trường ban hành văn bản chính thức về TLGD, TN, SM và GTCL của Trường và phổ biến rộng rãi đến các bên liên quan.

Các hình thức phổ biến, tuyên truyền về TLGD, TN, SM và GTCL đến các bên liên quan bên trong và bên ngoài Trường được Nhà trường sử dụng đa dạng, hiệu quả.

HDQT, BGH Nhà trường rất chú trọng đến công tác tuyên truyền, phổ biến về TLGD, TN, SM và GTCL của Trường đến các bên liên quan và tích cực trong việc tuyên truyền, giải thích về TLGD, TN, SM và GTCL đến các bên liên quan bên trong và bên ngoài Trường.

Nội dung TLGD, TN, SM và GTCL của Nhà trường được xác định phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, nguồn lực và định hướng phát triển của Trường; phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của ngành và địa phương cũng như cả nước.

Trong kế hoạch năm học hằng năm của Nhà trường và kế hoạch của các đơn vị luôn có nhiều hoạt động nhằm giữ gìn, phát huy TLGD, TN, SM và GTCL của Trường.

BGH Nhà trường và lãnh đạo các đơn vị tập trung, tích cực tổ chức nhiều hoạt động nhằm giữ gìn, phát huy TLGD, TN, SM và GTCL của Trường.

Các hoạt động tuyên truyền, phổ biến TLGD, TN, SM và GTCL đem lại hiệu quả trong việc giữ gìn, phát huy TLGD, TN, SM và GTCL của Trường.

Nhà trường xây dựng quy định và quy trình rà soát, cải tiến TLGD, TN, SM và GTCL. Từ năm 2018, Nhà trường thành lập Ban rà soát, điều chỉnh TLGD, TN, SM, GTCL nhằm rà soát, đánh giá, điều chỉnh, cải tiến TLGD, TN, SM và GTCL của Trường và phân công trách nhiệm cụ thể cho các thành viên để triển khai thực hiện rà soát, đánh giá, điều chỉnh, cải tiến TLGD, TN, SM và GTCL.

Nhà trường triển khai khảo sát ý kiến của các bên liên quan về TLGD, TN, SM và GTCL của Trường và sử dụng kết quả khảo sát trong quá trình điều chỉnh, cải tiến TLGD, TN, SM và GTCL.

Nhà trường ban hành TLGD, TN, SM và GTCL đã được điều chỉnh và thông báo rộng rãi đến các bên liên quan.

Trong giai đoạn 2015-2019, TLGD, TN, SM và GTCL của Nhà trường được rà soát, điều chỉnh nhằm đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại:

Việc triển khai lấy ý kiến của cựu SV về TLGD, TN, SM và GTCL của Trường còn hạn chế do SV thay đổi địa chỉ email và số điện thoại.

3. Kế hoạch cải tiến:

Từ năm học 2020-2021, Phòng TS&CTSV và các Khoa tăng cường liên hệ với cựu SV để kịp thời cập nhật địa chỉ email và số điện thoại của cựu SV khi có thay đổi để tăng số lượng cựu SV khảo sát ý kiến về TLGD, TN, SM và GTCL của Trường.

4. Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
Tiêu chuẩn 1	5.2
Tiêu chí 1.1	6
Tiêu chí 1.2	5
Tiêu chí 1.3	5
Tiêu chí 1.4	5
Tiêu chí 1.5	5

Tiêu chuẩn 2: Quản trị

Tiêu chí 2.1. Hệ thống quản trị (bao gồm HĐQT hoặc hội đồng trường; các tổ chức đảng, đoàn thể; các hội đồng tư vấn khác) được thành lập theo quy định của pháp luật nhằm thiết lập định hướng chiến lược phù hợp với bối cảnh cụ thể của CSGD; đảm bảo trách nhiệm giải trình, tính bền vững, sự minh bạch và giảm thiểu các rủi ro tiềm tàng trong quá trình quản trị của CSGD

Trường ĐHQTSG được thành lập theo Quyết định số 1273/QĐ-TTg ngày 24/9/2007 của Thủ tướng Chính phủ và hoạt động theo mô hình trường đại học tư thục [H2.02.01.01]. Căn cứ Luật Giáo dục Đại học, Điều lệ trường đại học, Nhà trường đã xác định cơ cấu tổ chức với HĐQT, đoàn thể, các hội đồng tư vấn của Trường [H2.02.01.02], [H2.02.01.03], [H2.02.01.04]. Hội đồng Quản trị của Nhà trường đã trải qua 3 nhiệm kỳ (2007-2012, 2012-2017 và 2018-2023), trong đó nhiệm kỳ 2012-2017 và 2018-2023 được công nhận lần lượt theo Quyết định số 5205/QĐ-UBND ngày 09/10/2012 và 2804/QĐ-UBND ngày 06/7/2018 của Chủ tịch UBND thành phố Hồ Chí Minh [H2.02.01.05], [H2.02.01.08]. Hội đồng Quản trị của Nhà trường nhiệm kỳ 2012-2017 bao gồm 3 thành viên [H2.02.01.07]. Hội đồng Quản trị của Nhà trường nhiệm kỳ 2018-2023 bao gồm 9 thành viên [H2.02.01.08], [H2.02.01.10]. HĐQT Nhà trường ban hành và áp dụng Quy chế hoạt động [H2.02.01.06], [H2.02.01.09]. Từ năm học 2019-2020, Nhà trường đã tiến hành các thủ tục thành lập Chi bộ Đảng, Đoàn TNCS Hồ Chí Minh của Trường [H2.02.01.11], [H2.02.01.13]. Chi bộ Đảng của Nhà trường có 3 Đảng viên [H2.02.01.12]. Đoàn TNCS Hồ Chí Minh Nhà trường có 400 đoàn viên [H2.02.01.14]. Ban điều hành CLB SV được Nhà trường thành lập [H2.02.01.15], [H2.02.01.16]. Công đoàn Nhà trường là đơn vị trực thuộc Liên đoàn Lao động TP.HCM [H2.02.01.17]. Công đoàn Nhà trường hiện có 62 công đoàn viên [H2.02.01.18]. Ngoài ra, Nhà trường thành lập Hội đồng KH&ĐT, Hội đồng ĐBCLGD [H2.02.01.19], [H2.02.01.20].

Để triển khai thực hiện nhiệm vụ theo đúng quy định, HĐQT, Chi bộ, Công đoàn, Đoàn TN và các Hội đồng của Nhà trường đã xây dựng và ban hành Quy chế hoạt động, trong đó có phân công trách nhiệm cụ thể nhằm thực hiện tính giải trình, minh bạch cũng như giảm thiểu các rủi ro trong quá trình thực hiện công việc [H2.02.01.21], [H2.02.01.22], [H2.02.01.23], [H2.02.01.24], [H2.02.01.25]. Nhà trường đã ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động vào năm 2007 và các phiên bản điều chỉnh, sửa đổi vào năm 2017 và 2019 [H2.02.01.26]. Trong Quy chế tổ chức và hoạt động của Nhà trường đồng thời quy định rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của hệ thống quản trị của Trường và thể hiện trách nhiệm giải trình, tính bền vững, sự minh bạch và giảm thiểu các rủi ro tiềm tàng trong quá trình hoạt động [H2.02.01.26].

Căn cứ Luật Giáo dục Đại học, Điều lệ trường đại học, Nhà trường ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động và thông báo đến các đơn vị để thực hiện, đồng thời phổ biến đến CB, GV, NV [H2.02.01.27]. Bên cạnh đó, các phòng chức năng thuộc Trường tham mưu BGH ban hành hệ thống văn bản để tổ chức, quản lý một cách có hiệu quả các hoạt động của Trường và trên cơ sở đó, Nhà trường đã ban hành đầy đủ hệ thống văn bản đối với các lĩnh vực tuyển sinh, đào tạo, NCKH, PVCĐ, CTSV, công tác cán bộ, tài chính, CSVC và trang thiết bị [H2.02.01.28], [H2.02.01.29], [H2.02.01.30], [H2.02.01.31], [H2.02.01.32], [H2.02.01.33], [H2.02.01.34], [H2.02.01.35], [H2.02.01.36], [H2.02.01.37]. Hệ thống văn bản của Nhà trường do Phòng HC&DVSV lưu trữ bản giấy, đồng thời Nhà trường sử dụng phần mềm Edusoft

để lưu trữ văn bản [H2.02.01.38], [H2.02.01.39]. Ngoài ra, văn bản của Nhà trường được đăng tải trên website của Trường và của các đơn vị [H2.02.01.40].

Tự đánh giá: 4/7

Tiêu chí 2.2. Quyết định của các cơ quan quản trị được chuyển tải thành các kế hoạch hành động, chính sách, hướng dẫn để triển khai thực hiện

Hàng năm, HĐQT Nhà trường ban hành các Nghị quyết làm cơ sở định hướng cho tất cả các hoạt động của Trường [H2.02.02.01]. Dựa trên cơ sở các Nghị quyết của HĐQT, các đơn vị tham mưu BGH ban hành hệ thống văn bản để triển khai quản lý các lĩnh vực tuyển sinh, đào tạo, NCKH, PVCĐ, CTSV, công tác cán bộ, tài chính, CSVC và trang thiết bị [H2.02.02.02], [H2.02.02.03], [H2.02.02.04], [H2.02.02.05], [H2.02.02.06], [H2.02.02.07], [H2.02.02.08], [H2.02.02.09]. Bên cạnh đó, Nhà trường ban hành KHCL giai đoạn 2009-2016 tầm nhìn 2020 và KHCL giai đoạn 2017-2025 tầm nhìn 2030 [H2.02.02.10], [H2.02.02.11]. Đồng thời, Nhà trường cụ thể hóa KHCL giai đoạn 2017-2025 thành kế hoạch trung hạn giai đoạn 2017-2020 và kế hoạch năm học hàng năm [H2.02.02.12], [H2.02.02.13]. Căn cứ kế hoạch năm học của Nhà trường, tất cả các đơn vị xây dựng kế hoạch năm học và ban hành hệ thống văn bản nhằm triển khai các hoạt động, trong đó luôn căn cứ vào Nghị quyết HĐQT của Trường [H2.02.02.01], [H2.02.02.14], [H2.02.02.15], [H2.02.02.16], [H2.02.02.17], [H2.02.02.18], [H2.02.02.19], [H2.02.02.20], [H2.02.02.21], [H2.02.02.22].

Các Nghị quyết của HĐQT, KHCL của Nhà trường trong từng giai đoạn, hệ thống văn bản về chính sách, hướng dẫn, kế hoạch của Trường luôn được kịp thời gửi đến các đơn vị thông qua hệ thống email công vụ để triển khai thực hiện, đồng thời gửi đến email cá nhân của CB, GV, NV và SV [H2.02.02.23]. Định kỳ đầu năm học, đầu học kỳ, BGH luôn tổ chức họp giao ban với lãnh đạo các đơn vị để triển khai kế hoạch năm học cũng như kế hoạch của học kỳ [H2.02.02.24]. Bên cạnh đó, BGH tổ chức họp giao ban định kỳ với lãnh đạo các đơn vị để triển khai các công việc cũng như kiểm tra tiến độ đã thực hiện, áp dụng các giải pháp nhằm khắc phục khó khăn trong quá trình thực hiện [H2.02.02.25]. Lãnh đạo các đơn vị trong các cuộc họp với CB, GV, NV luôn quan tâm phổ biến, triển khai kế hoạch và các nội dung công việc theo kế hoạch đã xác định [H2.02.02.26], [H2.02.02.27], [H2.02.02.28], [H2.02.02.29]. Trong giai đoạn 2015-2019, Nhà trường đã triển khai nhiều hoạt động ở tất cả các lĩnh vực, trong đó tập trung ở công tác ĐT, NCKH và PVCĐ [H2.02.02.26], [H2.02.02.27], [H2.02.02.28], [H2.02.02.29]. Nhà trường và các đơn vị cơ bản hoàn thành các chỉ tiêu, các KPIs đã được xác định trong kế hoạch năm học [H2.02.02.30], [H2.02.02.31], [H2.02.02.32], [H2.02.02.33], [H2.02.02.34], [H2.02.02.35].

Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 2.3. Hệ thống quản trị của CSGD được rà soát thường xuyên

Định kỳ hàng năm, Nhà trường tiến hành tổng kết, đánh giá cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị, bộ phận và các văn bản của hệ thống quản trị và được thể hiện trong kế hoạch năm học của Trường [H2.02.03.01], [H2.02.03.02], [H2.02.03.03], [H2.02.03.04]. Bên cạnh đó, hàng năm, Nhà trường ban hành kế hoạch rà soát, đánh giá cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị, bộ phận và các văn bản của hệ thống quản trị, trong đó Phòng HC&DVSV là đơn vị thường trực [H2.02.03.05]. BGH Nhà trường tổ chức họp với lãnh đạo các đơn vị để rà soát, đánh giá cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị, bộ phận và các văn bản của hệ

thông quản trị của Trường và thể hiện trong báo cáo rà soát, đánh giá [H2.02.03.06], [H2.02.03.07]. Ngoài ra, trong các cuộc họp giao ban định kỳ giữa BGH Nhà trường với lãnh đạo các đơn vị luôn có nội dung rà soát cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị, bộ phận và các văn bản của hệ thống quản trị của Trường [H2.02.03.06].

Hàng năm, Phòng HC&DVSV tham mưu BGH phê duyệt báo cáo đánh giá cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị, bộ phận và các văn bản của hệ thống quản trị của Trường, trình và gửi báo cáo HĐQT Nhà trường [H2.02.03.07]. HĐQT Nhà trường họp xem xét, đánh giá hiệu quả của cơ cấu tổ chức của Trường cũng như hệ thống văn bản đã ban hành trong quá trình quản lý [H2.02.03.08]. Trên cơ sở đó, HĐQT Nhà trường ban hành các chính sách cũng như các quyết định về tổ chức, nhân sự [H2.02.03.09], [H2.02.03.10]. Ngoài ra, nội dung rà soát, đánh giá cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị, bộ phận và các văn bản của hệ thống quản trị của Trường đồng thời được thể hiện trong báo cáo tổng kết KHCL giai đoạn 2009-2016 tầm nhìn 2020, báo cáo tổng kết hàng năm của Trường [H2.02.03.11], [H2.02.03.12].

Hàng năm, Nhà trường ban hành kế hoạch và triển khai đánh giá năng lực của CB tham gia hệ thống quản trị của Trường [H2.02.03.13]. Nhà trường phân công Phòng TC-NS là đơn vị thường trực triển khai công tác đánh giá hàng năm của CB, GV, NV nói chung, trong đó có đánh giá năng lực của CB quản lý [H2.02.03.13]. BGH tổ chức họp với các đơn vị để triển khai công tác đánh giá CB, GV, NV hàng năm [H2.02.03.06]. Đội ngũ CB quản lý của Nhà trường thực hiện báo cáo tự đánh giá kết quả thực hiện công việc theo mẫu do Trường ban hành và được lãnh đạo cấp cao hơn xem xét, đánh giá kết quả thực hiện [H2.02.03.14]. Tiếp theo đó, BGH Nhà trường họp với thường trực HĐQT để đánh giá năng lực và kết quả thực hiện công việc của CB quản lý [H2.02.03.08]. Kết quả đánh giá CB quản lý được thông báo đến các đơn vị và là cơ sở để Nhà trường phân công, bổ nhiệm, điều chuyển, đào tạo, bồi dưỡng nhân sự [H2.02.03.09], [H2.02.03.10], [H2.02.03.14]. Bên cạnh đó, hàng năm, BGH tổ chức họp với lãnh đạo các đơn vị để xem xét, đánh giá hệ thống văn bản mà Nhà trường đã ban hành và trên cơ sở đó, ban hành mới các văn bản nhằm nâng cao hiệu quả quản trị của Trường [H2.02.03.15], [H2.02.03.16], [H2.02.03.17], [H2.02.03.18], [H2.02.03.19], [H2.02.03.20], [H2.02.03.21], [H2.02.03.22].

Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 2.4. Hệ thống quản trị của CSGD được cải tiến để tăng hiệu quả hoạt động của CSGD và quản lý rủi ro tốt hơn

Căn cứ kết quả đánh giá cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị, bộ phận và các văn bản của hệ thống quản trị, HĐQT và BGH Nhà trường ban hành các quyết định về tổ chức và nhân sự quản lý nhằm tăng hiệu quả hoạt động và quản lý rủi ro tốt hơn [H2.02.04.01], [H2.02.04.02], [H2.02.04.03], [H2.02.04.04]. Bên cạnh đó, đối chiếu với các yêu cầu về hệ thống quản trị ở trường đại học cũng như các tiêu chuẩn đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục đại học, Nhà trường đã tiến hành các thủ tục thành lập Chi bộ Đảng, Đoàn TNCS Hồ Chí Minh và nộp Quận ủy Quận 2 TP.HCM, Thành đoàn TP.HCM [H2.02.04.05], [H2.02.04.06], [H2.02.04.07], [H2.02.04.08]. Đến nay, Quận ủy Quận 2 TP.HCM, Thành đoàn TP.HCM đang xúc tiến thủ tục cho phép thành lập Chi bộ Đảng và Đoàn TNCS Hồ Chí Minh [H2.02.04.09], [H2.02.04.10]. Ngoài ra, Nhà trường thành lập Hội đồng

KH&ĐT, Hội đồng ĐBCLGD và các hội đồng tư vấn khác nhằm tăng cường công tác tham mưu cho hoạt động quản lý, điều hành của Trường [H2.02.04.11], [H2.02.04.12].

Hàng năm, Nhà trường tổ chức các khóa tập huấn nhằm nâng cao năng lực cho đội ngũ CB quản lý [H2.02.04.13]. Bên cạnh đó, Nhà trường luôn tạo điều kiện và hỗ trợ kinh phí để đội ngũ CB quản lý tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng trong và ngoài nước [H2.02.04.14], [H2.02.04.15], [H2.02.04.16]. Trong giai đoạn 2015-2019, nhiều CB quản lý của Nhà trường đã đạt học vị thạc sĩ [H2.02.04.17].

Căn cứ kết quả rà soát hệ thống văn bản đã ban hành, Nhà trường hủy bỏ nhiều văn bản hết hiệu lực và ban hành mới hệ thống văn bản nhằm phù hợp với các thay đổi trong cơ cấu tổ chức và quản trị [H2.02.04.18], [H2.02.04.19], [H2.02.04.20], [H2.02.04.21], [H2.02.04.22], [H2.02.04.23], [H2.02.04.24], [H2.02.04.25]. Nhà trường đã điều chỉnh, ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động vào năm 2007, năm 2017 và năm 2019, trong đó có những điều chỉnh, bổ sung cụ thể về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các đơn vị trong hệ thống quản trị cũng như CB quản lý [H2.02.01.26]. Bên cạnh đó, Nhà trường điều chỉnh, bổ sung và ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ cho phù hợp với thực tiễn [H2.02.04.15]. Phòng HC-DVSV sử dụng phần mềm quản lý văn bản nhằm nâng cao hiệu quả công tác lưu trữ văn bản của Trường [H2.02.04.27]. Trong báo cáo tổng kết năm học hàng năm của Nhà trường luôn có nội dung đánh giá về hệ thống văn bản và việc ban hành các văn bản mới nhằm phù hợp với các thay đổi trong cơ cấu tổ chức và quản trị của Trường [H2.02.04.02]. Hệ thống văn bản được đăng tải và thường xuyên cập nhật trên website của Trường và của các đơn vị [H2.02.04.28].

Tự đánh giá: 5/7

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 2:

1. Tóm tắt các điểm mạnh:

Hệ thống quản trị của Nhà trường được thiết lập theo quy định của Luật Giáo dục Đại học, Điều lệ trường Đại học và được rà soát, đánh giá hàng năm.

HĐQT, các tổ chức đoàn thể; các hội đồng tư vấn của Nhà trường được thành lập theo đúng quy định và có quy chế hoạt động.

Nhà trường ban hành hệ thống văn bản đầy đủ ở các lĩnh vực nhằm phục vụ công tác quản lý, điều hành, tác nghiệp của Trường.

Hệ thống văn bản của Nhà trường được thông báo kịp thời đến các đơn vị cũng như phổ biến đến CB, GV, NV, SV để triển khai thực hiện.

Các chính sách, hướng dẫn, kế hoạch của Nhà trường và các đơn vị được xây dựng dựa trên sự cụ thể hóa nghị quyết của HĐQT và của các hội đồng tư vấn.

Nhà trường tổ chức triển khai các hoạt động theo chính sách, kế hoạch, hướng dẫn đã ban hành.

Hàng năm, Nhà trường tổ chức rà soát, đánh giá hiệu quả của cơ cấu tổ chức cũng như năng lực của CB quản lý, hệ thống văn bản đã ban hành.

Nhà trường thực hiện báo cáo tổng kết hàng năm về hiệu quả của cơ cấu tổ chức, năng lực của CB quản lý, hiệu lực của hệ thống văn bản đã ban hành.

Kết quả đánh giá hiệu quả của cơ cấu tổ chức và năng lực của CB quản lý là cơ sở để Nhà trường điều chỉnh, cải tiến cơ cấu tổ chức cho phù hợp với thực tiễn cũng như thực hiện công tác bổ nhiệm, miễn nhiệm, luân chuyển các vị trí quản lý.

Hệ thống văn bản của Nhà trường được điều chỉnh, bổ sung, cập nhật để phù hợp với những thay đổi trong hệ thống quản trị và phục vụ hiệu quả công tác quản lý của Trường.

Nhà trường luôn quan tâm tạo điều kiện, hỗ trợ để đội ngũ CB quản lý tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ ở trong và ngoài nước.

Trong giai đoạn 2015-2019, năng lực của đội ngũ CB quản lý của Nhà trường được gia tăng đáng kể và góp phần hiệu quả trong quá trình thực hiện công việc theo chức trách được giao.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại:

Việc rà soát, sắp xếp, điều chỉnh tên gọi của một số đơn vị của Nhà trường chưa được triển khai kịp thời theo Luật sửa đổi một số điều của Luật Giáo dục đại học.

3. Kế hoạch cải tiến:

Từ học kỳ 2 năm học 2019-2020, Nhà trường tiến hành rà soát, sắp xếp, điều chỉnh tên gọi của một số đơn vị cũng như thành lập thêm các đơn vị thuộc Trường theo đúng quy định của Luật sửa đổi một số điều của Luật Giáo dục đại học.

4. Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
Tiêu chuẩn 2	4.75
Tiêu chí 2.1	4
Tiêu chí 2.2	5
Tiêu chí 2.3	5
Tiêu chí 2.4	5

Tiêu chuẩn 3: Lãnh đạo và quản lý

Tiêu chí 3.1. Lãnh đạo CSGD thiết lập cơ cấu quản lý trong đó phân định rõ vai trò, trách nhiệm, quá trình ra quyết định, chế độ thông tin, báo cáo để đạt được TN, SM, văn hóa và các mục tiêu chiến lược của CSGD

Nhà trường xác định cơ cấu tổ chức rõ ràng theo đúng quy định của Luật Giáo dục đại học, Điều lệ trường đại học và phù hợp với chức năng, nhiệm vụ được nêu rõ trong quyết định thành lập Trường [H3.03.01.01], [H3.03.01.02], [H3.03.01.03]. Trong cơ cấu quản lý của Nhà trường hiện có BGH, 6 Phòng, 3 Khoa [H3.03.01.04], [H3.03.01.05]. Nhà trường ban hành KHCL giai đoạn 2009-2016 tầm nhìn 2020 và KHCL giai đoạn 2017-2025 tầm nhìn 2030, trong đó có nội dung về thành lập mới các đơn vị [H3.03.01.06], [H3.03.01.07]. Bên cạnh đó, trong các Nghị quyết của HĐQT luôn có nội dung đề cập đến rà soát và thành lập mới các đơn vị nhằm phục vụ hiệu quả công tác ĐT, NCKH, PVCĐ của Trường [H3.03.01.08]. Trong giai đoạn 2015-2019, căn cứ kế hoạch, định hướng chiến lược phát triển đã được phê duyệt và định hướng của HĐQT, Nhà trường sắp xếp lại từ 5 Phòng thành 6 Phòng, phân công lại chức năng - nhiệm vụ các Phòng và chuyển đổi Khoa Quản trị thành Khoa Kinh doanh và Luật [H3.03.01.05], [H3.03.01.09].

Nhà trường ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động, trong đó quy định rõ chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị dựa trên cơ sở phối hợp thực hiện công việc và tránh chồng chéo trong quá trình thực thi công việc được giao [H3.03.01.10]. Bên cạnh đó, trong Quy chế tổ chức và hoạt động của Nhà trường đồng thời quy định tiêu chuẩn, quyền hạn, trách nhiệm của từng vị trí quản lý trong cơ cấu quản lý của Trường [H3.03.01.10]. Trong Đề án vị trí việc làm, bản mô tả công việc do Nhà trường ban hành có quy định rõ yêu cầu về chuyên môn nghiệp vụ, nội dung công việc của từng vị trí công tác, trong đó có các vị trí quản lý trong cơ cấu quản lý của Trường [H3.03.01.11], [H3.03.01.12]. Đối với từng đơn vị thuộc Trường luôn xây dựng và ban hành bảng phân công nhiệm vụ đối với từng CB, GV, NV của đơn vị và thông báo, phổ biến để tất cả các thành viên biết để thực hiện [H3.03.01.13]. Đối với GV, Nhà trường ban hành Quy chế làm việc của GV, trong đó quy định rõ về quyền lợi, nghĩa vụ của GV phải thực hiện [H3.03.01.14].

Trong cơ cấu quản lý của Nhà trường, điều hành tất cả các hoạt động của Trường là HĐQT hiện có 9 thành viên [H3.03.01.15], [H3.03.01.16], [H3.03.01.17], [H3.03.01.18]. HĐQT của Nhà trường ban hành Quy chế hoạt động, trong đó quy định rõ trách nhiệm của các thành viên [H3.03.01.19], [H3.03.01.20]. Trong Quy chế tổ chức và hoạt động của Nhà trường quy định rõ vai trò, trách nhiệm, thẩm quyền ra quyết định, chế độ thông tin, báo cáo đội ngũ CB quản lý của Trường [H3.03.01.10]. BGH Nhà trường hiện có 3 thành viên [H3.03.01.21]. Hiệu trưởng trực tiếp phụ trách các mặt công tác phối hợp với Thành viên HĐQT đặc trách Hoạt động và Phát triển tổ chức thực hiện các nghị quyết của HĐQT và Đại hội đồng cổ đông: Xây dựng và tổ chức chỉ đạo thực hiện chiến lược phát triển các ngành đào tạo, chiến lược phát triển Nhà trường; Công tác tổ chức, cán bộ; Công tác đào tạo; Công tác kế hoạch, tài chính; Công tác đầu tư, xây dựng cơ sở vật chất; Công tác thanh tra, thi đua, khen thưởng, kỷ luật, chế độ, chính sách; Công tác Đảng; Tham gia giải quyết công việc của các Phó Hiệu trưởng khi có yêu cầu hoặc thấy cần thiết [H3.03.01.22]. Hiệu trưởng trực tiếp phụ trách các đơn vị: Phòng TC-NS; Khoa Công nghệ thông tin; Khoa Kinh doanh & Luật; Khoa Ngoại ngữ [H3.03.01.22]. Phó Hiệu trưởng là người giúp Hiệu trưởng và

Thành viên HĐQT đặc trách Hoạt động và Phát triển trong việc quản lý, điều hành các hoạt động của nhà trường [H3.03.01.22]. Phó Hiệu trưởng trực tiếp phụ trách các mặt công tác: Đào tạo; Khoa học, công nghệ; Hợp tác quốc tế và các công tác cần thiết khác [H3.03.01.22]. Phó Hiệu trưởng trực tiếp phụ trách các đơn vị: Phòng Đào tạo; Phòng KH&HTQT. Phó Hiệu trưởng thường trực trực tiếp phụ trách các mặt công tác: Kiểm định và đảm bảo chất lượng; Công tác sinh viên; Công thông tin; Đoàn thanh niên; Tuyển sinh, Truyền thông và Quan hệ doanh nghiệp và các công tác cần thiết khác [H3.03.01.22]. Phó Hiệu trưởng thường trực trực tiếp phụ trách các đơn vị: Phòng Tuyển sinh, Công tác sinh viên, Truyền thông và Quan hệ doanh nghiệp; Phòng Hành chính & Dịch vụ sinh viên và hỗ trợ Hiệu trưởng phụ trách các Khoa [H3.03.01.22]. Trưởng phòng, Trưởng Khoa, Phó Trưởng phòng, Phó Trưởng Khoa của Nhà trường có trách nhiệm tuân thủ quy chế của ngành giáo dục và đào tạo; thực hiện đúng chỉ đạo của HĐQT, Hiệu trưởng và quy định của Nhà trường; đảm bảo hoàn thành công tác được giao [H3.03.01.10], [H3.03.01.23]. Ngoài ra, trong Quy chế hoạt động của các hội đồng tư vấn của Nhà trường như: Hội đồng KH&ĐT, Hội đồng ĐBCLGD luôn thể hiện rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn trong việc ra quyết định, chế độ thông tin, báo cáo của các thành viên của hội đồng [H3.03.01.24]. [H3.03.01.25], [H3.03.01.26], [H3.03.01.27].

Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 3.2. Lãnh đạo CSGD tham gia vào việc thông tin, kết nối các bên liên quan để định hướng TN, SM văn hóa và các mục tiêu chiến lược của CSGD

Trong các văn bản Nghị quyết của HĐQT luôn có các nội dung chú trọng kết nối, tuyên truyền, định hướng TLGD, TN, SM, GTCL và các mục tiêu chiến lược của Trường [H3.03.02.01]. Bên cạnh đó, trong kế hoạch năm học của Nhà trường luôn có các nội dung cụ thể về việc đẩy mạnh hoạt động kết nối, tuyên truyền, định hướng TLGD, TN, SM, GTCL và các mục tiêu chiến lược của Trường đến các bên liên quan bên trong và bên ngoài [H3.03.02.02]. Trong BGH Nhà trường có phân công 01 Phó Hiệu trưởng phụ trách công tác truyền thông, trong đó có tuyên truyền về TLGD, TN, SM, GTCL và các mục tiêu chiến lược của Trường [H3.03.02.03], [H3.03.02.04]. Bên cạnh đó, tại các cuộc họp giao ban định kỳ, BGH yêu cầu lãnh đạo các đơn vị quan tâm chú trọng xây dựng kế hoạch và tổ chức các hoạt động tuyên truyền TLGD, TN, SM, GTCL và các mục tiêu chiến lược của Trường đến các bên liên quan [H3.03.02.05]. Tại các hội nghị, hội thảo hoặc các đợt sinh hoạt tập thể do Nhà trường tổ chức, BGH Nhà trường thường xuyên phổ biến, tuyên truyền đến các bên liên quan bên trong và bên ngoài Trường về TLGD, TN, SM, GTCL và các mục tiêu chiến lược của Trường [H3.03.02.06]. Bên cạnh đó, tại các hội nghị, hội thảo do các đơn vị bên ngoài Trường tổ chức, BGH Nhà trường luôn chú trọng tăng cường giới thiệu, tuyên truyền về TLGD, TN, SM, GTCL và các mục tiêu chiến lược của Trường đến các bên liên quan [H3.03.02.06]. Ngoài ra, trong nội dung các bài phát biểu, bài trả lời phỏng vấn các cơ quan truyền thông, BGH luôn chú trọng, lồng ghép để giới thiệu, tuyên truyền về TLGD, TN, SM, GTCL và các mục tiêu chiến lược của Nhà trường [H3.03.02.07].

Tại các cuộc họp giao ban định kỳ, Nhà trường thường xuyên quán triệt, giao nhiệm vụ cho các đơn vị xây dựng kế hoạch và tổ chức các hoạt động kết nối, tuyên truyền, định hướng TLGD, TN, SM, GTCL và các mục tiêu chiến lược của Trường đến các bên liên quan bên trong và bên ngoài [H3.03.02.05]. Các đơn vị thuộc Trường

hàng năm đã chủ động và tổ chức nhiều hoạt động kết nối, tuyên truyền, định hướng TLGD, TN, SM, GTCL và các mục tiêu chiến lược của Trường đến các bên liên quan [H3.03.02.08], [H3.03.02.09], [H3.03.02.10], [H3.03.02.11], [H3.03.02.12], [H3.03.02.13], [H3.03.02.14], [H3.03.02.15]. Đối với các bên liên quan bên trong, Nhà trường đã tổ chức nhiều hoạt động tuyên truyền, định hướng TLGD, TN, SM, GTCL [H3.03.02.11], [H3.03.02.12], [H3.03.02.13], [H3.03.02.14], [H3.03.02.15]. Trong nội dung tuần sinh hoạt công dân hàng năm, Nhà trường luôn phổ biến đến SV khóa mới và quán triệt đến SV khóa cũ về TLGD, TN, SM, GTCL và các mục tiêu chiến lược của Trường [H3.03.02.16]. Bên cạnh đó, trong nội dung thu hoạch tuần sinh hoạt công dân đầu năm học và đầu khóa học luôn có các câu hỏi liên quan đến TLGD, TN, SM, GTCL của Trường [H3.03.02.17]. Đối với các bên liên quan bên ngoài, Nhà trường đã tổ chức nhiều hoạt động tuyên truyền, định hướng TLGD, TN, SM, GTCL và các mục tiêu chiến lược của Trường [H3.03.02.06]. Ngoài ra, trong nội dung khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan được thực hiện hàng năm luôn có các nội dung khảo sát về TLGD, TN, SM, GTCL của Trường [H3.03.02.18], [H3.03.02.19], [H3.03.02.20], [H3.03.02.21], [H3.03.02.22], [H3.03.02.23]. Kết quả khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan thể hiện các bên liên quan bên trong và bên ngoài Trường hiểu rõ về TLGD, TN, SM và GTCL của Trường [H3.03.02.24].

Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 3.3. Cơ cấu lãnh đạo và quản lý của CSGD được rà soát thường xuyên

Trong nội dung Nghị quyết của HĐQT Nhà trường hàng năm luôn yêu cầu thực hiện rà soát, đánh giá hiệu quả cơ cấu quản lý của Trường [H3.03.03.01]. Bên cạnh đó, trong kế hoạch năm học hàng năm của Nhà trường có nội dung rà soát, đánh giá hiệu quả cơ cấu quản lý của Trường [H3.03.03.02]. Trong nội dung báo cáo tổng kết KHCL Trường Đại học Quốc tế Sài Gòn giai đoạn 2009-2016, tầm nhìn 2020 có nội dung đánh giá hiệu quả cơ cấu quản lý của Trường [H3.03.03.03]. Hàng năm, trong báo cáo tổng kết của Nhà trường luôn có nội dung rà soát, đánh giá cơ cấu quản lý [H3.03.03.04]. Ngoài ra, trong các cuộc họp giao ban định kỳ, HĐQT, BGH Nhà trường thường xuyên rà soát cơ cấu quản lý với mục đích nhằm phát hiện các hạn chế, tồn tại để từ đó có những điều chỉnh cho phù hợp [H3.03.03.05], [H3.03.03.06]. Trên cơ sở đó, Nhà trường đã thực hiện báo cáo rà soát cơ cấu quản lý giai đoạn 2015-2019, trong đó đánh giá những ưu điểm, tồn tại của cơ cấu quản lý và đồng thời làm cơ sở để điều chỉnh, cải tiến cho phù hợp những quy định của Luật sửa đổi một số điều của Luật Giáo dục đại học [H3.03.03.07], [H3.03.03.08].

Nhà trường phân công Phòng HC&DVSV là đơn vị thường trực triển khai rà soát hệ thống văn bản của Trường [H3.03.03.09], [H3.03.03.10], [H3.03.03.11]. Hàng năm, BGH tổ chức họp với các đơn vị nhằm rà soát hệ thống văn bản quy định về vai trò, chức năng, nhiệm vụ và mối liên hệ giữa các thành phần trong cơ cấu quản lý [H3.03.03.06]. Trên cơ sở đó, Phòng HC&DVSV tham mưu BGH Nhà trường có những điều chỉnh, bổ sung nhằm tránh chồng chéo giữa các đơn vị trong quá trình thực thi công việc, năm 2017 và 2019 Nhà trường đã ban hành văn bản điều chỉnh Quy chế tổ chức và hoạt động [H3.03.03.11]. Đồng thời, Nhà trường tiến hành đánh giá tổng thể và thực hiện báo cáo rà soát các văn bản quy định về vai trò, chức năng, nhiệm vụ và mối liên hệ giữa các thành phần trong cơ cấu quản lý [H3.03.03.12].

Nhà trường phân công Phòng TC-NS là đơn vị thường trực triển khai công tác đánh giá hàng năm của CB, GV, NV nói chung, trong đó có đánh giá năng lực của CB quản lý nói riêng [H3.03.03.11], [H3.03.03.13], [H3.03.03.14]. Hàng năm, Nhà trường ban hành kế hoạch và triển khai đánh giá CB, GV, NV của Trường [H3.03.03.15]. Trên cơ sở đó, các đơn vị triển khai để CB, GV, NV thực hiện báo cáo tự đánh giá kết quả thực hiện công việc theo mẫu do Trường ban hành và lãnh đạo đơn vị đánh giá kết quả đạt được trong năm, tổng hợp kết quả và gửi về Phòng TC-NS để tổng hợp [H3.03.03.15], [H3.03.03.16]. Hàng năm, BGH tổ chức họp với lãnh đạo các đơn vị để xem xét, đánh giá CB, GV, NV của Trường và kết quả đánh giá được thông báo đến CB, GV, NV [H3.03.03.05], [H3.03.03.16]. Đối với CB quản lý, thường trực HĐQT họp với BGH để đánh giá và thông báo kết quả đánh giá đến CB quản lý [H3.03.03.06], [H3.03.03.16].

Nhà trường thông báo đến các đơn vị kế hoạch triển khai thực hiện quy hoạch đội ngũ CB quản lý theo quy định [H3.03.03.17], [H3.03.03.18]. Phòng TC-NS là đơn vị thường trực thực hiện công tác quy hoạch đội ngũ CB quản lý của Trường [H3.03.03.13], [H3.03.03.14]. Căn cứ các văn bản quy định về CB quản lý ở trường ĐH, Phòng TC-NS tham mưu BGH ban hành quy định thực hiện quy hoạch CB quản lý của Nhà trường và triển khai thực hiện [H3.03.03.19]. BGH Nhà trường tổ chức họp với lãnh đạo các đơn vị nhằm thực hiện quy hoạch đội ngũ CB quản lý đối với các chức danh quản lý ở trường ĐH, trong đó xem xét đến khả năng phát triển và mức độ đáp ứng của các cá nhân đối với các vị trí quản lý theo đúng quy định [H3.03.03.05]. Trên cơ sở đó, Phòng TC-NS tổng hợp danh sách quy hoạch, trình xin ý kiến HĐQT thông qua và Hiệu trưởng Nhà trường ký ban hành danh sách quy hoạch CB quản lý của Trường giai đoạn [H3.03.03.06], [H3.03.03.20], [H3.03.03.21].

Tự đánh giá: 4/7

Tiêu chí 3.4. Cơ cấu lãnh đạo và quản lý của CSGD được cải tiến nhằm tăng hiệu quả quản lý và đạt được hiệu quả công việc của CSGD như mong muốn

Căn cứ kết quả rà soát, đánh giá cơ cấu quản lý, BGH Nhà trường tiến hành điều chỉnh, cải tiến cơ cấu quản lý cho phù hợp với thực tiễn và nhằm nâng cao hiệu quả quản lý của Trường [H3.03.04.01], [H3.03.04.02], [H3.03.04.03]. Trong giai đoạn 2015-2019, Nhà trường thành lập mới Phòng KT&ĐBCL [H3.03.04.04]. Bên cạnh đó, Nhà trường tiến hành các thủ tục thành lập Chi bộ Đảng, Đoàn TNCS Hồ Chí Minh [H3.03.04.05], [H3.03.04.07]. Đến nay, Quận ủy Quận 2 TP.HCM, Thành đoàn TP.HCM đang xúc tiến thủ tục cho phép thành lập Chi bộ Đảng và Đoàn TNCS Hồ Chí Minh [H3.03.04.06], [H3.03.04.08]. Ngoài ra, Nhà trường thành lập Hội đồng KH&ĐT, Hội đồng ĐBCLGD và các hội đồng tư vấn khác nhằm tăng cường công tác tham mưu cho hoạt động quản lý, điều hành của Trường [H3.03.04.09], [H3.03.04.10].

Căn cứ kết quả rà soát hệ thống văn bản quy định về vai trò, chức năng, nhiệm vụ và mối liên hệ giữa các thành phần trong cơ cấu quản lý của Trường, dựa trên bảng tổng hợp ý kiến góp ý của các đơn vị do Phòng HC&DVSV thực hiện, BGH Nhà trường tham mưu HĐQT ban hành văn bản điều chỉnh Quy chế tổ chức hoạt động, trong đó có sự điều chỉnh, bổ sung quy định về vai trò, chức năng, nhiệm vụ và mối liên hệ giữa các thành phần trong cơ cấu quản lý [H3.03.04.11]. Bên cạnh đó, trong giai đoạn 2015-2019, Nhà trường ban hành nhiều văn bản điều chỉnh, bổ sung quy định về vai trò, chức năng, nhiệm vụ và mối liên hệ giữa các thành phần trong cơ cấu quản lý cho phù hợp với điều kiện thực tiễn [H3.03.04.12], [H3.03.04.13],

[H3.03.04.14], [H3.03.04.15]. Trong việc phân công trách nhiệm của BGH, lãnh đạo các đơn vị luôn có sự điều chỉnh qua từng năm nhằm nâng cao hiệu quả của công tác quản lý của Trường nói chung và của đơn vị nói riêng [H3.03.04.15].

Công tác cán bộ, đặc biệt là CB quản lý luôn nhận được sự quan tâm của HĐQT, BGH Nhà trường và thể hiện trong nội dung Nghị quyết của HĐQT cũng như kế hoạch năm học của Trường [H3.03.04.16], [H3.03.04.17]. Hàng năm, căn cứ kết quả đánh giá CB, GV, NV và các bằng cấp, chứng chỉ CB, GV, NV đã đạt được, đồng thời dựa trên xu thế phát triển cũng như nhu cầu thực tiễn về công tác nhân sự của Trường, HĐQT, BGH Nhà trường xem xét đến việc điều chỉnh, luân chuyển, bổ nhiệm CB quản lý dựa trên kết quả đánh giá năng lực lãnh đạo, quản lý và hiệu quả công việc [H3.03.04.18], [H3.03.04.19], [H3.03.04.20]. Trong giai đoạn 2015-2019, Nhà trường bổ nhiệm mới nhiều CB quản lý, điều chuyển một số CB quản lý và miễn nhiệm một số CB quản lý [H3.03.04.20], [H3.03.04.21]. Các CB quản lý do Nhà trường bổ nhiệm, bổ nhiệm lại cũng như luân chuyển đã luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao và tập thể được giao phụ trách cũng như các cá nhân CB quản lý được nhận nhiều hình thức khen thưởng các cấp [H3.03.04.22], [H3.03.04.23].

Tự đánh giá: 5/7

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 3:

1. Tóm tắt các điểm mạnh:

Nhà trường xác định cơ cấu quản lý theo đúng Luật Giáo dục đại học, Điều lệ trường ĐH và các quy định của pháp luật.

Trong giai đoạn 2015-2019, Nhà trường thành lập mới 1 đơn vị dựa trên định hướng phát triển của Trường và nhu cầu của hệ thống quản trị.

Nhà trường ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động và hệ thống văn bản quản lý nhằm quy định rõ ràng vai trò, trách nhiệm, chức năng, nhiệm vụ và mối liên hệ giữa các thành phần trong cơ cấu quản lý.

Hệ thống văn bản về nhân sự của Nhà trường xác định rõ vai trò, trách nhiệm, thẩm quyền ra quyết định, chế độ thông tin, báo cáo đối với từng vị trí quản lý và tránh chồng chéo trong công việc.

HĐQT, BGH Nhà trường luôn quan tâm và tích cực tham gia các hoạt động kết nối, tuyên truyền, định hướng tầm nhìn, sứ mạng, giá trị cốt lõi và các mục tiêu chiến lược của Trường đến các bên liên quan.

Nhà trường và các đơn vị tổ chức nhiều hoạt động đa dạng để tăng cường kết nối, tuyên truyền, định hướng tầm nhìn, sứ mạng, giá trị cốt lõi và các mục tiêu chiến lược của Trường đến các bên liên quan.

Các bên liên quan bên trong và bên ngoài Trường qua khảo sát ý kiến thể hiện hiểu biết về tầm nhìn, sứ mạng của Nhà trường.

Nhà trường tiến hành rà soát, đánh giá cơ cấu quản lý và hệ thống văn bản quản lý để từ đó điều chỉnh, cải tiến nhằm nâng cao hiệu quả của công tác quản lý.

Hàng năm, Nhà trường tiến hành đánh giá CB, GV, NV và sử dụng kết quả đánh giá để bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm CB quản lý.

Nhà trường tiến hành điều chỉnh, bổ sung hệ thống văn bản về vai trò, chức năng, nhiệm vụ và mối liên hệ giữa các thành phần trong cơ cấu quản lý nhằm tăng hiệu quả quản lý và đạt được hiệu quả công việc.

Nhà trường thực hiện quy hoạch đội ngũ CB quản lý và quan tâm đầu tư, tạo điều kiện để nhân sự được quy hoạch nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

Các CB quản lý do Nhà trường bổ nhiệm, bổ nhiệm lại cũng như luân chuyển luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao và nhiều cá nhân được nhận các hình thức khen thưởng các cấp.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại:

Trong giai đoạn đánh giá, có những thời điểm một vài đơn vị của Nhà trường còn thiếu trưởng đơn vị và còn các đơn vị sinh hoạt ghép với đơn vị khác.

3. Kế hoạch cải tiến:

Từ năm học 2020-2021 và những năm học tiếp theo, Nhà trường tăng cường công tác rà soát, bồi dưỡng nguồn nhân lực để kịp thời bổ sung đội ngũ CBQL của Trường. Bên cạnh đó, Nhà trường xem xét để tách các đơn vị đủ điều kiện thành đơn vị độc lập nhằm nâng cao hiệu quả quản lý của Trường.

4. Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
Tiêu chuẩn 3	4.75
Tiêu chí 3.1	5
Tiêu chí 3.2	5
Tiêu chí 3.3	4
Tiêu chí 3.4	5

Tiêu chuẩn 4: Quản trị chiến lược

Tiêu chí 4.1. Thực hiện việc lập KHCL nhằm đạt được TN, SM và văn hóa cũng như các mục tiêu chiến lược trong ĐT, NCKH và PVCD

Đầu năm 2009, Nhà trường ban hành KHCL giai đoạn 2009-2016 tầm nhìn 2020 và thông báo đến các đơn vị để triển khai thực hiện [H4.04.01.01], [H4.04.01.02], [H4.04.01.03]. Cuối năm 2016, tham khảo quy trình lập KHCL các trường ĐH của Bộ GD&ĐT, Nhà trường ban hành Quy định về xây dựng, cập nhật kế hoạch chiến lược [H4.04.01.04], [H4.04.01.05]. Đến đầu năm 2017, Nhà trường thành lập Ban chỉ đạo xây dựng KHCL giai đoạn 2017-2025, trong đó Hiệu trưởng làm trưởng ban, Phòng HC&CTSV là đơn vị thường trực, và đại diện của các đơn vị khác thuộc Trường là thành viên [H4.04.01.06]. Ban chỉ đạo xây dựng KHCL giai đoạn 2017-2025 có nhiệm vụ rà soát, đánh giá kết quả thực hiện KHCL giai đoạn 2009-2016 tầm nhìn 2020 và tiến hành xây dựng KHCL giai đoạn 2017-2025 của Nhà trường [H4.04.01.06], [H4.04.01.08]. Ban chỉ đạo xây dựng KHCL giai đoạn 2017-2025 phân công trách nhiệm cụ thể cho các thành viên để tiến hành xây dựng KHCL giai đoạn 2017-2025 tầm nhìn 2030 của Nhà trường [H4.04.01.07], [H4.04.01.08].

Hội đồng quản trị thống nhất với BGH và lãnh đạo các đơn vị về các nội dung cần thực hiện để xây dựng KHCL giai đoạn 2017-2025 tầm nhìn 2030 của Trường [H4.04.01.09]. Trong quá trình xây dựng KHCL giai đoạn 2017-2025, Ban chỉ đạo xây dựng KHCL giai đoạn 2017-2025 tiến hành nghiên cứu, tham khảo chiến lược phát triển của ngành GD&ĐT, chiến lược phát triển kinh tế của TP. Hồ Chí Minh và đặc biệt là bám sát triết lý giáo dục và sứ mạng, chức năng và nhiệm vụ của Nhà trường cũng như kết quả thực hiện kế hoạch chiến lược 2009-2016 [H4.04.01.10], [H4.04.01.11], [H4.04.01.12], [H4.04.01.13], [H4.04.01.14], [H4.04.01.15], [H4.04.01.16], [H4.04.01.17], [H4.04.01.18]. Bên cạnh đó, Nhà trường xây dựng và ban hành KHCL giai đoạn 2017-2025 đối với công tác ĐT, NCKH, ĐBCLGD, nhân sự, CSVC, tài chính của Trường [H4.04.01.19], [H4.04.01.20], [H4.04.01.21], [H4.04.01.22], [H4.04.01.23], [H4.04.01.24].

Trong quá trình xây dựng KHCL giai đoạn 2017-2025, Ban chỉ đạo xây dựng KHCL giai đoạn 2017-2025 luôn tuân thủ định hướng của HĐQT Nhà trường được thể hiện trong nội dung nghị quyết của HĐQT [H4.04.01.25]. Bên cạnh đó, Ban chỉ đạo xây dựng KHCL giai đoạn 2017-2025 chú trọng tiếp thu ý kiến đóng góp của các bên liên quan thông qua việc lấy ý kiến góp ý của các đơn vị về dự thảo KHCL giai đoạn 2017-2025 tầm nhìn 2030, đồng thời trong nội dung hợp của Ban chỉ đạo xây dựng KHCL giai đoạn 2017-2025 luôn chú trọng xem xét, tiếp thu ý kiến góp ý của các bên liên quan về KHCL giai đoạn 2017-2025 tầm nhìn 2030 của Nhà trường trước khi ban hành [H4.04.01.26], [H4.04.01.27], [H4.04.01.28]. Trong KHCL giai đoạn 2017-2025 tầm nhìn 2030 thể hiện đầy đủ các mục tiêu, chỉ tiêu, KPIs đối với từng lĩnh vực, đồng thời đề cập đến các biện pháp quản lý rủi ro trong quá trình triển khai thực hiện [H4.04.01.29]. Căn cứ KHCL giai đoạn 2017-2025 tầm nhìn 2030 đã được phê duyệt, Nhà trường xây dựng và ban hành kế hoạch trung hạn giai đoạn 2017-2020 cũng như kế hoạch từng năm học [H4.04.01.30], [H4.04.01.31]. Nhà trường thông báo KHCL giai đoạn 2017-2025 tầm nhìn 2030 đến các đơn vị để thực hiện và phổ biến đến CB, GV, NV và SV cũng như đăng tải trên website của Trường [H4.04.01.32], [H4.04.01.33], [H4.04.01.34].

Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 4.2. KHCL được quán triệt và chuyển tải thành các kế hoạch ngắn hạn và dài hạn để triển khai thực hiện

Căn cứ KHCL giai đoạn 2009-2016 tầm nhìn 2020, hàng năm, Nhà trường xây dựng kế hoạch năm học nhằm cụ thể hóa KHCL đã ban hành [H4.04.02.01], [H4.04.02.04]. Đặc biệt, căn cứ KHCL giai đoạn 2017-2025 tầm nhìn 2030, Nhà trường ban hành kế hoạch trung hạn giai đoạn 2017-2020 cũng như kế hoạch các năm học hàng năm [H4.04.02.02], [H4.04.02.03], [H4.04.02.04]. Bên cạnh đó, kế hoạch năm học của Nhà trường được xây dựng dựa trên nội dung Nghị quyết của HĐQT [H4.04.02.04], [H4.04.02.05]. Các đơn vị của Nhà trường căn cứ KHCL giai đoạn 2017-2025 tầm nhìn 2030 của Trường và của các lĩnh vực đã ban hành để xây dựng kế hoạch năm học và triển khai thực hiện [H4.04.02.06]. Các đơn vị của Nhà trường xây dựng kế hoạch về ĐT, NCKH, PVCĐ, nhân sự, cơ sở vật chất giai đoạn 2017-2025 [H4.04.02.07], [H4.04.02.08], [H4.04.02.09], [H4.04.02.10], [H4.04.02.11], [H4.04.02.12]. Ngoài ra, các đơn vị của Nhà trường còn xây dựng các kế hoạch hoạt động cụ thể về đào tạo, NCKH, phục vụ cộng đồng, nhân sự, cơ sở vật chất... [H4.04.02.13], [H4.04.02.14], [H4.04.02.15], [H4.04.02.16], [H4.04.02.17], [H4.04.02.18].

Nhà trường gửi KHCL giai đoạn 2009-2016 tầm nhìn 2020, KHCL giai đoạn 2017-2025 tầm nhìn 2030, kế hoạch trung hạn giai đoạn 2017-2020, kế hoạch năm học hàng năm đến địa chỉ email của các đơn vị để triển khai thực hiện và phổ biến đến toàn thể CB, GV, NV, SV biết để thực hiện [H4.04.02.19], [H4.04.02.20], [H4.04.02.21], [H4.04.02.22]. Bên cạnh đó, các đơn vị gửi KHCL, kế hoạch trung hạn, kế hoạch năm học hàng năm đến địa chỉ email công vụ của CB, GV, NV, SV để biết và thực hiện [H4.04.02.22]. Tại các cuộc họp giao ban định kỳ giữa BGH với lãnh đạo các đơn vị, Nhà trường luôn phổ biến, quán triệt các đơn vị tập trung triển khai thực hiện KHCL, kế hoạch trung hạn và kế hoạch năm học của Trường đã ban hành [H4.04.02.23]. Đồng thời, tại các cuộc họp giao ban của các đơn vị, lãnh đạo các đơn vị thường xuyên phổ biến, yêu cầu CB, GV, NV thực hiện kế hoạch năm học của Nhà trường và của đơn vị [H4.04.02.24]. Đối với SV, tại các buổi sinh hoạt lớp, CVHT thông báo, phổ biến kế hoạch của Nhà trường, của Khoa để SV biết và thực hiện [H4.04.02.25]. Ngoài ra, KHCL, kế hoạch trung hạn và kế hoạch năm học của Nhà trường được đăng tải trên website của Trường để các bên liên quan bên ngoài có thể biết [H4.04.02.26].

Hàng năm, Nhà trường dành nguồn kinh phí cho việc tổ chức các hoạt động theo KHCL, kế hoạch trung hạn và kế hoạch năm học đã được phê duyệt [H4.04.02.27]. Trong kế hoạch hàng năm cũng như kế hoạch tổ chức các hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ, Nhà trường luôn có sự phân công các đơn vị thực hiện. Bên cạnh đó, trước khi tổ chức các hoạt động, BGH và lãnh đạo các đơn vị đều tổ chức họp, trong đó phân công cụ thể các đơn vị và các cá nhân đảm nhiệm các công việc nhằm tổ chức thực hiện thành công các hoạt động theo kế hoạch đã ban hành [H4.04.02.28], [H4.04.02.29], [H4.04.02.30], [H4.04.02.31], [H4.04.02.32], [H4.04.02.33]. Trong giai đoạn 2015-2019, Nhà trường và các đơn vị tổ chức nhiều hoạt động đa dạng về ĐT, NCKH và PVCĐ [H4.04.02.34], [H4.04.02.35], [H4.04.02.36], [H4.04.02.37], [H4.04.02.38]. Nhà trường, các đơn vị và các nhân CB, GV, SV của Trường đạt được nhiều hình thức khen thưởng các cấp [H4.04.02.39], [H4.04.02.40].

Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 4.3. Các chỉ số thực hiện chính, các chỉ tiêu phân đầu chính được thiết lập để đo lường mức độ thực hiện các mục tiêu chiến lược của CSGD

Đề đạt được mục tiêu đã đề ra cũng như giảm thiểu các rủi ro trong quá trình thực hiện KHCL và kế hoạch trung hạn, trong KHCL và kế hoạch trung hạn của Nhà trường luôn thể hiện đầy đủ các chỉ số thực hiện chính, các chỉ tiêu phân đầu chính [H4.04.03.01], [H4.04.03.02], [H4.04.03.03]. Bên cạnh đó, trong KHCL, kế hoạch trung hạn của các lĩnh vực và kế hoạch năm học của các đơn vị đồng thời có các chỉ số thực hiện chính, các chỉ tiêu phân đầu chính cụ thể [H4.04.03.04], [H4.04.03.05], [H4.04.03.06], [H4.04.03.07], [H4.04.03.08], [H4.04.03.09], [H4.04.03.10], [H4.04.03.11], [H4.04.03.12], [H4.04.03.13], [H4.04.03.14] [H4.04.03.15], [H4.04.03.16], [H4.04.03.17], [H4.04.03.18], [H4.04.03.19]. Trên cơ sở đó, hàng năm, Nhà trường ban hành các chỉ số thực hiện chính, các chỉ tiêu phân đầu chính đối với các lĩnh vực hoạt động của Trường và thông báo đến các đơn vị để thực hiện [H4.04.03.23].

Nhà trường phân công nhiệm vụ cho Phòng HC&DVSV là đơn vị thường trực triển khai xây dựng các chỉ số thực hiện chính, các chỉ tiêu phân đầu chính từng năm học và trên cơ sở đó thông báo đến các đơn vị đề xuất các chỉ số thực hiện chính, các chỉ tiêu phân đầu chính từng năm học đối với các lĩnh vực được phân công, gửi về Phòng HC&DVSV để tổng hợp [H4.04.03.20], [H4.04.03.21]. Phòng HC&DVSV tổng hợp các chỉ số thực hiện chính, các chỉ tiêu phân đầu chính do các đơn vị đề xuất, thông qua cuộc họp giữa BGH với lãnh đạo các đơn vị, trình Hiệu trưởng ký ban hành và thông báo đến các đơn vị để triển khai thực hiện [H4.04.03.22], [H4.04.03.23], [H4.04.03.24]. Trong quá trình đề xuất và tại cuộc họp giữa BGH với lãnh đạo các đơn vị để thông qua các chỉ số thực hiện chính, các chỉ tiêu phân đầu chính, Nhà trường chú trọng và xem xét tính rõ ràng, đo lường được, tính khả thi, thích hợp, có mốc thời gian thực hiện của các chỉ số thực hiện chính, các chỉ tiêu phân đầu chính [H4.04.03.22]. Các chỉ số thực hiện chính, các chỉ tiêu phân đầu chính của Nhà trường rõ ràng, đo lường được, khả thi, thích hợp, có mốc thời gian thực hiện cụ thể [H4.04.03.23].

Tại các cuộc họp giao ban định kỳ giữa BGH với lãnh đạo các đơn vị đều luôn tiến hành đánh giá, giám sát, rà soát kết quả thực hiện so với các chỉ số thực hiện chính, các chỉ tiêu phân đầu chính đã được ban hành theo quy trình đánh giá KPIs [H4.04.03.22], [H4.04.03.25]. Đối với các đơn vị, tại các cuộc họp của đơn vị, lãnh đạo các đơn vị thường xuyên giám sát kết quả thực hiện công việc của các bộ phận và các cá nhân so với các chỉ số thực hiện chính, các chỉ tiêu phân đầu chính đã được Nhà trường phân công [H4.04.03.26]. Bên cạnh đó, trong báo cáo tổng kết năm học hàng năm của Nhà trường luôn có nội dung đánh giá kết quả thực hiện các chỉ số thực hiện chính, các chỉ tiêu phân đầu chính đã xác định và đặc biệt là mức độ thực hiện các chỉ số thực hiện chính, các chỉ tiêu phân đầu chính so với các mục tiêu chiến lược được nêu trong KHCL của Trường [H4.04.03.27], [H4.04.03.28], [H4.04.03.29], [H4.04.03.30], [H4.04.03.31]. Ngoài ra, tại các cuộc họp của HĐQT luôn giám sát, rà soát, đánh giá mức độ thực hiện các chỉ số thực hiện chính so với các mục tiêu chiến lược của Nhà trường [H4.04.03.32], [H4.04.03.33].

Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 4.4. Quá trình lập KHCL cũng như các chỉ số thực hiện chính, các chỉ tiêu phân đầu chính được cải tiến để đạt được các mục tiêu chiến lược của CSGD

Đối với KHCL giai đoạn 2009-2016 tầm nhìn 2020, Nhà trường thành lập Ban xây dựng KHCL giai đoạn 2009-2016 tầm nhìn 2020 và triển khai xây dựng KHCL giai đoạn 2009-2016 tầm nhìn 2020 của Trường [H4.04.04.01], [H4.04.04.02]. Đến năm 2017, Nhà trường thành lập Ban chỉ đạo xây dựng KHCL giai đoạn 2017-2025 [H4.04.04.03], [H4.04.04.04]. Dựa trên sự tham khảo quy trình lập KHCL các trường ĐH của Bộ GD&ĐT, Ban chỉ đạo xây dựng KHCL giai đoạn 2017-2025 tham mưu BGH ký ban hành Quy định về xây dựng, cập nhật KHCL của Nhà trường, trong đó có thể hiện các bước với các nội dung cụ thể của quy trình xây dựng KHCL [H4.04.04.05], [H4.04.04.06]. Ban rà soát, xây dựng KHCL giai đoạn 2017-2025 họp và trình Hiệu trưởng Nhà trường ký ban hành KHCL giai đoạn 2017-2025 tầm nhìn 2030 [H4.04.04.07], [H4.04.04.08].

Cuối năm 2016, Nhà trường tổng kết thực hiện KHCL giai đoạn 2009-2016 tầm nhìn 2020, trong đó tiến hành đối sánh kết quả đạt được so với các mục tiêu đề từ đó có cơ sở xây dựng KHCL giai đoạn 2017-2025 [H4.04.04.09]. Bên cạnh đó, từ năm học 2017-2018, hàng năm, ngoài việc thực hiện báo cáo tổng kết năm học, Nhà trường thực hiện đối sánh kết quả thực hiện so với các chỉ số thực hiện chính, các chỉ tiêu phân đầu chính đã được xác định cho năm học [H4.04.04.10], [H4.04.04.11], [H4.04.04.12]. Trên cơ sở đó, Nhà trường tiến hành điều chỉnh các chỉ số thực hiện chính, các chỉ tiêu phân đầu chính của năm học sau cho phù hợp với điều kiện thực tiễn cũng như áp dụng các biện pháp nhằm đạt được các chỉ số thực hiện chính, các chỉ tiêu phân đầu chính đã được xác định [H4.04.04.13].

Căn cứ kết quả thực hiện so với các chỉ số thực hiện chính, các chỉ tiêu phân đầu chính của KHCL giai đoạn 2009-2016 tầm nhìn 2020 và trong từng năm học, HĐQT, BGH Nhà trường đã họp để điều chỉnh, xác định các chỉ số thực hiện chính, các chỉ tiêu phân đầu chính trong KHCL giai đoạn 2017-2025 của Trường cho phù hợp với thực tiễn và xu thế phát triển cũng như định hướng của HĐQT [H4.04.04.14], [H4.04.04.15], [H4.04.04.16], [H4.04.04.17], [H4.04.04.18]. Bên cạnh đó, các chỉ số thực hiện chính, các chỉ tiêu phân đầu chính của năm học sau luôn được điều chỉnh cho phù hợp hơn năm học trước [H4.04.04.13], [H4.04.04.19], [H4.04.04.20]. Các KHCL, kế hoạch trung hạn, kế hoạch năm học được Nhà trường gửi đến email của các đơn vị để thông báo, phổ biến đến CB, GV, NV, SV biết và thực hiện, đồng thời đăng tải trên website của Trường và các đơn vị [H4.04.04.21]. Ngoài ra, các chỉ số tài chính trong kế hoạch tài chính hàng năm của Nhà trường luôn có sự điều chỉnh nhằm phục vụ hiệu quả hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ của Trường [H4.04.04.22].

Tự đánh giá: 5/7

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 4:

1. Tóm tắt các điểm mạnh:

Nhà trường thành lập Ban xây dựng KHCL giai đoạn 2009-2016 tầm nhìn 2020 và Ban chỉ đạo xây dựng KHCL giai đoạn 2017-2025 để xây dựng KHCL của Trường.

Nhà trường đã xây dựng và ban hành KHCL giai đoạn 2009-2016 tầm nhìn 2020, KHCL giai đoạn 2017-2025 tầm nhìn 2030.

Căn cứ KHCL đã ban hành, Nhà trường xây dựng và ban hành kế hoạch trung hạn giai đoạn 2017-2020 và kế hoạch năm học hàng năm.

KHCL, kế hoạch trung hạn và kế hoạch năm học của Nhà trường được xây dựng và ban hành nhằm đạt được các mục tiêu về TN, SM, GTCL cũng như các mục tiêu chiến lược trong ĐT, NCKH và PVCD.

Trong KHCL, kế hoạch trung hạn và kế hoạch năm học của Nhà trường luôn thể hiện rõ các KPIs, các chỉ tiêu phấn đấu chính đối với từng lĩnh vực hoạt động của Trường.

Trong KHCL, kế hoạch trung hạn và kế hoạch năm học của Nhà trường luôn có sự phân công cụ thể cho các đơn vị thực hiện, đồng thời có các biện pháp quản lý rủi ro trong quá trình thực hiện.

Nhà trường sử dụng nhiều hình thức khác nhau để thông báo, phổ biến KHCL, kế hoạch trung hạn và kế hoạch năm học đến các bên liên quan bên trong và bên ngoài Trường.

Nhà trường thường xuyên dành nguồn lực để triển khai các hoạt động nhằm đạt được các KPIs, các chỉ tiêu phấn đấu chính đã được xác định trong KHCL, kế hoạch trung hạn và kế hoạch năm học của Trường.

Các KPIs, các chỉ tiêu phấn đấu chính được Nhà trường xác định rõ ràng, đo lường được, khả thi, thích hợp, có mốc thời gian thực hiện.

Nhà trường thường xuyên sử dụng các KPIs, các chỉ tiêu phấn đấu chính để giám sát kết quả thực hiện, đồng thời đối sánh kết quả so với KPIs, các chỉ tiêu phấn đấu chính để từ đó áp dụng các biện pháp cải tiến chất lượng.

Hoạt động giám sát, đánh giá kết quả thực hiện so với các KPIs, các chỉ tiêu phấn đấu chính được Nhà trường thực hiện thường xuyên thông qua các cuộc họp giao ban cũng như qua báo cáo tổng kết năm học.

Nhà trường thực hiện cải tiến quá trình xây dựng KHCL; điều chỉnh, bổ sung KPIs, các chỉ tiêu phấn đấu chính cho phù hợp với điều kiện và xu thế phát triển của Trường.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại :

Hoạt động khảo sát ý kiến các bên liên quan bên ngoài về các KPIs, các chỉ tiêu phấn đấu chính tuy được Nhà trường thực hiện nhưng số lượng còn hạn chế.

3. Kế hoạch cải tiến:

Từ học kỳ 2 năm học 2019-2020 và những năm học tiếp theo, Nhà trường tăng cường khảo sát ý kiến của doanh nghiệp sử dụng lao động về các KPIs, các chỉ tiêu phấn đấu chính của Trường thông qua các hội nghị, hội thảo do Trường tổ chức.

4. Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn	Tự đánh giá
Tiêu chuẩn 4	5
Tiêu chí 4.1	5
Tiêu chí 4.2	5
Tiêu chí 4.3	5
Tiêu chí 4.4	5

Tiêu chuẩn 5: Các chính sách về ĐT, NCKH và PVCĐ

Tiêu chí 5.1. Có hệ thống để xây dựng các chính sách về ĐT, NCKH và PVCĐ

Nhà trường phân công Phòng TS&CTSV đề xuất chính sách về PVCĐ và là đơn vị tổng hợp các chính sách do các Phòng đề xuất [H5.05.01.01], [H5.05.01.02], [H5.05.01.03], [H5.05.01.04]. Bên cạnh đó, Nhà trường phân công Phòng ĐT nghiên cứu, đề xuất chính sách về ĐT, Phòng KH&HTQT nghiên cứu, đề xuất chính sách về NCKH [H5.05.01.05], [H5.05.01.06], [H5.05.01.07], [H5.05.01.08]. Ngoài ra, trong Quy chế tổ chức và hoạt động của Nhà trường có nêu rõ trách nhiệm của các đơn vị trong việc tham mưu BGH Trường ban hành các chính sách về ĐT, NCKH, PVCĐ [H5.05.01.02], [H5.05.01.09].

Phòng HC&DVSV dựa trên cơ sở tham khảo các văn bản hướng dẫn xây dựng chính sách ở trường ĐH, đề xuất dự thảo hướng dẫn xây dựng chính sách của Nhà trường, thông qua cuộc họp giữa BGH với lãnh đạo các đơn vị, trình Hiệu trưởng ký ban hành, [H5.05.01.01], [H5.05.01.10], [H5.05.01.11]. Nhà trường thông báo văn bản hướng dẫn xây dựng chính sách đến các đơn vị để thực hiện [H5.05.01.12]. Bên cạnh đó, Nhà trường tổ chức tập huấn cho các đơn vị về việc xây dựng chính sách và trên cơ sở đó, Phòng TS&CTSV, Phòng ĐT, Phòng KH&HTQT đề xuất các chính sách về ĐT, NCKH, PVCĐ [H5.05.01.13].

Trong quá trình xây dựng, đề xuất các chính sách về ĐT, NCKH và PVCĐ, Phòng ĐT, Phòng KH&HTQT, Phòng TS&CTSV luôn tuân thủ hướng dẫn về xây dựng chính sách của Nhà trường [H5.05.01.11]. Bên cạnh đó, Phòng ĐT, Phòng KH&HTQT, Phòng TS&CTSV tham khảo và tuân thủ các văn bản quy định về chủ trương của Đảng, các yêu cầu quy định của Luật Giáo dục, Luật Giáo dục đại học, Điều lệ trường đại học, các thông tư và hướng dẫn của Bộ GD&ĐT [H5.05.01.14], [H5.05.01.15], [H5.05.01.16], [H5.05.01.17], [H5.05.01.18]. Ngoài ra, các chính sách về ĐT, NCKH và PVCĐ của Nhà trường được xây dựng, đề xuất, ban hành dựa trên sự phù hợp với SM, TN và các mục tiêu chiến lược Nhà trường [H5.05.01.19], [H5.05.01.20], [H5.05.01.21], [H5.05.01.22]. Các chính sách về ĐT, NCKH và PVCĐ của Nhà trường đồng thời được thể hiện trong KHCL, kế hoạch trung hạn của Trường [H5.05.01.23], [H5.05.01.24], [H5.05.01.25].

Nhà trường phân công Phòng KT&ĐBCL là đơn vị chủ trì việc lấy ý kiến của các bên liên quan, trong đó có khảo sát ý kiến của CB, GV, NV, SV về các chính sách về ĐT, NCKH và PVCĐ của Trường [H5.05.01.02], [H5.05.01.26], [H5.05.01.27]. Hàng năm, Phòng KT&ĐBCL phối hợp với các đơn vị để lấy ý kiến của CB, GV, NV, SV về các hoạt động của Nhà trường, trong đó khảo sát ý kiến của CB, GV, NV, SV các chính sách về ĐT, NCKH và PVCĐ của Trường [H5.05.01.28], [H5.05.01.29], [H5.05.01.30], [H5.05.01.31]. Kết quả khảo sát ý kiến của CB, GV, NV, SV về các chính sách ĐT, NCKH và PVCĐ được thông báo đến các đơn vị để có cơ sở điều chỉnh, cải tiến các chính sách ĐT, NCKH và PVCĐ của Trường [H5.05.01.31], [H5.05.01.32]. BGH Nhà trường ban hành các chính sách về ĐT, NCKH và PVCĐ, thông báo đến các đơn vị để triển khai thực hiện [H5.05.01.33], [H5.05.01.34], [H5.05.01.35], [H5.05.01.36], [H5.05.01.37], [H5.05.01.38]. Tại các cuộc họp giữa BGH với lãnh đạo các đơn vị, BGH Nhà trường quán triệt, yêu cầu các đơn vị nghiêm túc thực hiện các chính sách ĐT, NCKH và PVCĐ [H5.05.01.10]. Tại các cuộc họp

giao ban của các đơn vị, lãnh đạo các đơn vị phổ biến đến CB, GV, NV về các chính sách ĐT, NCKH và PVCĐ của Trường [H5.05.01.39]. Đối với SV, các Phòng và các Khoa phổ biến, triển khai các chính sách ĐT, NCKH và PVCĐ của Trường trong nội dung tuần sinh hoạt công dân đầu năm học, đầu khóa học [H5.05.01.40]. CVHT phổ biến đến SV các chính sách ĐT, NCKH và PVCĐ của Trường trong nội dung sinh hoạt lớp [H5.05.01.41]. Ngoài ra, các chính sách về ĐT, NCKH và PVCĐ của Trường được đăng tải trên website Nhà trường và của các đơn vị [H5.05.01.42].

Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 5.2. Quy trình giám sát sự tuân thủ các chính sách được cụ thể hóa bằng văn bản, phổ biến và thực hiện

Nhà trường phân công Phòng TS&CTSV theo dõi, giám sát việc thực hiện chính sách về PVCĐ [H5.05.02.01], [H5.05.02.02], [H5.05.02.03]. Nhà trường phân công Phòng ĐT theo dõi, giám sát việc thực hiện chính sách về ĐT; Phòng KH&HTQT theo dõi, giám sát việc thực hiện chính sách về NCKH [H5.05.02.04], [H5.05.02.05], [H5.05.02.06], [H5.05.02.07]. Bên cạnh đó, Phòng HC&DVSV là đơn vị tổng hợp kết quả theo dõi, giám sát việc thực hiện chính sách của toàn Trường [H5.05.02.08], [H5.05.02.09]. Ngoài ra, trong Quy chế tổ chức và hoạt động của Nhà trường có nêu rõ trách nhiệm của các đơn vị trong việc tham mưu BGH Trường ban hành các chính sách về ĐT, NCKH, PVCĐ [H5.05.02.02].

Trong văn bản hướng dẫn xây dựng chính sách của Nhà trường ban hành có nội dung hướng dẫn thực hiện giám sát sự tuân thủ các chính sách về ĐT, NCKH, PVCĐ [H5.05.02.10]. Theo đó, các đơn vị được phân công có trách nhiệm theo dõi, giám sát sự tuân thủ các chính sách về ĐT, NCKH, PVCĐ trong năm học và báo cáo kết quả thực hiện các chính sách về ĐT, NCKH, PVCĐ trong báo cáo tổng kết năm học của Trường và của các đơn vị [H5.05.02.11], [H5.05.02.12], [H5.05.02.13], [H5.05.02.14], [H5.05.02.15], [H5.05.02.16]. Ngoài ra, Ban Kiểm soát của HĐQT giám sát sự tuân thủ các chính sách về ĐT, NCKH, PVCĐ của Trường [H5.05.02.17], [H5.05.02.18], [H5.05.02.19].

Tại các cuộc họp giữa BGH với lãnh đạo các đơn vị, BGH Nhà trường yêu cầu các đơn vị giám sát sự tuân thủ các chính sách về ĐT, NCKH, PVCĐ [H5.05.02.20]. Các đơn vị báo cáo việc thực hiện các chính sách về ĐT, NCKH, PVCĐ tại các cuộc họp giao ban giữa BGH với lãnh đạo các đơn vị [H5.05.02.20]. Tại các cuộc họp giao ban của các đơn vị, lãnh đạo các đơn vị phổ biến đến CB, GV, NV quy định về việc giám sát sự tuân thủ các chính sách về ĐT, NCKH, PVCĐ của Trường đồng thời lắng nghe các ý kiến phản hồi của CB, GV, NV về các chính sách về ĐT, NCKH, PVCĐ của Trường [H5.05.02.21].

Hàng năm, việc thực hiện các chính sách về ĐT, NCKH, PVCĐ và giám sát sự tuân thủ các chính sách về ĐT, NCKH, PVCĐ của Trường được thể hiện trong báo cáo tổng kết năm học của Trường và của các đơn vị [H5.05.02.12], [H5.05.02.14], [H5.05.02.16]. Bên cạnh đó, kết quả giám sát sự tuân thủ các chính sách về ĐT, NCKH, PVCĐ được thể hiện trong Hội nghị Người lao động hàng năm [H5.05.02.22]. Ngoài ra, các ý kiến của SV tại diễn đàn đối thoại hàng năm giữa lãnh đạo Nhà trường với SV cũng như thông qua các buổi họp lớp thể hiện sự giám sát của SV đối với việc thực hiện các chính sách về ĐT, NCKH, PVCĐ mà Trường đã ban hành [H5.05.02.23], [H5.05.02.24].

Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 5.3. Các chính sách về ĐT, NCKH và PVCĐ được rà soát thường xuyên

Trong văn bản hướng dẫn xây dựng chính sách của Nhà trường ban hành có nội dung quy định hàng năm các đơn vị tiến hành rà soát các chính sách về ĐT, NCKH, PVCĐ do Trường ban hành [H5.05.03.01]. Theo đó, Phòng TS&CTSV rà soát chính sách về PVCĐ; Phòng ĐT rà soát chính sách về ĐT; Phòng KH&HTQT rà soát chính sách về NCKH [H5.05.03.02], [H5.05.03.03], [H5.05.03.04], [H5.05.03.05], [H5.05.03.06], [H5.05.03.07], [H5.05.03.08], [H5.05.03.09]. Bên cạnh đó, tại các cuộc họp giao ban giữa BGH với lãnh đạo các đơn vị, Nhà trường tiến hành rà soát các chính sách về ĐT, NCKH, PVCĐ [H5.05.03.10]. Ngoài ra, việc rà soát các chính sách về ĐT, NCKH, PVCĐ được thực hiện thông qua việc tiếp thu các ý kiến của CB, GV, NV tại các cuộc họp giao ban của các đơn vị, tại Hội nghị Người lao động hàng năm cũng như ý kiến của SV tại diễn đàn đối thoại hàng năm giữa lãnh đạo Nhà trường với SV, tại các cuộc họp lớp [H5.05.03.11], [H5.05.03.12], [H5.05.03.13], [H5.05.03.14]. Ban Kiểm soát của HĐQT giám sát, rà soát các chính sách về ĐT, NCKH, PVCĐ của Trường [H5.05.03.15], [H5.05.03.16], [H5.05.03.17].

Hàng năm, Nhà trường và các đơn vị rà soát các chính sách về ĐT, NCKH, PVCĐ và thể hiện trong báo cáo tổng kết năm học của Trường và của các đơn vị [H5.05.03.18], [H5.05.03.19], [H5.05.03.20], [H5.05.03.21], [H5.05.03.22]. Bên cạnh đó, trong báo cáo tổng kết KHCL giai đoạn 2009-2016 tầm nhìn 2020, Nhà trường đánh giá việc thực hiện và rà soát các chính sách về ĐT, NCKH, PVCĐ [H5.05.03.23]. Trên cơ sở đó, Nhà trường ban hành KHCL giai đoạn 2017-2025 tầm nhìn 2030 trong đó có các chính sách về ĐT, NCKH, PVCĐ [H5.05.03.24]. Ngoài ra, các chính sách về ĐT, NCKH, PVCĐ được cập nhật trong Nghị quyết của HĐQT [H5.05.03.25]. Kết quả khảo sát ý kiến của CB, GV, NV, SV về các chính sách về ĐT, NCKH và PVCĐ hàng năm thể hiện mức độ hài lòng về chính sách về ĐT, NCKH và PVCĐ của Trường [H5.05.03.26], [H5.05.03.27], [H5.05.03.28], [H5.05.03.29].

Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 5.4. Các chính sách về ĐT, NCKH và PVCĐ được cải tiến nhằm tăng hiệu quả hoạt động của CSGD, đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan

Căn cứ kết quả theo dõi, giám sát, rà soát, đánh giá của các bên liên quan về chính sách ĐT, NCKH và PVCĐ, Nhà trường phân công các đơn vị đề xuất cải tiến, điều chỉnh các chính sách về ĐT, NCKH và PVCĐ [H5.05.04.01], [H5.05.04.02], [H5.05.04.03], [H5.05.04.04], [H5.05.04.05], [H5.05.04.06], [H5.05.04.07], [H5.05.04.08], [H5.05.04.09]. Theo đó, Phòng TS&CTSV đề xuất cải tiến chính sách về PVCĐ; Phòng ĐT đề xuất cải tiến chính sách về ĐT; Phòng KH&HTQT đề xuất cải tiến chính sách về NCKH [H5.05.04.10], [H5.05.04.11], [H5.05.04.12], [H5.05.04.13], [H5.05.04.14], [H5.05.04.15], [H5.05.04.16], [H5.05.04.17]. BGH Nhà trường tổ chức họp với lãnh đạo các đơn vị để thông qua các chính sách ĐT, NCKH và PVCĐ được điều chỉnh, cải tiến [H5.05.04.18]. Trong giai đoạn 2015-2019, Nhà trường ban hành nhiều chính sách cải tiến về hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ [H5.05.04.19], [H5.05.04.20], [H5.05.04.21], [H5.05.04.22], [H5.05.04.23],

[H5.05.04.24]. Nhà trường thông báo các chính sách ĐT, NCKH và PVCĐ được điều chỉnh, cải tiến đến các đơn vị để thực hiện [H5.05.04.25].

Nhà trường phân công Phòng KT&ĐBCL là đơn vị chủ trì việc lấy ý kiến của các bên liên quan, trong đó có khảo sát ý kiến của CB, GV, NV, SV về các chính sách về ĐT, NCKH và PVCĐ của Trường [H5.05.04.01], [H5.05.04.02], [H5.05.04.03]. Kết quả khảo sát ý kiến của CB, GV, NV, SV các chính sách về ĐT, NCKH và PVCĐ hàng năm thể hiện mức độ hài lòng về các chính sách ĐT, NCKH và PVCĐ của Trường [H5.05.04.04]. Bên cạnh đó, ý kiến của CB, GV, NV tại Hội nghị Người lao động hàng năm và ý kiến của SV tại diễn đàn đối thoại hàng năm giữa lãnh đạo Nhà trường với SV thể hiện mức độ hài lòng về các chính sách ĐT, NCKH và PVCĐ của Trường [H5.05.04.05], [H5.05.04.06], [H5.05.04.07]. Với việc điều chỉnh, cải tiến các chính sách về ĐT, NCKH và PVCĐ, Nhà trường đã đạt nhiều thành tích và nhận được nhiều hình thức khen thưởng các cấp [H5.05.04.26], [H5.05.04.27].

Tự đánh giá: 5/7

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 5:

1. Tóm tắt các điểm mạnh:

- Nhà trường ban hành văn bản hướng dẫn xây dựng chính sách và phân công cụ thể cho các đơn vị tham mưu, đề xuất để Trường ban hành các chính sách về ĐT, NCKH và PVCĐ của Trường.

- Các chính sách về ĐT, NCKH và PVCĐ của Nhà trường được ban hành dựa trên các quy định và nhằm đạt được SM, TN, mục tiêu chiến lược của Trường.

- Nhà trường phổ biến, triển khai các chính sách về ĐT, NCKH và PVCĐ của Trường và theo dõi, giám sát quá trình thực hiện.

- Đội ngũ CB, GV, NV và SV của Nhà trường hiểu rõ và thực hiện tốt các chính sách về ĐT, NCKH và PVCĐ của Trường ban hành.

- Hàng năm, Nhà trường rà soát, đánh giá việc thực hiện các chính sách về ĐT, NCKH và PVCĐ để có những điều chỉnh, cải tiến cho phù hợp với điều kiện thực tiễn.

- Các đơn vị của Trường nghiêm túc triển khai các chính sách về ĐT, NCKH và PVCĐ của Trường.

- Hàng năm, Nhà trường khảo sát và thu thập ý kiến phản hồi của các bên liên quan về các chính sách về ĐT, NCKH và PVCĐ của Trường.

- Căn cứ kết quả rà soát, đánh giá, Nhà trường ban hành và áp dụng nhiều nội dung điều chỉnh, cải tiến các chính sách về ĐT, NCKH và PVCĐ của Trường và từ đó đạt được nhiều kết quả quan trọng.

- Nhà trường chú trọng đầu tư CSVC, trang thiết bị, tăng cường kinh phí để thực hiện các nội dung điều chỉnh, cải tiến các chính sách về ĐT, NCKH và PVCĐ.

- Kết quả khảo sát ý kiến các bên liên quan thể hiện mức độ hài lòng về các chính sách về ĐT, NCKH và PVCĐ của Trường.

- Việc áp dụng phù hợp các chính sách về ĐT, NCKH và PVCĐ đã giúp Nhà trường khẳng định uy tín và học hiệu của Trường đối với xã hội.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại:

Số lượng các doanh nghiệp sử dụng lao động trả lời khảo sát các chính sách về ĐT, NCKH và PVCĐ của Trường còn hạn chế.

3. Kế hoạch cải tiến:

Từ học kỳ 2 năm học 2019-2020, Nhà trường tăng cường tổ chức các hội nghị, hội thảo với sự tham dự của các doanh nghiệp sử dụng lao động và thông qua đó chú trọng khảo sát ý kiến của các doanh nghiệp sử dụng lao động về các chính sách ĐT, NCKH và PVCĐ của Trường.

4. Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
Tiêu chuẩn 5	5
Tiêu chí 5.1	5
Tiêu chí 5.2	5
Tiêu chí 5.3	5
Tiêu chí 5.4	5

Tiêu chuẩn 6: Quản lý nguồn nhân lực

Tiêu chí 6.1. Nguồn nhân lực được quy hoạch để đáp ứng đầy đủ nhu cầu của hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ

Trong kế hoạch chiến lược của Nhà trường luôn quan tâm đến phát triển nguồn nhân lực, trong đó chú trọng công tác quy hoạch nhân lực của Trường và giao nhiệm vụ cho phòng TC-NS phụ trách công tác quy hoạch để đáp ứng đầy đủ nhu cầu của hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ [H6.06.01.01], [H6.06.01.02], [H6.06.01.03], [H6.06.01.04], [H6.06.01.05]. Căn cứ Luật Giáo dục, Luật GDĐH, các quy định của Bộ GD&ĐT về công tác cán bộ, Phòng TC - NS xây dựng dự thảo 08 văn bản về quản lý nhân lực của Trường gồm: Quy định về chế độ làm việc đối với giảng viên; Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm viên chức quản lý các đơn vị thuộc thẩm quyền của Trường; Quy định về nghiên cứu khoa học đối với giảng viên; Quy định dự giờ đối với giảng viên; Quy chế tuyển dụng, hợp đồng lao động, hợp đồng giảng dạy, thỏa thuận cộng tác, hợp đồng tập sự/ thử việc; Quy chế khen thưởng người lao động; Quy chế đào tạo, bồi dưỡng trong nước và nước ngoài của quản lý, giảng viên, nhân viên; Quy chế đánh giá, phân loại người lao động của Trường và thông qua cuộc họp giữa BGH với lãnh đạo các đơn vị, trình Hiệu trưởng ký ban hành [H6.06.01.06], [H6.06.01.07], [H6.06.01.08], [H6.06.01.09], [H6.06.01.10], [H6.06.01.11], [H6.06.01.12], [H6.06.01.13], [H6.06.01.14], [H6.06.01.15], [H6.06.01.16], [H6.06.01.17]. Trong văn bản đề án vị trí việc làm của Nhà trường có nội dung về quy hoạch nhân lực của Trường [H6.06.01.19], [H6.06.01.20]. Phòng TC - NS phối hợp với các đơn vị thực hiện báo cáo đánh giá nhu cầu nhân lực của mỗi đơn vị để triển khai hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ giai đoạn 2015-2019 [H6.06.01.21]. Trên cơ sở đó, BGH Nhà trường tổ chức họp với lãnh đạo các đơn vị để xác định danh sách CB, GV đáp ứng quy định, phù hợp với đề án vị trí việc làm và nhu cầu của hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ của Trường và Phòng TC - NS trình Hiệu trưởng ký ban hành kế hoạch thực hiện công tác quy hoạch nhân lực của Trường giai đoạn 2015-2019 [H6.06.01.22], [H6.06.01.23], [H6.06.01.24]. Bên cạnh đó, công tác phát triển nhân lực của Nhà trường nói chung, trong đó có quy hoạch nhân lực của Trường còn được thể hiện chi tiết trong KHCL trung hạn giai đoạn 2017-2020 [H6.06.01.25].

Trong kế hoạch thực hiện công tác quy hoạch nhân lực và Bản mô tả vị trí việc làm của Trường giai đoạn 2015-2019 có quy định cụ thể về quy trình quy hoạch nhân lực cùng với tiêu chuẩn, tiêu chí rõ ràng đối với từng vị trí nhân sự [H6.06.01.22], [H6.06.01.24]. Bên cạnh đó, tiêu chuẩn, tiêu chí nhân sự được quy định trong Đề án vị trí việc làm và Bản mô tả vị trí việc làm [H6.06.01.19], [H6.06.01.24]. Nhà trường thông báo công khai kế hoạch thực hiện công tác quy hoạch nhân lực của Trường giai đoạn 2015-2019 đến các đơn vị và đội ngũ CB, GV, NV [H6.06.01.23]. Ngoài ra, kế hoạch thực hiện công tác quy hoạch nhân lực của Trường giai đoạn 2015-2019 được lãnh đạo các đơn vị phổ biến đến CB, GV, NV tại các cuộc họp giao ban của đơn vị [H6.06.01.26]. Nhà trường ban hành danh sách quy hoạch nhân lực của Trường Đại học Quốc tế Sài Gòn giai đoạn 2015-2019 [H6.06.01.27]. Các văn bản quy hoạch nhân lực của Trường giai đoạn 2015-2019 đồng thời được đăng tải trên website của Trường [H6.06.01.28].

Nhà trường thông báo đến các đơn vị triển khai xây dựng đề án vị trí việc làm của đơn vị và gửi về Phòng TC - NS [H6.06.01.18]. Trên cơ sở đó, Phòng TC - NS tổng hợp và thông qua cuộc họp giữa BGH với lãnh đạo các đơn vị, trình Hiệu trưởng

ký ban hành Đề án vị trí việc làm giai đoạn 2015-2019 [H6.06.01.19]. Nhà trường thông báo Đề án vị trí việc làm giai đoạn 2015-2019 đến các đơn vị để phổ biến CB, GV, NV biết và thực hiện [H6.06.01.20].

Tự đánh giá: 4/7

Tiêu chí 6.2. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn bao gồm cả các tiêu chí về đạo đức và tự do học thuật sử dụng trong việc đề bạt, bổ nhiệm và sắp xếp nhân sự được xác định và được phổ biến

Trong Quy chế tuyển dụng, hợp đồng lao động, hợp đồng giảng dạy, thỏa thuận cộng tác, hợp đồng tập sự/ thử việc do Nhà trường ban hành có quy định về quy trình, tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn đội ngũ CB, GV, NV [H6.06.02.01]. Trong quá trình xây dựng Quy chế tuyển dụng, hợp đồng lao động, hợp đồng giảng dạy, thỏa thuận cộng tác, hợp đồng tập sự/ thử việc, Phòng TC - NS tham khảo và tuân thủ các văn bản quy định của pháp luật [H6.06.02.01], [H6.06.02.02], [H6.06.02.03]. Hàng năm, Nhà trường căn cứ đề án vị trí việc làm triển khai công tác tuyển dụng đội ngũ CB, GV, NV theo đúng các quy định của pháp luật và Quy chế tuyển dụng, hợp đồng lao động, hợp đồng giảng dạy, thỏa thuận cộng tác, hợp đồng tập sự/ thử việc của Nhà trường ban hành, đồng thời xây dựng kế hoạch tuyển dụng hàng năm của Trường [H6.06.02.01], [H6.06.02.04], [H6.06.02.05]. Trong giai đoạn 2015-2019, Nhà trường tuyển dụng 154 GV, 29 NV, trong đó có 02 GS, 01 PGS, 29 TS, 96 ThS [H6.06.02.06].

Trong Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm viên chức quản lý các đơn vị thuộc thẩm quyền của Trường do Nhà trường ban hành đồng thời quy định cụ thể về các tiêu chí đề bạt, bổ nhiệm và sắp xếp nhân sự [H6.06.02.07]. Bên cạnh đó, các nhân sự được đề bạt phải đảm bảo đáp ứng các tiêu chuẩn, tiêu chí và yêu cầu được thể hiện trong Đề án vị trí việc làm [H6.06.02.04]. Ngoài ra, HĐQT hợp với BGH để xem xét nhân sự trước khi bổ nhiệm, sắp xếp [H6.06.02.08]. Công tác bổ nhiệm và sắp xếp nhân sự đồng thời đáp ứng yêu cầu, nhu cầu nhân lực được thể hiện trong KHCL giai đoạn 2017-2025 cũng như báo cáo đánh giá nhân lực giai đoạn 2015-2019 của Trường [H6.06.02.09], [H6.06.02.10]. Trong giai đoạn 2015-2019, Nhà trường bổ nhiệm 15 nhân sự quản lý [H6.06.02.11], [H6.06.02.12].

Nhà trường thông báo công khai Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm viên chức quản lý các đơn vị thuộc thẩm quyền của Trường và Quy chế tuyển dụng, hợp đồng lao động, hợp đồng giảng dạy, thỏa thuận cộng tác, hợp đồng tập sự/ thử việc đến các đơn vị và đội ngũ CB, GV, NV [H6.06.02.13], [H6.06.02.14]. Tại các cuộc họp giao ban BGH Nhà trường tổ chức họp với lãnh đạo các đơn vị, BGH phổ biến và yêu cầu các đơn vị thông báo đến toàn thể CB, GV, NV biết thông báo tuyển dụng hàng năm của Trường [H6.06.02.15], [H6.06.02.16]. Tại các cuộc họp giao ban của đơn vị, lãnh đạo các đơn vị phổ biến đến đội ngũ CB, GV, NV thông báo tuyển dụng hàng năm của Trường [H6.06.02.15], [H6.06.02.17]. Các thông tin về tuyển dụng hàng năm của Nhà trường được đăng tải công khai trên website Nhà trường cũng như các trang điện tử về tuyển dụng nghề nghiệp như: Vietnamwork, timviecnhanh.com, Tuoitre [H6.06.02.18]. Ngoài ra, toàn bộ thông tin về quản lý nhân sự được niêm yết trong Sổ tay giảng viên cũng như đăng tải trên website của Trường [H6.06.02.19], [H6.06.02.20]. Nhà trường thành lập hội đồng tuyển dụng hàng năm để thực hiện công tác tuyển dụng và bao gồm cả công việc đề bạt, bổ nhiệm và sắp xếp nhân sự [H6.06.02.21]. Căn cứ kết quả tuyển dụng, Nhà trường ban hành quyết định tuyển

dụng cho từng nhân sự được tuyển dụng và tiến hành ký hợp đồng giảng dạy, hợp đồng lao động đúng quy định pháp luật [H6.06.02.22].

Tự đánh giá: 4/7

Tiêu chí 6.3. Xác định và xây dựng được tiêu chuẩn năng lực bao gồm cả kỹ năng lãnh đạo của các nhóm cán bộ, giảng viên, nhân viên khác nhau

Trong Đề án vị trí việc làm, bảng mô tả công việc do Nhà trường ban hành thể hiện rõ năng lực cụ thể của CB, GV, NV, trong đó bao gồm cả kỹ năng lãnh đạo [H6.06.03.01], [H6.06.03.02]. Các năng lực của nhóm các CB, GV, NV có những năng lực chung và năng lực cụ thể, bao gồm cả kỹ năng lãnh đạo, trong đó phù hợp với vị trí công tác của từng nhóm đội ngũ của Trường [H6.06.03.02]. Nhà trường thông báo, phổ biến cụ thể Đề án vị trí việc làm, bảng mô tả công việc đến đội ngũ CB, GV, NV để họ hiểu rõ về những năng lực cần có và cần bổ sung, hoàn thiện trong quá trình thực thi công việc [H6.06.03.03]. Tại các cuộc họp giao ban của đơn vị, lãnh đạo các đơn vị phổ biến Đề án vị trí việc làm, bảng mô tả công việc đến đội ngũ CB, GV, NV [H6.06.03.04]. Ngoài ra, trong Quy định về chế độ làm việc đối với giảng viên và Quy định về nghiên cứu khoa học đối với GV do Nhà trường ban hành có quy định cụ thể về khối lượng GV cần thực hiện trong năm học về công tác giảng dạy và NCKH [H6.06.03.05], [H6.06.03.06].

Trong Quy chế tổ chức và hoạt động của Nhà trường ban hành có quy định cụ thể về tiêu chuẩn, năng lực của đội ngũ CB, GV, NV [H6.06.03.07]. Bên cạnh đó, các tiêu chuẩn, năng lực của đội ngũ CB, GV, NV được nêu rõ trong Kế hoạch thực hiện công tác quy hoạch nhân lực của Trường giai đoạn 2015-2019 của Nhà trường [H6.06.03.08]. Công tác tuyển dụng, bổ nhiệm, sắp xếp CB, GV, NV thực hiện theo Quy chế tuyển dụng, hợp đồng lao động, hợp đồng giảng dạy, thỏa thuận cộng tác, hợp đồng tập sự/ thử việc và Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm viên chức quản lý các đơn vị thuộc thẩm quyền của Trường và theo nội dung phát triển nguồn nhân lực được thể hiện trong KHCL giai đoạn 2017-2025 tầm nhìn 2030, kế hoạch trung hạn giai đoạn 2017-2020 và kế hoạch tuyển dụng hàng năm của Trường [H6.06.03.09], [H6.06.03.10], [H6.06.03.11], [H6.06.03.12], [H6.06.03.13]. Trong giai đoạn 2015-2019, Nhà trường tuyển dụng 154 GV, 29 NV, trong đó có 02 GS, 01 PGS, 29 TS, 96 ThS [H6.06.03.14]. Bên cạnh đó, Nhà trường Trong giai đoạn 2015-2019, Nhà trường bổ nhiệm 15 nhân sự quản lý [H6.06.03.15], [H6.06.03.16]. Nhà trường thành lập hội đồng tuyển dụng hàng năm để thực hiện công tác tuyển dụng và bao gồm cả công việc đề bạt, bổ nhiệm và sắp xếp nhân sự [H6.06.03.17]. Căn cứ kết quả tuyển dụng, Nhà trường ban hành quyết định tuyển dụng và tiến hành ký hợp đồng giảng dạy, hợp đồng lao động đúng quy định pháp luật [H6.06.03.18]. Thông báo tuyển dụng hàng năm của Trường được công khai trên các trang thông tin điện tử/ báo giấy và website của Trường [H6.06.03.19], [H6.06.03.20], [H6.06.03.21].

Tự đánh giá: 4/7

Tiêu chí 6.4. Nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng, phát triển đội ngũ cán bộ, giảng viên, nhân viên được xác định và có các hoạt động được triển khai để đáp ứng các nhu cầu đó

Trong KHCL giai đoạn 2017-2025 tầm nhìn 2030, kế hoạch trung hạn giai đoạn 2017-2020 của Nhà trường luôn có nội dung phát triển nhân sự của Trường [H6.06.04.01], [H6.06.04.02]. Trên cơ sở đó, Nhà trường ban hành kế hoạch tổ chức

đào tạo, bồi dưỡng, phát triển đội ngũ CB, GV, NV hàng năm, trong đó có các nội dung về tổ chức đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn đội ngũ CB, GV, NV [H6.06.04.03]. Các nội dung về đào tạo, bồi dưỡng, phát triển đội ngũ CB, GV, NV đồng thời được thể hiện trong kế hoạch năm học hằng năm của Nhà trường [H6.06.04.04]. Phòng TC - NS thông báo đến các đơn vị đăng ký nhu cầu đào tạo bồi dưỡng và phát triển chuyên môn đội ngũ CB, GV, NV và gửi về Phòng TC - NS [H6.06.04.05], [H6.06.04.06]. Trên cơ sở đó, Phòng TC - NS tổng hợp, trình Hiệu trưởng ký ban hành kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ CB, GV, NV hàng năm và thông báo đến các đơn vị để phối hợp thực hiện [H6.06.04.03], [H6.06.04.07], [H6.06.04.08].

Từ nội dung báo cáo thực hiện KHCL giai đoạn 2009-2016, nhà Trường đề ra KHCL phát triển nhân sự giai đoạn 2017-2025, kế hoạch trung hạn phát triển nhân sự giai đoạn 2017-2020 cũng như kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ CB, GV, NV hàng năm của Nhà trường được xây dựng phù hợp với SM, TN, triết lý giáo dục của Trường và có bổ sung các chỉ tiêu phát triển nhân sự cụ thể [H6.06.04.03], [H6.06.04.09], [H6.06.04.10], [H6.06.04.11], [H6.06.04.12], [H6.06.04.13], [H6.06.04.14], [H6.06.04.15]. Bên cạnh đó, kế hoạch về đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn đội ngũ CB, GV, NV của Nhà trường phù hợp với nghị quyết của HĐQT [H6.06.04.16]. Ngoài ra, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn đội ngũ CB, GV, NV của Nhà trường phù hợp và phục vụ nhu cầu nhân lực để triển khai các hoạt động ĐT, NCKH, PVCD của Trường [H6.06.04.03], [H6.06.04.17].

Nhà trường phân công nhiệm vụ cho Phòng TC - NS là đơn vị thường trực triển khai hoạt động đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ CB, GV, NV [H6.06.04.03], [H6.06.04.18], [H6.06.04.19], [H6.06.04.20]. Trên cơ sở đó, Phòng TC - NS triển khai và phối hợp triển khai các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ CB, GV, NV theo kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn đội ngũ CB, GV, NV đã được phê duyệt [H6.06.04.03], [H6.06.04.21]. Hàng năm, Nhà trường dành kinh phí cho hoạt động đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn đội ngũ CB, GV, NV [H6.06.04.22], [H6.06.04.23]. Nhà trường thường xuyên tổ chức và phối hợp với các đơn vị các khóa đào tạo, tập huấn nhằm nâng cao năng lực cho đội ngũ đội ngũ CB, GV, NV [H6.06.04.21]. Bên cạnh đó, Nhà trường luôn tạo điều kiện và hỗ trợ kinh phí để đội ngũ đội ngũ CB, GV, NV tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng trong và ngoài nước [H6.06.04.24], [H6.06.04.25], [H6.06.04.26], [H6.06.04.27], [H6.06.04.28], [H6.06.04.29]. Trong giai đoạn 2015-2019, 07 CB, GV, NV của Nhà trường đã học nâng cao trình độ chuyên môn và 100% CB, GV, NV tham gia các khóa tập huấn trong nước [H6.06.04.30], [H6.06.04.31].

Phòng TC - NS là đơn vị theo dõi hoạt động đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ CB, GV, NV của Trường và xây dựng CSDL về đội ngũ CB, GV, NV, trong đó có dữ liệu về hoạt động đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ CB, GV, NV hàng năm [H6.06.04.18], [H6.06.04.19], [H6.06.04.20]. Trong giai đoạn 2015-2019, gần 100% CB, GV, NV của Trường được đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, trong đó có 80% CB, GV, NV được đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn từ 2 lần trở lên [H6.06.04.30], [H6.06.04.31].

Hàng năm, Nhà trường ban hành kế hoạch khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan về hoạt động của Trường [H6.06.04.32], [H6.06.04.33]. Trong nội dung khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan về hoạt động của Trường có khảo sát về

các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn của đội ngũ, CB, GV, NV [H6.06.04.34]. Phòng KT&ĐBCL phối hợp với các đơn vị triển khai khảo sát với kết quả có 100% CB, GV, NV hài lòng về các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn của Trường [H6.06.04.35]. Bên cạnh đó, ý kiến của CB, GV, NV tại Hội nghị Người lao động hàng năm thể hiện sự hài lòng về hoạt động đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn của Trường [H6.06.04.36].

Tự đánh giá: 4/7

Tiêu chí 6.5. Hệ thống quản lý việc thực hiện nhiệm vụ (bao gồm chế độ khen thưởng, ghi nhận và kế hoạch bồi dưỡng) được triển khai để thúc đẩy và hỗ trợ hoạt động ĐT, NCKH và PVCD

Nhà trường phân công Phòng TC - NS là đơn vị thường trực triển khai công tác đánh giá hàng năm của CB, GV, NV [H6.06.05.01], [H6.06.05.02], [H6.06.05.03]. Bên cạnh đó, trong Quy chế tổ chức hoạt động của Nhà trường nêu rõ trách nhiệm đối với lãnh đạo các đơn vị đối với việc đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của CB, GV, NV của đơn vị [H6.06.05.04]. Đối với kết quả thực hiện nhiệm vụ của đội ngũ CB quản lý do BGH đánh giá và HĐQT đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của BGH, [H6.06.05.05].

Trong Quy chế đánh giá, phân loại người lao động và kế hoạch đánh giá CB, GV, NV của Trường có nêu rõ quy trình, tiêu chí rõ ràng để đánh giá hiệu quả công việc của CB, GV, NV [H6.06.05.05]. Bên cạnh đó, trong kế hoạch đánh giá CB, GV, NV của Trường đính kèm các biểu mẫu đánh giá [H6.06.05.06], [H6.06.05.07]. Các tiêu chí đánh giá hiệu quả công việc của CB, GV, NV được xác định phù hợp với tiêu chí, năng lực được xác định trong đề án vị trí việc làm của Trường [H6.06.05.06], [H6.06.05.08]. Đồng thời, các tiêu chí rõ ràng để đánh giá hiệu quả công việc của CB, GV, NV được xác định dựa trên ý kiến đóng góp của các đơn vị tại các cuộc họp giao ban giữa BGH với lãnh đạo các đơn vị cũng như ý kiến góp ý của CB, GV, NV [H6.06.05.09], [H6.06.05.10].

Hàng năm, Nhà trường ban hành kế hoạch và triển khai đánh giá CB, GV, NV của Trường [H6.06.05.06]. Trên cơ sở đó, lãnh đạo đơn vị triển khai đánh giá kết quả thực hiện công việc của GV, NV và tự đánh giá kết quả thực hiện công việc của mình theo mẫu do Trường ban hành, tất cả gửi về Phòng TC - NS để tổng hợp [H6.06.05.06], [H6.06.05.07], [H6.06.05.11], [H6.06.05.12]. Hàng năm, BGH tổ chức họp với lãnh đạo các đơn vị để xem xét, đánh giá CB, GV, NV của Trường và kết quả đánh giá được thông báo đến CB, GV, NV [H6.06.05.09], [H6.06.05.13]. Đối với CB quản lý, thường trực HĐQT họp với BGH để đánh giá và thông báo kết quả đánh giá đến CB quản lý của Trường [H6.06.05.11], [H6.06.05.13]. Kết quả đánh giá CB, GV, NV hàng năm được gửi đến các đơn vị để thông báo đến CB, GV, NV [H6.06.05.12], [H6.06.05.13].

Nhà trường giao nhiệm vụ cho Phòng TC - NS là đơn vị phụ trách việc xây dựng và lưu trữ dữ liệu về kết quả đánh giá hiệu quả công việc hàng năm của CB, GV, NV [H6.06.05.01], [H6.06.05.02], [H6.06.05.03]. Phòng TC - NS phân công nhân sự xây dựng cơ sở dữ liệu về kết quả đánh giá hiệu quả công việc hàng năm của CB, GV, NV của Trường [H6.06.05.03]. Kết quả đánh giá hiệu quả công việc hàng năm của CB, GV, NV của Trường được cập nhật hàng năm [H6.06.05.14]. Kết quả đánh giá

CB, GV, NV hàng năm của Trường đồng thời được thể hiện trong báo cáo tổng kết hàng năm của Trường và của Phòng TC - NS [H6.06.05.15], [H6.06.05.16].

Trong Quy chế khen thưởng người lao động của Trường đồng thời có các nội dung về thi đua khen thưởng đối với CB, GV, NV [H6.06.05.17]. Bên cạnh đó, các chế độ khen thưởng đối với CB, GV, NV đạt thành tích và các danh hiệu thi đua được thể hiện trong Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường [H6.06.05.18]. Nhà trường dành kinh phí chi cho việc thi đua, khen thưởng CB, GV, NV của Trường [H6.06.05.19]. Hàng năm, Nhà trường tiến hành họp xét thi đua khen thưởng đối với đội ngũ CB, GV, NV Nhà trường [H6.06.05.09], [H6.06.05.20]. Trong nội dung xét thi đua khen thưởng đối với đội ngũ CB, GV, NV luôn căn cứ kết quả đánh giá hiệu quả công việc hàng năm của CB, GV, NV của Trường [H6.06.05.12], [H6.06.05.21]. Trong giai đoạn 2015-2019, Nhà trường và các đơn vị, đội ngũ CB, GV, NV của Trường đạt được nhiều hình thức, danh hiệu khen thưởng các cấp và tham dự nhiều hội thảo, hội nghị trong và ngoài nước [H6.06.05.22] [H6.06.05.23], [H6.06.05.24], [H6.06.05.25], [H6.06.05.26], [H6.06.05.27], [H6.06.05.28], [H6.06.05.29], [H6.06.05.30].

Nhà trường đồng thời sử dụng kết quả đánh giá hàng năm để làm căn cứ xác định đầu tư cho đào tạo, bồi dưỡng để hỗ trợ các hoạt động ĐT, NCKH, PVCD và được quy định trong Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường [H6.06.05.12], [H6.06.05.18]. Đối với các CB, GV, NV hoàn thành tốt nhiệm vụ hàng năm được Nhà trường ưu tiên đầu tư tài chính, tạo điều kiện để học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ, chuyên môn nghiệp vụ [H6.06.05.12], [H6.06.05.18], [H6.06.05.26], [H6.06.05.27], [H6.06.05.28], [H6.06.05.29], [H6.06.05.30]. Trong giai đoạn 2015-2019, đã có 07 CB, GV, NV được Nhà trường tạo điều kiện học tập sau đại học và 4912 lượt CB, GV, NV được cử tham gia 62 khóa đào tạo, bồi dưỡng trong và ngoài nước [H6.06.05.26], [H6.06.05.27], [H6.06.05.28], [H6.06.05.29], [H6.06.05.30]. Phòng KT & ĐBCL phối hợp với các đơn vị triển khai khảo sát với kết quả hầu hết CB, GV, NV hài lòng về chế độ khen thưởng của Trường [H6.06.05.31], [H6.06.05.32], [H6.06.05.33]. Ý kiến của CB, GV, NV tại Hội nghị Người lao động hàng năm thể hiện sự hài lòng đối với chế độ khen thưởng của Trường [H6.06.05.34].

Tự đánh giá: 4/7

Tiêu chí 6.6. Các chế độ, chính sách, quy trình và quy hoạch về nguồn nhân lực được rà soát thường xuyên

Nhà trường phân công Phòng TC - NS là đơn vị chịu trách nhiệm theo dõi, rà soát việc thực hiện các chế độ, chính sách, quy trình và quy hoạch về nguồn nhân lực của Trường [H6.06.06.01], [H6.06.06.02], [H6.06.06.03], [H6.06.06.04]. Trên cơ sở đó, Phòng TC - NS phân công 01 nhân sự theo dõi việc thực hiện các chế độ, chính sách, quy trình và quy hoạch về nguồn nhân lực của Trường [H6.06.01.03]. Ngoài ra, việc thực hiện các chế độ, chính sách, quy trình và quy hoạch về nguồn nhân lực của Trường thường xuyên được rà soát trong cuộc họp của HĐQT cũng như của BGH Nhà trường [H6.06.06.05], [H6.06.06.06].

Hàng năm, BGH Nhà trường tổ chức họp với các đơn vị để rà soát việc thực hiện các chế độ, chính sách, quy trình và quy hoạch về nguồn nhân lực của Trường [H6.06.06.07]. Kết quả thực hiện các chế độ, chính sách, quy trình và quy hoạch về nguồn nhân lực của Trường được thể hiện trong báo cáo tổng kết hàng năm của Trường cũng như báo cáo tại Hội nghị Người lao động hàng năm [H6.06.06.08],

[H6.06.06.09]. Ngoài ra, việc thực hiện các chế độ, chính sách về nhân lực của Trường được thể hiện trong báo cáo tổng kết năm học của Phòng TC - NS [H6.06.06.10].

Hàng năm, trong nội dung khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan về hoạt động của Trường có khảo sát CB, GV, NV về chế độ, chính sách, quy trình và quy hoạch về nguồn nhân lực của Trường [H6.06.06.11], [H6.06.06.12], [H6.06.06.13]. Kết quả khảo sát ý kiến của CB, GV, NV là cơ sở để Nhà trường điều chỉnh, cải tiến chế độ, chính sách, quy trình và quy hoạch về nguồn nhân lực của Trường [H6.06.01.13]. Bên cạnh đó, ý kiến của CB, GV, NV về chế độ, chính sách, quy trình và quy hoạch về nguồn nhân lực của Trường tại Hội nghị Người lao động hàng năm cũng như các ý kiến của CB, GV, NV về chế độ, chính sách, quy trình và quy hoạch về nguồn nhân lực của Trường tại các cuộc họp giao ban của các đơn vị được Nhà trường xem xét để điều chỉnh, cải tiến chế độ, chính sách, quy trình và quy hoạch về nguồn nhân lực của Trường cho phù hợp [H6.06.06.09], [H6.06.06.14]. CB, GV, NV hài lòng về chế độ, chính sách, quy trình và quy hoạch về nguồn nhân lực của Trường [H6.06.06.13].

Tự đánh giá: 4/7

Tiêu chí 6.7. Các chế độ, chính sách, quy trình và quy hoạch nguồn nhân lực được cải tiến để hỗ trợ ĐT, NCKH và PVCĐ

Căn cứ nội dung các cuộc họp giao ban, báo cáo tổng kết năm học, báo cáo Hội nghị Người lao động và kết quả khảo sát ý kiến các bên liên quan, kết quả theo dõi, rà soát, đánh giá hàng năm về các chế độ, chính sách, quy hoạch nguồn nhân lực để hỗ trợ hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ và kết quả đánh giá hiệu quả công việc của CB, GV, NV, Phòng TC - NS phối với các đơn vị đề xuất điều chỉnh, cải tiến các chế độ, chính sách để hỗ trợ hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ [H6.06.07.01], [H6.06.07.02], [H6.06.07.03], [H6.06.07.04], [H6.06.07.05], [H6.06.07.06], [H6.06.07.07], [H6.06.07.08], [H6.06.07.09], [H6.06.07.10], [H6.06.07.11], [H6.06.07.12], [H6.06.07.13], [H6.06.07.14]. Trên cơ sở đề xuất của các đơn vị, BGH Nhà trường tổ chức họp với lãnh đạo các đơn vị để xem xét, thông qua các đề xuất về việc điều chỉnh, cải tiến các chế độ, chính sách để hỗ trợ tốt hơn hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ của Trường [H6.06.07.08], [H6.06.07.09], [H6.06.07.11], [H6.06.07.12], [H6.06.07.14]. Nhà trường thông báo các chế độ, chính sách để hỗ trợ tốt hơn hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ của Trường đến các đơn vị để thực hiện và phổ biến đến CB, GV, NV biết và thực hiện [H6.06.07.10], [H6.06.07.13]. Trong giai đoạn 2015-2019, Nhà trường ban hành và áp dụng nhiều chế độ, chính sách để hỗ trợ tốt hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ [H6.06.07.08], [H6.06.07.09], [H6.06.07.11], [H6.06.07.12].

Căn cứ ý kiến góp ý của các đơn vị và của CB, GV, NV, Phòng TC - NS dự thảo những nội dung điều chỉnh, bổ sung quy trình và quy hoạch về nguồn nhân lực, thông qua cuộc họp giữa BGH với lãnh đạo các đơn vị, trình Hiệu trưởng ký ban hành các quy định quản lý nhân lực có nội dung điều chỉnh, bổ sung quy trình và quy hoạch về nguồn nhân lực [H6.06.07.01], [H6.06.07.03], [H6.06.07.07], [H6.06.07.14], [H6.06.07.15], [H6.06.07.16], [H6.06.07.17], [H6.06.07.18]. Các quy định về quản lý nhân lực được Nhà trường ban hành có bổ sung cụ thể về các tiêu chuẩn, tiêu chí đối với các vị trí quản lý làm cơ sở cho việc quy hoạch và bổ nhiệm đáp ứng các yêu cầu theo quy định [H6.06.07.15], [H6.06.07.17]. Nhà trường thông báo Quy định quản lý nhân lực có sự điều chỉnh bổ sung quy trình và quy hoạch về nguồn nhân lực đến các

đơn vị để thực hiện và phổ biến đến CB, GV, NV biết và thực hiện [H6.06.07.16], [H6.06.07.18]. Trên cơ sở đó, Nhà trường ban hành danh sách CB được quy hoạch giai đoạn 2015-2019 [H6.06.07.19], [H6.06.07.20]. Các quy định quản lý nhân lực của Nhà trường thường xuyên được cập nhật trên website của Trường [H6.06.07.21].

Tự đánh giá: 4/7

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 6:

1. Tóm tắt các điểm mạnh:

- Căn cứ các văn bản quy định về công tác cán bộ, Nhà trường ban hành và áp dụng Quy định quản lý nhân lực trong toàn trường.

- Nhà trường ban hành KHCL phát triển nhân sự giai đoạn 2017 - 2025, kế hoạch trung hạn phát triển nhân sự giai đoạn 2017 - 2020 với các nội dung cụ thể về quy hoạch, tuyển dụng, bổ nhiệm, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ CB, GV, NV của Trường.

- Nhà trường xây dựng kế hoạch tuyển dụng, bồi dưỡng, phát triển đội ngũ CB, GV, NV và triển khai thực hiện nhằm đảm bảo số lượng và chất lượng đội ngũ, phục vụ hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ của Trường.

- Nhà trường ban hành Đề án vị trí việc làm, bảng mô tả công việc của từng vị trí công việc và phổ biến đến các đơn vị, CB, GV, NV biết để thực hiện.

- Nhà trường thực hiện công tác quy hoạch nhân sự và quan tâm đào tạo, bồi dưỡng nhằm phát triển đội ngũ CB quản lý của Trường.

- Nhà trường quan tâm triển khai nhiều hoạt động đào tạo, bồi dưỡng CB, GV, NV và cử CB, GV, NV tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng trong và ngoài nước.

- Công tác tuyển dụng được thực hiện dựa trên cơ sở đề án vị trí việc làm và được thực hiện theo đúng quy trình, quy định về tuyển dụng, đảm bảo tính rõ ràng, minh bạch.

- Trong giai đoạn 2015-2019, hầu hết CB, GV, NV của Trường được đào tạo, bồi dưỡng từ 2 lần trở lên và ý kiến của CB, GV, NV hài lòng về các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn của Trường.

- Đội ngũ CB, GV, NV của Trường có đủ năng lực, trình độ chuyên môn đáp ứng nhu cầu hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ của Nhà trường.

- Hàng năm, Nhà trường triển khai đánh giá hiệu quả công việc của CB, GV, NV và sử dụng kết quả đánh giá hiệu quả công việc cho việc thi đua, khen thưởng cũng như đầu tư phát triển cho CB, GV, NV.

- Hoạt động thi đua, khen thưởng của CB, GV, NV được Nhà trường triển khai hàng năm và nhiều CB, GV, NV của Trường đạt được các danh hiệu thi đua, nhận nhiều hình thức khen thưởng các cấp.

- Hàng năm, Nhà trường rà soát các chế độ, chính sách quy trình và quy hoạch về nguồn nhân lực và trên cơ sở đó ban hành các chế độ, chính sách phù hợp với điều kiện thực tiễn, động viên, khuyến khích CB, GV, NV hoàn thành tốt nhiệm vụ.

- Ý kiến khảo sát CB, GV, NV thể hiện sự hài lòng đối với chế độ, chính sách quy trình và quy hoạch về nguồn nhân lực của Trường.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại:

- Nhà trường chưa triển khai ý kiến của các bên liên quan bên ngoài về công tác phát triển nhân sự của Trường.

- Do những khó khăn trong giao tiếp nên việc tham gia của các GV người nước ngoài vào các hoạt động chung của Trường còn hạn chế.

3. Kế hoạch cải tiến:

Từ học kỳ 2 năm học 2019-2020, Nhà trường tăng cường tổ chức các hội nghị chuyên đề về phát triển nhân sự và thu thập ý kiến phản hồi của các bên liên quan bên ngoài về công tác phát triển nhân sự của Trường. Bên cạnh đó, Nhà trường mở các lớp bồi dưỡng tiếng Việt cho GV người nước ngoài.

4. Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
Tiêu chuẩn 6	4
Tiêu chí 6.1	4
Tiêu chí 6.2	4
Tiêu chí 6.3	4
Tiêu chí 6.4	4
Tiêu chí 6.5	4
Tiêu chí 6.6	4
Tiêu chí 6.7	4

Tiêu chuẩn 7: Quản lý tài chính và cơ sở vật chất

Tiêu chí 7.1. Hệ thống lập kế hoạch, triển khai, kiểm toán, tăng cường các nguồn lực tài chính của CSGD để hỗ trợ việc thực hiện tầm nhìn, sứ mạng, các mục tiêu chiến lược trong đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng được thiết lập và vận hành

Năm 2012, Nhà trường thành lập Phòng Tài chính và đến năm 2018, Phòng Tài chính được Trường chuyển đổi thành Phòng TC-NS, trong đó có bộ phận chuyên trách về tài chính, theo dõi, giám sát việc phát triển các nguồn lực tài chính nhằm phục vụ hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ [H7.07.01.01], [H7.07.01.02], [H7.07.01.03]. Phòng TC-NS chịu trách nhiệm tham mưu, giúp việc cho HĐQT và Hiệu trưởng trong công tác tài chính [H7.07.01.04]. Các nhân sự thực hiện công tác tài chính của Nhà trường tốt nghiệp chuyên ngành kinh tế, tài chính, nhân sự và được đào tạo, bồi dưỡng về tài chính, nhân sự và hàng năm được Nhà trường cử tham dự các khóa tập huấn nhằm cập nhật các quy định về tài chính, quy định tiền lương và luật lao động [H7.07.01.05], [H7.07.01.06]. Trong thành phần BGH, Nhà trường phân công Hiệu trưởng phụ trách về công tác tài chính nhân sự của Nhà trường trong đó theo dõi, giám sát việc phát triển các nguồn lực tài chính nhân sự nhằm phục vụ hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ của Trường [H7.07.01.07].

Trong KHCL Trường Đại học Quốc tế Sài Gòn giai đoạn 2009-2016 tầm nhìn 2020, KHCL Trường Đại học Quốc tế Sài Gòn giai đoạn 2017-2025 tầm nhìn 2030 đã được ban hành và thực hiện luôn có các mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể về tài chính, trong đó tập trung phát triển các nguồn thu, đa dạng nguồn thu nhằm phục vụ việc thực hiện các hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ theo SM, TN và các mục tiêu chiến lược của Trường [H7.07.01.08], [H7.07.01.09]. Đặc biệt, Nhà trường đã ban hành KHCL về tài chính của Trường Đại học Quốc tế Sài Gòn giai đoạn 2017-2025, kế hoạch tài chính trung hạn giai đoạn 2017-2020 với các mục tiêu, chỉ tiêu trong đó tập trung phát triển nguồn tài chính hợp pháp để phục vụ các hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ của Trường [H7.07.01.10], [H7.07.01.11]. Nhà trường thông báo các KHCL, kế hoạch tài chính trung hạn đến các đơn vị để triển khai thực hiện [H7.07.01.12], [H7.07.01.13], [H7.07.01.14].

Căn cứ các văn bản quy định về hoạt động tài chính và các nghị quyết của HĐQT, hàng năm, Phòng TC-NS căn cứ thống kê nhu cầu tài chính của các đơn vị về hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ cũng như cân đối kinh phí và tham mưu HĐQT, BGH Nhà trường về kế hoạch tài chính, trình Chủ tịch HĐQT, Hiệu trưởng ký ban hành, sau đó thông báo đến các đơn vị để thực hiện [H7.07.01.15], [H7.07.01.16], [H7.07.01.17], [H7.07.01.18], [H7.07.01.19]. Để quản lý hoạt động tài chính của Trường, Nhà trường đã ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ vào năm 2007, cải tiến lần 1 năm 2016 và sau đó cải tiến lần 2 năm 2019 [H7.07.01.20]. Để phù hợp với thực tế và đẩy mạnh tài trợ nguồn lực cho các đơn vị phòng ban thực hiện KHCL 2017-2025 đã ban hành, năm 2019, Phòng TC-NS đã tiến hành lấy ý kiến góp ý của các đơn vị về Quy chế chi tiêu nội bộ và trên cơ sở đó trình HĐQT, Hiệu trưởng ký ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ đã điều chỉnh với nhiều điểm mới cập nhật giúp các phòng ban chủ động công tác đề xuất kinh phí thực hiện kế hoạch [H7.07.01.21]. Nhà trường thông báo Quy chế chi tiêu nội bộ đã được điều chỉnh đến các đơn vị để thực hiện và phổ biến đến CB, GV, NV [H7.07.01.22]. Hoạt động tài chính của Nhà trường được thực hiện theo Quy chế chi tiêu nội bộ [H7.07.01.20]. Cuối mỗi năm tài chính, Phòng TC-NS thống kê về

cơ cấu thu chi của Nhà trường, tiến hành thực hiện báo cáo tài chính hàng năm và báo cáo đánh giá về hiệu quả đầu tư tài chính cho các hoạt động của Trường [H7.07.01.23], [H7.07.01.24], [H7.07.01.25]. Trong giai đoạn 2015-2019, nguồn thu của Trường qua các năm phát triển tăng đều cả về số lượng và chất lượng đa dạng nguồn thu [H7.07.01.26].

Hàng năm, Nhà trường luôn dành kinh phí cho các hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ [H7.07.01.27]. Trong nội dung hợp giao ban với lãnh đạo các đơn vị, HĐQT và BGH luôn quán triệt và yêu cầu các đơn vị tích cực triển khai các hoạt động nhằm phát triển nguồn tài chính hợp pháp để thực hiện các hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ của Trường [H7.07.01.28]. Bên cạnh đó, trong Quy chế chi tiêu nội bộ của Nhà trường luôn có nội dung khuyến khích, khen thưởng đối với các tập thể, cá nhân tích cực đem nguồn tài chính nhằm tăng cường nguồn thu của Trường [H7.07.01.20]. Trong giai đoạn 2015-2019, nguồn thu hợp pháp của Nhà trường tăng qua từng năm [H7.07.01.26].

Nhà trường hợp đồng với Công ty TNHH Crowe Việt Nam để thực hiện công tác giám sát, kiểm toán hoạt động tài chính của Trường. Định kỳ hàng tháng, hàng năm, Công ty TNHH Crowe Việt Nam thực hiện báo cáo giám sát tài chính và gửi báo cáo đến HĐQT, BGH Nhà trường [H7.07.01.29], [H7.07.01.30], [H7.07.01.31]. Trong trường hợp phát hiện bất thường cần giải trình, Nhà trường tiến hành gửi báo cáo kèm theo các minh chứng do Công ty TNHH Crowe Việt Nam phát hiện để yêu cầu phòng TC-NS cung cấp giải trình cho HĐQT, BGH [H7.07.01.32]. Hoạt động tài chính của Nhà trường luôn rõ ràng và không có sai phạm theo kết quả kiểm toán cũng như kiểm toán nội bộ của HĐQT [H7.07.01.31], [H7.07.01.33]. Bên cạnh đó, hàng năm, trong các báo cáo tổng kết năm học, báo cáo kết quả tài chính năm học, Nhà trường luôn rà soát, đánh giá hoạt động quản lý tài chính để từ đó điều chỉnh cơ cấu nguồn thu, chi của năm học tiếp theo được hợp lý nhằm phục vụ tốt hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ [H7.07.01.34], [H7.07.01.35], [H7.07.01.36], [H7.07.01.37]. Trong giai đoạn 2015-2019, Nhà trường thực hiện tốt công tác tài chính và quản lý tài chính của Trường [H7.07.01.24], [H7.07.01.25], [H7.07.01.31], [H7.07.01.33].

Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 7.2. Hệ thống lập kế hoạch, bảo trì, đánh giá, nâng cấp cơ sở vật chất và cơ sở hạ tầng bao gồm các phương tiện dạy và học, các phòng thí nghiệm, thiết bị và công cụ v.v... để đáp ứng các nhu cầu về ĐT, NCKH và PVCĐ được thiết lập và vận hành

Năm 2012, Nhà trường thành lập Phòng HC - CTSV, trong đó có bộ phận chuyên trách phụ trách về CSVC và hạ tầng, trang thiết bị dạy học [H7.07.02.01]. Đến năm 2018, Nhà trường chuyển đổi Phòng HC - CTSV thành Phòng HC - DVSV [H7.07.02.02]. Phòng HC - DVSV có phân công nhân sự chuyên trách quản lý về CSVC và hạ tầng, trang thiết bị dạy học của Trường, trong đó thực hiện lập kế hoạch đầu tư, bảo trì, đánh giá, nâng cấp CSVC và hạ tầng các phương tiện dạy và học, các phòng thí nghiệm, thiết bị phục vụ hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ của Trường [H7.07.02.03], [H7.07.02.04]. Các nhân sự thực hiện công tác chuyên trách phụ trách về CSVC và hạ tầng, trang thiết bị dạy học của Nhà trường thường xuyên được cử tham dự các khóa tập huấn nhằm cập nhật các quy định về đấu thầu, quản lý CSVC, phòng chống cháy nổ... [H7.07.02.05], [H7.07.02.06]. Trong thành phần BGH Nhà trường có phân công Hiệu trưởng phụ trách về công tác CSVC của Nhà trường trong

đó chỉ đạo thực hiện lập kế hoạch đầu tư, bảo trì, đánh giá, nâng cấp CSVC và hạ tầng các phương tiện dạy và học, các phòng thí nghiệm, thiết bị phục vụ hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ của Trường [H7.07.02.07].

Trong KHCL Trường Đại học Quốc tế Sài Gòn giai đoạn 2009-2016 tầm nhìn 2020, KHCL Trường Đại học Quốc tế Sài Gòn giai đoạn 2017-2025 tầm nhìn 2030 của Nhà trường luôn có các mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể về CSVC, trang thiết bị nhằm phục vụ việc thực hiện các hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ theo SM, TN và các mục tiêu chiến lược của Trường [H7.07.02.08], [H7.07.02.09], [H7.07.02.10], [H7.07.02.11]. Bên cạnh đó, trong nội dung kế hoạch trung hạn giai đoạn 2017-2020 cũng như kế hoạch năm học hàng năm của Nhà trường luôn có các nội dung về phát triển CSVC, trang thiết bị để phục vụ các hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ của Trường [H7.07.02.12], [H7.07.02.13]. Đặc biệt, Nhà trường đã ban hành KHCL về CSVC của Trường Đại học Quốc tế Sài Gòn giai đoạn 2017-2025 với các mục tiêu, chỉ tiêu về cơ sở hạ tầng được xây dựng theo mô hình giáo dục phát triển của Hoa Kỳ trong đó ưu tiên sử dụng nguồn kinh phí thường xuyên vào trang bị cơ sở vật chất, điều chỉnh lại quy hoạch không gian các cơ sở theo chuẩn quốc tế, xây dựng thêm phòng học, phòng thí nghiệm, tiếp tục đầu tư nâng cấp thư viện, tham gia mạng lưới các thư viện trong nước và quốc tế... với các trang thiết bị dạy học hiện đại [H7.07.02.14]. Nhà trường thông báo các KHCL, kế hoạch trung hạn và kế hoạch năm học đến các đơn vị để triển khai thực hiện [H7.07.02.09], [H7.07.02.11], [H7.07.02.12]. Trong nghị quyết HĐQT của Nhà trường luôn chỉ đạo các đơn vị tập trung xây dựng, nâng cấp, bảo trì CSVC, trang thiết bị nhằm phát triển và đảm bảo phục vụ các hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ của Trường [H7.07.02.15]. Tại các cuộc họp của HĐQT cũng như các cuộc họp giao ban định kỳ, HĐQT, BGH quán triệt các đơn vị tập trung cho công tác đầu tư, bảo trì, bảo quản CSVC, trang thiết bị của Trường [H7.07.02.16]. Đầu mỗi năm học, Phòng HC – DSVS gửi thông báo đến các đơn vị về việc đề xuất nhu cầu CSVC, trang thiết bị phục vụ hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ [H7.07.02.17]. Căn cứ đề xuất của các đơn vị và dự kiến nhu cầu thực tiễn về CSVC, trang thiết bị phục vụ hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ của Trường, Phòng HC – DSVS tham mưu BGH Nhà trường phê duyệt kế hoạch đầu tư, nâng cấp, bảo trì CSVC, trang thiết bị và triển khai thực hiện [H7.07.02.18], [H7.07.02.19]. Hàng năm, Nhà trường luôn dành kinh phí chi cho hoạt động nâng cấp, bảo trì CSVC, trang thiết bị của Trường [H7.07.02.20], [H7.07.02.21]. Nhà trường ban hành quy định quản lý CSVC, trang thiết bị, trong đó có quy định về việc nâng cấp, bảo trì CSVC, trang thiết bị của Trường [H7.07.02.22]. Nhà trường thông báo quy định quản lý CSVC, trang thiết bị đến các đơn vị để thực hiện và phổ biến đến CB, GV, NV, SV biết để thực hiện [H7.07.02.23]. Hoạt động nâng cấp, bảo trì CSVC, trang thiết bị của Trường trong giai đoạn 2015-2019 luôn được thực hiện đúng quy định và kế hoạch đã ban hành [H7.07.02.24], [H7.07.02.25].

Căn cứ quy định quản lý CSVC, trang thiết bị do Nhà trường ban hành, kết thúc năm học, Phòng HC - DSVS triển khai kiểm kê số lượng, chất lượng CSVC, trang thiết bị của Trường [H7.07.02.26]. Bên cạnh đó, Phòng HC - DSVS triển khai sổ theo dõi sử dụng phòng thực hành, phòng máy, mượn và trả trang thiết bị của Trường và trên cơ sở đó, hàng năm, Phòng HC - DSVS thực hiện báo cáo theo dõi đánh giá sử dụng trang thiết bị phục vụ hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ của Trường [H7.07.02.27]. Tại các phòng học, phòng thực hành của Nhà trường luôn có số điện thoại khẩn cấp để GV, SV liên hệ trong trường hợp cần sự hỗ trợ của cán bộ, nhân viên [H7.07.02.28]. Bên cạnh đó, Phòng HC - DSVS thực hiện báo cáo đánh giá về hiệu quả đầu tư và cải

thiện CSVC và cơ sở hạ tầng, các phương tiện dạy và học, các phòng thí nghiệm, thiết bị [H7.07.02.29]. Ngoài ra, trong báo cáo tổng kết năm học và báo cáo hội nghị Người lao động hàng năm của Nhà trường có nội dung đánh giá về hiệu quả đầu tư và sử dụng CSVC và cơ sở hạ tầng, trang thiết bị phục vụ hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ của Trường [H7.07.02.30], [H7.07.02.31], [H7.07.02.32]. Phòng HC - DVSV là đơn vị thực hiện theo dõi, đánh giá sử dụng trang thiết bị phục vụ hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ; lưu trữ CSDL về CSVC, trang thiết bị và kết quả theo dõi, đánh giá hiệu quả sử dụng CSVC, trang thiết bị của Trường [H7.07.02.33]. Bên cạnh đó, Phòng HC - DVSV thực hiện báo cáo theo dõi đánh giá sử dụng trang thiết bị phục vụ ĐT, NCKH, PVCĐ hằng năm của Trường [H7.07.02.34]. Trong nội dung khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan có nội dung khảo sát mức độ đáp ứng của CSVC, trang thiết bị của Trường đối với hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ [H7.07.02.35], [H7.07.02.36]. Trong giai đoạn 2015-2019, ý kiến của CB, GV, NV, SV Nhà trường hài lòng về mức độ đáp ứng của CSVC, trang thiết bị của Trường đối với hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ [H7.07.02.32], [H7.07.02.37], [H7.07.02.38].

Căn cứ kết quả kiểm kê, rà soát, đánh giá hàng năm về CSVC và cơ sở hạ tầng, trang thiết bị phục vụ hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ, Nhà trường áp dụng nhiều biện pháp tăng cường, cải thiện CSVC, cơ sở hạ tầng và trang thiết bị phục vụ hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ của Trường và được thể hiện trong kế hoạch năm học [H7.07.02.13], [H7.07.02.26], [H7.07.02.29], [H7.07.02.32], [H7.07.02.34], [H7.07.02.37], [H7.07.02.38]. Nguồn kinh phí Nhà trường chi cho việc tăng cường, nâng cấp CSVC, cơ sở hạ tầng và trang thiết bị tăng qua từng năm [H7.07.02.20], [H7.07.02.29]. Trong giai đoạn 2015-2019, Nhà trường đã xây dựng mới 01 cơ sở, nâng cấp hệ thống wifi, bổ sung thêm nhiều thiết bị thực hành [H7.07.02.33], [H7.07.02.39]. Bên cạnh đó, Nhà trường trang bị mới sàn khởi nghiệp, nhà hát, thư viện [H7.07.02.33], [H7.07.02.39].

Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 7.3. Hệ thống lập kế hoạch, bảo trì, kiểm toán, nâng cấp các thiết bị công nghệ thông tin và cơ sở hạ tầng như máy tính, hệ thống mạng, hệ thống dự phòng, bảo mật và quyền truy cập để đáp ứng các nhu cầu về ĐT, NCKH và PVCĐ được thiết lập và vận hành

Năm 2012, Nhà trường thành lập Phòng HC - CTSV, trong đó có bộ phận chuyên trách phụ trách về về CNTT và cơ sở hạ tầng CNTT [H7.07.03.01]. Đến năm 2018, Nhà trường thành lập Phòng HC - DVSV [H7.07.03.02]. Trong nhân sự của Phòng Phòng HC - DVSV có phân công nhân sự chuyên trách quản lý về CNTT và cơ sở hạ tầng CNTT [H7.07.03.03], [H7.07.03.04]. Các nhân sự thực hiện công tác chuyên trách phụ trách về CNTT của Trường được đào tạo về CNTT và được cử tham dự các khóa tập huấn cũng như tham gia các hội nghị, hội thảo về CNTT [H7.07.03.05]. Bên cạnh đó, năm 2012, Nhà trường thành lập Khoa CNTT và tham gia hỗ trợ tích cực cho công tác quản lý CNTT của Trường [H7.07.03.06], [H7.07.03.07], [H7.07.03.08].

Trong KHCL Trường Đại học Quốc tế Sài Gòn giai đoạn 2009-2016 tầm nhìn 2020, KHCL Trường Đại học Quốc tế Sài Gòn giai đoạn 2017-2025 tầm nhìn 2030 đã được ban hành và thực hiện luôn có các mục tiêu, chỉ tiêu đầu tư cụ thể về thiết bị CNTT và cơ sở hạ tầng CNTT như máy tính, hệ thống mạng, hệ thống dự phòng, bảo mật và quyền truy cập [H7.07.03.09], [H7.07.03.10], [H7.07.03.11], [H7.07.03.12].

Bên cạnh đó, trong nội dung kế hoạch trung hạn giai đoạn 2017-2020 cũng như kế hoạch năm học hàng năm của Nhà trường luôn có các nội dung về tăng cường thiết bị CNTT và cơ sở hạ tầng CNTT [H7.07.03.13], [H7.07.03.14]. Trong KHCL về CSVCL của Nhà trường giai đoạn 2017-2025 có các nội dung tăng cường CNTT và cơ sở hạ tầng CNTT [H7.07.03.15]. Nhà trường thông báo các KHCL, kế hoạch trung hạn và kế hoạch năm học đến các đơn vị để triển khai thực hiện [H7.07.03.10], [H7.07.03.12].

Đầu mỗi năm học, Phòng HC - DSVS gửi thông báo đến các đơn vị về việc đề xuất nhu cầu về trang thiết bị CNTT phục vụ hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ [H7.07.03.16], [H7.07.03.17]. Căn cứ đề xuất của các đơn vị và dự kiến nhu cầu thực tiễn về thiết bị CNTT và cơ sở hạ tầng như máy tính, hệ thống mạng, hệ thống dự phòng, bảo mật và quyền truy cập, Phòng HC - DSVS tham mưu BGH Nhà trường phê duyệt kế hoạch đầu tư, nâng cấp, bảo trì thiết bị CNTT và cơ sở hạ tầng như máy tính, hệ thống mạng, hệ thống dự phòng, bảo mật và quyền truy cập và triển khai thực hiện [H7.07.03.18]. Hàng năm, Nhà trường luôn dành kinh phí chi cho hoạt động trang bị, nâng cấp, bảo trì thiết bị CNTT và cơ sở hạ tầng như máy tính, hệ thống mạng, hệ thống dự phòng, bảo mật và quyền truy cập [H7.07.03.19], [H7.07.03.20]. Nhà trường ban hành văn bản quy định về việc sử dụng CNTT, trong đó có quy định rõ về bảo mật và quyền truy cập [H7.07.03.21]. Nhà trường thông báo quy định về việc sử dụng CNTT đến các đơn vị để phổ biến CB, GV, NV, SV thực hiện [H7.07.03.22]. Nhà trường cung cấp địa chỉ email công vụ cho tất cả CB, GV, NV, SV và yêu cầu sử dụng trong quá trình trao đổi công việc nhằm đảm bảo tính bảo mật của thông tin [H7.07.03.23], [H7.07.03.24]. Bên cạnh đó, Nhà trường trang bị và thường xuyên cập nhật phần mềm diệt virus có bản quyền để bảo đảm các trang thiết bị CNTT và hạ tầng CNTT của Trường [H7.07.03.25]. Nhà trường đồng thời trang bị mỗi phòng Khoa 01 ổ cứng để thường xuyên sao lưu dữ liệu [H7.07.03.26]. Đối với hệ thống mạng, Nhà trường hợp đồng với công ty viễn thông Viettel, VNPT để cung cấp hệ thống mạng cho Trường và phủ sóng trong toàn trường [H7.07.03.27]. Trong giai đoạn 2015-2019, Nhà trường đầu tư mới hệ thống wifi sử dụng toàn trường, trang thiết bị CNTT và cơ sở hạ tầng CNTT [H7.07.03.28].

Kết thúc năm học, Phòng HC - DSVS triển khai kiểm kê số lượng, chất lượng trang thiết bị CNTT và cơ sở hạ tầng CNTT như máy tính, hệ thống mạng, hệ thống dự phòng, bảo mật và quyền truy cập [H7.07.03.29], [H7.07.03.30]. Bên cạnh đó, Phòng HC - DSVS triển khai sổ theo dõi sử dụng trang thiết bị CNTT của Trường và trên cơ sở đó, hàng năm, Phòng HC - DSVS thực hiện báo cáo theo dõi đánh giá sử dụng các thiết bị CNTT và cơ sở hạ tầng CNTT phục vụ hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ của Trường [H7.07.03.31], [H7.07.03.32]. Bên cạnh đó, Phòng HC - DSVS thực hiện báo cáo đánh giá về hiệu quả đầu tư và cải thiện các thiết bị CNTT và cơ sở hạ tầng CNTT [H7.07.03.33]. Ngoài ra, trong báo cáo tổng kết năm học và báo cáo hội nghị Người lao động hàng năm của Nhà trường có nội dung đánh giá về hiệu quả đầu tư và sử dụng các thiết bị CNTT và cơ sở hạ tầng CNTT phục vụ hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ của Trường [H7.07.03.34], [H7.07.03.35].

Phòng HC - DSVS là đơn vị thực hiện lưu trữ CSDL về các thiết bị CNTT và cơ sở hạ tầng CNTT, kết quả theo dõi, đánh giá hiệu quả sử dụng các thiết bị CNTT và cơ sở hạ tầng CNTT của Trường [H7.07.03.36]. Trong nội dung khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan có nội dung khảo sát mức độ đáp ứng của các thiết bị CNTT và cơ sở hạ tầng CNTT của Trường đối với hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ

[H7.07.03.37], [H7.07.03.38]. Trong giai đoạn 2015-2019, ý kiến của CB, GV, NV, SV Nhà trường hài lòng về mức độ đáp ứng của các thiết bị CNTT và cơ sở hạ tầng CNTT của Trường đối với hoạt động ĐT, NCKH, PVCD [H7.07.03.39], [H7.07.03.40].

Căn cứ kết quả kiểm kê, rà soát, đánh giá hàng năm về các thiết bị CNTT và cơ sở hạ tầng CNTT phục vụ hoạt động ĐT, NCKH, PVCD, Nhà trường áp dụng nhiều biện pháp tăng cường, cải thiện CSVC, cơ sở hạ tầng và trang thiết bị phục vụ hoạt động ĐT, NCKH, PVCD của Trường và được thể hiện trong kế hoạch năm học [H7.07.03.14]. Nguồn kinh phí Nhà trường chi cho việc tăng cường, nâng cấp các thiết bị CNTT và cơ sở hạ tầng CNTT tăng qua từng năm [H7.07.03.19], [H7.07.03.20], [H7.07.03.41], [H7.07.03.42]. Trong giai đoạn 2015-2019, Nhà trường đã trang bị mới hệ thống wifi, nâng cấp hệ thống mạng [H7.07.03.27], [H7.07.03.28]. Bên cạnh đó, Nhà trường xây dựng cơ sở hạ tầng CNTT hiện đại [H7.07.03.36].

Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 7.4. Hệ thống lập kế hoạch, bảo trì, đánh giá và tăng cường các nguồn lực học tập như nguồn học liệu của thư viện, thiết bị hỗ trợ giảng dạy, cơ sở dữ liệu trực tuyến để đáp ứng các nhu cầu về ĐT, NCKH và PVCD được thiết lập và vận hành

Thư viện Nhà trường được thành lập năm 2007 với chức năng, nhiệm vụ quản trị nguồn lực học tập của Trường [H7.07.04.01]. Hiện nay, Thư viện Nhà trường có 2 nhân sự [H7.07.04.02]. Các nhân sự của Thư viện được đào tạo về chuyên môn nghiệp vụ và hàng năm được Nhà trường cử tham gia các khóa tập huấn, các hội nghị, hội thảo về công tác thư viện [H7.07.04.03], [H7.07.04.04]. Thư viện Nhà trường đặt tại cơ sở Đông A, Fleming và Khu truyền thông dã ngoại. Thư viện hiện gồm có diện tích 1793m² [H7.07.04.05], [H7.07.04.06].

Trong KHCL Trường Đại học Quốc tế Sài Gòn giai đoạn 2009-2016 tầm nhìn 2020, KHCL Trường Đại học Quốc tế Sài Gòn giai đoạn 2017-2025 tầm nhìn 2030 đã được ban hành và thực hiện luôn có các mục tiêu, chỉ tiêu đầu tư về thư viện và nguồn học liệu của thư viện, thiết bị hỗ trợ giảng dạy, cơ sở dữ liệu trực tuyến [H7.07.04.07], [H7.07.04.08]. Bên cạnh đó, trong nội dung kế hoạch trung hạn giai đoạn 2017-2020 cũng như kế hoạch năm học hàng năm của Nhà trường luôn có các nội dung về tăng cường nguồn học liệu của thư viện, thiết bị hỗ trợ giảng dạy, cơ sở dữ liệu trực tuyến [H7.07.04.09], [H7.07.04.10]. Trong KHCL về CSVC của Trường Đại học Quốc tế Sài Gòn giai đoạn 2017-2025 có các nội dung tăng cường nguồn học liệu của thư viện, thiết bị hỗ trợ giảng dạy, cơ sở dữ liệu trực tuyến [H7.07.04.11].

Đầu mỗi năm học, Thư viện Nhà trường gửi thông báo đến các đơn vị về việc bổ sung nguồn tài liệu phục vụ hoạt động giảng dạy và học tập, NCKH [H7.07.04.12]. Căn cứ đề xuất của các đơn vị và dự kiến nhu cầu nguồn tài liệu phục vụ hoạt động giảng dạy và học tập, NCKH, Thư viện tổng hợp thành kế hoạch đầu tư, bảo trì các nguồn lực học tập, trình Hiệu trưởng Nhà trường phê duyệt và triển khai thực hiện [H7.07.04.13], [H7.07.04.14]. Hàng năm, Nhà trường luôn dành kinh phí chi cho việc mua sắm, đầu tư, bảo trì các nguồn lực học tập của Trường [H7.07.04.15], [H7.07.04.16]. Bên cạnh đó, Thư viện Nhà trường thiết lập mối quan hệ liên kết với thư viện của nhiều trường đại học trong và ngoài nước [H7.07.04.17]. Trên cơ sở đó, Thư viện Nhà trường tiếp nhận được nhiều sách và cơ sở dữ liệu trực tuyến như:

search.credoreference.com, MIT OpenCourseware, Coursera, ... [H7.07.04.18]. Hàng năm, Nhà trường chi kinh phí trung bình 48.000.000 đồng để mua hệ thống cơ sở dữ liệu trực tuyến nhằm phục vụ hoạt động giảng dạy, NCKH của GV và SV [H7.07.04.19]. Trong Quy chế chi tiêu của Nhà trường có quy định chế độ động viên, khuyến khích GV soạn thảo và xuất bản giáo trình [H7.07.04.16]. Để quản lý có hiệu quả, Thư viện sử dụng phần mềm quản lý thư viện Azlib [H7.07.04.20]. Ngoài ra, Thư viện Nhà trường ban hành nội quy của thư viện, gửi đến các đơn vị để thông báo, phổ biến CB, GV, NV, SV biết và thực hiện [H7.07.04.21]. Thư viện Nhà trường áp dụng nhiều quy trình nghiệp vụ trong quản trị nguồn lực học tập của Trường [H7.07.04.22], [H7.07.04.23], [H7.07.04.24], [H7.07.04.25]. Hàng năm, Thư viện Nhà trường tiến hành kiểm kê nguồn tài liệu học tập của Trường [H7.07.04.26], [H7.07.04.27]. Bên cạnh đó, Thư viện Nhà trường sử dụng phần mềm quản lý thư viện để theo dõi số lượng bạn đọc đến thư viện cũng như sử dụng các dịch vụ của thư viện [H7.07.04.20]. Trên cơ sở đó, hàng năm, Thư viện thực hiện báo cáo theo dõi đánh giá các nguồn lực học tập như nguồn học liệu của thư viện, thiết bị hỗ trợ giảng dạy, CSDL trực tuyến phục vụ hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ của Trường [H7.07.04.28]. Bên cạnh đó, hàng năm, Phòng TC-NS thực hiện báo cáo đánh giá về hiệu quả đầu tư bảo trì các nguồn lực học tập như nguồn học liệu của thư viện, thiết bị hỗ trợ giảng dạy, CSDL trực tuyến [H7.07.04.29]. Ngoài ra, trong báo cáo tổng kết năm học và báo cáo hội nghị Người lao động hàng năm của Nhà trường có nội dung đánh giá về hiệu quả đầu tư và sử dụng nguồn lực học tập của Trường [H7.07.04.30], [H7.07.04.31], [H7.07.04.32].

Thư viện là đơn vị thực hiện lưu trữ CSDL về nguồn lực học tập và dữ liệu theo dõi, đánh giá hiệu quả sử dụng các nguồn lực học tập như nguồn học liệu của thư viện, thiết bị hỗ trợ giảng dạy, CSDL trực tuyến [H7.07.04.33]. Thư viện Nhà trường đồng thời thực hiện Sổ góp ý để tiếp thu ý kiến của bạn đọc [H7.07.04.34]. Hàng năm, Nhà trường ban hành kế hoạch khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan, trong đó có nội dung khảo sát mức độ đáp ứng của các nguồn lực học tập đối với hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ [H7.07.04.35], [H7.07.04.36]. Trong giai đoạn 2015-2019, ý kiến của CB, GV, NV, SV Nhà trường hài lòng về mức độ đáp ứng của các nguồn lực học tập của Trường đối với hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ [H7.07.04.37], [H7.07.04.38].

Căn cứ kết quả kiểm kê, rà soát, đánh giá hàng năm về các nguồn lực học tập phục vụ hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ, Nhà trường áp dụng nhiều biện pháp tăng cường, bổ sung nguồn lực học tập phục vụ hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ của Trường và được thể hiện trong kế hoạch năm học [H7.07.04.10]. Nguồn kinh phí Nhà trường chi cho việc tăng cường, bổ sung nguồn lực học tập tăng qua từng năm [H7.07.04.15], [H7.07.04.16], [H7.07.04.39], [H7.07.04.40]. Thư viện hiện có 15490 đầu sách với 11639 sách trong nước, 3851 của nước ngoài, 1054 tạp chí [H7.07.04.33]. Bên cạnh đó, Thư viện được trang bị 38 bộ máy tính được nối mạng [H7.07.04.33]. Trong giai đoạn 2015-2019, Nhà trường đã bổ sung 903 sách, 21 tạp chí, 119.448 CSDL trực tuyến nhằm phục vụ tốt hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ của Trường [H7.07.04.41], [H7.07.04.42].

Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 7.5. Hệ thống lập kế hoạch, thực hiện, đánh giá, và cải tiến môi trường, sức khỏe, sự an toàn và khả năng tiếp cận của những người có nhu cầu đặc biệt được thiết lập và vận hành

Nhà trường phân công Phòng HC - DVSV phối hợp với Phòng TS&CTSV chịu trách nhiệm về các hoạt động quản lý môi trường, sức khỏe, an toàn và khả năng tiếp cận của những người có nhu cầu đặc biệt [H7.07.05.01], [H7.07.05.02], [H7.07.05.03], [H7.07.05.04], [H7.07.05.05], [H7.07.05.06], [H7.07.05.07], [H7.07.05.08]. Phòng HC - DVSV và Phòng TS&CTSV phân công nhân sự của Phòng để triển khai và phối hợp triển khai các hoạt động quản lý môi trường, sức khỏe, an toàn và khả năng tiếp cận của những người có nhu cầu đặc biệt của Trường [H7.07.05.02], [H7.07.05.03], [H7.07.05.05], [H7.07.05.06]. Hàng năm, các nhân sự quản lý môi trường, sức khỏe, an toàn và khả năng tiếp cận của những người có nhu cầu đặc biệt của Trường được cử tham dự các khóa tập huấn, hội nghị, hội thảo về quản lý môi trường, sức khỏe, an toàn trong trường nói chung và khả năng tiếp cận của những người có nhu cầu đặc biệt [H7.07.05.09].

Trong KHCL Trường Đại học Quốc tế Sài Gòn giai đoạn 2009-2016 tầm nhìn 2020, KHCL Trường Đại học Quốc tế Sài Gòn giai đoạn 2017-2025 tầm nhìn 2030 đã được ban hành và thực hiện luôn có các mục tiêu, chỉ tiêu đầu tư cụ thể về môi trường, sức khỏe, sự an toàn của người người học nói chung và khả năng tiếp cận của những người có nhu cầu đặc biệt nói riêng [H7.07.05.10], [H7.07.05.11]. Bên cạnh đó, trong nội dung kế hoạch trung hạn giai đoạn 2017-2020 cũng như kế hoạch năm học hàng năm của Nhà trường luôn có các nội dung đầu tư về môi trường, sức khỏe, sự an toàn của người người học nói chung và khả năng tiếp cận của những người có nhu cầu đặc biệt nói riêng [H7.07.05.12], [H7.07.05.13]. Trong KHCL về CSVC của Trường Đại học Quốc tế Sài Gòn giai đoạn 2017-2025 có các nội dung tăng cường đầu tư về môi trường, sức khỏe, sự an toàn của người người học nói chung và khả năng tiếp cận của những người có nhu cầu đặc biệt nói riêng [H7.07.05.14].

Trong cuộc họp giao ban đầu năm học giữa BGH với lãnh đạo các đơn vị, Nhà trường luôn xem xét nhu cầu về môi trường, sức khỏe, sự an toàn và khả năng tiếp cận của người học nói chung và đối với những người có nhu cầu đặc biệt nói riêng [H7.07.05.15]. Bên cạnh đó, tại các cuộc họp giao ban định kỳ, Nhà trường luôn chú trọng các đơn vị về môi trường, sức khỏe, sự an toàn và khả năng tiếp cận của những người có nhu cầu đặc biệt [H7.07.05.15]. Nhà trường thiết kế lối đi riêng cho người học có nhu cầu đặc biệt [H7.07.05.16]. Nhà trường hợp đồng với Công ty bảo vệ Thành Hưng để bảo vệ an toàn cho CB, GV, NV, SV trong khuôn viên của Trường [H7.07.05.17]. Đội ngũ bảo vệ Nhà trường là những người có chuyên môn nghiệp vụ, được đào tạo và thường xuyên tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ bảo vệ và trực đảm bảo trực tại Trường 24/24 giờ [H7.07.05.18], [H7.07.05.19]. Bên cạnh đó, Nhà trường lắp đặt hệ thống camera trong khuôn viên Trường để tăng cường đảm bảo an ninh, an toàn cho CB, GV, NV, SV [H7.07.05.20], [H7.07.05.21], [H7.07.05.22]. Các dãy phòng học, giảng đường, phòng làm việc của Nhà trường đều được trang bị hệ thống các bình chữa cháy và hướng dẫn lối thoát hiểm rõ ràng [H7.07.05.23], [H7.07.05.24]. Cảnh quan của Nhà trường luôn sạch đẹp, an toàn, thân thiện [H7.07.05.25]. Nhà trường có 1 nhân sự đảm nhiệm chăm sóc y tế cho CB, GV, NV, SV của Trường [H7.07.05.26], [H7.07.05.27], [H7.07.05.28]. Nhân sự đảm nhiệm

công tác y tế của Trường thường xuyên tham gia các khóa tập huấn, bồi dưỡng nhằm nâng cao kỹ năng, nghiệp vụ chăm sóc y tế cho CB, GV, NV và SV của Trường [H7.07.05.27]. Hàng năm, căn cứ nhu cầu đề xuất về kinh phí của Phòng HC - DVSV, Phòng TS&CTSV về đầu tư cho môi trường, sức khỏe, sự an toàn và khả năng tiếp cận của những người có nhu cầu đặc biệt, Nhà trường dành kinh phí đầu tư cho môi trường, sức khỏe, sự an toàn của CB, GV, NV, SV nói chung và những người có nhu cầu đặc biệt nói riêng [H7.07.05.29], [H7.07.05.30], [H7.07.05.31]. Nhà trường ký cam kết với Công an Phường Thảo Điền để tăng cường hỗ trợ an ninh, trật tự nhằm đảm bảo an toàn cho CB, GV, NV, SV của Trường [H7.07.05.32].

Năm 2019, Nhà trường thực hiện báo cáo về việc đầu tư cho môi trường, sức khỏe, sự an toàn và khả năng tiếp cận của những người có nhu cầu đặc biệt giai đoạn 2015-2019 [H7.07.05.33]. Bên cạnh đó, năm 2019, Nhà trường thực hiện báo cáo đánh giá hiệu quả đầu tư, cải thiện đối với môi trường, sức khỏe, sự an toàn và khả năng tiếp cận của những người có nhu cầu đặc biệt giai đoạn 2015-2019 [H7.07.05.34]. Ngoài ra, việc đánh giá về môi trường, sức khỏe, sự an toàn và khả năng tiếp cận của những người có nhu cầu đặc biệt được thể hiện trong báo cáo tổng kết năm học và báo cáo Hội nghị người lao động hàng năm [H7.07.05.35], [H7.07.05.36]. Ngoài ra, trong nội dung họp giao ban giữa BGH với lãnh đạo các đơn vị, Nhà trường thường xuyên theo dõi, đánh giá về môi trường, sức khỏe, sự an toàn và khả năng tiếp cận của những người có nhu cầu đặc biệt [H7.07.05.15].

Phòng HC - DVSV là đơn vị thực hiện lưu trữ CSDL về người học có nhu cầu đặc biệt cũng như dữ liệu theo dõi, đánh giá, cải thiện hiệu quả đầu tư cải tiến môi trường, sức khỏe, sự an toàn và khả năng tiếp cận của những người có nhu cầu đặc biệt của Trường [H7.07.05.02], [H7.07.05.03]. Phòng HC - DVSV tiến hành thống kê số lượng người học có nhu cầu đặc biệt của Trường [H7.07.05.37]. Trong giai đoạn 2015-2019, Nhà trường không có người học là những người có nhu cầu đặc biệt của các bên liên quan về hoạt động của Nhà trường [H7.07.05.37]. Hàng năm, Nhà trường ban hành kế hoạch khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan, trong đó có nội dung khảo sát về môi trường, sức khỏe, sự an toàn và khả năng tiếp cận của người học [H7.07.05.38], [H7.07.05.39].

Căn cứ kết quả rà soát, đánh giá hàng năm về môi trường, sức khỏe, sự an toàn và khả năng tiếp cận của người học nói chung và người học có nhu cầu đặc biệt nói riêng, Nhà trường xác định trong kế hoạch năm học hàng năm và triển khai nhiều hoạt động cải tiến về môi trường, sức khỏe, sự an toàn và khả năng tiếp cận của người học như: lắp đèn diệt côn trùng xung quanh khuôn viên trường, lắp hệ thống xử lý nước thải... [H7.07.05.13], [H7.07.05.35], [H7.07.05.36]. Nguồn kinh phí Nhà trường chi cho việc tăng cường, cải tiến môi trường, sức khỏe, sự an toàn và khả năng tiếp cận của người học tăng qua từng năm [H7.07.05.30], [H7.07.05.31]. Trong giai đoạn 2015-2019, tất cả CB, GV, NV, SV được đảm bảo an toàn trong khuôn viên Nhà trường [H7.07.05.35], [H7.07.05.36].

Tự đánh giá: 5/7

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 7:

1. Tóm tắt các điểm mạnh:

- Nhà trường phân công nhiệm vụ cụ thể cho các đơn vị thực hiện việc xây dựng kế hoạch, theo dõi giám sát việc phát triển các nguồn lực tài chính; đầu tư, bảo

trì, đánh giá, nâng cấp CSVC và hạ tầng các phương tiện dạy và học, các phòng thí nghiệm, thiết bị CNTT và hạ tầng CNTT; các nguồn lực học tập phục vụ ĐT, NCKH và PVCĐ.

- Nhà trường phân công nhiệm vụ cho các đơn vị quản trị về môi trường, sức khỏe, sự an toàn và khả năng tiếp cận của những người có nhu cầu đặc biệt của Trường.

- Các nhân sự thực hiện công tác về tài chính, quản lý CSVC, quản lý các thiết bị CNTT, quản trị nguồn lực học tập cũng như quản lý môi trường, sức khỏe, sự an toàn và khả năng tiếp cận của những người có nhu cầu đặc biệt của Trường là những người được đào tạo về chuyên môn nghiệp vụ và thường xuyên tham gia các khóa đào tạo, tập huấn nâng cao trình độ và nghiệp vụ.

- Trong KHCL, kế hoạch trung hạn và kế hoạch hàng năm của Nhà trường luôn có các nội dung về tăng cường nguồn tài chính hợp pháp cũng như đầu tư về CSVC, trang thiết bị phục vụ ĐT, NCKH, PVCĐ; trang thiết bị CNTT và hạ tầng CNTT; nguồn lực học tập; môi trường, sức khỏe, sự an toàn và khả năng tiếp cận của những người có nhu cầu đặc biệt của Trường.

- Hàng năm, Nhà trường dành kinh phí chi đầu tư về CSVC, trang thiết bị phục vụ ĐT, NCKH, PVCĐ; trang thiết bị CNTT và hạ tầng CNTT; nguồn lực học tập; môi trường, sức khỏe, sự an toàn và khả năng tiếp cận của những người có nhu cầu đặc biệt của Trường.

- Các đơn vị của Nhà trường tích cực trong việc phát triển nguồn tài chính của Trường để phục vụ ĐT, NCKH và PVCĐ.

Nhà trường tập trung triển khai nhiều biện pháp đầu tư về CSVC, trang thiết bị phục vụ ĐT, NCKH, PVCĐ; trang thiết bị CNTT và hạ tầng CNTT; nguồn lực học tập; môi trường, sức khỏe, sự an toàn và khả năng tiếp cận của những người có nhu cầu đặc biệt của Trường.

Hàng năm, Nhà trường tiến hành rà soát, đánh giá về hiệu quả đầu tư tài chính và hiệu quả đầu tư CSVC, trang thiết bị phục vụ ĐT, NCKH, PVCĐ; trang thiết bị CNTT và hạ tầng CNTT; nguồn lực học tập; môi trường, sức khỏe, sự an toàn và khả năng tiếp cận của những người có nhu cầu đặc biệt của Trường.

Nhà trường luôn quan tâm đầu tư môi trường, sức khỏe, sự an toàn và khả năng tiếp cận của người học nói chung và người học có nhu cầu đặc biệt.

Trong giai đoạn 2015-2019, Nhà trường không có sai phạm về công tác tài chính và quản lý tài chính.

- Kết quả khảo sát ý kiến các bên liên quan thể hiện mức độ hài lòng về CSVC, hạ tầng, các phương tiện dạy và học, các phòng thí nghiệm, thiết bị dạy học; các thiết bị CNTT và cơ sở hạ tầng; nguồn lực học tập của Trường.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại:

Một số dịch vụ hỗ trợ người học có nhu cầu đặc biệt được triển khai còn hạn chế.

3. Kế hoạch cải tiến:

Từ học kỳ 2 năm học 2019-2020 và những năm học tiếp theo, Nhà trường mở rộng thêm các dịch vụ hỗ trợ người học có nhu cầu đặc biệt để đáp ứng tốt hơn nhu cầu của người học có nhu cầu đặc biệt.

4. Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Tự đánh giá
Tiêu chuẩn 7	5
Tiêu chí 7.1	5
Tiêu chí 7.2	5
Tiêu chí 7.3	5
Tiêu chí 7.4	5
Tiêu chí 7.5	5

Tiêu chuẩn 8. Các mạng lưới và quan hệ đối ngoại

Tiêu chí 8.1. Có kế hoạch phát triển các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại để đạt được TN, SM và các mục tiêu chiến lược của cơ sở giáo dục

Phòng KH và HTQT được Nhà trường giao chức năng tham mưu, giúp việc cho Hiệu trưởng trong công tác HTQT, có chịu trách nhiệm xây dựng kế hoạch, theo dõi giám sát các hoạt động đối ngoại đúng quy định [H8.08.01.01], [H8.08.01.02], [H8.08.01.07]. Phòng KH & HTQT hiện có 3 nhân sự, bao gồm: 1 Trưởng phòng, 1 Phó Trưởng phòng, 1 nhân viên, trong đó có phân công 1 nhân viên thực hiện công tác quản lý về hoạt động đối ngoại của Trường theo quy định chung của Bộ GD&ĐT và của Nhà trường, [H8.08.01.03], [H8.08.01.04], [H8.08.01.05]. Hàng năm, nhân sự của Nhà trường cùng phòng KH & HTQT được cử tham gia các khóa tập huấn về hoạt động đối ngoại để kịp thời triển khai quy định về công tác đối ngoại [H8.08.01.06]. Ở các Khoa, Nhà trường phân công 01 Phó Trưởng khoa phụ trách hoạt động đối ngoại của Khoa [H8.08.01.08], [H8.08.01.09]. Trong thành phần BGH Nhà trường phân công 01 Phó Hiệu trưởng phụ trách hoạt động HTQT của Trường [H8.08.01.10].

Căn cứ các văn bản của Chính phủ, Bộ Ngoại giao, Bộ Công an, UBND TP. HCM về quản lý hoạt động đối ngoại, Phòng KH & HTQT soạn thảo dự thảo quy định quản lý hoạt động HTQT, thông qua cuộc họp giữa BGH Nhà trường với lãnh đạo các đơn vị, trình Hiệu trưởng ký ban hành [H8.08.01.11], [H8.08.01.12], [H8.08.01.13], [H8.08.01.14], [H8.08.01.15], [H8.08.01.16]. Trong Quy định quản lý hoạt động HTQT quy định về cơ chế quản lý, kiểm tra, giám sát và phân cấp giữa các đơn vị trong hoạt động đối ngoại; quản lý CB, GV, NV của trường đi công tác, học tập trong và ngoài nước [H8.08.01.16]. Bên cạnh đó, trong KHCL giai đoạn 2009-2016 tầm nhìn 2020, KHCL giai đoạn 2017-2025 tầm nhìn 2030, kế hoạch trung hạn giai đoạn 2017-2020 và kế hoạch hằng năm của Nhà trường luôn có các KPIs về phát triển các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại bám sát SM, TN và các mục tiêu chiến lược của Trường [H8.08.01.17], [H8.08.01.18], [H8.08.01.19], [H8.08.01.20], [H8.08.01.21], [H8.08.01.22], [H8.08.01.23], [H8.08.01.24]. Ngoài ra, Nhà trường ban hành KHCL giai đoạn 2017-2025 về hoạt động HTQT, trên cơ sở đó ban hành kế hoạch trung hạn giai đoạn 2017-2020 về hoạt động HTQT và hằng năm Phòng KH & HTQT xây dựng kế hoạch năm học, trong đó thể hiện mục tiêu, chỉ tiêu phát triển các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại bám sát SM, TN và các mục tiêu chiến lược của Trường [H8.08.01.25], [H8.08.01.26], [H8.08.01.27].

Nhà trường đăng tải Quy định về hoạt động HTQT trên website của Trường và của Phòng KH và HTQT, của các Khoa [H8.08.01.28]. Bên cạnh đó, Quy định về hoạt động HTQT được thể hiện trong Sổ tay GV [H8.08.01.29]. Nhà trường gửi văn bản Quy định về hoạt động HTQT đến các đơn vị để thực hiện và phổ biến đến CB, GV, NV, SV biết và thực hiện [H8.08.01.30]. Tại các cuộc họp giao ban giữa BGH với lãnh đạo các đơn vị, BGH Nhà trường thường xuyên quán triệt, yêu cầu các đơn vị thực hiện đúng các quy định về đối ngoại và tập trung phát triển các mạng lưới và quan hệ đối ngoại, trong đó bám sát SM, TN và các mục tiêu chiến lược của Trường [H8.08.01.15]. Đồng thời tại các cuộc họp giao ban của các đơn vị, lãnh đạo các đơn vị phổ biến đến CB, GV, NV quy định về hoạt động HTQT của Trường [H8.08.01.31]. Đối với SV, tại Tuần Sinh hoạt công dân đầu khóa học và đầu năm học cũng như tại các buổi sinh hoạt lớp, các Khoa và CVHT thường xuyên nhắc nhở, lưu ý SV thực hiện đúng các quy định về đối ngoại [H8.08.01.32], [H8.08.01.33]. Trong giai đoạn

2015-2019, Nhà trường tích cực phát triển các mạng lưới và quan hệ đối ngoại bám sát SM, TN và các mục tiêu chiến lược của Trường [H8.08.01.34], [H8.08.01.35].

Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 8.2. Các chính sách, quy trình và thỏa thuận để thúc đẩy các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại được triển khai thực hiện

Trong nội dung Nghị quyết của HĐQT Nhà trường luôn có các chỉ đạo, định hướng triển khai phát triển các mạng lưới và quan hệ đối ngoại, các hoạt động đối ngoại [H8.08.02.01]. Tại các cuộc họp giao ban giữa BGH Nhà trường với lãnh đạo các đơn vị, BGH Nhà trường luôn triển khai và yêu cầu các đơn vị tập trung thực hiện các hoạt động đối ngoại dựa trên các văn bản ký kết [H8.08.02.02]. Bên cạnh đó, Ban chủ nhiệm các Khoa phổ biến, yêu cầu CB, GV tích cực tham gia phát triển hoạt động đối ngoại của Trường [H8.08.02.03]. Các đơn vị tích cực triển khai cụ thể các hoạt động đối ngoại đã được xác định trong KHCL giai đoạn 2017-2025 về hoạt động HTQT, kế hoạch trung hạn giai đoạn 2017-2020 về hoạt động HTQT và kế hoạch năm học hàng năm của Nhà trường [H8.08.02.04], [H8.08.02.05]. Trong giai đoạn 2015-2019, Nhà trường triển khai nhiều hoạt động đối ngoại với các trường đại học, các tổ chức giáo dục trên thế giới [H8.08.02.06], [H8.08.02.07], [H8.08.02.08], [H8.08.02.09], [H8.08.02.10], [H8.08.02.11].

Nhà trường triển khai các hoạt động đối ngoại theo Quy định về hoạt động HTQT của Trường ban hành [H8.08.02.12]. Các đơn vị tích cực triển khai các hoạt động đối ngoại theo KHCL giai đoạn 2017-2025 về hoạt động HTQT, kế hoạch trung hạn giai đoạn 2017-2020 về hoạt động HTQT và kế hoạch năm học hàng năm của Nhà trường [H8.08.02.04], [H8.08.02.05], [H8.08.02.06], [H8.08.02.07], [H8.08.02.08]. Theo đó, Nhà trường triển khai nhiều hoạt động đào tạo, trao đổi học thuật, trao đổi GV, người học với đối tác trong và ngoài nước dựa trên các văn bản hợp tác đã ký kết [H8.08.02.09], [H8.08.02.10], [H8.08.02.11]. Trong giai đoạn 2015-2019, Nhà trường đã cử nhiều CB, GV, NV tham gia học tập sau đại học ở nước ngoài cũng như tham gia các khóa tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ ở nước ngoài [H8.08.02.13], [H8.08.02.14]. Nhà trường đón tiếp GV đến tham quan, làm việc tại Trường và trong giai đoạn 2015-2019, Nhà trường hợp đồng nhiều người nước ngoài giảng dạy, nghiên cứu tại Trường [H8.08.02.15], [H8.08.02.16], [H8.08.02.17]. Đối với người học, trong giai đoạn 2015-2019, Nhà trường đón tiếp nhiều SV tham gia học tập tại Trường [H8.08.02.18], [H8.08.02.19], [H8.08.02.20], [H8.08.02.21]. Trong giai đoạn 2015-2019, Nhà trường luôn dành kinh phí cho hoạt động đào tạo, trao đổi học thuật, trao đổi GV, người học với đối tác ở nước ngoài [H8.08.02.22], [H8.08.02.23]. Ngoài ra, Nhà trường cử GV và SV tham quan, học tập tại các trường ĐH, các doanh nghiệp, công ty trong nước như: Công ty TNHH Phát triển Nguồn nhân lực Tân Cảng - STC, Nhà máy bia Heineken Việt Nam [H8.08.02.24].

Nhà trường rất chú trọng đến vấn đề hợp tác với các đối tác trong và ngoài nước về hoạt động NKCH, chuyển giao công nghệ và thể hiện các nội dung cụ thể trong kế hoạch năm học hàng năm của Trường và của các đơn vị [H8.08.02.06], [H8.08.02.07], [H8.08.02.08]. Trong giai đoạn 2015-2019, Nhà trường đã ký kết hợp tác với nghiên cứu với các doanh nghiệp và trường ĐH trong và ngoài nước [H8.08.02.25], [H8.08.02.26], [H8.08.02.27], [H8.08.02.28]. CB, GV của Nhà trường tích cực trong hoạt động hợp tác NCKH với các đối tác trong và ngoài nước và có nhiều đề tài NCKH được thực hiện với các đối tác, nhiều bài báo khoa học được đăng tải trên

các tạp chí khoa học trong và ngoài nước được thực hiện với các đối tác và xuất bản sách với các đối tác [H8.08.02.29], [H8.08.02.30]. Đặc biệt, Nhà trường đã chuyển giao 2 công trình NCKH cho Tập đoàn Á Châu để áp dụng đối với các trường trong hệ thống với số tiền là 600 triệu đồng [H8.08.02.31].

Căn cứ KHCL giai đoạn 2017-2025 về hoạt động HTQT, kế hoạch trung hạn giai đoạn 2017-2020 về hoạt động HTQT và kế hoạch năm học hằng năm đã được phê duyệt, Phòng KH & HTQT và các Khoa tích cực tổ chức các hội nghị, hội thảo khoa học với các đối tác trong và ngoài nước [H8.08.02.04], [H8.08.02.05], [H8.08.02.06], [H8.08.02.07], [H8.08.02.08], [H8.08.02.32], [H8.08.02.33]. Bên cạnh đó, các hội nghị, hội thảo khoa học do Nhà trường tổ chức thu hút sự tham dự của nhiều đại biểu trong và ngoài nước [H8.08.02.34]. Trong giai đoạn 2015-2019, Nhà trường tổ chức với các đối tác trong và ngoài nước, đặc biệt là Hội thảo Trí tuệ nhân tạo, Learning theories and methods, An activator's guide to student-centered learning,... [H8.08.02.32], [H8.08.02.33], [H8.08.02.34], [H8.08.02.35].

Tư đánh giá: 5/7

Tiêu chí 8.3. Các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại được rà soát

Hàng năm, trong báo cáo tổng kết năm học của Nhà trường và của Phòng KH & HTQT luôn có nội dung rà soát, đánh giá hiệu quả hợp tác với các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại của Trường [H8.08.03.03], [H8.08.03.04]. Bên cạnh đó, trong báo cáo tổng kết năm học của các đơn vị, đặc biệt là các Khoa luôn có nội dung rà soát, đánh giá hiệu quả hợp tác với các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại của các đơn vị thực hiện [H8.08.03.05]. Trong giai đoạn 2015-2019, các Khoa của Nhà trường chủ động, tích cực trong hợp tác với các đối tác nước ngoài để triển khai nhiều hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ [H8.08.03.01], [H8.08.03.02], [H8.08.03.03], [H8.08.03.04], [H8.08.03.05], [H8.08.03.06], [H8.08.03.07], [H8.08.03.08], [H8.08.03.09], [H8.08.03.10], [H8.08.03.11]. Ngoài ra, trong cuộc họp giao ban giữa BGH với lãnh đạo các đơn vị, Nhà trường thường xuyên rà soát, đánh giá hiệu quả hợp tác với các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại để từ đó tăng cường triển khai các hoạt động dựa trên các văn bản hợp tác đã ký kết, tiếp tục hoặc gia hạn với các hợp tác đã hết hạn, đặc biệt là ký mới các hợp tác để thực hiện SM, TN, các mục tiêu chiến lược của Trường theo KHCL, kế hoạch trung hạn và kế hoạch năm học hằng năm [H8.08.03.12], [H8.08.03.13], [H8.08.03.14], [H8.08.03.15].

Phòng KH & HTQT là đơn vị thực hiện nhiệm vụ rà soát, cập nhật hệ thống văn bản quản lý, các quy định về đối ngoại của Trường [H8.08.03.16], [H8.08.03.17], [H8.08.03.18], [H8.08.03.19]. Phòng KH & HTQT phân công 01 nhân sự của Phòng thường xuyên cập nhật văn bản quản lý, các quy định về đối ngoại và gửi đến các đơn vị để thực hiện [H8.08.03.17], [H8.08.03.18]. BGH Nhà trường tổ chức họp với lãnh đạo các đơn vị để rà soát, cập nhật hệ thống văn bản quản lý, các quy định về đối ngoại của Trường và trên cơ sở đó bổ sung biểu mẫu trong Quy định hoạt động HTQT của Trường [H8.08.03.20].

Trong giai đoạn 2015-2019, Nhà trường triển khai nhiều hoạt động đối ngoại và phát triển mạng lưới, quan hệ đối ngoại [H8.08.03.01], [H8.08.03.02]. Nhà trường không có bất kỳ vi phạm trong hoạt động đối ngoại [H8.08.03.03], [H8.08.03.04], [H8.08.03.05]. Ý kiến đánh giá của CB, GV, SV thể hiện mức độ hài lòng về hiệu quả hoạt động đối ngoại của Trường [H8.08.03.21], [H8.08.03.22], [H8.08.03.23],

[H8.08.03.24], [H8.08.03.25]. Bên cạnh đó, các ý kiến của các doanh nghiệp sử dụng lao động, của cựu SV tại các hội nghị, hội thảo do Nhà trường tổ chức thể hiện sự hài lòng về hiệu quả hoạt động đối ngoại của Trường [H8.08.03.26], [H8.08.03.27], [H8.08.03.28].

Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 8.4. Các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại được cải thiện để đạt được TN, SM và các mục tiêu chiến lược của CSGD

Nhà trường và các đơn vị tích cực phát triển số lượng đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại với số lượng tăng qua từng năm, đồng thời đạt được các mục tiêu chiến lược của Trường về hoạt động HTQT [H8.08.04.01], [H8.08.04.02]. Trong giai đoạn 2015-2019, số lượng các đối tác của Nhà trường tăng lên đáng kể và đến năm 2019, trong đó Nhà trường là thành viên của các tổ chức kiểm định uy tín thế giới của Hoa Kỳ: Hội đồng kiểm định quốc tế các trường đại học đào tạo ngành Kinh doanh (IACBE) và Hiệp hội phát triển giảng dạy doanh thương bậc ĐH (AACSB), đang thực hiện chương trình kiểm định quốc tế của IACBE [H8.08.04.03], [H8.08.04.04], [H8.08.04.05], [H8.08.04.06], [H8.08.04.07], [H8.08.04.08]. Bên cạnh đó, các hoạt động đối ngoại của Nhà trường được tổ chức thường xuyên và bao quát hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ [H8.08.04.09], [H8.08.04.10], [H8.08.04.11], [H8.08.04.12], [H8.08.04.13], [H8.08.04.14], [H8.08.04.15], [H8.08.04.16], [H8.08.04.17], [H8.08.04.18]. Nguồn lực của Nhà trường thu được thông qua hoạt động đối ngoại tăng lên trong giai đoạn 2015-2019 [H8.08.04.19], [H8.08.04.20]

Căn cứ kết quả rà soát về hiệu quả hợp tác với các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại của Trường, Nhà trường áp dụng nhiều biện pháp cải thiện các quan hệ hợp tác với các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại và được thể hiện trong kế hoạch năm học hằng năm của Trường, của Phòng KH & HTQT và các Khoa [H8.08.04.03], [H8.08.04.04], [H8.08.04.05]. Trong Nghị quyết của HĐQT luôn có các chính sách, chỉ đạo về việc tăng cường các quan hệ hợp tác với các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại của Trường [H8.08.04.21]. Trong giai đoạn 2015-2019, Nhà trường tăng cường kinh phí chi cho các hoạt động đối ngoại, đầu tư CSVC, trang thiết bị, đội ngũ làm công tác HTQT để tăng cường các quan hệ hợp tác với các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại của Trường. [H8.08.04.19], [H8.08.04.20], [H8.08.04.22].

Năm 2017, trong báo cáo thực hiện KHCL giai đoạn 2009-2016, Nhà trường tiến hành rà soát, đánh giá kết quả thực hiện hoạt động đối ngoại so với mục tiêu, chỉ tiêu đã xác định [H8.08.04.23], [H8.08.04.24]. Trên cơ sở đó, Nhà trường đã có những điều chỉnh, bổ sung về chiến lược, chính sách để phát triển đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại để đạt được SM, TN và các mục tiêu chiến lược của Trường và được thể hiện rõ trong KHCL giai đoạn 2017-2025 tầm nhìn 2030 cũng như KHCL hoạt động HTQT giai đoạn 2017-2025 của Trường [H8.08.04.01], [H8.08.04.25]. Bên cạnh đó, trong báo cáo tổng kết năm học của Nhà trường, của Phòng KH&HTQT và của các Khoa luôn có nội dung rà soát, đánh giá kết quả thực hiện hoạt động đối ngoại so với mục tiêu, chỉ tiêu đã xác định [H8.08.04.26], [H8.08.04.27], [H8.08.04.28]. Đặc biệt, Nhà trường xây dựng website bằng tiếng Anh và ngày càng hoàn thiện với nhiều nội dung phong phú, đa dạng [H8.08.04.29]. Với kết quả triển khai hoạt động đối ngoại giai đoạn 2015-2019, các bên liên quan đánh giá mức độ Tốt đối với hoạt động đối ngoại của Trường [H8.08.04.30], [H8.08.04.31], [H8.08.04.32], [H8.08.04.33],

[H8.08.04.34], [H8.08.04.35]. Nhà trường, các đơn vị và CB, GV, SV nhận được nhiều hình thức khen thưởng trong hoạt động đối ngoại [H8.08.04.36], [H8.08.04.37].

Tự đánh giá: 5/7

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 8:

1. Tóm tắt các điểm mạnh:

- Nhà trường ban hành Quy định về hoạt động HTQT dựa trên các văn bản quy định về hoạt động đối ngoại và phổ biến đến các đơn vị, CB, GV, NV và SV thực hiện.

- Trong Quy định về hoạt động HTQT do Nhà trường ban hành có quy định rõ ràng về cơ chế quản lý, kiểm tra, giám sát và phân cấp giữa các đơn vị trong hoạt động đối ngoại, trách nhiệm của các đơn vị và của CB, GV, NV, SV trong công tác đối ngoại của Trường.

- Nhà trường phân công nhiệm vụ cho Phòng KH & HTQT là đơn vị chịu trách nhiệm chính trong xây dựng kế hoạch, theo dõi giám sát các hoạt động đối ngoại đúng quy định của Trường.

- Nhà trường ban hành KHCL hoạt động HTQT giai đoạn 2017-2025, kế hoạch trung hạn hoạt động HTQT giai đoạn 2017-2020, kế hoạch năm học hàng năm trong đó có các hoạt động đối ngoại, phát triển các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại bám sát SM, TN và các mục tiêu chiến lược của Trường.

- Nhà trường phổ biến quy định về hoạt động HTQT đến các đơn vị, CB, GV, NV và SV để thực hiện, đồng thời đăng tải trên website của Trường và thể hiện trong Sổ tay GV.

- Nhà trường áp dụng các chính sách cụ thể để khuyến khích các cá nhân, đơn vị tích cực tham gia hoạt động đối ngoại, phát triển các quan hệ đối ngoại của Nhà trường.

- Nhà trường tổ chức các hoạt động hợp tác của đối tác trong và ngoài nước trong các hoạt động về ĐT, NCKH và PVCD.

- Kết quả hoạt động hợp tác của đối tác trong và ngoài nước gia tăng nguồn lực về nhân lực, tài lực và vật lực của Trường trong giai đoạn 2015-2019.

- Nhà trường thường xuyên rà soát, đánh giá hiệu quả hợp tác với các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại, các văn bản quản lý, các quy định về đối ngoại của Trường.

- Căn cứ kết quả rà soát, đánh giá, Nhà trường áp dụng các biện pháp cụ thể nhằm nâng cao hiệu quả của hoạt động đối ngoại cũng như cập nhật các văn bản quản lý, các quy định về đối ngoại của Trường.

- Trong giai đoạn 2015-2019, số lượng các trường ĐH, các tổ chức, doanh nghiệp ký kết hợp tác với Nhà trường tăng lên, trong đó nhiều văn bản ký kết hợp tác đã được cụ thể thành các hoạt động đối ngoại cụ thể.

- Website bằng tiếng Anh của Nhà trường được xây dựng và ngày càng hoàn thiện với nhiều nội dung phong phú, đa dạng.

- Nhà trường không có bất kỳ vi phạm nào trong hoạt động đối ngoại trong 5 năm của chu kỳ đánh giá.

- Nhà trường, các đơn vị và CB, GV, SV nhận được nhiều hình thức khen thưởng trong hoạt động đối ngoại.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại:

Hoạt động đối ngoại chưa được thực hiện đồng đều ở các đơn vị.

Nhân sự chuyên trách về hoạt động HTQT của Nhà trường còn hạn chế.

3. Kế hoạch cải tiến:

Từ học kỳ 2 năm học 2019-2020, Nhà trường tăng cường chính sách khen thưởng nhằm nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại, đồng thời giao trách nhiệm cụ thể cho các đơn vị tham gia hoạt động đối ngoại. Bên cạnh đó, Nhà trường tuyển dụng, bổ sung nhân sự chuyên trách về hoạt động HTQT của Trường.

4. Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
Tiêu chuẩn 8	5
Tiêu chí 8.1	5
Tiêu chí 8.2	5
Tiêu chí 8.3	5
Tiêu chí 8.4	5

Tiêu chuẩn 9: Hệ thống ĐBCL bên trong

Tiêu chí 9.1. Cơ cấu, vai trò, trách nhiệm và trách nhiệm giải trình của hệ thống ĐBCL bên trong được thiết lập để đáp ứng các mục tiêu chiến lược và ĐBCL của cơ sở giáo dục

Phòng Kiểm định, Hợp tác Quốc tế & Nghiên cứu khoa học được thành lập năm 2012, là đơn vị chuyên trách về các hoạt động đáp ứng các tiêu chuẩn kiểm định quốc tế [H9.09.01.01]. Năm 2018, Nhà trường thành lập Phòng KT&ĐBCL trên cơ sở tách Bộ phận Kiểm định của Phòng Kiểm định, Hợp tác Quốc tế & Nghiên cứu khoa học, lấy tên là Phòng KT&ĐBCL [H9.09.01.02]. Phòng KT&ĐBCL với chức năng, nhiệm vụ chuyên trách về hoạt động khảo thí, ĐBCL, KĐCL trong nước và quốc tế, trực thuộc sự quản lý của Ban Giám hiệu [H9.09.01.03], [H9.09.01.07]. Phòng KT&ĐBCL hiện có 6 nhân sự thực hiện chuyên trách bao gồm: Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng và 4 chuyên viên [H9.09.01.04], [H9.09.01.05]. Tất cả các nhân sự của Phòng KT&ĐBCL đã tham gia các hội nghị, hội thảo và các khóa tập huấn về công tác ĐBCL và KĐCL giáo dục do các đơn vị bên ngoài trường và do Nhà trường tổ chức, trong đó có 1 người đã được cấp chứng nhận hoàn thành Khóa đào tạo Kiểm định viên KĐCL GDĐH&TCCN [H9.09.01.06]. Năm 2018, Nhà trường thành lập Hội đồng ĐBCL giáo dục và ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng ĐBCL [H9.09.01.07], [H9.09.01.08], [H9.09.01.09]. Hội đồng ĐBCL đã tổ chức các phiên họp nhằm tham mưu Hiệu trưởng về phương hướng và các chính sách hoạt động ĐBCL của Nhà trường [H9.09.01.10].

Căn cứ quy định về hoạt động ĐBCL ở trường ĐH theo Luật Giáo dục đại học số 08/2012/QH13 được Quốc hội khóa 13 thông qua, Phòng KT&ĐBCL tham mưu BGH Nhà trường ban hành Quy định về hoạt động ĐBCL và thông báo đến các đơn vị để thực hiện [H9.09.01.11], [H9.09.01.12]. Bên cạnh đó, Nhà trường ban hành sơ đồ hệ thống ĐBCL bên trong, trong đó ở cấp Trường, đó là Phòng KT&ĐBCL và ở cấp đơn vị là nhân sự phụ trách và hỗ trợ hoạt động ĐBCL của đơn vị [H9.09.01.02], [H9.09.01.13], [H9.09.01.14]. Ngoài ra, trong thành phần BGH Nhà trường phân công 01 Phó Hiệu trưởng phụ trách hoạt động ĐBCL của Trường [H9.09.01.15].

Căn cứ KHCL của Nhà trường giai đoạn 2017-2025 tầm nhìn 2030, Phòng KT&ĐBCL tham mưu BGH Nhà trường ban hành KHCL về công tác ĐBCL giai đoạn 2017-2025 [H9.09.01.16], [H9.09.01.17]. Trên cơ sở đó, Nhà trường ban hành kế hoạch trung hạn về công tác ĐBCL giai đoạn 2017-2020 và kế hoạch ĐBCL hằng năm [H9.09.01.18], [H9.09.01.19]. Trong các cuộc họp giao ban giữa BGH với lãnh đạo các đơn vị, BGH Nhà trường thường xuyên chỉ đạo, quán triệt các đơn vị triển khai các hoạt động ĐBCL của Trường [H9.09.01.20]. Trong kế hoạch năm học của Nhà trường đồng thời có các nội dung triển khai hoạt động ĐBCL và tham gia KĐCL CSGD và CTĐT [H9.09.01.21]. Trong Quy định về hoạt động ĐBCL của Nhà trường ban hành đồng thời nêu rõ các nội dung, hướng dẫn thực hiện công tác ĐBCL [H9.09.01.11]. Bên cạnh đó, Nhà trường ban hành quy định về khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan đối với hoạt động của Trường để thu thập và có thêm kênh thông tin để phục vụ quá trình ban hành các quyết định quản lý cũng như cải tiến hoạt động ĐT, NCKH, PVCD [H9.09.01.22]. Ngoài ra, Nhà trường ban hành hệ thống văn bản để triển khai hoạt động tự đánh giá KĐCL CSGD và CTĐT trong toàn trường [H9.09.01.23], [H9.09.01.24], [H9.09.01.25], [H9.09.01.26], [H9.09.01.27], [H9.09.01.28], [H9.09.01.29], [H9.09.01.30].

Nhà trường thường xuyên tổ chức các khóa tập huấn về hoạt động ĐBCL và KĐCL cho đội ngũ CB, GV, NV của Trường [H9.09.01.31], [H9.09.01.33], [H9.09.01.34]. Bên cạnh đó, Nhà trường cử CB, GV, NV của Trường tham gia các khóa tập huấn về hoạt động ĐBCL và KĐCL ở trong và ngoài nước [H9.09.01.32], [H9.09.01.33], [H9.09.01.34]. Các thành viên của Hội đồng tự đánh giá của Nhà trường và các thành viên phụ trách hoạt động ĐBCL của các đơn vị đã được tập huấn về tự đánh giá CSGD và CTĐT [H9.09.01.33], [H9.09.01.34]. Tất cả nhân sự của Phòng KT&ĐBCL đã tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng về hoạt động ĐBCL giáo dục, trong đó 1 người đã được cấp chứng chỉ hoàn thành Khóa đào tạo Kiểm định viên KĐCL GDDH&TCCN và 2 người đã tham gia quan sát viên KĐCL CSGD Trường ĐH Văn Hiến [H9.09.01.34], [H9.09.01.35], [H9.09.01.36].

Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 9.2. Xây dựng KHCL về ĐBCL (bao gồm chiến lược, chính sách, sự tham gia của các bên liên quan, các hoạt động trong đó có việc thúc đẩy công tác ĐBCL và tập huấn nâng cao năng lực) để đáp ứng các mục tiêu chiến lược và ĐBCL của CSGD

Trong KHCL giai đoạn 2009-2016 tầm nhìn 2020, KHCL giai đoạn 2017-2025 tầm nhìn 2030, kế hoạch trung hạn giai đoạn 2017-2020 của Nhà trường có các nội dung triển khai hoạt động ĐBCL cùng với các chỉ tiêu thực hiện [H9.09.02.01], [H9.09.02.02]. Năm 2017, căn cứ KHCL giai đoạn 2017-2025 của Nhà trường, Phòng KT&ĐBCL tham mưu BGH ban hành KHCL ĐBCL giai đoạn 2017-2025 và thông báo đến các đơn vị để thực hiện [H9.09.02.03]. Trên cơ sở đó, Nhà trường ban hành kế hoạch ĐBCL giai đoạn 2017-2020 [H9.09.02.04]. Hàng năm, Phòng KT&ĐBCL tham mưu BGH ban hành kế hoạch ĐBCL năm học và thông báo thực hiện trong toàn trường [H9.09.02.05]. Trong nội dung KHCL ĐBCL giai đoạn 2017-2025 của Nhà trường, kế hoạch ĐBCL giai đoạn 2017-2020 và kế hoạch ĐBCL hàng năm luôn có các nội dung cụ thể về hoạt động ĐBCL với sự tham gia của các bên liên quan bên trong và bên ngoài Trường [H9.09.02.03], [H9.09.02.04], [H9.09.02.05]. Bên cạnh đó, trong KHCL, kế hoạch trung hạn và kế hoạch năm học về ĐBCL của Nhà trường luôn có nhiều hội nghị, hội thảo, tập huấn nhằm nâng cao năng lực cho đội ngũ làm công tác ĐBCL cũng như nâng cao nhận thức cho CB, GV, NV và SV [H9.09.02.03], [H9.09.02.04], [H9.09.02.05], [H9.09.02.06].

Năm 2018, Nhà trường ban hành chính sách ĐBCL và thông báo đến các đơn vị triển khai thực hiện [H9.09.02.07], [H9.09.02.08]. Trong chính sách ĐBCL của Nhà trường có nhiều nội dung ưu tiên cho hoạt động ĐBCL như: Ưu tiên dành kinh phí Hàng năm chi cho hoạt động ĐBCL và KĐCL, ưu tiên xét duyệt các đề tài NCKH liên quan đến ĐBCL và KĐCL, bố trí nhân sự đủ về số lượng và có chuyên môn nghiệp vụ để triển khai các hoạt động ĐBCL, tăng cường tổ chức các đợt tập huấn về ĐBCL, ưu tiên cử CB tham dự các khóa đào tạo, tập huấn về ĐBCL và KĐCL,... [H9.09.02.07]. Bên cạnh đó, trong Nghị quyết của HĐQT luôn thể hiện nhiều nội dung ưu tiên cho hoạt động ĐBCL và KĐCL, đặc biệt là KĐCL CSGD [H9.09.02.09]. Trong giai đoạn 2015-2019, Nhà trường đã tổ chức nhiều hội nghị, tập huấn về hoạt động ĐBCL tại Trường và cử nhiều lượt CB, GV tham dự các khóa tập huấn, hội nghị, hội thảo ở trong và ngoài nước về hoạt động ĐBCL [H9.09.02.10], [H9.09.02.11], [H9.09.02.12], [H9.09.02.13], [H9.09.02.14]. Ngoài ra, kinh phí của Nhà trường chi cho hoạt động ĐBCL tăng lên qua từng năm [H9.09.02.15], [H9.09.02.16].

Trong các cuộc họp giao ban định kỳ giữa BGH với lãnh đạo các đơn vị, BGH Nhà trường luôn yêu cầu các đơn vị chú trọng đến sự tham gia của các bên liên quan trong quá trình triển khai các hoạt động ĐBCL để đánh giá mức độ đáp ứng các mục tiêu chiến lược và ĐBCL của Trường [H9.09.02.17]. Nhà trường ban hành quy định khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan và thông báo đến các đơn vị để triển khai thực hiện [H9.09.02.18]. Nhà trường phân công Phòng KT&ĐBCL là đơn vị chủ trì thực hiện khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan và các đơn vị có trách nhiệm phối hợp để triển khai thực hiện [H9.09.02.19], [H9.09.02.20], [H9.09.02.21], [H9.09.02.22], [H9.09.02.23]. Hàng năm, Nhà trường ban hành kế hoạch và triển khai khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan về hoạt động của Trường [H9.09.02.24], [H9.09.02.25]. Kết quả khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan được báo cáo BGH và thông báo tại cuộc họp giao ban giữa BGH với lãnh đạo các đơn vị cũng như gửi đến các đơn vị liên quan để áp dụng các biện pháp cải tiến chất lượng [H9.09.02.26], [H9.09.02.27]. Ngoài ra, Nhà trường thu thập ý kiến của các doanh nghiệp sử dụng lao động, của cựu SV tại các hội nghị, hội thảo do Trường tổ chức để có thêm thông tin phản hồi về hoạt động của Trường [H9.09.02.28], [H9.09.02.29]. Nhà trường ban hành Sổ tay ĐBCL để hướng dẫn triển khai các hoạt động ĐBCL trong đó có sự tham gia của các bên liên quan [H9.09.02.30]. Các văn bản về hoạt động ĐBCL được đăng tải trên website của Nhà trường và của Phòng KT&ĐBCL [H9.09.02.31].

Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 9.3. KHCL về ĐBCL được quán triệt và chuyển tải thành các kế hoạch ngắn hạn và dài hạn để triển khai thực hiện

Năm 2017, căn cứ KHCL của Nhà trường giai đoạn 2017-2025 tầm nhìn 2030, Phòng KT&ĐBCL tham mưu BGH ban hành KHCL ĐBCL giai đoạn 2017-2025 và thông báo đến các đơn vị để thực hiện [H9.09.03.01], [H9.09.03.02], [H9.09.03.03]. Trên cơ sở đó, Nhà trường tiếp tục ban hành kế hoạch ĐBCL giai đoạn 2017-2020 và triển khai thực hiện [H9.09.03.04]. Hàng năm, Phòng KT&ĐBCL tham mưu BGH ban hành kế hoạch ĐBCL năm học và triển khai thực hiện trong toàn trường [H9.09.03.05]. Các hoạt động ĐBCL được nêu trong kế hoạch luôn chú trọng đến việc triển khai đồng bộ và có tính hệ thống trong toàn trường nhằm ĐBCL đào tạo, đặc biệt trong giai đoạn 2015-2019, Nhà trường chú trọng KĐCL CSGD theo bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng của Bộ GD&ĐT và KĐCL CTĐT Quản trị Kinh doanh theo bộ tiêu chuẩn kiểm định quốc tế của Hội đồng kiểm định các trường Đại học đào tạo ngành Kinh doanh IACBE - Hoa Kỳ [H9.09.03.06], [H9.09.03.07], [H9.09.03.08], [H9.09.03.09], [H9.09.03.10].

Đầu mỗi năm học, BGH Nhà trường tổ chức họp giao ban với lãnh đạo các đơn vị, trong đó phổ biến, quán triệt các đơn vị triển khai các hoạt động ĐBCL theo kế hoạch [H9.09.03.11]. Nhà trường phân công Phòng KT&ĐBCL là đơn vị chủ trì và quản lý việc triển khai các hoạt động ĐBCL theo kế hoạch đã ban hành [H9.09.03.12], [H9.09.03.13], [H9.09.03.14], [H9.09.03.15], [H9.09.03.16]. Trên cơ sở đó, tại các cuộc họp của đơn vị, lãnh đạo các đơn vị phổ biến để CB, GV, NV tham gia các hoạt động ĐBCL của Trường và của đơn vị [H9.09.03.17]. Đối với SV, trong nội dung tuần sinh hoạt công dân đầu năm học, Nhà trường và các đơn vị, các Khoa thông báo đến SV các hoạt động ĐBCL của Trường, trong đó yêu cầu SV tích cực tham gia các hoạt động khảo sát ý kiến phản hồi một cách nghiêm túc và hiệu quả [H9.09.03.18].

Hàng năm, Nhà trường tổ chức thực hiện các hoạt động ĐBCL theo kế hoạch năm học đã được phê duyệt, trong đó tổ chức nhiều đợt tập huấn về ĐBCL và KĐCL đối với đội ngũ CB, GV, NV của Trường [H9.09.03.19]. Nhà trường quan tâm cử nhiều lượt CB, GV tham dự các khóa tập huấn, hội nghị, hội thảo ở trong và ngoài nước về hoạt động ĐBCL [H9.09.03.20], [H9.09.03.21], [H9.09.03.22], [H9.09.03.23]. Bên cạnh đó, kinh phí của Nhà trường chi cho hoạt động ĐBCL tăng lên qua từng năm [H9.09.03.24], [H9.09.03.25]. Nhà trường ban hành kế hoạch khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan về hoạt động của Trường, trong đó giao nhiệm vụ cho Phòng KT&ĐBCL là đơn vị chủ trì và phối hợp với các đơn vị để thực hiện [H9.09.03.26], [H9.09.03.27], [H9.09.03.28]. Nhà trường ban hành Sổ tay ĐBCL với các hướng dẫn cụ thể về việc triển khai hoạt động ĐBCL và áp dụng trong Trường [H9.09.03.29]. Ngoài ra, Nhà trường đã ban hành kế hoạch, thành lập Hội đồng tự đánh giá và các nhóm chuyên trách để triển khai KĐCL CSGD và CTĐT [H9.09.03.06], [H9.09.03.07], [H9.09.03.08], [H9.09.03.09], [H9.09.03.10]. Trong báo cáo tổng kết Hàng năm của Nhà trường và của Phòng KT&ĐBCL luôn có nội dung đánh giá kết quả thực hiện hoạt động ĐBCL của Trường [H9.09.03.30], [H9.09.03.31].

Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 9.4. Hệ thống lưu trữ văn bản, rà soát, phổ biến các chính sách, hệ thống, quy trình và thủ tục ĐBCL được triển khai

Nhà trường phân công Phòng HC&DVSV là đơn vị lưu trữ văn bản của Trường [H9.09.04.01]. Phòng HC&DVSV tham mưu BGH Nhà trường ban hành văn bản quy định về văn thư lưu trữ và thông báo đến các đơn vị để thực hiện [H9.09.04.02], [H9.09.04.03], [H9.09.04.04], [H9.09.04.05], [H9.09.04.06], [H9.09.04.07]. Theo đó, các văn bản của Trường bên cạnh việc lưu trữ tại Phòng HC&DVSV thì đồng thời lưu trữ tại đơn vị soạn thảo và được phân công thực hiện [H9.09.04.06]. Các văn bản về ĐBCL nói chung và về chính sách, hệ thống, quy trình và thủ tục ĐBCL được lưu trữ tại Phòng HC&DVSV và tại Phòng KT&ĐBCL của Trường [H9.09.04.09]. Nhà trường ban hành KHCL, kế hoạch trung hạn, kế hoạch năm học về ĐBCL và triển khai thực hiện [H9.09.04.10], [H9.09.04.11], [H9.09.04.12]. Cuối mỗi năm học, Nhà trường và các đơn vị thực hiện báo cáo tổng kết năm học trong đó có đánh giá về kết quả triển khai công tác ĐBCL [H9.09.04.13], [H9.09.04.14].

Hệ thống văn bản của Nhà trường được lưu trữ dưới dạng bản cứng và file scan [H9.09.04.09]. Nhà trường lưu trữ văn bản bằng sổ theo dõi công văn đi, công văn đến và thông qua phần mềm [H9.09.04.15], [H9.09.04.16]. Nhà trường đang trong quá trình hạn chế văn bản giấy trong giao tiếp giữa các đơn vị trong trường [H9.09.04.17]. Hệ thống văn bản của Nhà trường được lưu trữ có hệ thống, cập nhật và dễ tiếp cận [H9.09.04.15], [H9.09.04.16]. Phòng HC&DVSV là đơn vị xây dựng và lưu trữ cơ sở dữ liệu chung của Trường [H9.09.04.01], [H9.09.04.05], [H9.09.04.06]. Bên cạnh đó, CSDL được lưu trữ tại các đơn vị theo phân quyền đã được Nhà trường xác định trong quy định sử dụng hệ thống thông tin ĐBCL bên trong của Trường [H9.09.04.05], [H9.09.04.18]. CSDL của Nhà trường đầy đủ dữ liệu của các lĩnh vực quản lý của Trường như: ĐT, NCKH, PVCĐ, CSVC, tài chính, đội ngũ, người học,... [H9.09.04.19].

Năm 2017 và năm 2019, Phòng KT&ĐBCL triển khai rà soát các chính sách, thủ tục, quy trình, hướng dẫn hoạt động ĐBCL của Nhà trường [H9.09.04.20], [H9.09.04.21]. Trên cơ sở báo cáo rà soát về chính sách, thủ tục, quy trình, hướng dẫn

hoạt động ĐBCL của Nhà trường do Phòng KT&ĐBCL thực hiện, BGH tổ chức họp để thống nhất các nội dung điều chỉnh, bổ sung trong chính sách, thủ tục, quy trình, hướng dẫn hoạt động ĐBCL của trường [H9.09.04.22], [H9.09.04.23]. Việc rà soát chính sách, thủ tục, quy trình, hướng dẫn hoạt động ĐBCL của Nhà trường cho phù hợp với các văn bản quy định của Bộ GD&ĐT về ĐBCL và KĐCL ở trường ĐH [H9.09.04.24], [H9.09.04.25], [H9.09.04.26], [H9.09.04.27], [H9.09.04.28], [H9.09.04.29].

Nhà trường gửi đầy đủ hệ thống văn bản về chính sách, thủ tục, quy trình, hướng dẫn hoạt động ĐBCL của Trường đến email của các đơn vị để thực hiện và thông báo, phổ biến đến CB, GV, NV biết và thực hiện [H9.09.04.30], [H9.09.04.31]. Tại các họp giao ban định kỳ giữa BGH với lãnh đạo các đơn vị, Nhà trường luôn chỉ đạo, nhắc nhở, quán triệt các đơn vị nghiêm túc thực hiện chính sách, thủ tục, quy trình, hướng dẫn hoạt động ĐBCL của Trường đã ban hành [H9.09.04.22]. Bên cạnh đó, tại các cuộc họp của đơn vị, lãnh đạo các đơn vị phổ biến, quán triệt CB, GV, NV thực hiện chính sách, thủ tục, quy trình, hướng dẫn hoạt động ĐBCL của Trường đã ban hành [H9.09.04.32]. Đối với SV, tại tuần sinh hoạt công dân đầu khóa và đầu năm học, BGH và lãnh đạo các đơn vị, các khoa thông báo, phổ biến đến SV các chính sách, thủ tục, quy trình, hướng dẫn hoạt động ĐBCL của Trường [H9.09.04.33], [H9.09.04.34]. Ngoài ra, các chính sách, thủ tục, quy trình, hướng dẫn hoạt động ĐBCL của Nhà trường được gửi đến địa chỉ email của CB, GV, NV và đăng tải trên website của Trường và của Phòng KT&ĐBCL [H9.09.04.35].

Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 9.5. Các chỉ số thực hiện chính và các chỉ tiêu phấn đấu chính được thiết lập để đo lường kết quả công tác ĐBCL của CSGD

Hàng năm, Nhà trường ban hành các KPIs và các chỉ tiêu phấn đấu chính đối với các lĩnh vực của Trường, trong đó có hoạt động ĐBCL [H9.09.05.01]. Nhà trường thông báo đến các đơn vị để thực hiện [H9.09.05.02]. Các KPIs và các chỉ tiêu phấn đấu chính trong hoạt động ĐBCL chủ yếu tập trung cho công tác KĐCL CSGD và CTĐT. Nhà trường giao nhiệm vụ cho Ban rà soát, xây dựng KHCL giai đoạn 2017-2025 chịu trách nhiệm theo dõi, giám sát kết quả thực hiện của các đơn vị so với các KPIs và các chỉ tiêu phấn đấu chính [H9.09.05.03], [H9.09.05.04]. Đồng thời, Nhà trường giao trách nhiệm cho Phòng KT&ĐBCL chịu trách nhiệm triển khai các hoạt động ĐBCL và sử dụng các KPIs và các chỉ tiêu phấn đấu đã xác định để đo lường và đánh giá kết quả hoạt động ĐBCL [H9.09.05.05], [H9.09.05.06], [H9.09.05.07], [H9.09.05.08]. Bên cạnh đó, trong KHCL của Nhà trường giai đoạn 2017-2025, kế hoạch trung hạn giai đoạn 2017-2020, kế hoạch năm học hàng năm đồng thời có các KPIs và các chỉ tiêu phấn đấu chính [H9.09.05.09], [H9.09.05.10], [H9.09.05.11], [H9.09.05.12]. Để triển khai hoạt động ĐBCL, Nhà trường ban hành các chính sách, thủ tục, quy định, quy trình, hướng dẫn hoạt động ĐBCL và gửi đến địa chỉ email của các đơn vị cũng như phổ biến tại các cuộc họp giao ban để thực hiện [H9.09.05.13], [H9.09.05.14], [H9.09.05.15], [H9.09.05.16]. Các đơn vị phổ biến các chính sách, thủ tục, quy trình, hướng dẫn hoạt động ĐBCL đến SV thông qua tuần sinh hoạt công dân đầu năm và đầu khóa học, các buổi sinh hoạt lớp [H9.09.05.17], [H9.09.05.18].

Tại cuộc họp giao ban đầu năm học và các cuộc họp giao ban định kỳ giữa BGH với lãnh đạo các đơn vị, Nhà trường yêu cầu các đơn vị thông báo, phổ biến đến CB, GV, NV của đơn vị và sử dụng các KPIs và các chỉ tiêu phấn đấu chính để đánh

giá, đo lường kết quả hoạt động ĐBCL [H9.09.05.13]. Trong nội dung họp của các đơn vị, lãnh đạo các đơn vị thông báo, phổ biến đến CB, GV, NV các KPIs và các chỉ tiêu phấn đấu chính của Nhà trường [H9.09.05.16]. Trên cơ sở đó, tại các cuộc họp giao ban định kỳ, lãnh đạo các đơn vị báo cáo kết quả hoạt động ĐBCL so với các KPIs và các chỉ tiêu phấn đấu chính đã được xác định [H9.09.05.13]. Nhà trường giao nhiệm vụ cho Phòng KT&ĐBCL là đơn vị theo dõi, giám sát và sử dụng các KPIs và các chỉ tiêu phấn đấu chính để đánh giá, đo lường kết quả hoạt động ĐBCL của Trường và của các đơn vị [H9.09.05.05], [H9.09.05.06], [H9.09.05.07], [H9.09.05.08], [H9.09.05.09]. Hàng năm, Phòng KT&ĐBCL tham mưu BGH ban hành kế hoạch ĐBCL năm học, trong đó có các hoạt động nhằm đạt được các KPIs và các chỉ tiêu phấn đấu chính về ĐBCL đã được xác định [H9.09.05.19]. Kết thúc năm học, trong báo cáo tổng kết của Nhà trường và của Phòng KT&ĐBCL luôn có nội dung đánh giá kết quả hoạt động ĐBCL trong đó sử dụng các KPIs và các chỉ tiêu phấn đấu chính để đánh giá, đo lường kết quả hoạt động ĐBCL [H9.09.05.20], [H9.09.05.21]. Trong giai đoạn 2015-2019, kết quả hoạt động ĐBCL của Nhà trường đều đạt so với các KPIs và các chỉ tiêu phấn đấu chính để đánh giá, đo lường kết quả hoạt động ĐBCL đã xác định [H9.09.05.20], [H9.09.05.21], [H9.09.05.22].

Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 9.6. Quy trình lập kế hoạch, các chỉ số thực hiện chính và các chỉ tiêu phấn đấu chính được cải tiến để đáp ứng các mục tiêu chiến lược và đảm bảo chất lượng của cơ sở giáo dục.

Năm 2009, Nhà trường thành lập Ban xây dựng KHCL giai đoạn 2009-2016 tầm nhìn 2020 và triển khai xây dựng KHCL giai đoạn 2009-2016 tầm nhìn 2020 của Trường [H9.09.06.01], [H9.09.06.02]. KHCL giai đoạn 2009-2016 tầm nhìn 2020 của Trường được xây dựng dựa trên sự bàn bạc, thống nhất của Ban xây dựng KHCL giai đoạn 2009-2016 tầm nhìn 2020 và chưa có quy trình xây dựng KHCL [H9.09.06.01], [H9.09.06.02]. Nhà trường thành lập Ban rà soát, xây dựng KHCL giai đoạn 2017-2025 và dựa trên sự tham khảo quy trình lập KHCL các trường ĐH của Bộ GD&ĐT, Ban rà soát, xây dựng KHCL giai đoạn 2017-2025 tham mưu BGH ký ban hành Quy định về xây dựng, cập nhật KHCL của Nhà trường, trong đó có quy trình xây dựng KHCL [H9.09.06.03], [H9.09.06.04], [H9.09.06.05], [H9.09.06.06]. Nhà trường áp dụng quy trình xây dựng KHCL trong Quy định về xây dựng, cập nhật KHCL do Nhà trường ban hành để xây dựng KHCL giai đoạn 2017-2025 tầm nhìn 2030 [H4.04.04.07], [H4.04.04.08]. Quy trình xây dựng KHCL của Nhà trường đồng thời được áp dụng để xây dựng KHCL đối với các lĩnh vực, kế hoạch trung hạn, kế hoạch năm học của Trường [H9.09.06.08], [H9.09.06.09], [H9.09.06.10], [H9.09.06.11], [H9.09.06.12], [H9.09.06.13], [H9.09.06.14], [H9.09.06.15], [H9.09.06.16]. Đến năm 2019, Ban rà soát, xây dựng KHCL giai đoạn 2017-2025 họp rà soát, xem xét quy trình xây dựng KHCL của Nhà trường đã ban hành [H9.09.06.17]. Trên cơ sở đó, Ban rà soát, xây dựng KHCL giai đoạn 2017-2025 tham mưu BGH Nhà trường ký ban hành Quy trình xây dựng KHCL đã được điều chỉnh, trong đó tập trung làm tốt hơn khâu phân tích nhu cầu của các bên liên quan khi xây dựng KHCL, kế hoạch trung hạn và kế hoạch năm học để từ đó tăng cường tính phù hợp, khả thi của các kế hoạch [H9.09.06.06], [H9.09.06.18]. Nhà trường thông báo Quy trình xây dựng KHCL đã được điều chỉnh đến trường đến các đơn vị để thực hiện [H9.09.06.18].

Cuối năm 2016, Nhà trường tổng kết KHCL giai đoạn 2009-2016 tầm nhìn 2020, trong đó tiến hành đối sánh kết quả đạt được so với các mục tiêu, chỉ tiêu đã xác định [H9.09.06.02], [H9.09.06.19]. Trên cơ sở đó, trong KHCL giai đoạn 2017-2025 tầm nhìn 2030, Nhà trường đã điều chỉnh các KPIs và các chỉ tiêu phấn đấu chính để đáp ứng các mục tiêu chiến lược của Trường trong giai đoạn mới [H9.09.06.08]. Bên cạnh đó, từ năm học 2017-2018, hàng năm, bên cạnh việc thực hiện báo cáo tổng kết năm học, Nhà trường thực hiện đối sánh kết quả thực hiện so với các KPIs và các chỉ tiêu phấn đấu chính đã được xác định cho năm học [H9.09.06.20]. Trên cơ sở đó, Nhà trường tiến hành điều chỉnh các KPIs và các chỉ tiêu phấn đấu chính của năm học sau cho phù hợp với điều kiện thực tiễn cũng như áp dụng các biện pháp nhằm đạt được các KPIs và các chỉ tiêu phấn đấu chính đã được xác định [H9.09.06.16], [H9.09.06.21]. Đối với hoạt động ĐBCL, hàng năm, Phòng KT&ĐBCL thực hiện báo cáo tổng kết năm học, trong đó rà soát, đánh giá kết quả thực hiện của hoạt động ĐBCL so với các KPIs và các chỉ tiêu phấn đấu chính [H9.09.06.22]. Trên cơ sở đó, trong kế hoạch năm học của Phòng KT&ĐBCL luôn có sự điều chỉnh, bổ sung các KPIs và các chỉ tiêu phấn đấu chính về hoạt động ĐBCL cho phù hợp [H9.09.06.23].

Tự đánh giá: 5/7

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 9:

1. Tóm tắt các điểm mạnh:

Nhà trường xây dựng hệ thống ĐBCL bên trong theo các văn bản quy định, hướng dẫn của Bộ GD&ĐT.

Mạng lưới hoạt động ĐBCL của Nhà trường được thiết lập và triển khai các hoạt động ĐBCL của Trường một cách có hệ thống.

Nhà trường thành lập Phòng KT&ĐBCL là đơn vị chuyên trách về hoạt động ĐBCL và bố trí nhân sự được đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ về ĐBCL.

Nhà trường ban hành đầy đủ hệ thống văn bản quản lý về hoạt động ĐBCL và thông báo, phổ biến đến các đơn vị và CB, GV, NV, SV để thực hiện.

Nhà trường ban hành chính sách ĐBCL, trong đó áp dụng nhiều nội dung ưu tiên cho hoạt động ĐBCL.

Nhà trường xây dựng và ban hành KHCL, kế hoạch trung hạn và kế hoạch năm học Hàng năm về hoạt động ĐBCL và triển khai thực hiện trong toàn trường.

Đội ngũ CB chuyên trách về công tác ĐBCL của Nhà trường có kinh nghiệm trong triển khai hoạt động ĐBCL, được cử tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng trong và ngoài nước về công tác ĐBCL và KĐCLGD, đồng thời tham gia quan sát viên 02 trường ĐH đánh giá ngoài theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục đại học theo Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT ngày 19/05/2017 của Bộ GD&ĐT.

Nhà trường dành kinh phí hàng năm chi cho hoạt động ĐBCL với mức kinh phí tăng hơn qua từng năm.

Nhà trường triển khai công tác lưu trữ văn bản về các chính sách, hệ thống, quy trình và thủ tục ĐBCL một cách đồng bộ và dễ dàng cho việc trích xuất, báo cáo lúc cần thiết.

Hệ thống văn bản về chính sách, hệ thống, quy trình và thủ tục ĐBCL của Nhà trường được định kỳ rà soát và phổ biến các bên liên quan bên trong và bên ngoài Trường bằng nhiều hình thức khác nhau.

Các hoạt động ĐBCL của Nhà trường triển khai theo kế hoạch năm học đã ban hành và có sự tham gia của các bên liên quan bên trong và bên ngoài Trường.

Các KPIs, các chỉ tiêu phấn đấu chính của Nhà trường được nêu trong KHCL, kế hoạch trung hạn, kế hoạch năm học của Trường.

Hàng năm, Nhà trường ban hành các KPIs, các chỉ tiêu phấn đấu chính của Trường, trong đó có các KPIs, các chỉ tiêu phấn đấu chính về hoạt động ĐBCL.

Nhà trường sử dụng các các KPIs, các chỉ tiêu phấn đấu chính về hoạt động ĐBCL để đo lường kết quả hoạt động ĐBCL và trên cơ sở đó, Nhà trường điều chỉnh, bổ sung các KPIs, các chỉ tiêu phấn đấu chính về hoạt động ĐBCL cho phù hợp, khả thi.

Năm 2019, Nhà trường rà soát quy trình xây dựng KHCL và trên cơ sở đó ban hành quy trình xây dựng KHCL đã được điều chỉnh và áp dụng đối với quá trình xây dựng KHCL, kế hoạch trung hạn cũng như kế hoạch năm học.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại:

Đội ngũ nhân sự làm công tác ĐBCL của Phòng KT&ĐBCL có thành viên là người nước ngoài nên khó khăn cho việc tiếp cận các văn bản bằng tiếng Việt.

3. Kế hoạch cải tiến:

Từ học kỳ 2 năm học 2019-2020 và những năm học tiếp theo, Nhà trường bổ sung nhân sự lãnh đạo của Phòng KT&ĐBCL để tăng cường quản lý mảng hoạt động ĐBCL của Trường.

4. Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
Tiêu chuẩn 9	5
Tiêu chí 9.1	5
Tiêu chí 9.2	5
Tiêu chí 9.3	5
Tiêu chí 9.4	5
Tiêu chí 9.5	5
Tiêu chí 9.6	5

Tiêu chuẩn 10: TĐG và đánh giá ngoài

Tiêu chí 10.1. Kế hoạch TĐG và chuẩn bị cho việc ĐGN được thiết lập

Nhà trường ban hành KHCL giai đoạn 2009-2016 tầm nhìn 2020, KHCL giai đoạn 2017-2025 tầm nhìn 2030, kế hoạch trung hạn giai đoạn 2017-2020, trong đó có các nội dung triển khai hoạt động ĐBCL cùng với các chỉ tiêu thực hiện [H10.10.01.01], [H10.10.01.02], [H10.10.01.03]. Năm 2017, căn cứ KHCL giai đoạn 2017-2025 của Nhà trường, Phòng KT&ĐBCL tham mưu BGH ban hành KHCL ĐBCL giai đoạn 2017-2025 và thông báo đến các đơn vị để thực hiện [H10.10.01.04], [H10.10.01.05]. Trên cơ sở đó, Nhà trường ban hành kế hoạch ĐBCL giai đoạn 2017-2020 và cụ thể hóa thành các hoạt động ĐBCL trong kế hoạch năm học của Trường [H10.10.01.06], [H10.10.01.07], [H10.10.01.08]. Phòng KT&ĐBCL tham mưu BGH ban hành kế hoạch ĐBCL năm học hằng năm và triển khai thực hiện [H10.10.01.09]. Trong nội dung KHCL ĐBCL giai đoạn 2017-2025, kế hoạch ĐBCL giai đoạn 2017-2020 và kế hoạch năm học xác định niên độ TĐG CSGD là 2015-2019 với việc hoàn thành TĐG vào năm 2019 và ĐGN CSGD vào năm 2020 [H10.10.01.03], [H10.10.01.04], [H10.10.01.05], [H10.10.01.08], [H10.10.01.09]. Căn cứ các văn bản của Bộ GD&ĐT, của Cục QLCL, Bộ GD&ĐT hướng dẫn công tác TĐG và ĐGN CSGD, Nhà trường ban hành kế hoạch TĐG và chuẩn bị cho việc ĐGN CSGD [H10.10.01.10], [H10.10.01.11], [H10.10.01.12], [H10.10.01.13], [H10.10.01.14], [H10.10.01.15]. Bên cạnh đó, Nhà trường xác định hoàn thành công tác TĐG và tham gia ĐGN CTĐT ngành Quản trị kinh doanh theo IACBE trong năm 2019 [H10.10.01.16], [H10.10.01.17].

Căn cứ các văn bản của Bộ GD&ĐT, của Cục QLCL, Bộ GD&ĐT hướng dẫn công tác TĐG và ĐGN CSGD, Phòng KT & ĐBCL tham mưu BGH Nhà trường thành lập Hội đồng TĐG CSGD [H10.10.01.18]. Tiếp theo đó, Nhà trường thành lập Ban Thư ký và các nhóm chuyên trách [H10.10.01.19]. Hệ thống văn bản hướng dẫn công tác TĐG và chuẩn bị cho việc ĐGN CSGD, quyết định thành lập Hội đồng TĐG, Ban Thư ký và các nhóm chuyên trách, kế hoạch TĐG và chuẩn bị cho việc ĐGN CSGD được Nhà trường gửi đến các đơn vị để thực hiện, đăng tải trên website của Trường và của Phòng KT&ĐBCL [H10.10.01.20]. Tại các cuộc họp giao ban giữa BGH với lãnh đạo các đơn vị, BGH Nhà trường phổ biến, quán triệt các đơn vị nghiêm túc thực hiện kế hoạch TĐG và chuẩn bị cho việc ĐGN đã được ban hành [H10.10.01.21]. Tại các cuộc họp giao ban các đơn vị, lãnh đạo các đơn vị phổ biến đến CB, GV, NV về kế hoạch TĐG và chuẩn bị cho việc ĐGN của Trường [H10.10.01.22]. Đối với SV được CVHT phổ biến tại các buổi sinh hoạt lớp [H10.10.01.23]. Riêng đối CB, GV, SV Khoa Kinh doanh và Luật được phổ biến về kế hoạch TĐG và ĐGN CTĐT Quản trị kinh doanh theo IACBE [H10.10.01.24].

Hội đồng TĐG Nhà trường được thành lập bao gồm 15 thành viên [H10.10.01.18]. Hiệu trưởng Nhà trường là Chủ tịch hội đồng TĐG, các Phó Hiệu trưởng là Phó Chủ tịch hội đồng TĐG và các thành viên hội đồng TĐG là đại diện lãnh đạo các Phòng, Khoa, GV, SV của Trường [H10.10.01.18]. Hội đồng TĐG phân công cụ thể cho các thành viên và định kỳ hằng tháng tổ chức họp để thông qua báo cáo TĐG các tiêu chuẩn, đồng thời xác định các biện pháp cải tiến các tồn tại được phát hiện thông qua hoạt động TĐG [H10.10.01.25], [H10.10.01.26]. Hội đồng TĐG Nhà trường phân công các nhóm chuyên trách phụ trách các tiêu chuẩn [H10.10.01.21], [H10.10.01.22], [H10.10.01.26]. Trên cơ sở đó, các nhóm chuyên trách phân công các

thành viên phụ trách khâu thu thập minh chứng, phân tích minh chứng, viết báo cáo TĐG tiêu chí và tiêu chuẩn [H10.10.01.21], [H10.10.01.22], [H10.10.01.29]. Ban Thư ký và các nhóm chuyên trách họp định kỳ 1 tuần/lần và họp tăng cường khi có các phát hiện mới hoặc gặp khó khăn trong quá trình thực hiện TĐG để có biện pháp giải quyết thích hợp nhằm đảm bảo TĐG theo đúng kế hoạch [H10.10.01.30], [H10.10.01.31].

Trên cơ sở phân công cụ thể, các thành viên của các nhóm chuyên trách tiến hành thu thập minh chứng, phân tích minh chứng, viết báo cáo TĐG tiêu chí, tiêu chuẩn [H10.10.01.32]. Định kỳ hằng tuần, các nhóm chuyên trách tổ chức họp để kiểm tra tiến độ và đánh giá kết quả thực hiện của các thành viên [H10.10.01.31]. Bên cạnh đó, kết quả thực hiện của các nhóm chuyên trách được gửi đến Ban thư ký tổng hợp, chỉnh sửa và báo cáo Hội đồng TĐG [H10.10.01.31], [H10.10.01.32]. Định kỳ 1 tháng/lần, Hội đồng TĐG họp để đánh giá tiến độ và thông qua báo cáo TĐG tiêu chuẩn do Ban thư ký tổng hợp [H10.10.01.25], [H10.10.01.32]. Nhà trường thường xuyên tổ chức và mời chuyên gia tập huấn về KĐCL giáo dục, ĐBCL giáo dục, TĐG trong KĐCL giáo dục cho các thành viên của Hội đồng TĐG, Ban Thư ký TĐG, các nhóm chuyên trách phục vụ công tác TĐG và CB, GV, NV [H10.10.01.33], [H10.10.01.35], [H10.10.01.36], [H10.10.01.37]. Nhà trường đồng thời cử CB, GV tham dự các khóa tập huấn về ĐBCL, TĐG CSGD và CTĐT ở trong và ngoài nước [H10.10.01.34], [H10.10.01.36], [H10.10.01.37], [H10.10.01.38]. Ngoài ra, trong quá trình thực hiện công tác TĐG, Nhà trường đã triển khai công tác chuẩn bị cho việc ĐGN, trong đó đã đăng ký với Trung tâm KĐCL giáo dục - ĐH Đà Nẵng về kế hoạch thẩm định báo cáo TĐG, khảo sát sơ bộ và khảo sát chính thức phục vụ ĐGN [H10.10.01.39], [H10.10.01.41], [H10.10.01.42]. Nhà trường đồng thời gửi văn bản báo cáo Cục Quản lý chất lượng, Bộ GD&ĐT về kế hoạch TĐG và chuẩn bị cho việc ĐGN của Trường [H10.10.01.40]. Đối với KĐCL CTĐT, Nhà trường đã triển khai thực hiện TĐG CTĐT ngành Quản trị kinh doanh và ĐGN theo IACBE trong năm 2019 [H10.10.01.43], [H10.10.01.44].

Tự đánh giá: 6/7

Tiêu chí 10.2. Việc TĐG và ĐGN được thực hiện định kỳ bởi các cán bộ và/hoặc các chuyên gia độc lập đã được đào tạo

Năm 2018, Nhà trường ban hành kế hoạch TĐG CSGD và thông báo đến các đơn vị để thực hiện [H10.10.02.01], [H10.10.02.02]. Bên cạnh đó, Nhà trường ban hành kế hoạch chuẩn bị cho việc ĐGN CSGD [H10.10.02.03]. Kế hoạch TĐG CSGD và kế hoạch chuẩn bị cho việc ĐGN CSGD của Nhà trường được xây dựng theo đúng các văn bản hướng dẫn của Cục Quản lý chất lượng, Bộ GD&ĐT [H10.10.02.04], [H10.10.02.05], [H10.10.02.06], [H10.10.02.07]. Nhà trường phân công Phòng KT & ĐBCL là đơn vị thường trực để triển khai công tác TĐG CSGD và chuẩn bị cho việc ĐGN CSGD của Nhà trường [H10.10.02.08], [H10.10.02.09], [H10.10.02.10], [H10.10.02.11], [H10.10.02.12], [H10.10.02.13]. Đối với CTĐT, Nhà trường ban hành kế hoạch TĐG và ĐGN CTĐT ngành Quản trị kinh doanh theo IACBE [H10.10.02.14], [H10.10.02.15].

Nhà trường cử nhiều lượt CB, GV tham gia các khóa tập huấn về công tác ĐBCL, KĐCLGD, tham gia học tập khóa đào tạo kiểm định viên KĐCL GDĐH & TCCN [H10.10.02.16], [H10.10.02.17], [H10.10.02.18], [H10.10.02.19], [H10.10.02.20]. Bên cạnh đó, Nhà trường cử 02 CB, GV tham gia quan sát viên KĐCL CSGD Trường ĐH Văn Hiến [H10.10.02.21]. Đồng thời, Nhà trường cử 02

CB, GV tham gia khóa tập huấn xây dựng CĐR CTĐT do Trung tâm KĐCL giáo dục - ĐH Đà Nẵng tổ chức [H10.10.02.22]. Các thành viên Hội đồng TĐG của Nhà trường đã tham dự các khóa tập huấn về ĐBCL, KĐCLGD [H10.10.02.18]. Ngoài ra, Nhà trường cử CB, GV tham dự các khóa tập huấn về ĐBCL, TĐG CSGD và CTĐT ở trong và ngoài nước [H10.10.02.17], [H10.10.02.19], [H10.10.02.20]. Nhà trường được đoàn ĐGN thuộc Trung tâm KĐCLGD-ĐHĐN tổ chức khảo sát sơ bộ phục vụ ĐGN vào tháng 01/2020 và khảo sát chính thức phục vụ ĐGN vào tháng 3/2020 [H10.10.02.23].

Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 10.3. Các phát hiện và kết quả của việc TĐG và ĐGN được rà soát

Trong quá trình thực hiện công tác TĐG, thông qua phân tích các minh chứng đã thu thập được từ các hoạt động, các nhóm chuyên trách, Ban thư ký và Hội đồng TĐG xem xét, nghiên cứu và phân tích các minh chứng để xác định các điểm mạnh, tồn tại trong các hoạt động của Nhà trường so với tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CSGD đại học [H10.10.03.01],[H10.10.03.02], [H10.10.03.03], [H10.10.03.04], [H10.10.03.05], [H10.10.03.06], [H10.10.03.07], [H10.10.03.08]. Trên cơ sở đó, Nhà trường xác định các điểm mạnh, tồn tại trong các hoạt động của Nhà trường so với tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CSGD đại học và thể hiện trong báo cáo TĐG [H10.10.03.09]. Các điểm mạnh, tồn tại trong báo cáo TĐG được Hội đồng TĐG thống nhất và thông qua [H10.10.03.06]. Bên cạnh đó, Hội đồng TĐG CTĐT ngành QTKD đồng thời xác định các điểm mạnh, tồn tại trong báo cáo TĐG theo IACBE [H10.10.03.10].

Tại các cuộc họp của Hội đồng TĐG định kỳ hằng tháng, bên cạnh việc xem xét, đánh giá các điểm mạnh, tồn tại, Hội đồng TĐG Nhà trường xem xét các biện pháp cải tiến nhằm khắc phục các tồn tại đã được phát hiện thông qua công tác TĐG [H10.10.03.06]. Trên cơ sở đó, các biện pháp cải tiến nhằm khắc phục các tồn tại đối với các tiêu chuẩn của bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng trường ĐH theo Thông tư số 12/2017/BGDĐT ngày 19/5/2017 của Bộ GD&ĐT được Hội đồng TĐG xác định và thể hiện trong kết luận cuộc họp Hội đồng TĐG [H10.10.03.11]. Nhà trường thông báo kết luận cuộc họp Hội đồng TĐG đến các nhóm chuyên trách để triển khai các biện pháp cải tiến nhằm khắc phục các tồn tại [H10.10.03.12]. Đồng thời, Nhà trường dành kinh phí, đầu tư CSVC, trang thiết bị cho việc thực hiện các biện pháp cải tiến [H10.10.03.13], [H10.10.03.14], [H10.10.03.15]. Bên cạnh đó, Nhà trường ban hành và áp dụng hệ thống văn bản, chính sách trong quá trình TĐG nhằm hoàn thiện các hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ và thể hiện trong kế hoạch năm học hằng năm [H10.10.03.16], [H10.10.03.17].

Tại các cuộc họp của Hội đồng TĐG, Hội đồng đồng thời xem xét kết quả thực hiện các biện pháp cải tiến nhằm khắc phục các tồn tại đã được xác định trong kết luận cuộc họp lần trước [H10.10.03.06], [H10.10.03.11]. Kết quả thực hiện các biện pháp cải tiến nhằm khắc phục các tồn tại được thể hiện trong biên bản họp Hội đồng TĐG và kết luận cuộc họp của Hội đồng [H10.10.03.11], [H10.10.03.18]. Bên cạnh đó, kết quả thực hiện các biện pháp cải tiến được thể hiện trong báo cáo TĐG, trong đó Nhà trường đã cải thiện các hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ đáp ứng các yêu cầu của bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng trường ĐH ban hành kèm theo Quyết định số 65/2007/QĐ-BGDĐT ngày 01/11/2007 của Bộ GD&ĐT [H10.10.03.09], [H10.10.03.19]. Đối với CTĐT ngành QTKD đã được điều chỉnh, cải tiến theo IACBE và đã được ĐGN trong

tháng 11 năm 2019 [H10.10.03.10], [H10.10.03.20]. Hoạt động cải tiến trong quá trình TĐG góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của Nhà trường trong ĐT, NCKH, PVCĐ và được thể hiện trong báo cáo năm học 2018-2019 của Trường và của các đơn vị [H10.10.03.21].

Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 10.4. Quy trình TĐG và quy trình chuẩn bị cho việc ĐGN được cải tiến để đáp ứng các mục tiêu chiến lược của CSGD

Năm 2016, Nhà trường ban hành hướng dẫn TĐG, trong đó có quy trình TĐG được xây dựng theo công văn số 462/KTKĐCLGD-KĐĐH của Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục (nay là Cục Quản lý chất lượng), Bộ GD&ĐT [H10.10.04.01], [H10.10.04.02], [H10.10.04.03], [H10.10.04.04]. Để phù hợp với TĐG đối với bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng trường ĐH theo Thông tư số 12/2017/BGDĐT ngày 19/5/2017 của Bộ GD&ĐT, Hội đồng TĐG của Nhà trường họp với các nhóm chuyên trách và ban Thư ký TĐG CSGD để rà soát văn bản hướng dẫn TĐG dựa trên ý kiến góp ý của các nhóm chuyên trách [H10.10.04.05], [H10.10.04.06]. Hiệu trưởng Nhà trường ký ban hành hướng dẫn TĐG và thông báo đến Ban thư ký, các nhóm chuyên trách và các đơn vị để thực hiện [H10.10.04.07], [H10.10.04.08]. Hướng dẫn TĐG của Nhà trường ban hành trên theo công văn số 766/QLCL-KĐCLGD của Cục QLCL, Bộ GD&ĐT về hướng dẫn TĐG cơ sở giáo dục đại học [H10.10.04.07], [H10.10.04.09].

Trong hướng dẫn TĐG cơ sở giáo dục đại học được Trường ban hành theo công văn số 766/QLCL-KĐCLGD của Cục QLCL, Bộ GD&ĐT có sự điều chỉnh, cải tiến về quy trình thực hiện so với hướng dẫn TĐG được xây dựng theo công văn số 462/KTKĐCLGD-KĐĐH của Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục, Bộ GD&ĐT [H10.10.04.02], [H10.10.04.07]. Với việc triển khai TĐG CSGD theo quy trình TĐG được quy định trong hướng dẫn TĐG cơ sở giáo dục đại học được Trường ban hành theo công văn số 766/QLCL-KĐCLGD của Cục QLCL, Bộ GD&ĐT, Nhà trường đã hoàn thành báo cáo TĐG CSGD giai đoạn 2015-2019 [H10.10.04.10].

Trước năm 2019, Nhà trường tập trung triển khai TĐG CSGD, chưa xây dựng quy trình chuẩn bị cho việc ĐGN và đến năm 2019, Nhà trường xây dựng hướng dẫn chuẩn bị cho việc ĐGN dựa trên công văn số 767/QLCL-KĐCLGD của Cục QLCL, Bộ GD&ĐT [H10.10.04.11], [H10.10.04.12]. Trong hướng dẫn chuẩn bị cho việc ĐGN do Nhà trường ban hành có quy trình chuẩn bị cho việc ĐGN [H10.10.04.12]. Nhà trường thông báo hướng dẫn chuẩn bị cho việc ĐGN do Trường ban hành dựa trên công văn số 767/QLCL-KĐCLGD của Cục QLCL, Bộ GD&ĐT đến các đơn vị để thực hiện [H10.10.04.12] [H10.10.04.13]. Thực hiện quy trình chuẩn bị cho việc ĐGN được quy định trong hướng dẫn chuẩn bị cho việc ĐGN do Nhà trường ban hành, Trường đã đăng ký với Trung tâm KĐCLGD - ĐHĐN và sẽ ĐGN CSGD trong năm 2020 [H10.10.04.14], [H10.10.04.15].

Trong quá trình triển khai TĐG, Nhà trường thường xuyên tổ chức rút kinh nghiệm, chia sẻ những thực hành tốt giữa các nhóm chuyên trách thông qua các buổi họp định kỳ của các nhóm chuyên trách và của Ban Thư ký TĐG CSGD [H10.10.04.16], [H10.10.04.17]. Bên cạnh đó, Khoa Kinh doanh và Luật báo cáo kinh nghiệm triển khai TĐG và ĐGN CTĐT Quản trị kinh doanh theo IACBE đối với các khoa khác của Trường [H10.10.04.18]. Ngoài ra, các Khoa của Nhà trường báo cáo

chia sẻ các thực hành tốt trong đổi mới phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá, NCKH, PVCD, [H10.10.04.19]. Ngoài ra, trong báo cáo tổng kết năm học của Nhà trường và của các đơn vị cũng như tại Hội nghị Người lao động hằng năm, Nhà trường tổ chức rút kinh nghiệm, chia sẻ những thực hành tốt trong công tác ĐBCL, KĐCLGD giữa các đơn vị trong Trường [H10.10.04.20], [H10.10.04.21], [H10.10.04.22], [H10.10.04.23].

Tự đánh giá: 5/7

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 10:

1. Tóm tắt các điểm mạnh:

- Nhà trường quan tâm chú trọng công tác TĐG CSGD theo bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng trường ĐH theo Thông tư số 12/2017/BGDĐT ngày 19/5/2017 của Bộ GD&ĐT và TĐG CTĐT theo IACBE.

- Nhà trường thành lập Hội đồng TĐG, Ban Thư ký TĐG và các nhóm chuyên trách phục vụ công tác TĐG CSGD theo bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng trường ĐH theo Thông tư số 12/2017/BGDĐT ngày 19/5/2017 của Bộ GD&ĐT.

- Nhà trường ban hành kế hoạch TĐG CSGD và thông báo đến các đơn vị thực hiện.

- Hội đồng TĐG, Ban Thư ký TĐG và các nhóm chuyên trách phân công trách nhiệm cụ thể và triển khai thực hiện theo kế hoạch TĐG đã ban hành.

- Hội đồng TĐG, Ban Thư ký TĐG và các nhóm chuyên trách được cử tham dự các khóa tập huấn về ĐBCL và KĐCL giáo dục.

- Nhà trường ưu tiên dành nguồn lực để triển khai TĐG CSGD theo bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng trường ĐH theo Thông tư số 12/2017/BGDĐT ngày 19/5/2017 của Bộ GD&ĐT và TĐG CTĐT theo IACBE.

- Nhà trường ban hành hướng dẫn TĐG CSGD và hướng dẫn ĐGN CSGD, trong đó thể hiện rõ quy trình TĐG và quy trình chuẩn bị cho việc ĐGN.

- Dựa trên cơ sở rà soát quy trình TĐG và quy trình chuẩn bị cho việc ĐGN, Nhà trường ban hành hướng dẫn TĐG CSGD và hướng dẫn ĐGN CSGD, trong đó có sự điều chỉnh, cải tiến quy trình TĐG và quy trình chuẩn bị cho việc ĐGN.

- Hội đồng TĐG, Ban Thư ký TĐG và các nhóm chuyên trách phục vụ TĐG CSGD thường xuyên họp để xác định điểm mạnh, tồn tại và kế hoạch cải tiến hoạt động của Trường được phát hiện thông qua quá trình TĐG.

- Nhà trường ưu tiên dành nguồn lực để áp dụng các biện pháp cải tiến, khắc phục các tồn tại được phát hiện thông qua quá trình TĐG.

- Nhà trường và các đơn vị thường xuyên tổ chức rút kinh nghiệm, chia sẻ những thực hành tốt trong công tác ĐBCL, KĐCLGD giữa các đơn vị trong Trường.

- Nhà trường hoàn thành báo cáo TĐG CSGD theo bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng trường ĐH theo Thông tư số 12/2017/BGDĐT ngày 19/5/2017 của Bộ GD&ĐT và đăng ký ĐGN với Trung tâm KĐCLGD - ĐHĐN trong năm 2020.

- Nhà trường hoàn thành báo cáo TĐG CTĐT QTKD và ĐGN theo IACBE trong tháng 11/2019.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại:

Do hạn chế về thời gian nên Nhà trường không thể khắc phục tất cả các tồn tại được phát hiện thông qua quá trình TĐG.

3. Kế hoạch cải tiến:

Trong học kỳ 2 năm học 2019-2020 và những năm học tiếp theo, Nhà trường tăng cường chỉ đạo các đơn vị và dành nguồn lực để cải tiến, khắc phục triệt để các tồn tại được phát hiện thông qua quá trình TĐG và ĐGN CSGD.

4. Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
Tiêu chuẩn 10	5.25
Tiêu chí 10.1	6
Tiêu chí 10.2	5
Tiêu chí 10.3	5
Tiêu chí 10.4	5

Tiêu chuẩn 11: Hệ thống thông tin ĐBCL bên trong

Tiêu chí 11.1. Kế hoạch quản lý thông tin ĐBCL bên trong bao gồm việc thu thập, xử lý, báo cáo, nhận và chuyển thông tin từ các bên liên quan nhằm hỗ trợ hoạt động ĐT, NCKH và PVCD được thiết lập

Trong KHCL của Nhà trường giai đoạn 2017-2025 tầm nhìn 2030 có nội dung về xây dựng hệ thống quản lý thông tin ĐBCL bên trong [H11.11.01.01]. Trên cơ sở đó, Nhà trường giao nhiệm vụ cho Phòng KT&ĐBCL xây dựng hệ thống quản lý thông tin ĐBCL bên trong [H11.11.01.02], [H11.11.01.03], [H11.11.01.04], [H11.11.01.05], [H11.11.01.06], [H11.11.01.09]. Đồng thời, Khoa CNTT tham gia hỗ trợ quá trình xây dựng hệ thống quản lý thông tin ĐBCL bên trong của Trường, đặc biệt là về CNTT [H11.11.01.07], [H11.11.01.08], [H11.11.01.09]. Phòng KT&ĐBCL tham mưu BGH Nhà trường ban hành kế hoạch xây dựng hệ thống quản lý thông tin ĐBCL bên trong của Trường, trong đó có phân công trách nhiệm cụ thể cho các đơn vị [H11.11.01.10]. Ngoài ra, trong kế hoạch năm học của Phòng KT&ĐBCL có nội dung về xây dựng, quản lý hệ thống quản lý thông tin ĐBCL bên trong của Trường [H11.11.01.11].

Trong kế hoạch xây dựng hệ thống quản lý thông tin ĐBCL bên trong, Nhà trường phân công Phòng KT&ĐBCL là đơn vị chủ trì và làm đầu mối để triển khai xây dựng, vận hành, rà soát, điều chỉnh hệ thống quản lý thông tin ĐBCL bên trong, [H11.11.01.10]. Bên cạnh đó, trong kế hoạch xây dựng hệ thống quản lý thông tin ĐBCL bên trong, Nhà trường phân công Khoa CNTT hỗ trợ về kỹ thuật trong quá trình xây dựng, vận hành hệ thống quản lý thông tin ĐBCL bên trong của Trường [H11.11.01.10]. Nhà trường ban hành Quy định sử dụng hệ thống quản lý thông tin ĐBCL bên trong, trong đó có quy định trách nhiệm của các đơn vị, CB, GV, NV, SV trong việc sử dụng hệ thống quản lý thông tin ĐBCL bên trong của Trường [H11.11.01.12]. Nhà trường thông báo Quy định sử dụng hệ thống quản lý thông tin ĐBCL bên trong đến các đơn vị để thực hiện và phổ biến đến CB, GV, NV, SV biết và thực hiện [H11.11.01.13].

BGH Nhà trường tổ chức họp với các lãnh đạo các đơn vị để triển khai kế hoạch xây dựng hệ thống quản lý thông tin ĐBCL bên trong của Trường, trong đó có bàn đến phương án ứng dụng CNTT [H11.11.01.14]. Dựa trên ý kiến thống nhất của cuộc họp, Nhà trường hợp đồng với Công ty Anh Quân để xây dựng phần mềm quản lý Edusoft nhằm phục vụ hệ thống quản lý thông tin ĐBCL bên trong của Trường [H11.11.01.15]. Nhà trường áp dụng phần mềm quản lý Edusoft nhằm quản lý thông tin ĐBCL bên trong của Trường [H11.11.01.16]. Bên cạnh việc xây dựng và sử dụng website bằng tiếng Việt, Nhà trường sử dụng website tiếng Anh nhằm nâng cao hiệu quả truyền thông đáp ứng SM, TN, TLGD của Trường [H11.11.01.17].

Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 11.2. Thông tin về ĐBCL bên trong bao gồm kết quả phân tích dữ liệu phải phù hợp, chính xác và sẵn có để cung cấp kịp thời cho các bên liên quan nhằm hỗ trợ cho việc ra quyết định; đồng thời, đảm bảo sự thống nhất, bảo mật và an toàn

Phần mềm quản lý Edusoft của Nhà trường được xây dựng dựa trên nền tảng CNTT [H11.11.02.01], [H11.11.02.02]. Để xây dựng hệ thống quản lý thông tin

ĐBCL bên trong, Nhà trường yêu cầu các đơn vị cung cấp các dữ liệu cần thiết, đặc biệt là đối với hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ gửi về Phòng KT&ĐBCL để tổng hợp [H11.11.02.03], [H11.11.02.04]. Trên cơ sở đó, hệ thống quản lý thông tin ĐBCL bên trong của Nhà trường được xây dựng và bao gồm đầy đủ các dữ liệu cần thiết phục vụ hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ của Trường [H11.11.02.02], [H11.11.02.04].

Với việc sử dụng phần mềm quản lý Edusoft, Nhà trường lưu trữ và quản lý đầy đủ các thông tin ĐBCL bên trong của Trường về hoạt động khảo sát ý kiến các bên liên quan, dữ liệu về tuyển sinh, ĐT, NCKH, PVCĐ [H11.11.02.02], [H11.11.02.05], [H11.11.02.06], [H11.11.02.07], [H11.11.02.08], [H11.11.02.09], [H11.11.02.10], [H11.11.02.11]. Bên cạnh đó, phần mềm quản lý Edusoft dễ dàng phân tích CSDL về ĐT, NCKH, PVCĐ để từ đó hỗ trợ việc xác định các biện pháp cải tiến nhằm nâng cao chất lượng của Trường [H11.11.02.02].

CSDL về ĐT, NCKH, PVCĐ của Nhà trường được cập nhật trên phần mềm quản lý Edusoft [H11.11.02.02]. Bên cạnh đó, thông qua việc sử dụng phần mềm quản lý Edusoft, các dữ liệu về ĐT, NCKH, PVCĐ của Nhà trường được trích xuất kịp thời nhằm phục vụ các báo cáo theo yêu cầu của Bộ GD&ĐT cũng như của các đơn vị liên quan [H11.11.02.12], [H11.11.02.13], [H11.11.02.14].

Trong Quy định sử dụng hệ thống quản lý thông tin ĐBCL bên trong của Nhà trường có quy định cụ thể về chính sách bảo mật, an toàn và trách nhiệm của các đơn vị, CB, GV, NV, SV trong việc sử dụng hệ thống quản lý thông tin ĐBCL bên trong của Trường [H11.11.02.15]. Nhà trường cấp cho CB, GV, NV, SV địa chỉ email của Trường để trao đổi thông tin nhằm tăng cường quản lý và bảo mật thông tin [H11.11.02.16], [H11.11.02.17]. Bên cạnh đó, Nhà trường đầu tư máy chủ, hạ tầng mạng, sao lưu dữ liệu, phần mềm diệt virus... nhằm đảm bảo tính bảo mật, an toàn cho hệ thống quản lý thông tin ĐBCL bên trong của Trường [H11.11.02.18], [H11.11.02.19], [H11.11.02.20], [H11.11.02.21], [H11.11.02.22]. Ngoài ra, trong Quy chế đào tạo của Nhà trường quy định cụ thể đối với SV về việc đăng nhập hệ thống để biết kết quả kiểm tra đánh giá môn học cũng như theo dõi tiến trình học tập của bản thân để đảm bảo tính bảo mật của cá nhân [H11.11.02.23].

Nhà trường gửi Quy định sử dụng hệ thống quản lý thông tin ĐBCL bên trong đến các đơn vị để thực hiện và thông báo, phổ biến đến CB, GV, NV, SV biết để thực hiện, đồng thời yêu cầu các đơn vị sử dụng kết quả khảo sát ý kiến của các bên liên quan trong quá trình triển khai các hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ [H11.11.02.24], [H11.11.02.25], [H11.11.02.26], [H11.11.02.27]. Tại các cuộc họp giao ban giữa BGH với lãnh đạo các đơn vị, BGH Nhà trường yêu cầu các đơn vị nghiêm túc thực hiện Quy định sử dụng hệ thống quản lý thông tin ĐBCL bên trong của Trường [H11.11.02.28]. Tại các cuộc họp giao ban của đơn vị, lãnh đạo các đơn vị phổ biến đến CB, GV, NV Quy định sử dụng hệ thống quản lý thông tin ĐBCL bên trong của Trường [H11.11.02.29]. Đối với SV, trong tuần sinh hoạt công dân đầu khóa học và đầu năm học, Nhà trường phổ biến đến SV Quy định sử dụng hệ thống quản lý thông tin ĐBCL bên trong của Trường cũng như hướng dẫn SV cách thức sử dụng phần mềm quản lý Edusoft [H11.11.02.30]. Ngoài ra, trong hợp đồng giữa Nhà trường với Công ty Anh Quân đồng thời có các nội dung về bảo trì, hỗ trợ Trường trong quá trình sử dụng phần mềm quản lý Edusoft [H11.11.02.01].

Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 11.3. Thực hiện rà soát hệ thống quản lý thông tin ĐBCL bên trong, số lượng, chất lượng, sự thống nhất, bảo mật, an toàn của dữ liệu và thông tin

Nhà trường giao nhiệm vụ cho Phòng KT & ĐBCL là đơn vị chủ trì, rà soát, bổ sung, điều chỉnh hệ thống quản lý thông tin ĐBCL bên trong của Trường [H11.11.03.01], [H11.11.03.02], [H11.11.03.03], [H11.11.03.04], [H11.11.03.05], [H11.11.03.06]. Trong kế hoạch năm học 2018-2019 và 2019-2020 của Phòng KT & ĐBCL có nội dung rà soát hệ thống quản lý thông tin ĐBCL bên trong của Trường [H11.11.03.07]. Năm 2018 và 2019, Nhà trường tổ chức họp với lãnh đạo các đơn vị về việc rà soát hệ thống quản lý thông tin ĐBCL bên trong của Trường [H11.11.03.08]. Trên cơ sở đó, Phòng KT & ĐBCL đề xuất và tiến hành bổ sung, cập nhật dữ liệu trong hệ thống quản lý thông tin ĐBCL bên trong của Trường [H11.11.03.09].

Nhà trường đồng thời giao nhiệm vụ cho Phòng KT & ĐBCL là đơn vị chủ trì, rà soát, bổ sung, điều chỉnh số lượng, chất lượng, sự thống nhất, bảo mật, an toàn của dữ liệu và thông tin của hệ thống quản lý thông tin ĐBCL bên trong của Trường [H11.11.03.06]. Năm 2019, Phòng KT & ĐBCL tiếp thu ý kiến tại cuộc họp giữa BGH Nhà trường về hệ thống quản lý thông tin ĐBCL bên trong của Trường và tham mưu Hiệu trưởng Nhà trường ký ban hành Quy định sử dụng hệ thống quản lý thông tin ĐBCL bên trong của Trường, trong đó có cập nhật chính sách về bảo mật thông tin [H11.11.03.08], [H11.11.03.10], [H11.11.03.11]. Bên cạnh đó, Nhà trường tăng cường nâng cấp máy chủ, hạ tầng mạng, sao lưu dữ liệu, phần mềm diệt virus... nhằm đảm bảo tính bảo mật, an toàn cho hệ thống quản lý thông tin ĐBCL bên trong của Trường [H11.11.03.12], [H11.11.03.13], [H11.11.03.14], [H11.11.03.15], [H11.11.03.16]. Trong giai đoạn 2015-2019, việc bảo mật, an toàn của dữ liệu và thông tin của hệ thống quản lý thông tin ĐBCL bên trong của Trường được đảm bảo [H11.11.03.17].

Trong nội dung khảo sát ý kiến CB, GV, NV, SV về các hoạt động của Trường có khảo sát về hệ thống quản lý thông tin ĐBCL của Trường với kết quả khảo sát thể hiện mức độ hài lòng của CB, GV, NV, SV [H11.11.03.18], [H11.11.03.19], [H11.11.03.20], [H11.11.03.21]. Bên cạnh đó, các ý kiến góp ý của các đơn vị tại các cuộc họp giao ban, ý kiến của CB, GV tại hội nghị Người lao động hằng năm, ý kiến của SV tại diễn đàn đối thoại hằng năm giữa lãnh đạo Nhà trường với SV về hệ thống quản lý thông tin ĐBCL bên trong được Nhà trường tiếp thu để điều chỉnh, bổ sung nhằm hoàn thiện hệ thống quản lý thông tin ĐBCL bên trong của Trường [H11.11.03.08], [H11.11.03.22], [H11.11.03.23].

Tự đánh giá: 4/7

Tiêu chí 11.4. Việc quản lý thông tin ĐBCL bên trong cũng như các chính sách, quy trình và kế hoạch quản lý thông tin ĐBCL bên trong được cải tiến để hỗ trợ ĐT, NCKH và PVCD

Việc cải tiến thông tin ĐBCL bên trong cũng như các chính sách, quy trình và kế hoạch quản lý thông tin ĐBCL bên trong luôn được Nhà trường chú trọng và xác định trong KHCL, kế hoạch trung hạn và kế hoạch năm học của Trường [H11.11.04.01], [H11.11.04.02], [H11.11.04.03]. Trước năm 2019, Nhà trường sử dụng các phần mềm quản lý riêng biệt để quản lý thông tin ĐBCL bên trong của Trường [H11.11.04.04], [H11.11.04.05]. Năm 2019, để quản lý thông tin ĐBCL bên

trong một cách đồng bộ, Nhà trường hợp đồng với Công ty Anh Quân để xây dựng phần mềm quản lý Edusoft nhằm phục vụ hệ thống quản lý thông tin ĐBCL bên trong của Trường [H11.11.04.06], [H11.11.04.07]. Việc sử dụng phần mềm quản lý Edusoft đã giúp hệ thống để quản lý thông tin ĐBCL bên trong của Trường được cải tiến [H11.11.04.07]. Ngoài ra, nhằm tăng cường thông tin của Trường đến các đối tác quốc tế, Nhà trường đã xây dựng và sử dụng website bằng tiếng Anh [H11.11.04.08].

Năm 2019, Nhà trường ban hành Quy định sử dụng hệ thống quản lý thông tin ĐBCL bên trong của Trường, trong đó có cập nhật chính sách về bảo mật thông tin so với Quy định sử dụng hệ thống quản lý thông tin ĐBCL bên trong được Trường ban hành năm 2018 [H11.11.04.09], [H11.11.04.10]. Bên cạnh đó, dữ liệu trong hệ thống quản lý thông tin ĐBCL bên trong của Trường được cập nhật [H11.11.04.11]. Trong giai đoạn 2015-2019, việc bảo mật, an toàn của dữ liệu và thông tin của hệ thống quản lý thông tin ĐBCL bên trong của Trường được đảm bảo [H11.11.04.12]. Kết quả khảo sát ý kiến phản hồi thể hiện mức độ hài lòng của CB, GV, NV, SV thể hiện mức độ hài lòng về hệ thống quản lý thông tin ĐBCL bên trong của Trường [H11.11.04.13], [H11.11.04.14], [H11.11.04.15], [H11.11.04.16], [H11.11.04.17].

Trong Quy định sử dụng hệ thống quản lý thông tin ĐBCL bên trong của Trường ban hành đồng thời quy định về việc các đơn vị sử dụng dữ liệu, các thông tin ĐBCL bên trong để hỗ trợ, phục vụ hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ của Trường [H11.11.04.09], [H11.11.04.10]. Nhà trường và các đơn vị thường xuyên sử dụng dữ liệu, các thông tin ĐBCL bên trong để đề xuất các chính sách, xây dựng KHCL, kế hoạch trung hạn và các kế hoạch năm học của Trường và của đơn vị [H11.11.04.17], [H11.11.04.18], [H11.11.04.19], [H11.11.04.20], [H11.11.04.21], [H11.11.04.22], [H11.11.04.23], [H11.11.04.24], [H11.11.04.25], [H11.11.04.26], [H11.11.04.27], [H11.11.04.28], [H11.11.04.29], [H11.11.04.30], [H11.11.04.31].

Tự đánh giá: 4/7

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 11:

1. Tóm tắt các điểm mạnh:

- Nhà trường ban hành kế hoạch xây dựng hệ thống quản lý thông tin ĐBCL bên trong nhằm hỗ trợ cho hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ với sự phân công trách nhiệm cụ thể cho các đơn vị thực hiện.

- Nhà trường họp bàn, thống nhất phương án sử dụng CNTT đối với hệ thống quản lý thông tin ĐBCL bên trong của Trường.

- Nhà trường hợp đồng với Công ty Anh Quân để xây dựng phần mềm quản lý Edusoft nhằm phục vụ hệ thống quản lý thông tin ĐBCL bên trong của Trường.

- Phần mềm quản lý Edusoft nhằm phục vụ hệ thống quản lý thông tin ĐBCL bên trong của Trường được xây dựng trên nền tảng ứng dụng CNTT.

- Nhà trường ban hành Quy định sử dụng hệ thống quản lý thông tin ĐBCL bên trong của Trường và thông báo, phổ biến đến các bên liên quan bên trong và bên ngoài Trường biết để thực hiện.

- Với việc áp dụng phần mềm quản lý Edusoft nhằm phục vụ hệ thống quản lý thông tin ĐBCL bên trong của Trường, dữ liệu và thông tin ĐBCL bên trong của Trường được lưu trữ thống nhất, phân tích chính xác, tích xuất kịp thời.

- Các thông tin của hệ thống quản lý thông tin ĐBCL bên trong được cập nhật, phân tích và sử dụng trong quá trình triển khai các hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ của Trường.

- Nhà trường quy định và yêu cầu các đơn vị sử dụng dữ liệu, thông tin ĐBCL bên trong để hỗ trợ và phục vụ hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ.

- Nhà trường tiến hành rà soát hệ thống quản lý thông tin ĐBCL bên trong và trên cơ sở đó bổ sung dữ liệu cũng như chính sách an toàn, bảo mật cho hệ thống quản lý thông tin ĐBCL bên trong của Trường.

- Nhà trường tăng cường nâng cấp máy chủ, hạ tầng mạng, sao lưu dữ liệu, phần mềm diệt virus,... nhằm đảm bảo tính bảo mật, an toàn cho hệ thống quản lý thông tin ĐBCL bên trong của Trường.

- Kết quả khảo sát ý kiến phản hồi thể hiện mức độ hài lòng của CB, GV, NV, SV thể hiện mức độ hài lòng về hệ thống quản lý thông tin ĐBCL bên trong của Trường.

- Trong giai đoạn 2015-2019, việc bảo mật, an toàn của dữ liệu và thông tin của hệ thống quản lý thông tin ĐBCL bên trong của Trường được đảm bảo.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại:

Việc cập nhật dữ liệu các hoạt động của các đơn vị đôi lúc còn chậm.

Nhà trường chưa có nhiều phần mềm tự thiết kế và áp dụng trong quản lý.

3. Kế hoạch cải tiến:

Từ học kỳ 2 năm học 2019-2020, Nhà trường tăng cường bố trí nhân sự cho các đơn vị thực hiện hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ để kịp thời cập nhật dữ liệu. Bên cạnh đó, Nhà trường tăng cường nhân lực và kinh phí để Khoa CNTT tự thiết kế các phần mềm phục vụ hoạt động quản lý của Trường.

4. Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
Tiêu chuẩn 11	4.5
Tiêu chí 11.1	5
Tiêu chí 11.2	5
Tiêu chí 11.3	4
Tiêu chí 11.4	4

Tiêu chuẩn 12: Nâng cao chất lượng

Tiêu chí 12.1. Xây dựng kế hoạch liên tục nâng cao chất lượng của CSGD bao gồm các chính sách, hệ thống, quy trình, thủ tục và nguồn lực để thực hiện tốt nhất hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ

Trong Nghị quyết của HĐQT luôn đề cập đến chủ trương, chính sách, định hướng, chỉ đạo Nhà trường tập trung nâng cao chất lượng nói chung và chất lượng ĐT, NCKH, PVCĐ nói riêng [H12.12.01.01]. Trên cơ sở đó, trong KHCL giai đoạn 2009-2016 tầm nhìn 2020, KHCL giai đoạn 2017-2025 của Nhà trường thể hiện rõ chính sách, mục tiêu, chỉ tiêu, nội dung, nguồn lực để nâng cao chất lượng của Nhà trường [H12.12.01.02], [H12.12.01.03]. Bên cạnh đó, Nhà trường ban hành KHCL đối với các lĩnh vực hoạt động nhằm cụ thể hóa các chính sách, nguồn lực tập trung để nâng cao chất lượng ĐT, NCKH, PVCĐ của Trường [H12.12.01.04], [H12.12.01.05], [H12.12.01.06], [H12.12.01.07], [H12.12.01.08], [H12.12.01.09]. Nhà trường đồng thời ban hành kế hoạch trung hạn giai đoạn 2017-2020 và đối với các lĩnh vực cụ thể [H12.12.01.10], [H12.12.01.11], [H12.12.01.12], [H12.12.01.13], [H12.12.01.14], [H12.12.01.15], [H12.12.01.16]. Trên cơ sở đó, trong kế hoạch năm học hàng năm của Nhà trường và của các đơn vị thể hiện rõ các nội dung về nâng cao chất lượng của Trường nói chung và nâng cao chất lượng ĐT, NCKH, PVCĐ [H12.12.01.17], [H12.12.01.18], [H12.12.01.19]. Nhà trường dành kinh phí hàng năm cho hoạt động nâng cao chất lượng của Trường [H12.12.01.20], [H12.12.01.21], [H12.12.01.22].

Trong KHCL, kế hoạch trung hạn và kế hoạch năm học hàng năm của Nhà trường luôn có các mục tiêu, KPIs cụ thể về chất lượng nói chung và đối với từng lĩnh vực nói riêng [H12.12.01.02], [H12.12.01.03], [H12.12.01.10], [H12.12.01.17]. Bên cạnh đó, các nội dung cụ thể về nâng cao chất lượng với các mốc thời gian liên tục cùng với sự phân công cho các đơn vị chủ trì thực hiện, đơn vị phối hợp thực hiện được thể hiện trong KHCL, kế hoạch trung hạn và kế hoạch năm học hàng năm của Nhà trường [H12.12.01.02], [H12.12.01.03], [H12.12.01.10], [H12.12.01.17]. Ngoài ra, mục tiêu, KPIs, nội dung, thời gian thực hiện các hoạt động nâng cao chất lượng được thể hiện trong KHCL, kế hoạch trung hạn và kế hoạch năm học hàng năm của các đơn vị [H12.12.01.02], [H12.12.01.03], [H12.12.01.10], [H12.12.01.18], [H12.12.01.19]. Nhà trường ban hành hệ thống văn bản để triển khai các hoạt động nâng cao chất lượng theo SM, TN, GTCL và TLGD của Trường [H12.12.01.23], [H12.12.01.24], [H12.12.01.25], [H12.12.01.26], [H12.12.01.27], [H12.12.01.28]. Hệ thống văn bản được Nhà trường cập nhật trên website của Trường và các đơn vị [H12.12.01.29].

Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 12.2. Các tiêu chí lựa chọn đối tác, các thông tin so chuẩn và đối sánh để nâng cao chất lượng hoạt động được thiết lập

Nhà trường phân công nhiệm vụ cho Phòng KT&ĐBCL xây dựng Quy định về hoạt động so chuẩn, đối sánh của Trường [H12.12.02.01], [H12.12.02.02], [H12.12.02.03], [H12.12.02.04], [H12.12.02.05]. Phòng KT&ĐBCL đề xuất Hiệu trưởng Nhà trường ký ban hành Quy định về hoạt động so chuẩn, đối sánh vào năm 2017 [H12.12.02.06]. Năm 2019, dựa trên cơ sở tham khảo quy định về so chuẩn, đối sánh của ĐHQG Hà Nội, ĐH Bà Rịa Vũng Tàu và tiêu chuẩn đánh giá chất lượng trường ĐH cũng như đánh giá chất lượng CTĐT, BGH Nhà trường tổ chức họp với

lãnh đạo các đơn vị và thông qua Quy định về hoạt động so chuẩn, đối sánh, trong đó có điều chỉnh, cải tiến và trình Hiệu trưởng Nhà trường ký ban hành [H12.12.02.07], [H12.12.02.08], [H12.12.02.09], [H12.12.02.10]. Nhà trường thông báo Quy định về hoạt động so chuẩn, đối sánh, trong đó có điều chỉnh, cải tiến đến các đơn vị để thực hiện [H12.12.02.11].

Trong Quy định về hoạt động so chuẩn, đối sánh của Nhà trường ban hành năm 2019 có các tiêu chí xác định nội dung so chuẩn, đối sánh chất lượng [H12.12.02.10]. Theo đó, Nhà trường tiến hành so sánh CSGD với tiêu chuẩn đánh giá chất lượng trường ĐH do Bộ GD&ĐT ban hành, so sánh các CTĐT với tiêu chuẩn đánh giá chất lượng các trình độ của giáo dục đại học và chuẩn quốc tế về đánh giá chất lượng CTĐT [H12.12.02.12], [H12.12.02.13], [H12.12.02.14], [H12.12.02.15], [H12.12.02.16], [H12.12.02.17], [H12.12.02.18]. Bên cạnh đó, Quy định về hoạt động so chuẩn, đối sánh của Nhà trường ban hành xác định đối sánh kết quả thực hiện của Nhà trường so với trường ĐH đối tác được lựa chọn về ĐT, NCKH, PVCĐ cũng như đối sánh về học phí so với các trường ĐH tư thục trên địa bàn TP. HCM [H12.12.02.13]. Ngoài ra, Nhà trường tiến hành đối sánh kết quả thực hiện so với năm học trước, so với KPIs cũng như các tiêu chí về xếp hạng ĐH [H12.12.02.19], [H12.12.02.20].

Trong Quy định về hoạt động so chuẩn, đối sánh của Nhà trường ban hành năm 2019 đồng thời xác định lựa chọn đối tác, đối sánh chất lượng để nâng cao chất lượng [H12.12.02.10]. Đó là các CSGD và CTĐT đã được KĐCL giáo dục, có xếp hạng và chất lượng cao hơn Nhà trường [H12.12.02.10]. Bên cạnh đó, Quy định về hoạt động so chuẩn, đối sánh của Nhà trường ban hành năm 2019 khuyến khích đối sánh với các CSGD và CTĐT quốc tế [H12.12.02.10]. Trên cơ sở đó, BGH Nhà trường hợp với lãnh đạo các đơn vị và xác định đối tác để đối sánh là Trường ĐH Công nghệ TP. HCM [H12.12.02.12]. Bên cạnh đó, Nhà trường xác định đối sánh Trường với bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng trường ĐH theo Thông tư số 12/2017/BGDĐT ngày 19/5/2017 của Bộ GD&ĐT và đối sánh CTĐT ngành QTKD với tiêu chuẩn của IACBE [H12.12.02.14], [H12.12.02.16]. Ngoài ra, các Khoa tiến hành đối sánh CTĐT với các CTĐT của các trường ĐH tiên tiến trong nước và quốc tế trong quá trình xây dựng, điều chỉnh CTDH [H12.12.02.17], [H12.12.02.18]. Các cập nhật đối sánh được đăng tải trên website Trường và các đơn vị [H12.12.02.21].

Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 12.3. Thực hiện việc so chuẩn và đối sánh nhằm tăng cường các hoạt động ĐBCL và khuyến khích đổi mới, sáng tạo

Dựa trên cơ sở lựa chọn Trường ĐH Công nghệ TP. HCM là đối tác đối sánh, các đơn vị của Trường tiến hành đối sánh kết quả hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ của Trường so với Trường ĐH Công nghệ TP. HCM [H12.12.03.01], [H12.12.03.02], [H12.12.03.03], [H12.12.03.04]. Theo đó, Phòng ĐT tiến hành đối sánh kết quả ĐT, Phòng NCKH và HTQT tiến hành đối sánh kết quả NCKH, Phòng HC - DSVS tiến hành đối sánh kết quả PVCĐ [H12.12.03.05], [H12.12.03.06], [H12.12.03.07]. Bên cạnh đó, Phòng TC - NS đối sánh mức học phí của Trường so với các trường ĐH ở TP. HCM [H12.12.03.08]. Ngoài ra, các Khoa tiến hành đối sánh CTĐT với các CTĐT của các trường ĐH tiên tiến trong nước và quốc tế trong quá trình xây dựng, điều chỉnh CTĐT [H12.12.03.09], [H12.12.03.10].

Nhà trường đồng thời tiến hành đối sánh CSGD với bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng trường ĐH theo Thông tư số 12/2017/BGDĐT ngày 19/5/2017 của Bộ GD&ĐT và đối sánh CTĐT ngành QTKD với tiêu chuẩn của IACBE [H12.12.03.11], [H12.12.03.12], [H12.12.03.13], [H12.12.03.14], [H12.12.03.15], [H12.12.03.17], [H12.12.03.18]. Kết quả đối sánh được Nhà trường làm cơ sở xác định và áp dụng các biện pháp cải tiến chất lượng và thể hiện trong báo cáo TĐG CSGD và báo cáo TĐG CTĐT ngành QTKD [H12.12.03.16], [H12.12.03.19]. Bên cạnh đó, căn cứ kết quả đối sánh, Nhà trường tăng cường các hoạt động ĐBCL như: thành lập Hội đồng ĐBCL; rà soát, điều chỉnh quy định khảo sát ý kiến các bên liên quan; rà soát, điều chỉnh CDR và CTĐT; đổi mới phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá; ...[H12.12.03.20], [H12.12.03.21], [H12.12.03.22], [H12.12.03.23], [H12.12.03.24], [H12.12.03.25], [H12.12.03.26], [H12.12.03.27], [H12.12.03.28], [H12.12.03.29], [H12.12.03.30], [H12.12.03.33]. Nhà trường tăng cường nguồn lực cho hoạt động KĐCL CSGD và CTĐT của Trường [H12.12.03.38], [H12.12.03.39]. Các hoạt động tăng cường về ĐBCL đồng thời được thể hiện trong kế hoạch năm học của Trường và kế hoạch ĐBCL hàng năm [H12.12.03.31], [H12.12.03.32].

Căn cứ kết quả đối sánh về hoạt động NKCH của Trường với Trường ĐH Công nghệ TP. HCM và với các tiêu chí xếp hạng ĐH quốc tế, Nhà trường tăng cường các hoạt động đổi mới sáng tạo như: tăng cường chế độ khen thưởng các bài báo đăng trên các tạp chí danh tiếng quốc tế thuộc danh mục ISI/Scopus, tăng cường chuyển giao công nghệ,... [H12.12.03.34], [H12.12.03.35], [H12.12.03.36], [H12.12.03.37], [H12.12.03.38], [H12.12.03.39], [H12.12.03.40]. Trong giai đoạn 2015-2019, Nhà trường được cấp Giấy chứng nhận SHTT và đã chuyển giao thành công công trình NCKH cho Tập đoàn Á Châu để áp dụng đối với các trường trong hệ thống [H12.12.03.37], [H12.12.03.39], [H12.12.03.41], [H12.12.03.42], [H12.12.03.43].

Tự đánh giá: 4/7

Tiêu chí 12.4. Quy trình lựa chọn, sử dụng các thông tin so chuẩn và đối sánh được rà soát

Nhà trường phân công nhiệm vụ cho Phòng KT&ĐBCL tiến hành rà soát quy trình lựa chọn, sử dụng các thông tin so chuẩn và đối sánh chất lượng [H12.12.04.01], [H12.12.04.02], [H12.12.04.03], [H12.12.04.04], [H12.12.04.05]. Trên cơ sở đó, năm 2019, BGH Nhà trường họp với lãnh đạo các đơn vị để rà soát quy trình lựa chọn, sử dụng các thông tin so chuẩn và đối sánh chất lượng được quy định trong Quy định về hoạt động so chuẩn, đối sánh của Nhà trường ban hành năm 2017 và xác định không điều chỉnh, bổ sung nội dung [H12.12.04.06], [H12.12.04.07], [H12.12.04.08]. Năm 2019, Phòng KT&ĐBCL dựa trên cơ sở tham khảo văn bản quy định về so chuẩn, đối sánh của ĐHQG Hà Nội, ĐH Bà Rịa Vũng Tàu và tiêu chuẩn đánh giá chất lượng trường ĐH cũng như đánh giá chất lượng CTĐT đề xuất dự thảo các nội dung điều chỉnh, bổ sung trong Quy định về hoạt động so chuẩn, đối sánh của Nhà trường, thông qua cuộc họp giữa BGH Nhà trường với lãnh đạo các đơn vị và trình Hiệu trưởng Nhà trường ký ban hành [H12.12.04.09], [H12.12.04.10], [H12.12.04.11], [H12.12.04.12]. Nhà trường thông báo Quy định về hoạt động so chuẩn, đối sánh, trong đó có điều chỉnh, cải tiến đến các đơn vị để thực hiện [H12.12.04.13]. Trong Quy định về hoạt động so chuẩn, đối sánh của Nhà trường ban hành năm 2019 có bổ sung tiêu chí lựa chọn đối tác để đối sánh là các CSGD và CTĐT đã được KĐCL giáo dục, có xếp hạng và chất lượng cao hơn Nhà trường [H12.12.04.14], [H12.12.04.15], [H12.12.04.16].

Bên cạnh đó, Quy định về hoạt động so chuẩn, đối sánh của Nhà trường ban hành năm 2019 khuyến khích đối sánh với các CSGD và CTĐT quốc tế [H12.12.04.12]. Các đơn vị của Trường tiến hành so chuẩn, đối sánh kết quả hoạt động ĐT, NKCH, PVCĐ của Trường [H12.12.04.17], [H12.12.04.18], [H12.12.04.19], [H12.12.04.20].

Trong quá trình rà soát Quy định về hoạt động so chuẩn, đối sánh, Nhà trường tham khảo văn bản quy định về so chuẩn, đối sánh của ĐHQG Hà Nội, ĐH Bà Rịa Vũng Tàu [H12.12.04.10], [H12.12.04.11]. Bên cạnh đó, Quy định về hoạt động so chuẩn, đối sánh của Nhà trường được điều chỉnh dựa trên sự tham khảo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng trường ĐH và các tiêu chí xếp hạng của các bảng xếp hạng ĐH quốc tế [H12.12.04.06], [H12.12.04.07], [H12.12.04.21], [H12.12.04.22]. Ngoài ra, Quy định về hoạt động so chuẩn, đối sánh được điều chỉnh dựa trên Báo cáo kết quả rà soát, điều chỉnh quy trình lựa chọn, sử dụng các thông tin so chuẩn và đối sánh chất lượng của Trường đã ban hành năm 2019 [H12.12.04.23].

Tự đánh giá: 4/7

Tiêu chí 12.5. Quy trình lựa chọn, sử dụng các thông tin so chuẩn và đối sánh được cải tiến để liên tục đạt được các kết quả tốt nhất trong ĐT, NCKH và PVCĐ

Quy định về hoạt động so chuẩn, đối sánh của Nhà trường ban hành năm 2019 có bổ sung, điều chỉnh so với Quy định về hoạt động so chuẩn, đối sánh của Nhà trường ban hành năm 2017, trong đó có bổ sung tiêu chí lựa chọn đối tác để đối sánh là các CSGD và CTĐT đã được KĐCL giáo dục, có xếp hạng và chất lượng cao hơn Nhà trường [H12.12.05.01], [H12.12.05.02], [H12.12.05.03]. Bên cạnh đó, Quy định về hoạt động so chuẩn, đối sánh của Nhà trường ban hành năm 2019 khuyến khích đối sánh với các CSGD và CTĐT quốc tế [H12.12.05.02]. Ngoài ra, Quy định về hoạt động so chuẩn, đối sánh của Nhà trường ban hành năm 2019 được xây dựng dựa trên sự tham khảo văn bản quy định về so chuẩn, đối sánh của ĐHQG Hà Nội, ĐH Bà Rịa Vũng Tàu và tiêu chuẩn đánh giá chất lượng trường ĐH cũng như đánh giá chất lượng CTĐT của Bộ GD&ĐT, [H12.12.05.05], [H12.12.05.06], [H12.12.05.07], [H12.12.05.08]. Các đơn vị của Trường tiến hành so chuẩn, đối sánh kết quả hoạt động ĐT, NKCH, PVCĐ của Trường [H12.12.05.04], [H12.12.05.09], [H12.12.05.10], [H12.12.05.11], [H12.12.05.12].

Trong Quy định về hoạt động so chuẩn, đối sánh của Nhà trường đồng thời yêu cầu các đơn vị sử dụng kết quả so chuẩn, đối sánh để cải tiến chất lượng hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ [H12.12.05.01], [H12.12.05.02]. Các nội dung cải tiến chất lượng hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ được thể hiện trong KHCL, kế hoạch trung hạn, kế hoạch năm học của Nhà trường và của các đơn vị [H12.12.05.13], [H12.12.05.14], [H12.12.05.15], [H12.12.05.16], [H12.12.05.17], [H12.12.05.18], [H12.12.05.19]. Nhà trường dành kinh phí, đầu tư CSVC và trang thiết bị và triển khai thực hiện các biện pháp nâng cao chất lượng [H12.12.05.20], [H12.12.05.21], [H12.12.05.22], [H12.12.05.23], [H12.12.05.24], [H12.12.05.25], [H12.12.05.26], [H12.12.05.27], [H12.12.05.28], [H12.12.05.29]. Kết quả cải tiến và nâng cao chất lượng của Nhà trường thể hiện trong báo cáo tổng kết của Nhà trường, của các đơn vị cũng như báo cáo TĐG CSGD và CTĐT ngành QTKD theo IACBE [H12.12.05.30], [H12.12.05.31]. Trong giai đoạn 2015-2019, ý kiến khảo sát của CB, GV, NV, SV và ý kiến góp ý của các doanh nghiệp sử dụng lao động, của cựu SV tham gia các hội nghị, hội thảo do Nhà trường tổ chức đều đánh giá cao về chất lượng đào tạo của

Trường [H12.12.05.32], [H12.12.05.33], [H12.12.05.34], [H12.12.05.35], [H12.12.05.36], [H12.12.05.37], [H12.12.05.38]. Ngoài ra, trong quá trình triển khai TĐG, Nhà trường thường xuyên tổ chức rút kinh nghiệm, chia sẻ những thực hành tốt giữa các nhóm chuyên trách thông qua các buổi họp định kỳ của các nhóm chuyên trách và của Ban Thư ký TĐG CSGD [H12.12.05.39], [H12.12.05.40]. Bên cạnh đó, Khoa Kinh doanh và Luật báo cáo kinh nghiệm triển khai TĐG và ĐGN CTĐT Quản trị kinh doanh theo IACBE đối với các khoa khác của Trường [H12.12.05.41]. Các Khoa của Nhà trường báo cáo chia sẻ các thực hành tốt trong đổi mới phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá, NCKH, PVCĐ, [H12.12.05.42].

Tự đánh giá: 4/7

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 12:

1. Tóm tắt các điểm mạnh:

- Nhà trường xây dựng và ban hành Quy định về hoạt động so chuẩn, đối sánh và thông báo đến các đơn vị thực hiện.
- Các đơn vị của Trường tiến hành so chuẩn, đối sánh kết quả các hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ của Trường so với Trường ĐH Công nghệ TP. HCM.
- Trong Quy định về hoạt động so chuẩn, đối sánh do Nhà trường ban hành yêu cầu các đơn vị sử dụng kết quả so chuẩn, đối sánh để áp dụng các biện pháp tăng cường hoạt động ĐBCL, đổi mới, sáng tạo.
- Các biện pháp, hoạt động cải tiến dựa trên kết quả so chuẩn, đối sánh được thể hiện trong KHCL, kế hoạch trung hạn, kế hoạch năm học hàng năm của Nhà trường và của các đơn vị.
- Nhà trường dành kinh phí, đầu tư CSVC và trang thiết bị để thực hiện các biện pháp nâng cao chất lượng ĐT, NCKH, PVCĐ.
- Năm 2018 và 2019, Nhà trường tiến hành rà soát quy trình lựa chọn, sử dụng các thông tin so chuẩn và đối sánh chất lượng cho phù hợp với đặc thù trường ĐH tự thực cũng như điều kiện thực tiễn.
- Nhà trường rà soát Quy định về hoạt động so chuẩn, đối sánh đã ban hành năm 2017 và dựa trên cơ sở tham khảo văn bản về so chuẩn, đối sánh của các trường ĐH, Nhà trường ban hành Quy định về hoạt động so chuẩn, đối sánh vào năm 2019 với các nội dung điều chỉnh, bổ sung.
- Nhà trường đạt được nhiều kết quả tích cực về hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ sau khi áp dụng các biện pháp tăng cường hoạt động ĐBCL, đổi mới, sáng tạo dựa trên kết quả so chuẩn, đối sánh.
- Nhà trường tích cực triển khai các hoạt động cải tiến, nâng cao chất lượng các lĩnh vực hoạt động và khắc phục các tồn tại được phát hiện thông qua quá trình TĐG CSGD và CTĐT theo IACBE.
- Ý kiến khảo sát của CB, GV, NV, SV và ý kiến góp ý của các doanh nghiệp sử dụng lao động, của cựu SV tham gia các hội nghị, hội thảo do Nhà trường tổ chức đều đánh giá cao về chất lượng đào tạo của Trường.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại:

Việc triển khai đối sánh các hoạt động về ĐT, NCKH và PVCD gặp khó khăn do thiếu thông tin công khai của các trường ĐH trong nước.

3. Kế hoạch cải tiến:

Từ học kỳ 2 năm học 2019-2020, Phòng KT&ĐBCL và các đơn vị của Trường tích cực tìm kiếm thông tin về kết quả ĐT, NCKH và PVCD của các trường ĐH trong nước và lựa chọn các trường ĐH quốc tế để đa dạng hóa thông tin so chuẩn, đối sánh và từ đó có cơ sở đề xuất, áp dụng các biện pháp cải tiến hữu hiệu nhằm nâng cao chất lượng của Trường.

4. Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
Tiêu chuẩn 12	4.4
Tiêu chí 12.1	5
Tiêu chí 12.2	5
Tiêu chí 12.3	4
Tiêu chí 12.4	4
Tiêu chí 12.5	4

Tiêu chuẩn 13: Tuyển sinh và nhập học

Tiêu chí 13.1. Xây dựng kế hoạch, chính sách và truyền thông để tuyển sinh cho các CTĐT khác nhau của cơ sở giáo dục

HĐQT, BGH Nhà trường luôn quan tâm đến công tác tuyển sinh và kết quả tuyển sinh của Trường [H13.13.01.01], [H13.13.01.02], [H13.13.01.03]. Năm 2012, Nhà trường thành lập Phòng Tuyển sinh [H13.13.01.04]. Đến năm 2018, Trường ra quyết định đổi tên thành Phòng tuyển sinh và công tác sinh viên là đơn vị có chức năng, nhiệm vụ tham mưu, đề xuất chiến lược, giúp Hiệu trưởng trong việc thực hiện nhiệm vụ tuyển sinh, công tác chính trị sinh viên, quan hệ doanh nghiệp và xây dựng phát triển thương hiệu của Trường [H13.13.01.05], [H13.13.01.06], [H13.13.01.07], [H13.13.01.08], [H13.13.01.09]. Hàng năm, Nhà trường thành lập Hội đồng Tuyển sinh, trong đó Phòng TS&CTSV là đơn vị thường trực [H13.13.01.10]. Trong thành phần BGH có phân công 01 Phó Hiệu trưởng phụ trách công tác tuyển sinh của Trường [H13.13.01.11]. Căn cứ các văn bản hướng dẫn công tác tuyển sinh của Bộ GD&ĐT, cơ sở dữ liệu tuyển sinh của các năm học trước, Phòng TS&CTSV phối hợp với các khoa, phòng, ban để xây dựng dự thảo đề án tuyển sinh, thông qua cuộc họp của Hội đồng Tuyển sinh để thống nhất Đề án tuyển sinh hàng năm [H13.13.01.12], [H13.13.01.13], [H13.13.01.14]. Trên cơ sở đó, Hiệu trưởng Nhà trường ký ban hành Đề án tuyển sinh hàng năm của Trường [H13.13.01.15]. Trong đề án tuyển sinh của Nhà trường thể hiện rõ các nội dung như: Đối tượng tuyển sinh, phạm vi tuyển sinh, phương thức tuyển sinh, chỉ tiêu tuyển sinh, chế độ ưu tiên, ngưỡng ĐBCL đầu vào, thông tin về các ngành nghề đào tạo của Trường, thời gian nhận hồ sơ cùng các thủ tục, quy trình đăng ký xét tuyển, ưu tiên xét tuyển nhằm đảm bảo cung cấp thông tin cụ thể nhất đến thí sinh và phụ huynh [H13.13.01.15]. Bên cạnh đó, hàng năm Nhà trường công bố các chính sách học bổng, ưu đãi học phí cụ thể đến thí sinh trong hướng dẫn tuyển sinh cũng như công bố chính thức trên các ấn phẩm truyền thông, Brochure tuyển sinh, Flyer, các cơ quan báo chí và website, fanpage chính thức của Trường để thí sinh, phụ huynh thí sinh và các đối tượng quan tâm dễ dàng tiếp cận, đăng ký và kịp thời nắm bắt những quyền lợi chính đáng khi tham gia tuyển sinh vào Trường [H13.13.01.16], [H13.13.01.17], [H13.13.01.18], [H13.13.01.19], [H13.13.01.20].

Căn cứ Đề án tuyển sinh, Phòng TS&CTSV xây dựng kế hoạch tuyển sinh hàng năm, thông qua cuộc họp của HĐTS để thống nhất và trình Hiệu trưởng ký phê duyệt và ban hành Kế hoạch tuyển sinh hàng năm của Trường [H13.13.01.21]. Trong kế hoạch tuyển sinh hàng năm của Nhà trường có phân công cụ thể trách nhiệm của các đơn vị, phòng ban trong đó Phòng TS&CTSV có nhiệm vụ chính trong việc xây dựng kế hoạch, tổ chức các hoạt động tư vấn hướng nghiệp, tuyển sinh, các hoạt động truyền thông phù hợp theo phân công của BGH Trường [H13.13.01.21]. Bên cạnh đó, các phòng ban, khoa cũng có nhiệm vụ tổ chức, phối hợp với Phòng TS&CTSV tổ chức các hoạt động hỗ trợ theo phân công của Nhà trường trong kế hoạch tuyển sinh [H13.13.01.21]. Ngoài ra, thông qua các cuộc họp giao ban định kỳ với lãnh đạo các đơn vị, BGH Nhà trường quán triệt và yêu cầu tất các đơn vị, CB, GV, NV có trách nhiệm và tích cực tham gia công tác tuyển sinh của Trường [H13.13.01.22]. Đồng thời, tại cuộc họp của các đơn vị, lãnh đạo các đơn vị quán triệt và yêu cầu đội ngũ CB, GV, NV tích cực tham gia công tác tuyển sinh của Trường [H13.13.01.23]. Song song đó, trong kế hoạch tuyển sinh hàng năm của Trường có nêu rõ các mốc thời gian

của công tác tuyển sinh như: Thời gian tư vấn, thời gian xét tuyển, thời gian xét tuyển nguyện vọng bổ sung để các phòng ban chủ động phối hợp thực hiện [H13.13.01.21].

Hàng năm, Nhà trường tích cực tham gia các hoạt động tư vấn tuyển sinh trực tiếp do các cơ quan truyền thông như: Báo Giáo dục, Báo Thanh niên, Báo Tuổi Trẻ, trung tâm hướng nghiệp TP.HCM tổ chức, tham gia tư vấn tuyển sinh với các trường THPT tại TP. Hồ Chí Minh, truyền thông trên các trang báo online cũng như các trang báo giấy, cẩm nang tuyển sinh [H13.13.01.17], [H13.13.01.18], [H13.13.01.19], [H13.13.01.20]. Trong kế hoạch tuyển sinh hàng năm của Nhà trường luôn có nội dung truyền thông về tuyển sinh [H13.13.01.21]. Nhà trường phân công Phòng TS&CTSV là đơn vị chuyên trách và phối hợp với các đơn vị trong trường để thực hiện truyền thông về tuyển sinh của Trường một cách đa dạng, kịp thời và hiệu quả [H13.13.01.21]. Nhà trường đăng tải đề án tuyển sinh, các thông tin đầy đủ về tuyển sinh trên website của Trường [H13.13.01.24]. Bên cạnh đó, các thông tin đầy đủ về Nhà trường và về chính sách tuyển sinh hàng năm được cập nhật, thông tin rộng rãi dưới nhiều hình thức như Flyer, Brochure, bảng tin Tập đoàn Giáo dục Quốc tế Á Châu, Brochure của Trường, cẩm nang tuyển sinh các báo [H13.13.01.19], [H13.13.01.20]. Nhà trường đăng tải thông tin về tuyển sinh và thực hiện tư vấn qua fanpage: dhquocesaigon, zalo: Đại học Quốc tế Sài Gòn SIU, cũng như tổng đài (028) 54.09.39.29, 54093930 [H13.13.01.19], [H13.13.01.20]. Các hình thức truyền thông tuyển sinh của Nhà trường thông qua ý kiến khảo sát của tân SV được đánh giá là kịp thời, tiện lợi, hiệu quả, góp phần tích cực vào kết quả tuyển sinh tăng trưởng tích cực qua từng năm của Trường [H13.13.01.25], [H13.13.01.26]. Bên cạnh đó, kết quả công tác tuyển sinh của Nhà trường hàng năm được thể hiện trong trong báo cáo tổng kết công tác tuyển sinh, báo cáo tổng kết năm học của Trường và của các đơn vị, trong đó thường trực là Phòng TS&CTSV [H13.13.01.27], [H13.13.01.28], [H13.13.01.29].

Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 13.2. Xây dựng các tiêu chí để lựa chọn người học có chất lượng cho môi CTĐT

Hàng năm, HĐTS Nhà trường họp để xác định các tiêu chí, chỉ tiêu tuyển sinh của toàn trường và của các ngành đào tạo [H13.13.02.01]. Căn cứ các văn bản hướng dẫn về công tác tuyển sinh của Bộ GD&ĐT, báo cáo tổng kết công tác tuyển sinh của Trường cũng như báo cáo thanh tra, kiểm tra công tác tuyển sinh của năm học trước, Nhà trường xác định tiêu chí, điều kiện tuyển sinh, các chính sách ưu tiên tuyển sinh và được thể hiện trong đề án tuyển sinh của Trường [H13.13.02.02], [H13.13.02.03], [H13.13.02.04], [H13.13.02.05]. Trên cơ sở đó, Nhà trường ban hành kế hoạch tuyển sinh hàng năm [H13.13.02.06]. Các tiêu chí, điều kiện tuyển sinh của Trường bên cạnh việc tuân thủ quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT, Nhà trường đã xác định tiêu chí, điều kiện tuyển sinh cụ thể đối với chương trình giảng dạy bằng tiếng Việt và chương trình giảng dạy bằng tiếng Anh [H13.13.02.05], [H13.13.02.07], [H13.13.02.08], [H13.13.02.09], [H13.13.02.10]. Nhà trường đồng thời quy định điểm quy đổi đối với chứng chỉ tiếng Anh quốc tế, đăng tải trên website của Trường và thông báo đầy đủ đến thí sinh [H13.13.02.05], [H13.13.02.11]. Bên cạnh đó, căn cứ năng lực của đội ngũ GV của Trường và của các ngành đào tạo, HĐTS Nhà trường xác định chỉ tiêu tuyển sinh chung của trường và của từng ngành đào tạo [H13.13.02.12], [H13.13.02.13]. Chỉ tiêu tuyển sinh của Nhà trường trong giai đoạn 2015-2019 được xác định đúng theo quy định [H13.13.02.04], [H13.13.02.14].

Từ năm 2015 đến nay, Nhà trường áp dụng nhiều phương thức xét tuyển cho từng ngành đào tạo với mục tiêu chọn được người học phù hợp với từng CTĐT và áp dụng thống nhất đối với chương trình giảng dạy bằng tiếng Việt và chương trình giảng dạy bằng tiếng Anh [H13.13.02.05], [H13.13.02.07], [H13.13.02.08], [H13.13.02.09], [H13.13.02.10], [H13.13.02.15]. Đối với chương trình giảng dạy bằng tiếng Việt, Nhà trường không yêu cầu trình độ tiếng Anh đầu vào, đạt 1 trong 2 tiêu chí xét tuyển là: (1) Đối với học sinh tốt nghiệp các trường THPT Việt Nam: Xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi THPT quốc gia, cụ thể là xét tuyển thí sinh đạt mức điểm Nhà trường công bố sau khi có kết quả thi THPT quốc gia; (b) Xét tuyển học sinh tốt nghiệp THPT dựa vào kết quả lớp 12: Điểm trung bình cả năm lớp 12 từ 6,0 trở lên, điểm trung bình chung cả năm lớp 12 các môn thuộc khối xét tuyển đạt từ 6,0 trở lên (trung bình 3 môn thuộc tổ hợp xét tuyển từ 18 điểm trở lên), xếp loại hạnh kiểm từ loại Khá trở lên [H13.13.02.05], [H13.13.02.07], [H13.13.02.08]. Đối với chương trình giảng dạy bằng tiếng Anh, Nhà trường yêu cầu có chứng chỉ TOEFL 500 PBT (61 iBT) hoặc IELTS 5.5 (không quá 2 năm) hoặc đậu kỳ kiểm tra tiếng Anh của Trường Đại học Quốc tế Sài Gòn (nếu chưa có chứng chỉ tiếng Anh nêu trên) [H13.13.02.05], [H13.13.02.09], [H13.13.02.10]. Bên cạnh đó, đạt một trong hai tiêu chí xét tuyển bao gồm: Xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi THPT quốc gia, cụ thể là xét tuyển thí sinh đạt mức điểm Nhà trường công bố sau khi có kết quả thi THPT quốc gia; (b) Đối với học sinh tốt nghiệp các trường THPT Việt Nam: Xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi THPT quốc gia: xét tuyển thí sinh đạt mức điểm SIU công bố sau khi có kết quả thi THPT quốc gia; hoặc xét tuyển học sinh tốt nghiệp THPT dựa vào kết quả lớp 12 gồm: Điểm trung bình cả năm lớp 12 từ 6,0 trở lên, điểm trung bình chung cả năm lớp 12 các môn thuộc khối xét tuyển đạt từ 6,0 trở lên (trung bình 3 môn thuộc tổ hợp xét tuyển từ 18 điểm trở lên), xếp loại hạnh kiểm từ loại Khá trở lên [H13.13.02.05], [H13.13.02.14]. Trong giai đoạn 2015-2019, Nhà trường áp dụng linh hoạt các hình thức xét tuyển phù hợp, đúng quy định với số lượng thí sinh được tuyển đáp ứng được chuẩn ĐBCL đầu vào của Trường [H13.13.02.05]. Số lượng tân SV của Nhà trường tăng qua từng năm [H13.13.02.16]. Ngoài ra, Nhà trường phân công Phòng TS&CTSV xây dựng, quản lý CSDL về công tác tuyển sinh của Trường [H13.13.02.17], [H13.13.02.18], [H13.13.02.19], [H13.13.02.20]. CSDL về công tác tuyển sinh của Trường được lưu trữ đầy đủ và dễ dàng trích xuất khi có yêu cầu [H13.13.02.21], [H13.13.02.22]. Các thông tin tuyển sinh, nhập học, các điều kiện tuyển sinh được Nhà trường công khai và thông tin đầy đủ theo quy định của Bộ GD&ĐT [H13.13.02.02], [H13.13.02.05], [H13.13.02.06], [H13.13.02.11].

Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 13.3. Quy trình giám sát công tác tuyển sinh và nhập học được thực hiện

Nhà trường và HĐTS phân công Phòng TS&CTSV là đơn vị chịu trách nhiệm giám sát công tác tuyển sinh và nhập học của Trường [H13.13.03.01], [H13.13.03.05]. Nhân sự của Phòng TS&CTSV hiện nay gồm 11 người, trong đó gồm: 01 Trưởng phòng, 01 Phó phòng, 9 nhân viên [H13.13.03.01], [H13.13.03.02], [H13.13.03.03], [H13.13.03.04], [H13.13.03.05]. Các nhân sự của Phòng TS&CTSV được phân công nhiệm vụ cụ thể để thực hiện công tác tuyển sinh và nhập học của Trường [H13.13.03.03]. Bên cạnh đó, BGH Nhà trường phân công 01 Phó Hiệu trưởng phụ trách công tác tuyển sinh của Trường, trong đó có công tác tuyển sinh và nhập học

[H13.13.03.06]. Ngoài ra, Phòng ĐT phối hợp và hỗ trợ Phòng TS&CTSV giám sát công tác tuyển sinh và nhập học bằng việc sử dụng phần mềm ĐT [H13.13.03.07], [H13.13.03.08], [H13.13.03.09], [H13.13.03.10].

Phòng TS&CTSV căn cứ các văn bản hướng dẫn của Bộ GD&ĐT để xây dựng dự thảo quy trình giám sát công tác tuyển sinh và nhập học, thông qua cuộc họp của HĐTS và trình Hiệu trưởng ký ban hành [H13.13.03.11], [H13.13.03.12], [H13.13.03.13]. Nhà trường thông báo quy trình giám sát công tác tuyển sinh và nhập học đến các đơn vị để thực hiện và phối hợp thực hiện [H13.13.03.14]. Trong quy trình giám sát công tác tuyển sinh và nhập học thể hiện rõ các bước cần thực hiện đối với công tác tuyển sinh và nhập học với sự phân công trách nhiệm cho các đơn vị [H13.13.03.13]. Bên cạnh đó, Nhà trường ban hành hệ thống biểu mẫu phục vụ công tác tuyển sinh và nhập học cũng như giám sát công tác tuyển sinh và nhập học [H13.13.03.15].

Theo quy trình giám sát công tác tuyển sinh, HĐTS Nhà trường thực hiện giám sát công tác tuyển sinh từ khâu xây dựng đề án, kế hoạch tuyển sinh do Phòng TS&CTSV thực hiện [H13.13.03.16], [H13.13.03.17], [H13.13.03.18]. Theo quy trình tuyển sinh đã ban hành, Phòng TS&CTSV tiến hành tiếp nhận hồ sơ xét tuyển, tư vấn và hướng dẫn thí sinh điền và nộp hoàn thiện hồ sơ theo danh mục đã ban hành [H13.13.03.13]. Phòng TS&CTSV tập trung toàn bộ hồ sơ xét tuyển, lập danh sách tổng hợp, kiểm tra lại các tiêu chí xét tuyển, sau đó Hội đồng tuyển sinh họp xét duyệt và ra quyết định công nhận thí sinh trúng tuyển và gửi thông báo trúng tuyển cho tất cả thí sinh [H13.13.03.13], [H13.13.03.15]. Ngoài ra, bộ phận thanh tra của Nhà trường tham gia giám sát quá trình thực hiện công tác tuyển sinh của Phòng TS&CTSV, HĐQT giám sát kết quả công tác tuyển sinh của Nhà trường [H13.13.03.19], [H13.13.03.20], [H13.13.03.21].

HĐTS Nhà trường đồng thời thực hiện giám sát quá trình nhập học của Trường [H13.13.03.16], [H13.13.03.20]. Phòng TS&CTSV xây dựng CSDL về công tác tuyển sinh của Trường và thường xuyên báo cáo HĐTS Nhà trường về kết quả nhập học ngay từ khi bắt đầu gửi thông báo trúng tuyển đến thí sinh [H13.13.03.22], [H13.13.03.23], [H13.13.03.25], [H13.13.03.26]. Phòng TS&CTSV triển khai thực hiện công tác nhập học và cập nhật báo cáo HĐTS Nhà trường về kết quả nhập học của thí sinh qua từng ngày và trong cả đợt tuyển sinh [H13.13.03.22], [H13.13.03.23], [H13.13.03.24]. Ngoài ra, bộ phận thanh tra của Nhà trường tham gia giám sát quá trình nhập học nhằm phát hiện các trường hợp sai sót hoặc thiếu sót nếu có [H13.13.03.19]. Sau khi thí sinh nhập học, Phòng TS&CTSV triển khai công tác hậu kiểm [H13.13.03.27]. Hàng năm, Phòng TS&CTSV thống kê và báo cáo kết quả tuyển sinh cho Bộ GD&ĐT và HĐTS của Trường [H13.13.03.28]. Theo kết quả thanh tra mới nhất vào ngày 15/5/2019 của Bộ GD&ĐT, trong giai đoạn 2015-2019, Nhà trường không có sai phạm trong công tác tuyển sinh và nhập học, luôn thực hiện nghiêm túc chính sách tuyển sinh theo hướng dẫn và quy định [H13.13.03.29], [H13.13.03.30].

Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 13.4. Có các biện pháp giám sát việc tuyển sinh và nhập học

HĐTS của Nhà trường quán triệt các đơn vị và triển khai giám sát công tác tuyển sinh theo quy trình giám sát công tác tuyển sinh đã được ban hành [H13.13.04.01], [H13.13.04.02]. Tại các cuộc họp của HĐTS luôn yêu cầu Phòng

TS&CTSV thực hiện công tác tuyển sinh theo đúng quy định và đề án tuyển sinh, kế hoạch tuyển sinh đã được phê duyệt [H13.13.04.03], [H13.13.04.04], [H13.13.04.05]. Phòng TS&CTSV thường xuyên báo cáo công tác tuyển sinh của Trường cũng như xây dựng báo cáo tổng kết công tác tuyển sinh hàng năm [H13.13.04.06], [H13.13.04.07], [H13.13.04.08], [H13.13.04.09]. Bên cạnh đó, bộ phận thanh tra của Trường tiến hành thanh tra, kiểm tra công tác tuyển sinh và báo cáo BGH Nhà trường [H13.13.04.10]. Nhà trường sử dụng phần mềm xét tuyển của Bộ GD&ĐT và thông qua cuộc họp với hội đồng tuyển sinh để phân tích dữ liệu xét tuyển của Nhà trường để từ đó giám sát mức điểm xét tuyển cho phù hợp và đúng quy định [H13.13.04.11], [H13.13.04.12]. Trong giai đoạn 2015-2019, công tác tuyển sinh của Nhà trường luôn đảm bảo đúng các quy định của Bộ GD&ĐT [H13.13.04.13].

Công tác giám sát quá trình nhập học được thực hiện ngay từ khâu gửi giấy báo trúng tuyển đến thí sinh và theo đúng quy trình nhập học đã được Nhà trường ban hành [H13.13.04.02]. Phòng TS&CTSV tham mưu BGH Nhà trường về kế hoạch nhập học hàng năm [H13.13.04.14]. Nhà trường tổ chức họp với lãnh đạo các đơn vị và phân công trách nhiệm cụ thể để triển khai nhập học cho thí sinh trúng tuyển [H13.13.04.15]. Kết thúc mỗi giai đoạn nhập học và cả đợt nhập học, Phòng TS&CTSV báo cáo BGH Nhà trường về số lượng thí sinh trúng tuyển nhập học [H13.13.04.09], [H13.13.04.16], [H13.13.04.17]. Kết thúc công tác nhập học, Phòng TS&CTSV kết hợp với Phòng ĐT và bộ phận thanh tra của trường tiến hành công tác hậu kiểm hồ sơ nhập học [H13.13.04.18]. Trong giai đoạn 2015-2019, Nhà trường triển khai công tác nhập học đúng theo các quy định [H13.13.04.19].

Kết thúc tuyển sinh hàng năm, Phòng TS&CTSV xây dựng báo cáo tổng kết công tác tuyển sinh và nhập học để báo cáo Bộ GD&ĐT theo quy định đồng thời báo cáo HĐTS Nhà trường [H13.13.04.20], [H13.13.04.21]. Trong báo cáo tổng kết công tác tuyển sinh và nhập học hàng năm của Nhà trường luôn có sự đối sánh kết quả tuyển sinh và nhập học so với chỉ tiêu đã xác định cũng như so sánh mức điểm so với các trường ĐH tư thục trên địa bàn TP. Hồ Chí Minh [H13.13.04.21], [H13.13.04.22]. Nhà trường sử dụng phần mềm tuyển sinh theo quy định của Bộ GD&ĐT, đối sánh mức điểm đầu vào qua từng năm và thông qua việc phân tích các dữ liệu tuyển sinh hàng năm để phân tích kết quả tuyển sinh và nhập học của Trường [H13.13.04.23], [H13.13.04.24]. Hàng năm, Nhà trường tổ chức họp tổng kết công tác tuyển sinh để đánh giá kết quả tuyển sinh của Trường và đề xuất các biện pháp cải tiến công tác tuyển sinh [H13.13.04.25], [H13.13.04.26]. Trong tuần sinh hoạt công dân đầu khóa, Phòng TS&CTSV tiến hành khảo sát ý kiến của tân SV về lý do chọn trường, về sở thích chọn trường ĐH của thí sinh, khoanh vùng khu vực có thí sinh nhập học nhiều tại Trường, mức độ thu hút thí sinh của các ngành học của Trường, hiệu quả của công tác tuyển sinh, truyền thông, mức độ hấp dẫn về học bổng với thí sinh, hay tổ hợp xét tuyển được lựa chọn nhiều nhất [H.13.13.04.27], [H.13.13.04.28], [H.13.13.04.29], [H.13.13.04.30]. Trên cơ sở đó, Phòng TS&CTSV có những phân tích, đánh giá để kịp thời đề xuất những giải pháp, tham mưu cho BGH những thay đổi phù hợp cho công tác tuyển sinh và thể hiện trong đề án tuyển sinh và kế hoạch tuyển sinh của năm tiếp theo [H.13.13.04.04], [H.13.13.04.05].

Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 13.5. Công tác tuyển sinh và nhập học được cải tiến để đảm bảo tính phù hợp và hiệu quả

Hàng năm, Nhà trường tổ chức họp tổng kết công tác tuyển sinh, trong đó đánh giá kết quả đạt được về công tác tuyển sinh và nhập học so với các KPIs và các chỉ tiêu phân đầu chính về công tác tuyển sinh và nhập học của Trường [H13.13.05.01], [H13.13.05.02]. Trong báo cáo tổng kết công tác tuyển sinh và nhập học của Nhà trường luôn đề cập đến kết quả phân tích, đo lường các chỉ số về công tác tuyển sinh và nhập học như: mức điểm, kết quả học tập THPT, tình thành nhiều thí sinh nhất, xuất thân của thí sinh, phương thức xét tuyển được thí sinh lựa chọn nhiều nhất, tổ hợp được thí sinh yêu thích nhất, ngành học được thí sinh lựa chọn nhiều nhất, chương trình giảng dạy được thí sinh chọn học nhiều nhất, các kênh truyền thông thí sinh chú ý nhất [H13.13.05.03]. Bên cạnh đó, kết quả khảo sát ý kiến của tân SV về công tác tuyển sinh và nhập học đồng thời được Nhà trường xem xét để từ đó kết hợp với kết quả phân tích, đo lường về công tác tuyển sinh và nhập học hàng năm để có những điều chỉnh, cải tiến công tác tuyển sinh và nhập học của Trường [H13.13.05.04], [H13.13.05.05], [H13.13.05.06], [H13.13.05.07], [H13.13.05.08]. Ngoài ra, tại cuộc họp tổng kết công tác tuyển sinh, Nhà trường tiếp thu ý kiến góp ý, trao đổi, thảo luận của các đơn vị và CB, GV tham gia công tác tuyển sinh và nhập học của Trường [H13.13.05.02], [H13.13.05.09], [H13.13.05.10].

Căn cứ báo cáo tổng kết công tác tuyển sinh và nhập học, kết quả phân tích, đo lường về công tác tuyển sinh và nhập học, kết quả khảo sát ý kiến của tân SV về công tác tuyển sinh và nhập học, ý kiến góp ý của CB, GV, Phòng TS&CTSV tham mưu, đề xuất các nội dung cải tiến công tác tuyển sinh và nhập học, thông qua cuộc họp của HĐTS và áp dụng cho năm học tiếp theo, thể hiện trong đề án tuyển sinh và kế hoạch tuyển sinh của Trường [H13.13.05.03], [H13.13.05.06], [H13.13.05.07], [H13.13.05.08], [H13.13.05.09], [H13.13.05.10], [H13.13.05.11], [H13.13.05.12], [H13.13.05.13], [H13.13.05.14], [H13.13.05.15], [H13.13.05.16]. Để công tác tuyển sinh và nhập học được thực hiện chuyên nghiệp, hiệu quả, Nhà trường đã thành lập Phòng TS&CTSV và bố trí nhân sự có kinh nghiệm cũng như thường xuyên tạo điều kiện tham dự các khóa tập huấn nhằm kịp thời cập nhật các văn bản quy định công tác tuyển sinh và nhập học [H13.13.05.17], [H13.13.05.18], [H13.13.05.19], [H13.13.05.20]. Nhà trường đã áp dụng các điều chỉnh, cải tiến về chính sách tuyển sinh đó là tăng cường các hoạt động Hướng nghiệp phù hợp với xu thế và mong muốn của học sinh cũng như BGH các trường THPT, liên tục mở rộng địa bàn tuyển sinh, tăng cường nhiều hơn nữa các hoạt động gắn kết với các trường THPT, đa dạng hóa các chương trình tư vấn tuyển sinh, tăng cường các hoạt động truyền thông để mang lại những tín hiệu tích cực cho công tác tuyển sinh hàng năm [H13.13.05.07], [H13.13.05.08]. Để đa dạng hóa các ngành nghề đào tạo, năm 2017 Trường mở thêm một số chuyên ngành mới Kỹ thuật phần mềm, chuyên ngành Quản trị nhà hàng - Khách sạn, đến năm 2018 Nhà trường chính thức mở thêm một ngành học mới là Luật kinh tế, chuyên ngành Luật kinh tế quốc tế [H13.13.05.21], [H13.13.05.22], [H13.13.05.23], [H13.13.05.24], [H13.13.05.25]. Đồng thời, năm 2016, Trường cũng đã chính thức được Bộ Giáo dục cho phép đào tạo Thạc sỹ Quản trị kinh doanh, đánh dấu một cột mốc tuyển sinh, đào tạo mới của Trường [H13.13.05.21], [H13.13.05.22]. Về phương thức tuyển sinh, hơn 5 năm qua Nhà trường giữ ổn định

hai hình thức xét tuyển cơ bản là xét tuyển dựa vào kết quả thi THPT QG và xét tuyển kết quả bậc THPT [H13.13.05.26]. Riêng năm 2020 để đáp ứng nhu cầu mở rộng và đa dạng hóa hình thức xét tuyển, Nhà trường đã chính thức gửi công văn cho ĐHQG TPHCM về việc đăng ký sử dụng kết quả thi đánh giá năng lực năm 2020 để xét tuyển vào trường, đánh dấu thêm một hình thức xét tuyển mới, có thêm lựa chọn mới cho thí sinh khi lựa chọn vào Trường [H13.13.05.07], [H13.13.05.08], [H13.13.05.26]. Bên cạnh đó, về học phí trong hơn 11 năm qua Nhà trường luôn giữ ổn định về mức thu và các khoản thu, không tăng hàng năm như nhiều Trường đang áp dụng theo xu thế thị trường hiện nay, đây cũng là một ưu điểm của Trường [H13.13.05.03]. Để khuyến khích và tạo điều kiện cho học sinh có thành tích học tập tiêu biểu của bậc THPT, trong 12 năm qua, Trường đã dành một khoảng kinh phí rất lớn để cấp học bổng nhằm giúp các em thí sinh có cơ hội học tập, trải nghiệm trong môi trường quốc tế và góp phần đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho xã hội [H13.13.05.03]. Chính những cải tiến này, trong những năm qua số liệu công tác tuyển sinh, nhập học có những chuyển biến theo hướng rất tích cực và có sự tăng trưởng thuận lợi qua từng năm [H13.13.05.03], [H13.13.05.11], [H13.13.05.12]. Nhà trường có những đối sánh về số liệu điểm xét tuyển, ngành nghề đào tạo, chỉ tiêu tuyển sinh và nhập học hàng năm nhằm đánh giá năng lực cạnh tranh của Trường so với các trường khác trong cùng phân khúc để có những cải tiến phù hợp nâng cao hiệu quả tuyển sinh [H13.13.05.27], [H13.13.05.28]. Nhà trường ưu tiên dành kinh phí cho công tác tuyển sinh và nhập học với số tiền tăng lên qua từng năm nhằm cải tiến tốt hơn công tác tuyển sinh và nhập học của Trường [H13.13.05.29], [H13.13.05.30]. Trong giai đoạn 2015-2019, công tác tuyển sinh và nhập học của Nhà trường luôn được cải tiến qua từng năm, góp phần nâng cao học hiệu của Trường [H13.13.05.03].

Tự đánh giá: 5/7

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 13:

1. Tóm tắt các điểm mạnh:

- Hàng năm, Nhà trường thành lập HĐTS để chỉ đạo, tổ chức, giám sát, kiểm tra xuyên suốt quá trình tuyển sinh và nhập học của Trường.

- Nhà trường thành lập Phòng TS&CTSV là đơn vị chuyên trách tổ chức công tác tuyển sinh và nhập học của Trường một cách chuyên nghiệp, hiệu quả.

- Căn cứ các văn bản quy định về công tác tuyển sinh, Nhà trường chủ động trong việc xây dựng Đề án tuyển sinh, kế hoạch tuyển sinh hàng năm, trong đó có sự phân công cụ thể cho các đơn vị thực hiện với các mốc thời gian, kết quả dự kiến cụ thể.

- Trong Đề án tuyển sinh, kế hoạch tuyển sinh hàng năm của Nhà trường có đầy đủ, rõ ràng thông tin về phương thức xét tuyển, tiêu chí, chỉ tiêu tuyển sinh đối với từng ngành đào tạo.

- Nhà trường xây dựng và ban hành quy trình tuyển sinh và nhập học, triển khai áp dụng trong công tác tuyển sinh và nhập học của Trường.

- Công tác tuyển sinh của Nhà trường luôn nhận được sự quan tâm, tích cực tham gia từ HĐTS, lãnh đạo các đơn vị đến đội ngũ CBGV, NV và SV của Trường.

- Nhà trường áp dụng đa dạng các hình thức tư vấn tuyển sinh hiệu quả, chủ động và hỗ trợ liên tục thí sinh trong công tác tuyển sinh và nhập học; đồng thời áp dụng linh hoạt, hiệu quả các hình thức tuyển sinh phù hợp.

- Nhà trường áp dụng nhiều chính sách hỗ trợ thí sinh trong quá trình nhập học và học tập tại Trường với mục đích tạo điều kiện tốt nhất để các em học tập.

- Nhà trường ban hành và thực hiện quy trình giám sát công tác tuyển sinh và nhập học với kết quả nhà trường không có sai phạm trong công tác tuyển sinh và nhập học trong giai đoạn đánh giá.

- Nhà trường triển khai thực hiện nghiêm túc quy trình tuyển sinh và quy trình nhập học cũng như giám sát công tác, tuyển sinh và nhập học hàng năm theo đúng quy định của Bộ GD&ĐT.

- Hàng năm, Nhà trường tổ chức tổng kết công tác tuyển sinh và nhập học, trong đó tiến hành phân tích, đo lường kết quả tuyển sinh và nhập học để từ đó có những điều chỉnh, cải tiến công tác tuyển sinh và nhập học của Trường.

- Nhà trường xây dựng cơ sở dữ liệu về tuyển sinh và nhập học để có thể trích xuất kịp thời để phục vụ báo cáo lúc cần thiết và là cơ sở để áp dụng các biện pháp điều chỉnh, cải tiến công tác tuyển sinh và nhập học của Trường.

- Nhà trường triển khai khảo sát ý kiến của tân SV về công tác tuyển sinh và nhập học của Trường và thông báo đến các đơn vị để có những điều chỉnh theo các ý kiến góp ý của tân SV.

- Trong giai đoạn 2015-2019, Nhà trường áp dụng nhiều biện pháp cải tiến công tác tuyển sinh và nhập học của Trường với sự tham gia tích cực, chủ động của tất cả các đơn vị trực thuộc với kết quả hoạt động tuyển sinh của Nhà trường đạt hiệu quả cao với số lượng thí sinh đăng ký dự thi và nhập học tăng qua từng năm.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại:

Chất lượng tuyển sinh đầu vào của Nhà trường chưa đạt được mục tiêu là thuộc vào những trường ĐH có điểm chuẩn đầu vào cao nhất ở TP.Hồ Chí Minh và cả nước.

3. Kế hoạch cải tiến:

Từ học kỳ 2 năm học 2019-2020, Nhà trường tăng cường áp dụng các chính sách, chế độ khen thưởng và cải tiến chất lượng đào tạo để thu hút thí sinh có thành tích học tập tốt tuyển sinh vào Trường và từ đó nâng cao chất lượng tuyển sinh đầu vào của Trường.

4. Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
Tiêu chuẩn 13	5
Tiêu chí 13.1	5
Tiêu chí 13.2	5
Tiêu chí 13.3	5
Tiêu chí 13.4	5
Tiêu chí 13.5	5

Tiêu chuẩn 14: Thiết kế và rà soát chương trình dạy học

Tiêu chí 14.1. Xây dựng hệ thống để thiết kế, phát triển, giám sát, rà soát, thẩm định, phê duyệt và ban hành các chương trình dạy học cho tất cả các CTĐT và các môn học có sự đóng góp và phản hồi của các bên liên quan

Nhà trường phân công Phòng ĐT là đơn vị xây dựng hệ thống văn bản để thiết kế, phát triển, giám sát, rà soát, thẩm định, phê duyệt và ban hành các chương trình dạy học cho tất cả các CTĐT và các môn học của Trường [H14.14.01.01], [H14.14.01.02], [H14.14.01.03], [H14.14.01.04]. Căn cứ các văn bản quy định về đào tạo trình độ đại học, Thông tư Quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ, Phòng ĐT dự thảo Quy định về xây dựng, rà soát, ban hành CTĐT của Trường, gửi đến các Khoa để lấy ý kiến góp ý và điều chỉnh, bổ sung dựa trên ý kiến góp ý của các Khoa, thông qua cuộc họp giữa BGH với lãnh đạo các đơn vị, cuộc họp của Hội đồng Khoa học và Đào tạo của Trường và trình Hiệu trưởng ký ban hành [H14.14.01.05], [H14.14.01.06], [H14.14.01.07],[H14.14.01.08], [H14.14.01.09], [H14.14.01.10], [H14.14.01.11], [H14.14.01.12], [H14.14.01.13], [H14.14.01.14], [H14.14.01.15], [H14.14.01.16], [H14.14.01.17]. Năm 2014, nhà trường ban hành Quy trình xây dựng, rà soát và điều chỉnh CTĐT hệ chính quy và đến năm 2016 Nhà trường ban hành Quy định xây dựng, rà soát, ban hành chương trình đào tạo [H14.14.01.14], [H14.14.01.15]. Trong Quy định xây dựng, rà soát ban hành CTĐT của Trường có quy định cụ thể về trách nhiệm của các Hội đồng, của Phòng ĐT, Khoa, tổ bộ môn và GV trong quá trình xây dựng, rà soát ban hành CTĐT của Trường [H14.14.01.14], [H14.14.01.15]. Theo đó, Hội đồng xây dựng, rà soát ban hành CTDH của Trường có trách nhiệm lập kế hoạch xây dựng, rà soát, điều chỉnh CTĐT-ĐC, thu thập các minh chứng theo phân công, viết báo cáo kết quả công tác, báo cáo, hoàn thiện báo cáo và trình Hội đồng khóa học và đào tạo phê duyệt báo cáo liên quan [H14.14.01.14], [H14.14.01.15]. Phòng ĐT có trách nhiệm kiểm tra tính hợp lệ, đầy đủ của hồ sơ, đồng thời trình Ban Giám hiệu ban hành Quyết định điều chỉnh CTĐT [H14.14.01.14], [H14.14.01.15]. Các Khoa có trách nhiệm tiến hành điều chỉnh CTĐT-ĐC theo quy trình sau khi có kết quả báo cáo [H14.14.01.14], [H14.14.01.15]. Bên cạnh đó, GV Nhà trường có trách nhiệm tham gia góp ý báo cáo của Hội đồng [H14.14.01.14], [H14.14.01.15]. Nhà trường thông báo Quy định về xây dựng ban hành CTĐT của Trường đến các đơn vị để thực hiện, đồng thời yêu cầu các đơn vị phổ biến đến GV biết để thực hiện [H14.14.01.18], [H14.14.01.19]. Quy định về xây dựng, rà soát, ban hành của Trường được đăng tải trên website của Trường, Phòng ĐT, các Khoa và được thể hiện trong Sổ tay Giảng viên [H14.14.01.20], [H14.14.01.21]. Trên cơ sở đó, Nhà trường thành lập các Hội đồng xây dựng, rà soát, ban hành của Trường [H14.14.01.22], [H14.14.01.23]. Trong giai đoạn 2015-2019, Nhà trường ban hành mới 4 CTĐT và rà soát, điều chỉnh 9 CTĐT của các CTĐT của Trường [H14.14.01.24], [H14.14.01.25].

Trong văn bản Quy định về xây dựng, rà soát ban hành CTĐT của Trường đồng thời quy định trách nhiệm của Phòng ĐT, Khoa, bộ môn và GV trong quá trình xây dựng, rà soát, ban hành đề cương môn học [H14.14.01.14], [H14.14.01.15]. Theo đó, Phòng ĐT có trách nhiệm triển khai kế hoạch rà soát cập nhật chương trình, Các Khoa có trách nhiệm tổ chức thực hiện rà soát cập nhật chương trình [H14.14.01.14],

[H14.14.01.15]. Bên cạnh đó, GV Nhà trường có trách nhiệm tham gia góp ý xây dựng cập nhật chương trình theo kế hoạch đã được triển khai [H14.14.01.14], [H14.14.01.15].

Trong quá trình xây dựng Quy định xây dựng, rà soát, ban hành chương trình đào tạo của Trường, Phòng ĐT là đơn vị triển khai lấy ý kiến góp ý của các Khoa và GV [H14.14.01.01], [H14.14.01.10]. Phòng ĐT gửi công văn đến các Khoa với yêu cầu các Khoa phổ biến để GV góp ý dự thảo Quy định về xây dựng, rà soát ban hành CTĐT của Trường [H14.14.01.11]. Phòng ĐT tiếp thu ý kiến góp ý của các Khoa và GV để điều chỉnh, bổ sung dự thảo Quy định về xây dựng, rà soát, ban hành CTĐT của Trường cũng như về đề cương môn học và tiếp tục tiếp thu ý kiến của các thành viên tham dự cuộc họp giữa BGH với lãnh đạo các đơn vị để thông qua dự thảo Quy định về xây dựng, rà soát, ban hành CTĐT của Trường [H14.14.01.12], [H14.14.01.13]. Bên cạnh việc tuân thủ các văn bản quy định của Bộ GD&ĐT về xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ, văn bản Quy định về xây dựng, rà soát ban hành CTĐT của Trường được xây dựng, điều chỉnh dựa trên ý kiến góp ý của các Khoa và GV Nhà trường [H14.14.01.11], [H14.14.01.12], [H14.14.01.13], [H14.14.01.14], [H14.14.01.15]. Trong quá trình xây dựng, rà soát, ban hành chương trình dạy học, đề cương môn học của Trường được thực hiện dựa trên sự tham khảo ý kiến phản hồi của các bên liên quan [H14.14.01.14], [H14.14.01.15], [H14.14.01.26], [H14.14.01.27], [H14.14.01.28].

Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 14.2. Có hệ thống xây dựng, rà soát, điều chỉnh chuẩn đầu ra của CTĐT và các môn học để phù hợp với nhu cầu của các bên liên quan

Trong văn bản Quy định về xây dựng, rà soát, thẩm định và công bố CĐR của CTĐT của Trường có quy định về quy trình xây dựng công bố chuẩn đầu ra cụ thể Hội đồng Khoa học - Đào tạo có trách nhiệm tổ chức các phiên họp giao nhiệm vụ cho các khoa xây dựng chuẩn đầu ra của các ngành đào tạo do khoa quản lý [H14.14.02.01], [H14.14.02.02], [H14.14.02.03], [H14.14.02.04]. Theo đó, các khoa tổ chức xây dựng dự thảo, tổ chức hội thảo lấy ý kiến các bên liên quan nhà khoa học, giảng viên, các nhà tuyển dụng, cựu sinh viên [H14.14.02.01], [H14.14.02.02]. Việc ban hành CĐR CTĐT của Nhà trường tuân thủ các văn bản quy định của Bộ GD&ĐT về xây dựng CĐR [H14.14.02.05].

Theo Quy định về xây dựng, rà soát, thẩm định và công bố CĐR của CTĐT của Trường yêu cầu phải thực hiện khảo sát ý kiến của các bên liên quan khi xây dựng, điều chỉnh CĐR cho CTĐT [H14.14.02.01], [H14.14.02.02]. Nhà trường phân công Phòng KT&ĐBCL là đơn vị thực hiện khảo sát ý kiến của các bên liên quan khi xây dựng, điều chỉnh CĐR cho CTĐT [H14.14.02.06], [H14.14.02.07], [H14.14.02.08], [H14.14.02.09], [H14.14.02.10]. Trong kế hoạch khảo sát ý kiến của các bên liên quan của Nhà trường có nội dung khảo sát về CĐR của CTĐT và đề cương môn học [H14.14.02.11], [H14.14.02.12]. Theo đó, các Khoa lấy ý kiến của GV, SV; Ban khảo sát lấy ý kiến của cựu SV và doanh nghiệp về CĐR CTĐT [H14.14.02.11]. Phòng KT&ĐBCL xử lý dữ liệu khảo sát ý kiến của các bên liên quan về CĐR CTĐT và gửi đến các Khoa để tham khảo trong quá trình điều chỉnh CĐR CTĐT [H14.14.02.13]. Ngoài ra, tại các hội nghị, hội thảo do Nhà trường tổ chức về hoạt động ĐT, Trường đồng thời lấy ý kiến của các doanh nghiệp sử dụng lao động về CĐR CTĐT và sử dụng tham khảo để điều chỉnh CĐR CTĐT [H14.14.02.14], [H14.14.02.15].

Nhà trường thành lập Ban chỉ đạo xây dựng, điều chỉnh để triển khai việc xây dựng, điều chỉnh CĐR CTĐT [H14.14.02.16]. CĐR của Nhà trường được xây dựng theo đúng quy định của Bộ GD&ĐT và Quy định về xây dựng, rà soát, thẩm định và công bố CĐR của CTĐT [H14.14.02.01], [H14.14.02.02], [H14.14.02.05], [H14.14.02.17], [H14.14.02.18], [H14.14.02.19], [H14.14.02.20]. Theo đó, CĐR các CTĐT do Hội đồng Khoa học - Đào tạo, các Khoa, Phòng Đào tạo, giảng viên phối hợp thực hiện theo quy trình xây dựng, rà soát, thẩm định và công bố CĐR của CTĐT [H14.14.02.01], [H14.14.02.02], [H14.14.02.05], [H14.14.02.17], [H14.14.02.18], [H14.14.02.19], [H14.14.02.20]. Nhà trường ban hành CĐR của các CTĐT và CĐR của môn học/học phần vào năm 2015, năm 2017, 2018, 2019 [H14.14.02.20]. Các CĐR CTĐT của Nhà trường được đăng tải trên website của Trường, Phòng ĐT, các Khoa và được thể hiện trong Sổ tay Giảng viên, Sổ tay sinh viên [H14.14.02.21], [H14.14.02.22], [H14.14.02.23], [H14.14.02.24], [H14.14.02.25]. Ngoài ra, trong nội dung của tuần SHCD đầu năm học và đầu khóa học, SV của Trường được thông báo, phổ biến đầy đủ về CĐR CTĐT của Nhà trường [H14.14.02.26].

Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 14.3. Các đề cương môn học, kế hoạch giảng dạy của CTĐT và các môn học được văn bản hóa, phổ biến và thực hiện dựa trên chuẩn đầu ra

Nhà trường tổ chức tập huấn cho các Khoa và GV về việc xây dựng CĐR và đề cương các môn học dựa trên CĐR [H14.14.03.01]. Theo đó, GV hiểu biết về việc xây dựng CĐR cũng như đề cương các môn học dựa trên CĐR [H14.14.03.01]. Theo Quy định về xây dựng, rà soát, thẩm định và công bố CĐR của CTĐT của Trường yêu cầu các Khoa và GV phải dựa trên CĐR khi xây dựng đề cương các môn học cũng như kế hoạch giảng dạy các môn học [H14.14.03.02], [H14.14.03.03]. Bên cạnh đó, tại các cuộc họp Khoa và trong quá trình triển khai xây dựng đề cương các môn học, Ban chủ nhiệm các Khoa luôn hướng dẫn, yêu cầu GV phải dựa trên CĐR [H14.14.03.04]. Vào đầu mỗi học kỳ, Phòng ĐT gửi công văn đến các Khoa về việc triển khai để GV kê khai lịch trình giảng dạy [H14.14.03.05], [H14.14.03.06]. Các Khoa triển khai để tất cả GV tham gia giảng dạy tiến hành kê khai lịch trình giảng dạy, trong đó chú trọng đến các CĐR đã xác định [H14.14.03.04], [H14.14.03.05], [H14.14.03.06], [H14.14.03.07]. Trong quá trình họp xem xét, thông qua đề cương các môn học và lịch trình giảng dạy, Phòng ĐT, các Khoa và các bộ môn luôn chú trọng đến việc dựa trên CĐR của đề cương các môn học cũng như lịch trình giảng dạy [H14.14.03.04], [H14.14.03.08]. Nhà trường ban hành và công bố chính thức tất cả đề cương các môn học và lịch trình giảng dạy, trong đó đều dựa trên CĐR [H14.14.03.07], [H14.14.03.09], [H14.14.03.10], [H14.14.03.11].

Trong văn bản Quy định về xây dựng, rà soát ban hành CTĐT của Trường giao trách nhiệm cho Phòng ĐT, các Khoa, GV có trách nhiệm giới thiệu, phổ biến đầy đủ về đề cương các môn học, lịch trình giảng dạy đến người học [H14.14.03.02], [H14.14.03.03]. Tại các cuộc họp giao ban giữa BGH với lãnh đạo các đơn vị, Nhà trường yêu cầu Ban chủ nhiệm các Khoa quán triệt GV phổ biến đầy đủ về đề cương các môn học đến người học trong buổi học đầu tiên [H14.14.03.08]. Trên cơ sở đó, tại các cuộc họp Khoa, Ban chủ nhiệm các Khoa thường xuyên nhắc nhở, lưu ý GV phổ biến đầy đủ về đề cương các môn học đến người học trong buổi học đầu tiên [H14.14.03.04]. Đề cương các môn học, lịch trình giảng dạy được đăng tải trên website của Trường, Phòng ĐT, các Khoa và trong Sổ tay GV, Sổ tay SV

[H14.14.03.12], [H14.14.03.13], [H14.14.03.14]. Ngoài ra, trong nội dung của tuần SHCD đầu năm học và đầu khóa học, SV của Trường được thông báo, phổ biến đầy đủ về đề cương các môn học, kế hoạch giảng dạy của năm học [H14.14.03.15].

Tại cuộc họp giao ban đầu năm học, BGH Nhà trường quán triệt và yêu cầu các đơn vị, GV triển khai các hoạt động dạy học và đào tạo theo kế hoạch năm học đã phê duyệt [H14.14.03.08]. Các Khoa và các GV Nhà trường triển khai hoạt động đào tạo theo kế hoạch năm học và giảng dạy theo thời khóa biểu đã xác định [H14.14.03.16], [H14.14.03.17]. Tất cả GV của Nhà trường thực hiện hoạt động giảng dạy theo đúng thời khóa biểu và đề cương môn học đã được xác định để đạt CĐR [H14.14.03.16], [H14.14.03.17], [H14.14.03.18]. Hoạt động đào tạo và giảng dạy của Nhà trường được giám sát thông qua phần mềm quản lý đào tạo, hoạt động dự giờ của các khoa cũng như kiểm tra của bộ phận kiểm tra nội bộ của Trường [H14.14.03.19], [H14.14.03.20], [H14.14.03.21]. Trong giai đoạn 2015-2019, các hoạt động dạy học của Nhà trường được triển khai theo kế hoạch, hướng tới đạt được CĐR [H14.14.03.22], [H14.14.03.23], [H14.14.03.24].

Tư đánh giá: 5/7

Tiêu chí 14.4. Việc rà soát quy trình thiết kế, đánh giá và rà soát chương trình dạy học được thực hiện

Nhà trường phân công Phòng ĐT là đơn vị rà soát quy trình thiết kế và quy trình đánh giá CTDH của Trường [H14.14.04.01], [H14.14.04.02], [H14.14.04.03], [H14.14.04.04], [H14.14.04.05]. Phòng ĐT gửi công văn đến các Khoa để lấy ý kiến góp ý về quy trình thiết kế và quy trình đánh giá CTDH được quy định trong Quy định xây dựng, rà soát, ban hành CTĐT của Trường [H14.14.04.06], [H14.14.04.07]. Dựa trên ý kiến góp ý của các Khoa và cập nhật các văn bản quy định của Bộ GD&ĐT, Phòng ĐT dự thảo điều chỉnh quy trình thiết kế và quy trình đánh giá CTDH được quy định trong Quy định về xây dựng, rà soát, ban hành CTĐT của Trường, thông qua cuộc họp giữa BGH với lãnh đạo các đơn vị, Hội đồng Khoa học - Đào tạo họp thông qua và trình Hiệu trưởng ký ban hành [H14.14.04.08], [H14.14.04.09], [H14.14.04.10], [H14.14.04.11], [H14.14.04.12]. Năm 2016, Nhà trường ban hành Quy định về xây dựng, rà soát ban hành CTĐT của Trường đã được điều chỉnh, trong đó có điều chỉnh quy trình thiết kế và quy trình đánh giá CTDH của Trường và thông báo đến các đơn vị để thực hiện [H14.14.04.10], [H14.14.04.13].

Năm 2015, 2017, 2018, 2019, Nhà trường ban hành kế hoạch rà soát, điều chỉnh, cải tiến CTDH của các CTĐT và thông báo đến các Khoa để thực hiện [H14.14.04.14], [H14.14.04.15]. Trong kế hoạch rà soát, cập nhật, đánh giá CTDH của các CTĐT được ban hành và tại cuộc họp giao ban giữa BGH với lãnh đạo các đơn vị, Nhà trường yêu cầu các Khoa trong quá trình điều chỉnh CTDH phải tham khảo các CTDH tiên tiến trong nước và quốc tế, đồng thời lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan [H14.14.04.08]. Trong kế hoạch khảo sát ý kiến của các bên liên quan của Nhà trường có nội dung khảo sát về CĐR của CTĐT và đề cương môn học [H14.14.04.16], [H14.14.04.17], [H14.14.04.18]. Kết quả khảo sát ý kiến của các bên liên quan về CTDH được Phòng KT&ĐBCL gửi đến các Khoa để tham khảo và sử dụng trong quá trình điều chỉnh CTDH [H14.14.04.18]. Ngoài ra, tại các hội nghị, hội thảo do Nhà trường tổ chức, Trường đồng thời lấy ý kiến của các doanh nghiệp sử dụng lao động về CTDH và các Khoa sử dụng tham khảo trong quá trình điều chỉnh CTDH [H14.14.04.19], [H14.14.04.20]. Tất cả các CTDH của Nhà trường đều đã tham khảo

các CTDH tiên tiến trong nước và quốc tế khi điều chỉnh CTDH [H14.14.04.21], [H14.14.04.22], [H14.14.04.23]. Năm 2015, 2017, 2018, 2019, Nhà trường đã tiến hành điều chỉnh CTĐT và thông báo đến các Khoa, GV, SV biết để thực hiện [H14.14.04.24], [H14.14.04.25], [H14.14.04.26], [H14.14.04.27]. Các CTDH, CDR của CTDH được đăng tải trên website của Trường và niêm yết trong Sổ tay GV, Sổ tay SV [H14.14.04.28], [H14.14.04.29], [H14.14.04.30]. Đặc biệt, Nhà trường đã thực hiện điều chỉnh, cải tiến CTDH Quản trị kinh doanh để tham gia đánh giá chất lượng CTĐT theo tiêu chuẩn kiểm định của Hiệp hội quốc tế các trường đại học đào tạo ngành kinh doanh IACBE [H14.14.04.31], [H14.14.04.32].

Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 14.5. Quy trình thiết kế, đánh giá và chương trình dạy học được cải tiến để đảm bảo sự phù hợp và cập nhật nhằm đáp ứng nhu cầu luôn thay đổi của các bên liên quan

Nhà trường phân công Phòng ĐT tiến hành rà soát quy trình thiết kế và quy trình đánh giá CTDH của Trường [H14.14.05.01], [H14.14.05.02], [H14.14.05.03], [H14.14.05.04], [H14.14.05.05]. Phòng ĐT dự thảo về việc điều chỉnh quy trình thiết kế và quy trình đánh giá CTDH dựa trên việc tiếp thu ý kiến của các Khoa, thông qua cuộc họp giữa BGH với lãnh đạo các đơn vị và trình Hiệu trưởng ký ban hành Quy định về xây dựng, rà soát ban hành CTĐT của Trường đã được điều chỉnh, trong đó có điều chỉnh quy trình thiết kế và quy trình đánh giá CTDH [H14.14.05.06], [H14.14.05.07], [H14.14.05.08], [H14.14.05.09], [H14.14.05.10], [H14.14.05.11]. Nhà trường thông báo Quy định về xây dựng, rà soát, ban hành CTĐT đã được điều chỉnh đến các Khoa để thực hiện và phổ biến đến GV biết để thực hiện [H14.14.05.19], [H14.14.05.12]. Trong quy trình thiết kế và quy trình đánh giá CTDH đã được điều chỉnh thể hiện rõ yêu cầu tham khảo các CTDH tiên tiến trong nước và quốc tế, lấy ý kiến của các bên liên quan khi xây dựng, điều chỉnh CTDH [H14.14.05.09], [H14.14.05.13], [H14.14.05.14], [H14.14.05.15], [H14.14.05.16]. Bên cạnh đó, hệ thống biểu mẫu phục vụ quá trình xây dựng, rà soát, ban hành CTDH được ban hành đầy đủ kèm theo Quy định về xây dựng, rà soát, ban hành CTĐT của Trường [H14.14.05.09]. Văn bản Quy định về xây dựng, rà soát, ban hành CTĐT được đăng tải trên website của Trường, của Phòng ĐT, các Khoa cũng như thể hiện trong Sổ tay GV [H14.14.05.17], [H14.14.05.18].

Căn cứ Quy định về xây dựng, rà soát, ban hành CTĐT của Trường đã ban hành, các Khoa tiến hành rà soát, điều chỉnh các CTDH [H14.14.05.09], [H14.14.05.19], [H14.14.05.20], [H14.14.05.21]. Trong giai đoạn 2015-2019, Nhà trường đã tiến hành rà soát, điều chỉnh các CTDH vào năm 2015, 2017, 2018, 2019 và trên cơ sở đó ban hành quyết định về việc điều chỉnh các CTDH, gửi đến các Khoa để thực hiện và phổ biến đến GV biết để thực hiện [H14.14.05.22], [H14.14.05.23], [H14.14.05.24], [H14.14.05.25]. Bên cạnh đó, tại tuần SHCD đầu năm học và đầu khóa học, Nhà trường phổ biến các CTDH đã được điều chỉnh đến SV biết để thực hiện [H14.14.05.26]. Ngoài ra, các CTDH đã được điều chỉnh được đăng tải trên website của Trường, của Phòng ĐT, các Khoa cũng như thể hiện trong Sổ tay GV, Sổ tay SV [H14.14.05.17], [H14.14.05.18], [H14.14.05.27].

Trong quá trình thiết kế, rà soát các CTDH, các bộ môn và các Khoa luôn chú trọng đến các học phần được cấu trúc đảm bảo sự gắn kết và liền mạch, có tỷ lệ cân đối giữa kiến thức chung, kiến thức chuyên ngành và kỹ năng mềm; thời gian và trình

tự bố trí các môn học hợp lý, logic [H14.14.05.21], [H14.14.05.23], [H14.14.05.24]. Bên cạnh đó, tại cuộc họp của Hội đồng Khoa học và Đào tạo của Nhà trường để thông qua các CTDH luôn chú trọng đến việc sắp xếp các học phần được cấu trúc đảm bảo sự gắn kết và liền mạch, có tỷ lệ cân đối giữa kiến thức chung, kiến thức chuyên ngành và kỹ năng mềm; thời gian và trình tự bố trí các môn học hợp lý, logic [H14.14.05.08], [H14.14.05.23], [H14.14.05.24]. Trong nội dung khảo sát ý kiến các bên liên quan do Phòng KT&ĐBCL thực hiện có nội dung khảo sát về CTDH [H14.14.05.28], [H14.14.05.29]. Kết quả khảo sát ý kiến của các bên liên quan thể hiện các CTDH của Nhà trường có các môn học được cấu trúc đảm bảo sự gắn kết và liền mạch, có tỷ lệ cân đối giữa kiến thức chung, kiến thức chuyên ngành và kỹ năng mềm; thời gian và trình tự bố trí các môn học hợp lý, logic [H14.14.05.30]. Ngoài ra, tại các diễn đàn đối thoại giữa BGH với SV hàng năm, SV Nhà trường hài lòng với cấu trúc, sự gắn kết và liền mạch, có tỷ lệ cân đối giữa kiến thức chung, kiến thức chuyên ngành và kỹ năng mềm; thời gian và trình tự bố trí các môn học hợp lý, logic các CTDH của Trường [H14.14.05.31].

Tự đánh giá: 5/7

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 14:

1. Tóm tắt các điểm mạnh:

- Nhà trường ban hành văn bản quy định về xây dựng, rà soát, ban hành CTDH dựa trên các quy định của Bộ GD&ĐT và thông báo đến các đơn vị để triển khai thực hiện.

- Trong quy định về xây dựng, rà soát, ban hành CTDH của Nhà trường ban hành thể hiện rõ quy trình xây dựng, rà soát, đánh giá CTDH và phân công trách nhiệm cụ thể cho các đơn vị, cá nhân thực hiện.

- Các CTDH, CĐR, đề cương môn học của Nhà trường được xây dựng và ban hành theo quy định về xây dựng, rà soát, ban hành CTDH của Trường.

- Nhà trường phê duyệt, ban hành và thông báo, phổ biến các CTDH, CĐR, đề cương môn học đến GV, SV biết để thực hiện thông qua các hình thức đa dạng, hiệu quả.

- Phòng KT&ĐBCL của Nhà trường triển khai lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về hoạt động của Trường, trong đó có nội dung đánh giá về CTDH.

- Các CTDH của Nhà trường được xây dựng, điều chỉnh, cải tiến dựa trên sự tham khảo các CTDH tiên tiến trong nước và quốc tế, lấy ý kiến của các bên liên quan về CTDH.

- CĐR của CTĐT, các môn học của Nhà trường được ban hành, rà soát định kỳ dựa trên việc tiếp thu ý kiến của các bên liên quan.

- Nhà trường triển khai rà soát, điều chỉnh các CTDH vào năm 2015, 2017, 2018, 2019, đồng thời rà soát, điều chỉnh các CĐR vào năm 2015, năm 2017, 2019.

Các CTDH, CĐR của Nhà trường được rà soát, điều chỉnh theo đúng quy định và ban hành, phổ biến đến GV, SV biết để thực hiện.

- Đề cương các môn học, kế hoạch giảng dạy của Nhà trường được thực hiện hướng tới đạt được CĐR đã xác định.

- Nhà trường tiến hành điều chỉnh, cải tiến CTDH Quản trị kinh doanh để tham gia đánh giá chất lượng CTĐT theo tiêu chuẩn kiểm định của Hiệp hội quốc tế các trường đại học đào tạo ngành kinh doanh IACBE.

- Nhà trường ban hành Quy định về xây dựng, rà soát, ban hành CTĐT của Trường đã được điều chỉnh, trong đó có điều chỉnh quy trình thiết kế và quy trình đánh giá CTDH, đồng thời thông báo, phổ biến đến các đơn vị trực thuộc để triển khai thực hiện.

- Kết quả khảo sát ý kiến của các bên liên quan thể hiện CTDH của Nhà trường có các môn học được cấu trúc đảm bảo sự gắn kết và liên mạch, có tỷ lệ cân đối giữa kiến thức chung, kiến thức chuyên ngành và kỹ năng mềm; thời gian và trình tự bố trí các môn học hợp lý, logic.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại:

Số lượng các doanh nghiệp sử dụng lao động tham gia phản hồi về CTDH, CĐR của Nhà trường còn hạn chế.

3. Kế hoạch cải tiến:

Từ học kỳ 2 năm học 2019-2020 và những năm học tiếp theo, Nhà trường tăng cường liên hệ với các doanh nghiệp sử dụng lao động, đồng thời đa dạng hóa các hình thức lấy ý kiến các doanh nghiệp sử dụng lao động về CTDH, CĐR của Trường

4. Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
Tiêu chuẩn 14	5
Tiêu chí 14.1	5
Tiêu chí 14.2	5
Tiêu chí 14.3	5
Tiêu chí 14.4	5
Tiêu chí 14.5	5

Tiêu chuẩn 15: Giảng dạy và học tập

Tiêu chí 15.1. Thiết lập được hệ thống lựa chọn các hoạt động dạy và học phù hợp với triết lý giáo dục và để đạt được chuẩn đầu ra

Triết lý giáo dục của Trường xác định “Tâm hồn Việt Nam, giáo dục thế giới” và được ban hành theo Quyết định Hiệu trưởng Nhà trường [H15.15.01.01], [H15.15.01.03], [H15.15.01.04]. Triết lý giáo dục của Nhà trường được HĐQT và BGH xác định dựa trên SM, TN và định hướng phát triển của Trường hướng đến là trường đại học quốc tế hàng đầu Việt Nam theo xu hướng giáo dục toàn cầu [H15.15.01.01], [H15.15.01.02], [H15.15.01.03], [H15.15.01.04]. Triết lý giáo dục được Nhà trường ban hành bằng văn bản, gửi đến các đơn vị để thông báo, phổ biến đến toàn thể CB, GV, NV, SV biết và thực hiện [H15.15.01.05]. Bên cạnh đó, tại các cuộc họp giao ban giữa BGH với lãnh đạo các đơn vị, Nhà trường luôn yêu cầu các đơn vị chú trọng phổ biến đến toàn thể CB, GV, NV, SV biết và hiểu về triết lý giáo dục của Trường [H15.15.01.06]. Tại các cuộc họp giao ban của các đơn vị cũng như tại tuần sinh hoạt công dân đầu năm học và đầu khóa học, lãnh đạo các đơn vị phổ biến, giải thích để CB, GV, NV, SV biết và hiểu về triết lý giáo dục của Trường [H15.15.01.07], [H15.15.01.08]. Trong nội dung sinh hoạt lớp, CVHT phổ biến đến SV về TLGD của Trường [H15.15.01.09]. Ngoài ra, triết lý giáo dục của Nhà trường được đăng tải trên website của Trường và của các đơn vị, được niêm yết tại các bảng thông báo, panô được đặt tại những nơi dễ nhìn thấy trong khuôn viên của Trường cũng như in ấn trên các brochure, tờ rơi quảng cáo về Trường, trong Sổ tay GV và Sổ tay SV [H15.15.01.10], [H15.15.01.11], [H15.15.01.12], [H15.15.01.13], [H15.15.01.14], [H15.15.01.15].

Trong nội dung xác định CĐR thể hiện ở Quy định về xây dựng, rà soát ban hành CTĐT của Trường có yêu cầu các Khoa khi xác định CĐR của các CTĐT cần phải phù hợp với TLGD của Nhà trường [H15.15.01.16], [H15.15.01.17]. Trong quá trình xác định CĐR của các CTĐT cũng như tại cuộc họp thông qua CĐR các CTĐT của Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường luôn xem xét sự phù hợp với TLGD của các CĐR của CTĐT [H15.15.01.18], [H15.15.01.19], [H15.15.01.20]. Các CĐR của các CTĐT của Nhà trường phù hợp với TLGD của Trường đã ban hành [H15.15.01.01], [H15.15.01.03], [H15.15.01.04], [H15.15.01.21], [H15.15.01.22].

Trong Quy định về xây dựng, rà soát, ban hành CTĐT của Trường có đề cập đến việc xác định, lựa chọn các hoạt động dạy học phù hợp với TLGD trường [H15.15.01.16], [H15.15.01.17]. Các Khoa phổ biến, yêu cầu GV xác định, lựa chọn các hoạt động dạy học phù hợp với TLGD “Tâm hồn Việt Nam, giáo dục thế giới” của Trường [H15.15.01.23]. Trong giai đoạn 2015-2019, các hoạt động dạy học của GV phù hợp với TLGD của Trường [H15.15.01.24], [H15.15.01.25], [H15.15.01.26], [H15.15.01.27], [H15.15.01.28], [H15.15.01.29], [H15.15.01.30], [H15.15.01.32], [H15.15.01.33], [H15.15.01.34].

Trong nội dung tập huấn cho các Khoa và GV về việc xây dựng CĐR và đề cương các môn học dựa trên CĐR, Nhà trường đồng thời hướng dẫn GV xác định các hoạt động dạy học phù hợp để đạt được CĐR [H15.15.01.31]. Bên cạnh đó, trong Quy định về xây dựng, rà soát, ban hành CTĐT của Trường có đề cập đến việc xác định, lựa chọn các hoạt động dạy học phù hợp với CĐR [H15.15.01.16], [H15.15.01.17]. Trong giai đoạn 2015-2019, các hoạt động dạy học của GV phù hợp với CĐR đã xác

định [H15.15.01.01], [H15.15.01.03], [H15.15.01.04], [H15.15.01.21], [H15.15.01.22], [H15.15.01.32], [H15.15.01.33], [H15.15.01.34].

Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 15.2. Triển khai được hệ thống thu hút, tuyển chọn đội ngũ giảng viên, phân công nhiệm vụ dựa trên trình độ chuyên môn, năng lực, thành tích chuyên môn và kinh nghiệm

Trong KHCL, kế hoạch trung hạn và kế hoạch năm học của Nhà trường luôn đề cập đến nội dung phát triển đội ngũ GV của Trường [H15.15.02.01], [H15.15.02.02], [H15.15.02.03], [H15.15.02.04]. Nhà trường ban hành KHCL về công tác nhân sự giai đoạn 2017-2025, kế hoạch trung hạn về công tác nhân sự giai đoạn 2017-2020, trong đó thể hiện các mục tiêu, chỉ tiêu và biện pháp phát triển đội ngũ GV của Trường [H15.15.02.05], [H15.15.02.06]. Bên cạnh đó, trong nghị quyết của HĐQT có các nội dung về chiến lược, chính sách về thu hút, tuyển dụng, bổ nhiệm, phát triển đội ngũ GV của Trường [H15.15.02.07]. Các chính sách thu hút đội ngũ GV của Trường đồng thời được thể hiện cụ thể trong Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường [H15.15.02.08]. Nhà trường áp dụng nhiều chính sách về thu hút, tuyển dụng, bổ nhiệm, phát triển đội ngũ GV [H15.15.02.09]. Hàng năm, Nhà trường ban hành kế hoạch tuyển dụng GV và thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng cũng như đăng tải trên website của Trường [H15.15.02.10], [H15.15.02.11], [H15.15.02.12]. Trong đó, Nhà trường áp dụng các chính sách thu hút GV có học hàm, học vị, có kinh nghiệm trong giảng dạy và NCKH [H15.15.02.10]. Căn cứ kết quả tuyển dụng, Nhà trường thực hiện kịp thời việc ký kết hợp đồng làm việc, bổ nhiệm chức danh GV cũng như đảm bảo quyền lợi theo quy định của Trường [H15.15.02.13], [H15.15.02.14]. Trong giai đoạn 2015-2019, Nhà trường tuyển dụng 75 GV với 4 GS, 3 PGS, 14 TS, 54 ThS [H15.15.02.15]. Ngoài ra, Nhà trường bổ nhiệm 6 GV đảm nhiệm vị trí cán bộ quản lý cấp Phòng, Khoa, Trung tâm của Trường [H15.15.02.16], [H15.15.02.17], [H15.15.02.18].

Tại các cuộc họp giao ban của BGH với lãnh đạo các đơn vị, Nhà trường luôn yêu cầu Phòng ĐT và các Khoa phân công nhiệm vụ cho GV dựa trên trình độ chuyên môn, năng lực, thành tích chuyên môn và kinh nghiệm [H15.15.02.19]. Hàng năm, căn cứ kế hoạch năm học và kế hoạch của từng học kỳ do Phòng ĐT xây dựng, các Khoa tiến hành phân công giờ giảng cho GV dựa trên trình độ chuyên môn, năng lực, thành tích chuyên môn và kinh nghiệm của GV [H15.15.02.20], [H15.15.02.21], [H15.15.02.22]. Bên cạnh đó, việc xét chọn các đề tài NCKH cấp Trường luôn có sự chú trọng đến trình độ chuyên môn, năng lực, thành tích chuyên môn và kinh nghiệm của các GV đề xuất [H15.15.02.23], [H15.15.02.24], [H15.15.02.25], [H15.15.02.26], [H15.15.02.27], [H15.15.02.28]. Trong giai đoạn 2015-2019, Nhà trường và các Khoa thực hiện tốt việc phân công nhiệm vụ cho GV dựa trên trình độ chuyên môn, năng lực, thành tích chuyên môn và kinh nghiệm của GV [H15.15.02.29], [H15.15.02.30], [H15.15.02.31], [H15.15.02.32]. Hầu hết GV của Nhà trường đều hài lòng với việc phân công giảng dạy của các Khoa, các tổ bộ môn [H15.15.02.33].

Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 15.3. Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc học tập suốt đời được tổ chức phù hợp để đạt được chuẩn đầu ra

Trong nghị quyết của HĐQT luôn quan tâm đến việc tạo dựng môi trường học tập đa dạng, tạo thuận lợi cho việc đạt được CDR, cho việc học tập, nghiên cứu và

thúc đẩy người học tìm tòi học hỏi và khám phá kiến thức [H15.15.03.01]. Trong nội dung kế hoạch năm học của Nhà trường và của các đơn vị, luôn chú trọng tạo dựng môi trường học tập đa dạng để người học tự học, tìm tòi học hỏi và khám phá kiến thức cũng như đạt được CĐR đã xác định [H15.15.03.02], [H15.15.03.03]. Nhà trường tổ chức các khóa tập huấn cho SV về kỹ năng tự học, phương pháp học tập đại học, nhằm thúc đẩy việc học tập suốt đời của SV [H15.15.03.04]. Trong nội dung CĐR các CTĐT của Nhà trường luôn nêu rõ về khả năng tiếp tục học tập lên những bậc học cao hơn nhằm tạo động lực để SV học tập suốt đời và đạt CĐR [H15.15.03.05], [H15.15.03.06]. Nhà trường tích cực mở rộng ngành nghề đào tạo và đến nay, Trường thực hiện đào tạo 11 CTĐT bậc đại học và 1 CTĐT bậc cao học [H15.15.03.07], [H15.15.03.08]. Nhà trường ký kết hợp tác với nhiều doanh nghiệp nhằm tạo điều kiện để SV có cơ hội làm việc bán thời gian, từ đó áp dụng kiến thức đã học vào thực tiễn cũng như thuận lợi cho SV trong việc thực tập tốt nghiệp tại các doanh nghiệp phù hợp với ngành nghề đào tạo [H15.15.03.09]. Bên cạnh đó, Nhà trường ký kết hợp tác với các trường ĐH quốc tế để SV có cơ hội trao đổi học tập trong môi trường quốc tế [H15.15.03.10]. Trong giai đoạn 2015-2019, Nhà trường đã trao đổi SV tham gia học tập tại nhiều quốc gia [H15.15.03.11], [H15.15.03.12]. Ngoài ra, Nhà trường thành lập nhiều câu lạc bộ học thuật nhằm động viên, khuyến khích SV rèn luyện kỹ năng học tập suốt đời cũng như tích cực học tập nhằm đạt được CĐR [H15.15.03.13], [H15.15.03.14].

Hàng năm, Nhà trường ban hành kế hoạch đào tạo cho toàn khóa và từng học kỳ, trên cơ sở đó, Nhà trường ban hành thời khóa biểu, trong đó thể hiện tiến độ đào tạo và các môn học của SV từng khóa học [H15.15.03.15], [H15.15.03.16]. Các môn học được GV triển khai giảng dạy một cách đa dạng, hướng tới đạt được CĐR thông qua các hoạt động dạy học đã được xác định trong đề cương môn học [H15.15.03.17], [H15.15.03.18], [H15.15.03.19]. GV Nhà trường áp dụng đa dạng các hoạt động dạy học và tiếp cận với các xu thế hiện đại như: dạy học dự án, hoạt động nhóm hiệu quả, bên cạnh đó, Nhà trường tạo điều kiện để SV có cơ hội gắn liền việc học với thực tiễn [H15.15.03.20]. Hàng năm, Nhà trường tổ chức Hội nghị SV NCKH nhằm tạo điều kiện để SV có cơ hội thực hiện và báo cáo kết quả sản phẩm NCKH, đồng thời khuyến khích khả năng tự học, tự nghiên cứu của SV [H15.15.03.21]. Trong giai đoạn 2015-2019, Nhà trường triển khai các hoạt động học tập đa dạng trong toàn trường [H15.15.03.22], [H15.15.03.23], [H15.15.03.24].

Trong KHCL, kế hoạch trung hạn và kế hoạch năm học của Nhà trường luôn đề cập đến nội dung GV ứng dụng các phương pháp, công nghệ giảng dạy hiện đại, phù hợp để đạt chuẩn đầu ra [H15.15.03.25], [H15.15.03.26], [H15.15.03.27]. Nhà trường tổ chức nhiều khóa tập huấn, bồi dưỡng GV về việc ứng dụng các phương pháp, công nghệ giảng dạy hiện đại, phù hợp để đạt CĐR [H15.15.03.28]. Bên cạnh đó, các GV của Nhà trường tham dự và được cấp chứng chỉ Nghiệp vụ Sư phạm ĐH, trong đó có nội dung về đổi mới phương pháp dạy học, ứng dụng công nghệ trong giảng dạy [H15.15.03.29]. Trong các cuộc họp giao ban giữa BGH với lãnh đạo các đơn vị, Nhà trường yêu cầu BCN các Khoa phổ biến, quán triệt GV tăng cường ứng dụng các phương pháp, công nghệ giảng dạy hiện đại, phù hợp để đạt CĐR [H15.15.03.30]. Trên cơ sở đó, tất cả các Khoa của Trường phổ biến, triển khai GV tăng cường ứng dụng các phương pháp, công nghệ giảng dạy hiện đại, phù hợp để đạt CĐR của các môn học đã xác định [H15.15.03.31]. Trong giai đoạn 2015-2019, GV Nhà trường ứng dụng nhiều phương pháp, công nghệ giảng dạy hiện đại, phù hợp để đạt CĐR của các

môn học và triển khai đa dạng các ngành nghề đào tạo, bồi dưỡng [H15.15.03.20], [H15.15.03.22], [H15.15.03.23], [H15.15.03.24], [H15.15.03.32], [H15.15.03.33].

Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 15.4. Các hoạt động dạy và học được giám sát và đánh giá để đảm bảo và cải tiến chất lượng

Trong Quy chế tổ chức hoạt động của Nhà trường có quy định rõ về chức năng, nhiệm vụ của GV, trong đó quan trọng nhất là hoạt động giảng dạy và tham gia NCKH [H15.15.04.01]. Bên cạnh đó, trong Quy chế GV do Nhà trường ban hành quy định cụ thể về chức năng, nhiệm vụ của GV [H15.15.04.03]. Nhà trường thông báo, phổ biến Quy chế tổ chức hoạt động của Nhà trường, Quy chế GV đến các đơn vị để phổ biến GV biết và thực hiện [H15.15.04.02], [H15.15.04.04]. Nhà trường giám sát tiến trình giảng dạy của GV thông qua phần mềm quản lý đào tạo [H15.15.04.05]. Các Khoa thường xuyên tiến hành dự giờ GV của Khoa [H15.15.04.06]. Ngoài ra, ban kiểm tra nội bộ thường xuyên kiểm tra việc thực hiện giờ giấc giảng dạy của GV [H15.15.04.07], [H15.15.04.08]. Đối với hoạt động học tập và rèn luyện của SV được giám sát thông qua phần mềm quản lý đào tạo [H15.15.04.06]. Đồng thời, hệ thống giám sát hoạt động học tập và rèn luyện của SV được triển khai ở cấp trường là Phòng ĐT giám sát kết quả học tập của SV, Phòng HC-DVSV giám sát kết quả rèn luyện của SV [H15.15.04.09], [H15.15.04.10], [H15.15.04.11], [H15.15.04.12], [H15.15.04.13], [H15.15.04.18], [H15.15.04.19]. Các Khoa giám sát đồng thời kết quả học tập và rèn luyện của SV do Khoa quản lý [H15.15.04.14], [H15.15.04.15]. Ở cấp lớp học do CVHT giám sát kết quả học tập và rèn luyện của SV được phân công phụ trách [H15.15.04.16], [H15.15.04.17].

Hàng năm, Nhà trường ban hành kế hoạch và triển khai đánh giá CB, GV, NV của Trường, trong đó có đánh giá đội ngũ GV [H15.15.04.20], [H15.15.04.21], [H15.15.04.22]. BCN các Khoa phổ biến để GV thực hiện theo kế hoạch đã được Nhà trường ban hành [H15.15.04.23]. Trên cơ sở đó, GV Nhà trường thực hiện báo cáo tổng kết công tác của cá nhân và Ban chủ nhiệm Khoa tiến hành đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ trong năm học của GV gửi về Phòng TC-NS tổng hợp, thông qua cuộc họp giữa HĐQT với BGH để thống nhất kết quả đánh giá [H15.15.04.24]. Trong giai đoạn 2015-2019, GV Nhà trường được đánh giá hoàn thành nhiệm vụ trở lên [H15.15.04.24]. Bên cạnh đó, hàng năm, Phòng KT&ĐBCL tham mưu BGH Nhà trường ban hành kế hoạch khảo sát ý kiến phản hồi của người học về hoạt động giảng dạy của GV [H15.15.04.25]. Phòng KT&ĐBCL phối hợp với các Khoa phát phiếu khảo sát đến SV sau khi kết thúc môn học, xử lý dữ liệu khảo sát và gửi báo cáo BGH cũng như BCN các Khoa [H15.15.04.26]. Trong giai đoạn 2015-2019, hầu hết ý kiến của SV hài lòng về hoạt động giảng dạy của GV nhà trường [H15.15.04.27].

Nhà trường ban hành quy định khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan và thông báo đến các đơn vị để triển khai thực hiện [H15.15.04.28]. Nhà trường phân công Phòng KT&ĐBCL là đơn vị chủ trì thực hiện khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan và các đơn vị có trách nhiệm phối hợp để triển khai thực hiện [H15.15.04.28]. Hàng năm, Nhà trường ban hành kế hoạch và triển khai khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan về hoạt động của Trường, trong đó có khảo sát SV trước khi tốt nghiệp và khảo sát cựu SV về chất lượng các hoạt động của Trường [H15.15.04.29], [H15.15.04.30]. Bên cạnh đó, thư viện Nhà trường tiến hành thống kê tình hình bạn đọc hàng năm của Trường [H15.15.04.33]. Kết quả khảo sát ý kiến phản

hỏi của SV trước khi tốt nghiệp và khảo sát cựu SV về chất lượng các hoạt động của Trường được báo cáo BGH và thông báo tại cuộc họp giao ban giữa BGH với lãnh đạo các đơn vị cũng như gửi đến các đơn vị liên quan để áp dụng các biện pháp cải tiến chất lượng [H15.15.04.31], [H15.15.04.32].

Căn cứ kết quả khảo sát ý kiến của SV về hoạt động giảng dạy của GV, Ban chủ nhiệm Khoa tổ chức gặp mặt các GV được SV góp ý và yêu cầu thực hiện cải tiến phương pháp giảng dạy, kiểm tra, đánh giá người học [H15.15.04.23]. Thông qua hoạt động dự giờ cũng như kết quả khảo sát ý kiến phản hồi của người học ở học kỳ tiếp theo để BCN Khoa đánh giá mức độ cải tiến chất lượng của GV [H15.15.04.06], [H15.15.04.31]. Bên cạnh đó, căn cứ ý kiến phản hồi của SV trước khi tốt nghiệp và khảo sát cựu SV về chất lượng các hoạt động của Trường, Nhà trường triển khai cải tiến chất lượng các hoạt động trong đó có cải tiến chất lượng phương pháp giảng dạy, kiểm tra, đánh giá người học [H15.15.04.34]. Ngoài ra, trong báo cáo tổng kết năm học hàng năm của Nhà trường và của các Khoa luôn có nội dung đánh giá kết quả và rút kinh nghiệm về triển khai các phương pháp dạy học hiện đại, về ứng dụng công nghệ trong dạy học [H15.15.04.35], [H15.15.04.36], [H15.15.04.37].

Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 15.5. Triết lý giáo dục cũng như hoạt động dạy và học được cải tiến để đạt được chuẩn đầu ra, đảm bảo dạy và học có chất lượng, học tập suốt đời

Triết lý giáo dục được Nhà trường xác định và ban hành năm 2007 đến năm 2019, Nhà trường triển khai rà soát TLGD, trong đó thông báo đến các đơn vị đóng góp ý kiến về TLGD của Trường [H15.15.05.01], [H15.15.05.02]. Căn cứ ý kiến góp ý của các đơn vị và xu thế phát triển của Trường, HĐQT và BGH Nhà trường quyết định giữ nguyên TLGD “Tâm hồn Việt Nam, giáo dục thế giới” vì phù hợp với xu thế, định hướng phát triển của Trường cũng như xu hướng mới của giáo dục ĐH [H15.15.05.02], [H15.15.05.03]. Tuy nhiên, Nhà trường ban hành kèm theo công văn giải thích về ý nghĩa của TLGD và thông báo đến các đơn vị phổ biến để CB, GV, NV, SV hiểu rõ và thống nhất về TLGD của Trường [H15.15.05.04].

Năm 2018 và năm 2019, Nhà trường yêu cầu các Khoa triển khai rà soát, điều chỉnh hoạt động dạy học phù hợp với TLGD và CĐR [H15.15.05.05]. Nhà trường yêu cầu các Khoa và các đơn vị phối hợp triển khai rà soát, điều chỉnh hoạt động dạy học phù hợp với TLGD và CĐR [H15.15.05.06]. Trên cơ sở đó, các đơn vị và đặc biệt là các Khoa tiến hành họp GV để rà soát, điều chỉnh hoạt động dạy học phù hợp với TLGD và CĐR [H15.15.05.07], [H15.15.05.08]. Nhà trường tổ chức nhiều khóa tập huấn cho GV về đổi mới phương pháp dạy học, hoạt động dạy học theo CĐR [H15.15.05.09]. Trong giai đoạn 2015-2019, GV Nhà trường bổ sung áp dụng nhiều hoạt động dạy học phù hợp với TLGD và CĐR như: workshop, thuyết trình, đồ án, sự kiện môn học [H15.15.05.10], [H15.15.05.11], [H15.15.05.12], [H15.15.05.13], [H15.15.05.14].

Hàng năm, Nhà trường ban hành kế hoạch và triển khai khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan về hoạt động của Trường, trong đó có khảo sát ý kiến của GV, SV, cựu SV về mức độ hài lòng đối với TLGD và các hoạt động dạy học [H15.15.05.15], [H15.15.05.16]. Kết quả khảo sát ý kiến của GV, SV, cựu SV thể hiện mức độ hài lòng đối với TLGD và các hoạt động dạy học của Trường [H15.15.05.17]. Bên cạnh đó, các ý kiến của CB, GV, NV tại Hội nghị Người lao động hàng năm và ý

kiến của SV tại diễn đàn đối thoại giữa BGH với SV hàng năm thể hiện sự hài lòng đối với TLGD và các hoạt động dạy học của Trường [H15.15.05.18], [H15.15.05.19].

Tự đánh giá: 5/7

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 15:

1. Tóm tắt các điểm mạnh:

- Nhà trường tuyên bố triết lý giáo dục “Tâm hồn Việt Nam, giáo dục thế giới” và áp dụng đa dạng các hình thức để phổ biến đến các bên liên quan bên trong và bên ngoài Trường về TLGD.

- Nhà trường xây dựng và ban hành các CĐR phù hợp với TLGD và triển khai các hoạt động dạy học phù hợp TLGD, hướng đến đạt được các CĐR đã xác định.

- Nhà trường ban hành KHCL, kế hoạch trung hạn, kế hoạch năm học, trong đó thể hiện rõ nội dung tập trung phát triển đội ngũ GV có chất lượng.

- Nhà trường thực hiện chiến lược, chính sách về thu hút, tuyển dụng, bổ nhiệm và phát triển đội ngũ GV, đặc biệt là các GV trình độ chuyên môn cao, có học hàm học vị và giàu kinh nghiệm trong giảng dạy và NCKH, cam kết gắn bó lâu dài với Trường.

- Nhà trường thực hiện việc phân công nhiệm vụ giảng dạy và NCKH cho GV dựa trên trình độ chuyên môn, năng lực, thành tích chuyên môn và kinh nghiệm.

- Nhà trường tổ chức nhiều khóa tập huấn cho GV về đổi mới phương pháp dạy học và triển khai để GV ứng dụng các phương pháp, công nghệ giảng dạy hiện đại, phù hợp để đạt CĐR của các môn học.

- Nhà trường triển khai đa dạng các hoạt động đào tạo nhằm môi trường học tập đa dạng, tạo thuận lợi cho việc đạt được CĐR, cho việc học tập, nghiên cứu và thúc đẩy người học tìm tòi học hỏi và khám phá kiến thức.

- Nhà trường triển khai nghiêm túc việc giám sát GV, đánh giá GV hàng năm thông qua nhiều hình thức khác nhau.

- Nhà trường triển khai khảo sát ý kiến phản hồi của SV trước khi tốt nghiệp và khảo sát cựu SV về chất lượng các hoạt động của Trường, từ đó có cơ sở áp dụng các biện pháp nâng cao chất lượng hoạt động của Trường.

- Năm 2018 và năm 2019, Nhà trường triển khai rà soát, điều chỉnh hoạt động dạy học của GV phù hợp với TLGD và đạt được CĐR.

- Nhà trường triển khai rà soát triết lý giáo dục với kết quả giữ nguyên TLGD “Tâm hồn Việt Nam, giáo dục thế giới”, đồng thời bổ sung nội dung giải thích rõ ràng về TLGD để các thành viên của Trường hiểu đầy đủ và thống nhất.

- Kết quả khảo sát kiến của GV, SV, cựu SV thể hiện mức độ hài lòng đối với TLGD và các hoạt động dạy học của Trường.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại:

- Hoạt động cải tiến phương pháp giảng dạy của GV dựa trên kết quả khảo sát ý kiến phản hồi của người học tuy đã được triển khai nhưng khó giám sát.

- Số lượng doanh nghiệp sử dụng lao động đánh giá về TLGD của Trường còn hạn chế.

3. Kế hoạch cải tiến:

Từ học kỳ 2 năm học 2019-2020, Nhà trường triển khai đề GV xây dựng kế hoạch cải tiến phương pháp dạy học dựa trên ý kiến phản hồi của người học và trên cơ sở đó, các Khoa tiến hành giám sát quá trình thực hiện cải tiến của GV. Nhà trường đa dạng hóa hình thức khảo sát ý kiến của doanh nghiệp sử dụng lao động đánh giá về TLGD của Trường thông qua các hội nghị, hội thảo do Trường tổ chức.

4. Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
Tiêu chuẩn 15	5
Tiêu chí 15.1	5
Tiêu chí 15.2	5
Tiêu chí 15.3	5
Tiêu chí 15.4	5
Tiêu chí 15.5	5

Tiêu chuẩn 16: Đánh giá người học

Tiêu chí 16.1. Thiết lập được hệ thống lập kế hoạch và lựa chọn các loại hình đánh giá người học phù hợp trong quá trình học tập

Nhà trường phân công Phòng ĐT tham mưu đề xuất quy định về tổ chức thi, kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học [H16.16.01.01], [H16.16.01.02], [H16.16.01.03], [H16.16.01.04], [H16.16.01.05]. Căn cứ các văn bản quy định của Bộ GD&ĐT, quy chế tổ chức hoạt động của Nhà trường, Phòng ĐT xây dựng dự thảo quy định về thi, kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học, thông qua cuộc họp giữa BGH với lãnh đạo các đơn vị, trình Hiệu trưởng ký ban hành [H16.16.01.06], [H16.16.01.07], [H16.16.01.08], [H16.16.01.09], [H16.16.01.10]. Nhà trường gửi văn bản quy định về thi, kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học đến các đơn vị để thực hiện và phổ biến đến GV, SV biết và thực hiện [H16.16.01.10], [H16.16.01.11]. Quy định về thi, kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học đồng thời được đăng tải trên website của Trường, của Phòng ĐT và của các Khoa, đồng thời được niêm yết trong Sổ tay GV, Sổ tay SV [H16.16.01.12], [H16.16.01.13], [H16.16.01.14]. Tại tuần sinh hoạt công dân đầu khóa học, SV được Nhà trường phổ biến quy định về thi, kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học [H16.16.01.15]. Trong quy định về thi, kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học của Nhà trường có quy định về quy trình lập kế hoạch thi, kiểm tra đánh giá và lựa chọn các loại hình đánh giá người học phù hợp quá trình học tập [H16.16.01.10]. Bên cạnh đó, quy định về thi, kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học được thể hiện trong Quy chế đào tạo của Nhà trường [H16.16.01.16]. Việc lựa chọn hình thức kiểm tra đánh giá được quy định trong Quy định về xây dựng, rà soát, ban hành CTĐT của Trường [H16.16.01.17]. GV Nhà trường có nhiệm vụ triển khai hoạt động kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của người học và thể hiện trong Quy chế làm việc của GV [H16.16.01.18]. Ngoài ra, hình thức thi, kiểm tra đánh giá kết quả học tập môn học được thể hiện rõ trong đề cương môn học và được thông báo đến SV ngay trong buổi học đầu tiên [H16.16.01.19], [H16.16.01.20], [H16.16.01.21]. Từ năm 2019, Nhà trường triển khai xây dựng ngân hàng đề thi đối với các môn học/học phần [H16.16.01.22], [H16.16.01.23].

Trong quy định về thi, kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học của Nhà trường ban hành có phân công trách nhiệm cụ thể cho các đơn vị thực hiện [H16.16.01.10]. Theo đó, Từ năm học 2019 – 2020 Phòng KT&ĐBCL là đơn vị xây dựng kế hoạch thi, kiểm tra đánh giá kết thúc môn học của toàn trường [H16.16.01.24], [H16.16.01.25], [H16.16.01.26], [H16.16.01.27], [H16.16.01.28]. Trước kỳ thi 02 tuần, các Khoa, Bộ môn nộp đề thi theo mẫu quy định cho Nhà trường (qua Phòng KT&ĐBCL) theo đúng thời gian đã được quy định về xây dựng đề thi, ngân hàng đề thi, ngân hàng câu hỏi thi [H16.16.01.10], [H16.16.01.28]. Trưởng Khoa, Bộ môn phải chịu trách nhiệm về nội dung và tính bảo mật của đề thi trước khi bàn giao cho Phòng KT&ĐBCL [H16.16.01.10], [H16.16.01.29]. Bên cạnh đó, Phòng KT&ĐBCL là đơn vị tổ chức thi, chấm thi và quản lý kết quả thi [H16.16.01.10], [H16.16.01.25], [H16.16.01.26], [H16.16.01.30], [H16.16.01.31]. Các Khoa cử cán bộ coi thi và chấm thi theo điều động của Nhà trường [H16.16.01.30], [H16.16.01.32]. Phòng ĐT là đơn vị phối hợp trong công tác tổ chức thi, kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học [H16.16.01.10], [H16.16.01.31]. Ngoài ra, trong quy định về thi, kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học của Nhà trường ban hành có quy định về trọng số cụ thể: kiểm tra thường xuyên chiếm tỷ lệ 20%, kiểm tra giữa kỳ chiếm tỷ

lệ 30%, kiểm tra kết thúc môn học chiếm tỷ lệ 50% [H16.16.01.10], [H16.16.01.16]. GV xác định các hình thức, phương pháp thi, kiểm tra đánh giá môn học và thể hiện trong đề cương môn học, thông qua ban chủ nhiệm Khoa, Hội đồng KH&ĐT Trường và triển khai thực hiện [H16.16.01.10], [H16.16.01.16], [H16.16.01.21].

Trong nội dung tập huấn về xây dựng, rà soát, điều chỉnh CTDH, Nhà trường hướng dẫn GV xác định các hình thức, tiêu chí, nội dung thi kiểm tra đánh giá môn học/học phần phù hợp và hướng tới đạt CĐR [H16.16.01.33]. Trên cơ sở đó, các GV của Nhà trường xác định các hình thức thi, kiểm tra đánh giá môn học/học phần phù hợp và thể hiện trong đề cương môn học/học phần [H16.16.01.21]. Trong giai đoạn 2015-2019, Nhà trường áp dụng đa dạng các hình thức thi, kiểm tra đánh giá môn học/học phần phù hợp và hướng tới đạt CĐR [H16.16.01.34], [H16.16.01.35], [H16.16.01.36], [H16.16.01.37].

Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 16.2. Các hoạt động đánh giá người học được thiết kế phù hợp với việc đạt được chuẩn đầu ra

Nhà trường thông báo quy định về thi, kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học đến các đơn vị để triển khai thực hiện, đồng thời các Khoa phổ biến đến GV, SV của Khoa để thực hiện đúng quy định [H16.16.02.01], [H16.16.02.02]. Văn bản quy định về thi, kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học của Nhà trường được thể hiện trong Sổ tay GV, Sổ tay SV cũng như đăng tải trên website của Trường, của Phòng ĐT và của các Khoa [H16.16.02.03], [H16.16.02.04], [H16.16.02.05]. Trong nội dung tuần sinh hoạt công dân đầu năm học, đầu khóa học và các buổi sinh hoạt lớp, Phòng ĐT, các Khoa và CVHT phổ biến, lưu ý, nhắc nhở SV thực hiện các nội dung của quy định về thi, kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học của Nhà trường [H16.16.02.06]. Trong văn bản quy định về thi, kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học của Nhà trường có quy định rõ về quy trình thi, kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học và hướng đến đạt được CĐR [H16.16.02.01]. Phòng KT&ĐBCL là đơn vị xây dựng kế hoạch thi, kiểm tra đánh giá kết thúc môn học của toàn trường [H16.16.02.07], [H16.16.02.08], [H16.16.02.09], [H16.16.02.10], [H16.16.02.11]. Bên cạnh đó, Phòng KT&ĐBCL là đơn vị tổ chức thi, chấm thi và quản lý kết quả thi [H16.16.02.07], [H16.16.02.08], [H16.16.02.09], [H16.16.02.10], [H16.16.02.11]. Các Khoa cử cán bộ coi thi và chấm thi theo điều động của Nhà trường [H16.16.02.12], [H16.16.02.13]. Phòng ĐT phối hợp với Phòng KT&ĐBCL trong công tác tổ chức thi, kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học [H16.16.02.01]. Bên cạnh đó, quy định về việc tổ chức thi kết thúc học phần/môn học được Nhà trường quy định rõ ràng, theo đó Phòng KT&ĐBCL thực hiện công tác tổ chức thi, chấm thi, lưu trữ bài thi, tổng hợp và chuyển phiếu ghi điểm cho Khoa và Phòng ĐT [H16.16.02.01], [H16.16.02.11], [H16.16.02.14].

Căn cứ văn bản quy định của Nhà trường về thi, kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học cũng như quy định về xây dựng, rà soát ban hành CTĐT của Nhà trường, các Khoa triển khai xây dựng đề cương môn học, trong đó có nội dung xác định các phương pháp kiểm tra đánh giá tương thích để đạt CĐR [H16.16.02.15], [H16.16.02.16], [H16.16.02.17], [H16.16.02.18]. Khi thông qua đề cương môn học do GV biên soạn, các Khoa và bộ môn, sau đó hội đồng khoa học đào tạo của trường luôn chú trọng đến sự tương thích của các phương pháp kiểm tra đánh giá để đạt CĐR môn học [H16.16.02.19], [H16.16.02.20]. Ngay buổi học đầu tiên của môn học, GV thông

báo đến SV các phương pháp kiểm tra đánh giá môn học đã được xác định trong đề cương môn học [H16.16.02.15], [H16.16.02.18]. Trong giai đoạn 2015-2019, GV Nhà trường áp dụng đa dạng các phương pháp kiểm tra đánh giá để đạt CĐR môn học [H16.16.02.21].

Trong nội dung tập huấn về xây dựng, rà soát, điều chỉnh CTDH, Nhà trường hướng dẫn GV về cách thức lựa chọn các phương pháp kiểm tra đánh giá tương thích với CĐR và đặc biệt là đo lường được mức độ đạt CĐR của người học [H16.16.02.22]. Trên cơ sở đó, trong đề cương môn học, GV xác định các phương pháp kiểm tra đánh giá tương thích và đo lường được mức độ đạt CĐR [H16.16.02.18]. Kết thúc mỗi học kỳ và năm học, Phòng KT&ĐBCL tiến hành nghiên cứu, đánh giá phổ điểm thi của các môn học cũng như đánh giá các hình thức đánh giá đối với đặc thù mỗi loại môn học [H16.16.02.23]. Bên cạnh đó, kết thúc mỗi kỳ tuyển sinh, trong nội dung báo cáo tổng kết của Phòng tuyển sinh & CTSV luôn có nội dung đánh giá về sự phù hợp của phương thức tuyển sinh, của các tổ hợp xét tuyển để từ đó có những điều chỉnh cho năm tiếp theo [H16.16.02.24]. Ngoài ra, Phòng KT&ĐBCL đồng thời đánh giá về sự phù hợp về quy định trọng số điểm trong kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học cũng như mức độ áp dụng ngân hàng đề thi đối với các môn học/học phần [H16.16.02.23]. Nội dung báo cáo kết quả thực hiện công tác thi, kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học được thể hiện trong báo cáo tổng kết năm học của Nhà trường, Phòng ĐT và các Khoa [H16.16.02.25], [H16.16.02.26], [H16.16.02.27].

Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 16.3. Các phương pháp đánh giá và kết quả đánh giá người học được rà soát để đảm bảo độ chính xác, tin cậy, công bằng và hướng tới đạt được chuẩn đầu ra

Năm 2018 và năm 2019, Nhà trường giao nhiệm vụ cho Phòng KT&ĐBCL triển khai rà soát, đánh giá các phương pháp kiểm tra, đánh giá người học [H16.16.03.01]. Bên cạnh đó, trong kế hoạch năm học của Phòng KT&ĐBCL vào năm 2018 và năm 2019 có nội dung rà soát, đánh giá các phương pháp kiểm tra, đánh giá người học [H16.16.03.02]. Dựa trên cơ sở phân tích, đánh giá kết quả phổ điểm, ý kiến phản hồi của GV và SV về thi, kiểm tra đánh giá, Phòng KT&ĐBCL rà soát, đề xuất dự thảo điều chỉnh quy định về thi, kiểm tra đánh giá của Nhà trường, thông qua cuộc họp giữa BGH với các Khoa, trình Hiệu trưởng ký ban hành [H16.16.03.03], [H16.16.03.04], [H16.16.03.05]. Nhà trường thông báo quy định về thi, kiểm tra đánh giá đã được điều chỉnh đến các Khoa để phổ biến GV, SV biết để thực hiện [H16.16.03.06].

Kết thúc mỗi học kỳ và năm học, Phòng KT&ĐBCL tiến hành nghiên cứu, đánh giá phổ điểm thi của các môn học cũng như sự phù hợp về quy định trọng số điểm trong kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học [H16.16.03.03]. Bên cạnh đó, hàng năm luôn có nội dung đánh giá về sự phù hợp của phương thức tuyển sinh, của các tổ hợp xét tuyển để từ đó có những điều chỉnh cho năm tiếp theo [H16.16.03.07]. Tại các cuộc họp giao ban về công tác đào tạo, Nhà trường tiếp thu ý kiến góp ý của các Khoa về công tác thi, kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học [H16.16.03.04], [H16.16.03.08]. Trong nội dung khảo sát ý kiến của GV, SV về chất lượng các hoạt động của Nhà trường có nội dung khảo sát về sự phù hợp của các hình thức thi, kiểm tra đánh giá cũng như tác động của các hình thức kiểm tra, đánh giá đối với chất lượng và hình thức tuyển chọn người học của Trường [H16.16.03.09],

[H16.16.03.10], [H16.16.03.11], [H16.16.03.12], [H16.16.03.13], [H16.16.03.14]. Hàng năm, Nhà trường tổ chức hội nghị, hội thảo về đào tạo và tiếp thu ý kiến của các đại biểu tham dự hội nghị, hội thảo về các hoạt động đào tạo của Trường [H16.16.03.15], [H16.16.03.16]. Ngoài ra, tại diễn đàn đối thoại giữa BGH với SV hàng năm, Nhà trường tiếp thu ý kiến góp ý, phản hồi của SV về các hình thức, phương pháp thi, kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học [H16.16.03.17].

Theo văn bản quy định về thi, kiểm tra đánh giá, GV công bố cho SV điểm kiểm tra quá trình vào buổi học cuối cùng [H16.16.03.05]. Điểm thi kết thúc học phần được công bố cùng với điểm tổng kết của học phần [H16.16.03.05]. Đối với hình thức thi vấn đáp, điểm của SV được công bố ngay sau khi buổi thi kết thúc [H16.16.03.05]. Việc công bố điểm học phần được thực hiện chậm nhất không quá 03 tuần sau khi kết thúc kỳ thi và được cập nhật trên cổng thông tin của Trường [H16.16.03.18]. Mỗi SV được Nhà trường cấp 1 tài khoản và sử dụng để biết về kết quả thi, kiểm tra đánh giá các môn học/học phần [H16.16.03.19]. Đối với việc phúc khảo bài thi kết thúc học phần, SV nộp đơn phúc khảo cho khoa trong thời gian 07 ngày kể từ ngày công bố kết quả thi kết thúc học phần [H16.16.03.05]. Thời hạn chấm phúc khảo và công bố kết quả phúc khảo không quá 10 ngày kể từ ngày nhận đơn phúc khảo của SV [H16.16.03.05]. Các khoa phân công GV chấm phúc khảo không phải là GV chấm thi lần đầu và nếu có sự thay đổi điểm phải có biên bản đối chất giữa các GV chấm thi lần đầu và GV chấm phúc khảo [H16.16.03.05]. Trong trường hợp có sự khác biệt giữa phiếu ghi điểm đã công bố và điểm được nhập, lưu trữ trong hệ thống quản lý đào tạo, Phòng ĐT có trách nhiệm kiểm tra và điều chỉnh (nếu có sai sót) theo quy định của Trường [H16.16.03.05]. Trong giai đoạn 2015-2019, Nhà trường công bố kết quả kiểm tra đánh giá kịp thời và xử lý hợp lý các trường hợp phúc khảo về kết quả thi, kiểm tra đánh giá [H16.16.03.09], [H16.16.03.10], [H16.16.03.11], [H16.16.03.17].

Hàng năm, Nhà trường ban hành kế hoạch và triển khai khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan về hoạt động của Trường, trong đó có khảo sát SV và cựu SV [H16.16.03.09], [H16.16.03.10]. Trong nội dung khảo sát ý kiến phản hồi của SV và cựu SV có khảo sát về hoạt động thi, kiểm tra đánh giá kết quả học tập [H16.16.03.10]. Nhà trường phân công Phòng KT&ĐBCL phối hợp với các Khoa để thực hiện khảo sát ý kiến phản hồi của SV và cựu SV [H16.16.03.09]. Kết quả khảo sát được Phòng KT&ĐBCL xử lý, báo cáo BGH và thông báo tại cuộc họp giao ban giữa BGH với lãnh đạo các đơn vị cũng như gửi đến các đơn vị liên quan để áp dụng các biện pháp cải tiến chất lượng thi, kiểm tra đánh giá của Trường [H16.16.03.11]. Ngoài ra, tại Hội nghị tổng kết công tác tuyển sinh hàng năm, Nhà trường tiếp thu ý kiến của các bên liên quan để cải tiến tốt hơn công tác tuyển sinh của Trường [H16.16.03.20], [H16.16.03.21]. Các nội dung đánh giá về thi, kiểm tra đánh giá được thể hiện trong báo cáo tổng kết năm học hàng năm của Trường, Phòng ĐT, các Khoa và đề xuất các biện pháp cải tiến trong kế hoạch năm học tiếp theo [H16.16.03.22], [H16.16.03.23], [H16.16.03.24], [H16.16.03.25], [H16.16.03.26], [H16.16.03.27].

Tự đánh giá: 4/7

Tiêu chí 16.4. Các loại hình và các phương pháp đánh giá người học được cải tiến để đảm bảo độ chính xác, tin cậy và hướng tới đạt được chuẩn đầu ra

Căn cứ kết quả nghiên cứu, đánh giá phổ điểm thi của các môn học, sự phù hợp về quy định trọng số điểm trong kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học, kết quả rà soát, đánh giá các phương pháp kiểm tra, đánh giá người học, Nhà trường tổ

chức hợp với Phòng ĐT, Phòng KT&ĐBCL và các Khoa để điều chỉnh, cải tiến các loại hình, phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học [H16.16.04.01], [H16.16.04.02], [H16.16.04.03], [H16.16.04.04]. Nhà trường đã bổ sung áp dụng các loại hình, phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học như: thi vấn đáp, tiểu luận, làm đồ án, sự kiện... trong quy định [H16.16.04.03]. Bên cạnh đó, Nhà trường điều chỉnh trọng số điểm trong kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học cho phù hợp, cụ thể kiểm tra thường xuyên chiếm tỷ lệ 20%, kiểm tra giữa kỳ chiếm tỷ lệ 30%, kiểm tra kết thúc môn học/học phần chiếm tỷ lệ 50% [H16.16.04.03]. Trước năm 2019, nhằm tạo điều kiện để SV cải thiện điểm và với mục đích nâng cao chất lượng đào tạo, Nhà trường quy định mức điểm đạt đối với học phần/môn học là từ 5.0 trở lên và tổ chức kỳ thi phụ đối với những SV có điểm chưa đạt, không thu lệ phí [H16.16.04.05]. Căn cứ ý kiến thống nhất tại cuộc họp giữa BGH với Phòng ĐT, Phòng KT&ĐBCL và các Khoa cũng như ý kiến góp ý của GV, SV, từ năm học 2019-2020, Nhà trường quy định mức điểm đạt của học phần/môn học là từ 4.0 trở lên và không tổ chức kỳ thi phụ với mục đích để SV nỗ lực hơn nữa trong kỳ thi kết thúc học phần/môn học [H16.16.04.02], [H16.16.04.06]. Ngoài ra, đối với công tác tuyển sinh, trong giai đoạn 2015-2019, Nhà trường bổ sung thêm các hình thức, tổ hợp xét tuyển cụ thể: xét tuyển dựa vào kết quả lớp 12 và xét tuyển dựa vào kết quả thi THPT quốc gia [H16.16.04.07], [H16.16.04.08].

Kết thúc mỗi học kỳ và năm học, Phòng KT&ĐBCL tiến hành nghiên cứu, đánh giá phổ điểm thi của các môn học cũng như sự phù hợp về quy định trọng số điểm trong kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học [H16.16.04.01]. Bên cạnh đó, tại các cuộc họp giao ban về công tác đào tạo, Phòng KT&ĐBCL, Phòng ĐT và các Khoa có ý kiến về độ tin cậy và độ chính xác của những loại hình, phương pháp kiểm tra, đánh giá người học [H16.16.04.02]. Ngoài ra, trong nội dung khảo sát ý kiến của GV, SV về chất lượng các hoạt động của Nhà trường có nội dung khảo sát về độ tin cậy và độ chính xác của những loại hình, phương pháp kiểm tra, đánh giá người học [H16.16.04.09], [H16.16.04.10], [H16.16.04.11]. Tại diễn đàn đối thoại giữa BGH với SV hàng năm, Nhà trường tiếp thu ý kiến góp ý, phản hồi của SV về các hình thức, phương pháp thi, kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học [H16.16.04.12].

Trong quy định của Nhà trường về thi, kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học có quy trình xây dựng và đánh giá độ tin cậy, độ chính xác của các phương pháp kiểm tra, đánh giá của người học [H16.16.04.03]. Nhà trường gửi văn bản quy định về thi, kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học đến các Khoa để phổ biến GV, SV biết và thực hiện [H16.16.04.04]. Bên cạnh đó, quy định về thi, kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học đồng thời được đăng tải trên website của Trường, của Phòng ĐT và của các Khoa, đồng thời được niêm yết trong Sổ tay GV, Sổ tay SV [H16.16.04.13], [H16.16.04.14], [H16.16.04.15]. Trong giai đoạn 2015-2019, quy trình thi kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học cũng như quy trình đánh giá độ tin cậy, độ chính xác của các phương pháp kiểm tra, đánh giá của người học được Nhà trường triển khai thực hiện đầy đủ, nghiêm túc [H16.16.04.16], [H16.16.04.17], [H16.16.04.18]. Đồng thời, quy trình thi kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học, quy trình đánh giá độ tin cậy, độ chính xác của các phương pháp kiểm tra, đánh giá của người học được rút kinh nghiệm, điều chỉnh cho phù hợp với thực tiễn hoạt động đào tạo của Trường và được đánh giá tại các hội nghị về công tác đào tạo do Trường tổ chức [H16.16.04.19], [H16.16.04.20].

Trong quy định về thi, kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học do Nhà trường ban hành có phân công trách nhiệm cụ thể cho Phòng ĐT, Phòng KT&ĐBCL và các Khoa trong việc giải quyết khiếu nại, phản ánh của SV về kết quả thi, kiểm tra đánh giá [H16.16.04.03]. Nhà trường đồng thời quy định thời hạn cụ thể cho việc giải quyết khiếu nại, phản nản của SV về kết quả thi, kiểm tra đánh giá [H16.16.04.03]. Trong giai đoạn 2015-2019, Nhà trường xử lý hợp lý các trường hợp phúc khảo về kết quả thi, kiểm tra đánh giá và không có tình trạng khiếu nại, phản nản của người học về sự thiếu công bằng, minh bạch trong sử dụng các phương pháp đánh giá kết quả học tập [H16.16.04.11], [H16.16.04.12], [H16.16.04.16], [H16.16.04.17], [H16.16.04.18].

Tự đánh giá: 4/7

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 16:

1. Tóm tắt các điểm mạnh:

- Nhà trường xây dựng và ban hành quy định thi, kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học, trong đó phân công trách nhiệm cụ thể cho Phòng ĐT, Phòng KT&ĐBCL, các Khoa thực hiện.

- Nhà trường thông báo, phổ biến quy định thi, kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học đến các Khoa, GV, SV thực hiện đồng thời đăng tải trên website của Trường, của Phòng ĐT, Phòng KT&ĐBCL, các Khoa và thể hiện trong Sổ tay GV, Sổ tay SV.

- Nhà trường tổ chức tập huấn GV về nội dung xác định loại hình, phương pháp kiểm tra đánh giá phù hợp CDR và yêu cầu các Khoa, GV triển khai thực hiện.

- Trong giai đoạn 2015-2019, GV của Trường thực hiện nhiều phương pháp kiểm tra đánh giá phù hợp và đo lường được mức độ đạt CDR của người học.

- Định kỳ từng học kỳ và hàng năm, Phòng KT&ĐBCL tiến hành phân tích phổ điểm thi của các môn học, sự phù hợp về quy định trọng số điểm trong kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học, kết quả rà soát, đánh giá các phương pháp kiểm tra, đánh giá người học.

- Nhà trường triển khai đầy đủ, nghiêm túc các nội dung theo quy định thi, kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học đã ban hành, công bố đầy đủ và kịp thời kết quả kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học.

- Nhà trường quan tâm xây dựng ngân hàng đề thi và đã xây dựng được ngân hàng đề thi.

- Nhà trường triển khai rà soát, đánh giá các phương pháp kiểm tra, đánh giá người học và trên cơ sở đó tiến hành điều chỉnh cho phù hợp với thực tiễn.

- Hàng năm, Phòng KT&ĐBCL triển khai khảo sát ý kiến của SV, cựu SV về hoạt động của Nhà trường, trong đó có nội dung khảo sát hoạt động thi, kiểm tra đánh giá kết quả học tập với kết quả khảo sát thể hiện sự hài lòng đối với hoạt động thi, kiểm tra đánh giá của Trường.

- Nhà trường quan tâm chú trọng và yêu cầu các đơn vị giải quyết hợp lý các trường hợp phúc khảo về kết quả thi, kiểm tra đánh giá của người học.

- Trong giai đoạn 2015-2019, không có tình trạng khiếu nại, phàn nàn của người học về sự thiếu công bằng, minh bạch trong sử dụng các phương pháp đánh giá kết quả học tập của Trường.

2. Tóm tắt điểm tồn tại:

Nhà trường chưa tổ chức nhiều hoạt động tập huấn GV về các phương pháp kiểm tra đánh giá theo CĐR.

Việc xây dựng ngân hàng đề thi chưa được triển khai đối với tất cả môn thi.

3. Kế hoạch cải tiến:

Từ năm học 2019-2020, hàng năm, Nhà trường tổ chức các khóa tập huấn GV về các phương pháp kiểm tra đánh giá theo CĐR. Bên cạnh đó, Nhà trường tăng cường đầu tư kinh phí và yêu cầu các Khoa đẩy mạnh việc xây dựng ngân hàng đề thi để tất cả các môn học của Nhà trường đều có ngân hàng đề thi.

4. Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
Tiêu chuẩn 16	4.5
Tiêu chí 16.1	5
Tiêu chí 16.2	5
Tiêu chí 16.3	4
Tiêu chí 16.4	4

Tiêu chuẩn 17: Các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học

Tiêu chí 17.1. Có kế hoạch triển khai các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học cũng như hệ thống giám sát người học

Trong Quy chế tổ chức hoạt động của Nhà trường có xác định chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị, trong đó có phân công các đơn vị tham gia phục vụ, hỗ trợ, giám sát người học [H17.17.01.01]. Phòng HC-DVSV là đơn vị được phân công xây dựng văn bản quy định về phục vụ, hỗ trợ, giám sát người học [H17.17.01.02], [H17.17.01.03], [H17.17.01.04], [H17.17.01.05]. Căn cứ các văn bản quy định của Bộ GD&ĐT về việc triển khai các hoạt động hỗ trợ người học, Phòng HC-DVSV xây dựng dự thảo, thông qua cuộc họp giữa BGH với lãnh đạo các đơn vị và trình Hiệu trưởng ký ban hành quy định về phục vụ, hỗ trợ, giám sát người học [H17.17.01.06], [H17.17.01.07], [H17.17.01.08]. Nhà trường gửi quy định về phục vụ, hỗ trợ, giám sát người học đến các đơn vị để thông báo đến CB, GV, NV, SV biết và thực hiện, [H17.17.01.09]. Trong thành phần BGH Nhà trường có phân công 01 Phó Hiệu trưởng phụ trách về người học, trong đó có nội dung về phục vụ, hỗ trợ, giám sát người học [H17.17.01.10].

Trong kế hoạch hàng năm của Nhà trường luôn có các nội dung về phục vụ, hỗ trợ người học [H17.17.01.11]. Căn cứ quy định về phục vụ, hỗ trợ, giám sát người học đã được ban hành, trong kế hoạch năm học của Nhà trường có phân công cụ thể cho các đơn vị tham gia việc triển khai các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học [H17.17.01.11]. Theo quy định về phục vụ, hỗ trợ, giám sát người học, Nhà trường giao nhiệm vụ cho Phòng HC-DVSV là đơn vị chủ trì, các đơn vị khác của Trường bao gồm các tổ chức đoàn thể đều có trách nhiệm tham gia và tổ chức các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học [H17.17.01.09]. Trong kế hoạch năm học của Phòng HC-DVSV và các đơn vị luôn có các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học [H17.17.01.12], [H17.17.01.13].

Theo quy định về phục vụ, hỗ trợ, giám sát người học, Nhà trường giao nhiệm vụ cho Phòng ĐT là đơn vị chịu trách nhiệm chính giám sát về kết quả học tập của người học, Phòng HC-DVSV là đơn vị chịu trách nhiệm chính giám sát về kết quả rèn luyện của người học [H17.17.01.14], [H17.17.01.15], [H17.17.01.16]. Bên cạnh đó, các Khoa tham gia hoạt động giám sát kết quả học tập và kết quả rèn luyện của người học của Khoa [H17.17.01.17], [H17.17.01.18]. Ngoài ra, đội ngũ CVHT giám sát kết quả học tập và kết quả rèn luyện của người học của lớp được phân công phụ trách [H17.17.01.19], [H17.17.01.20], [H17.17.01.21]. Phòng ĐT sử dụng phần mềm quản lý đào tạo để giám sát kết quả học tập của người học toàn trường [H17.17.01.22], [H17.17.01.27]. Phòng TS&CTSVsử dụng phần mềm Edusoft để giám sát kết quả rèn luyện của người học toàn trường [H17.17.01.23], [H17.17.01.24], [H17.17.01.25], [H17.17.01.26], [H17.17.01.28]. Các Khoa được phân quyền để giám sát kết quả học tập và kết quả rèn luyện của người học của Khoa [H17.17.01.22]. Đội ngũ CVHT được thông báo về kết quả học tập và kết quả rèn luyện của người học của lớp được phân công phụ trách để hỗ trợ hoạt động giám sát người học [H17.17.01.22].

Trong đề án vị trí việc làm, bảng mô tả vị trí công việc của Nhà trường luôn thể hiện rõ các tiêu chí, yêu cầu về năng lực của CB, GV, NV nói chung và đội ngũ CB hỗ trợ nói riêng [H17.17.01.29], [H17.17.01.30], Tại các cuộc họp giao ban giữa BGH với lãnh đạo các đơn vị, Nhà trường yêu cầu lãnh đạo các đơn vị sử dụng các tiêu chí, yêu

cầu được nêu trong đề án vị trí việc làm, bảng mô tả vị trí công việc để đánh giá năng lực của đội ngũ CB hỗ trợ [H17.17.01.07]. Hàng năm, Nhà trường triển khai đánh giá CB, GV, NV trong đó có đánh giá đội ngũ CB hỗ trợ với các tiêu chí cụ thể để đánh giá năng lực [H17.17.01.31]. Bên cạnh đó, Nhà trường xác định phương pháp khảo sát ý kiến của các bên liên quan để đo lường và đánh giá mức độ hài lòng về các dịch vụ hỗ trợ, thông qua đó hàng năm Nhà trường triển khai thực hiện khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan về hoạt động của Trường, trong đó có nội dung khảo sát mức độ hài lòng về các dịch vụ hỗ trợ người học [H17.17.01.32], [H17.17.01.33], [H17.17.01.34], [H17.17.01.35].

Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 17.2. Các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học cũng như hệ thống giám sát người học được triển khai để đáp ứng nhu cầu của các bên liên quan

Trong Quy chế tổ chức và hoạt động của Nhà trường và quy định về phục vụ, hỗ trợ, giám sát người học của Trường ban hành, Phòng HC-DVSV và Phòng TS&CTSV là các đơn vị được giao nhiệm vụ tư vấn, thực hiện các dịch vụ hỗ trợ cho người học [H17.17.02.01], [H17.17.02.02]. Phòng TS&CTSV được thành lập năm 2018 với chức năng, nhiệm vụ là tư vấn tuyển sinh và CTSV [H17.17.02.07], [H17.17.02.08], [H17.17.02.09], [H17.17.02.10]. Bên cạnh đó, Phòng HC-DVSV được thành lập năm 2018 với chức năng, nhiệm vụ là thực hiện các dịch vụ hỗ trợ người học [H17.17.02.03], [H17.17.02.04], [H17.17.02.05], [H17.17.02.06]. Phòng TS&CTSV hiện có 11 nhân sự và là những người được đào tạo, có chuyên môn nghiệp vụ và thường xuyên được bồi dưỡng về hoạt động tư vấn người học [H17.17.02.10]. Bên cạnh đó, Phòng HC-DVSV hiện có 13 nhân sự và là những người được đào tạo, có kinh nghiệm, thành thạo về chuyên môn nghiệp vụ và thường xuyên được bồi dưỡng về hoạt động dịch vụ người học [H17.17.02.06]. Ngoài ra, Nhà trường đã xây dựng và thành lập Bộ phận tham vấn tâm lý và Hướng nghiệp trực thuộc phòng TS&CTSV thực hiện các hoạt động tư vấn cho người học trong quá trình học tập [H17.17.02.11], [H17.17.02.12], [H17.17.02.13].

Trong kế hoạch năm học của Nhà trường luôn có các nội dung về phục vụ và hỗ trợ người học, đồng thời phân công trách nhiệm cụ thể cho các đơn vị thực hiện [H17.17.02.14]. Trong cuộc họp giao ban đầu năm học và các cuộc họp giao ban định kỳ giữa BGH với lãnh đạo các đơn vị, Nhà trường triển khai và yêu cầu các đơn vị thực hiện các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học [H17.17.02.15]. Trong giai đoạn 2015-2019, Nhà trường triển khai nhiều hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học như: hội thảo việc làm, tư vấn hướng nghiệp, hội thảo phương pháp học tập... [H17.17.02.16]. Bên cạnh đó, các Khoa của Nhà trường tổ chức triển khai nhiều hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học như: tham quan cảng, nhà máy, công ty, tổ chức các sự kiện Hội Xuân... [H17.17.02.17], [H17.17.02.18]. Ngoài ra, Ban điều hành CLB SV Nhà trường tổ chức nhiều hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học như: chương trình thiện nguyện, đi bộ đồng hành vì Thảo Điền Xanh - Sạch - Đẹp... [H17.17.02.19], [H17.17.02.20]. Hàng năm, Nhà trường dành kinh phí chi cho các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học của Trường [H17.17.02.21], [H17.17.02.22].

Nhà trường giao nhiệm vụ cho Phòng ĐT là đơn vị chịu trách nhiệm chính giám sát về kết quả học tập của người học, Phòng TS&CTSV là đơn vị chịu trách nhiệm chính giám sát về kết quả rèn luyện của người học [H17.17.02.01], [H17.17.02.02], [H17.17.02.07], [H17.17.02.08] [H17.17.02.09], [H17.17.02.23], [H17.17.02.24],

[H17.17.02.25]. Định kỳ từng học kỳ và cuối mỗi năm học, thông qua phần mềm quản lý đào tạo, Phòng ĐT thống kê kết quả học tập của người học đồng thời cảnh báo, nhắc nhở người học trong trường hợp người học có kết quả học tập kém và có khả năng bị cảnh báo học vụ, buộc thôi học [H17.17.02.26]. Đồng thời, bằng cách sử dụng phần mềm quản lý đào tạo nên Phòng ĐT có thể theo dõi tiến trình học tập của người học [H17.17.02.26], [H17.17.02.27]. Phòng TS&CTSV sử dụng phần mềm Edusoft để giám sát, thống kê kết quả rèn luyện của người học toàn trường [H17.17.02.28], [H17.17.02.29]. Các Khoa của Trường tham gia giám sát kết quả học tập và kết quả rèn luyện của người học của Khoa và nhắc nhở người học trong trường hợp có những cảnh báo về học vụ hoặc rèn luyện [H17.17.02.02]. Bên cạnh đó, tại các buổi sinh hoạt lớp, CVHT thường xuyên nhắc nhở người học trong học tập và rèn luyện, đặc biệt là quan tâm động viên, hướng dẫn cụ thể đối với các trường hợp người học có khả năng bị cảnh báo về học vụ hoặc rèn luyện [H17.17.02.30].

Hàng năm, Nhà trường ban hành kế hoạch khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan về hoạt động của Trường, trong đó có nội dung khảo sát hiệu quả của các hoạt động phục vụ, hỗ trợ và giám sát đối với người học [H17.17.02.32]. Nhà trường giao nhiệm vụ cho Phòng KT&ĐBCL là đơn vị chủ trì và phối hợp với các Khoa để thực hiện [H17.17.02.31], [H17.17.02.32], [H17.17.02.33], [H17.17.02.34]. Bên cạnh đó, tại diễn đàn đối thoại giữa BGH với SV hằng năm, Nhà trường tiếp thu ý kiến phản hồi của người học về hiệu quả của các hoạt động phục vụ, hỗ trợ và giám sát đối với người học của Trường [H17.17.02.35]. Trong báo cáo tổng kết năm học của Trường và của các đơn vị cũng như báo cáo tại hội nghị người lao động hằng năm luôn có nội dung đánh giá về hiệu quả các hoạt động phục vụ, hỗ trợ và giám sát đối với người học của Trường [H17.17.02.36], [H17.17.02.37], [H17.17.02.38], [H17.17.02.39]. Nhà trường thông báo địa chỉ email của Trường và của các đơn vị cũng như bố trí hộp thư góp ý để SV có thể phản hồi về hiệu quả của các hoạt động phục vụ, hỗ trợ và giám sát đối với người học [H17.17.02.40], [H17.17.02.41].

Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 17.3. Các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học cũng như hệ thống giám sát người học được rà soát

Hàng năm, căn cứ kế hoạch khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan về hoạt động của Trường, trong đó có nội dung khảo sát hiệu quả của các hoạt động phục vụ, hỗ trợ và giám sát đối với người học, ý kiến góp ý của SV tại diễn đàn đối thoại giữa BGH với SV cũng như thông qua email công vụ hoặc hộp thư góp ý, BGH họp giao ban với lãnh đạo các đơn vị để rà soát, đánh giá chất lượng các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học [H17.17.03.01], [H17.17.03.02], [H17.17.03.03], [H17.17.03.04], [H17.17.03.05], [H17.17.03.06]. Bên cạnh đó, tại cuộc họp của các đơn vị, đặc biệt là của các Phòng, các Khoa, tiến hành rà soát, đánh giá chất lượng các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học [H17.17.03.07]. Trong báo cáo tổng kết năm học của Trường và của các đơn vị luôn có nội dung rà soát, đánh giá chất lượng các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học, từ đó có các biện pháp cải tiến chất lượng các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học và thể hiện trong kế hoạch năm học hằng năm [H17.17.03.08], [H17.17.03.09], [H17.17.03.10], [H17.17.03.11], [H17.17.03.12]. Năm 2019, BGH Nhà trường tiến hành kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học của các đơn vị [H17.17.03.13]. Ngoài ra, kết quả đánh giá đội ngũ CB, GV,

NV hằng năm có nội dung đánh giá năng lực của đội ngũ CB hỗ trợ của Nhà trường [H17.17.03.14], [H17.17.03.15].

Trong cuộc họp giữa BGH với lãnh đạo các đơn vị để rà soát, đánh giá chất lượng các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học, Nhà trường đồng thời rà soát, đánh giá hiệu quả của hệ thống giám sát người học [H17.17.03.06]. Trên cơ sở đó, Nhà trường áp dụng các biện pháp cải tiến nhằm nâng cao hiệu quả của hệ thống giám sát người học của Trường và thể hiện trong kế hoạch năm học tiếp theo [H17.17.03.11], [H17.17.03.12]. Kết quả khảo sát ý kiến của SV và các ý kiến góp ý của SV thể hiện mức độ hài lòng về hệ thống giám sát người học của Nhà trường [H17.17.03.03]. Ngoài ra, lãnh đạo các Khoa thường xuyên tiếp thu ý kiến của đội ngũ CVHT thông qua các buổi họp của đơn vị để từ đó đề xuất Nhà trường áp dụng các biện pháp cải tiến nhằm nâng cao hiệu quả của hệ thống giám sát người học [H17.17.03.16], [H17.17.03.17], [H17.17.03.18].

Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 17.4. Các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học cũng như hệ thống giám sát người học được cải tiến để đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan

Hàng năm, Nhà trường đối sánh kết quả thực hiện hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học so với KPIs và các chỉ tiêu phấn đấu chính đã được xác định trong kế hoạch năm học [H17.17.04.01], [H17.17.04.02]. Bên cạnh đó, Nhà trường đối sánh kết quả thực hiện hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học của năm học so với năm học trước [H17.17.04.03]. Trên cơ sở đó, Nhà trường triển khai nhiều hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học hiệu quả như: hội thảo việc làm, tư vấn hướng nghiệp, tham quan nhà máy... nhằm nâng cao chất lượng hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học [H17.17.04.04], [H17.17.04.05]. Các Phòng, Khoa, Công đoàn, các CLB SV đã tổ chức nhiều hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học, góp phần nâng cao chất lượng hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học của Nhà trường [H17.17.04.06], [H17.17.04.07], [H17.17.04.08], [H17.17.04.09], [H17.17.04.10], [H17.17.04.11].

Căn cứ kết quả thời rà soát, đánh giá hiệu quả của hệ thống giám sát người học, Nhà trường đã đầu tư hoàn thiện phần mềm quản lý đào tạo thông qua việc hợp đồng với Công ty Anh Quân để thiết kế phần mềm quản lý đào tạo với nhiều tính năng ưu việt trong giám sát người học như: đánh giá rèn luyện, kết quả học tập, đăng ký học phần... [H17.17.04.12]. Phần mềm quản lý đào tạo giúp cho việc lưu trữ CSDL về kết quả học tập của người học được nhanh chóng, thuận lợi, an toàn [H17.17.04.13], [H17.17.04.14], [H17.17.04.15]. Bên cạnh đó, Nhà trường điều chỉnh, bổ sung hệ thống biểu mẫu đào tạo nhằm tạo điều kiện thuận lợi hơn cho người học [H17.17.04.16]. Hệ thống biểu mẫu đào tạo được đăng tải trên website của Trường và của Phòng ĐT [H17.17.04.17]. Ngoài ra, Nhà trường tăng cường tổ chức tập huấn, trang bị nghiệp vụ cho đội ngũ CVHT nhằm góp phần nâng cao hiệu quả công tác giám sát người học của Trường [H17.17.04.18], [H17.17.04.19], [H17.17.04.20].

Hàng năm, Phòng KT&ĐBCL triển khai khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan về hoạt động của Trường, trong đó có nội dung khảo sát hiệu quả của các hoạt động phục vụ, hỗ trợ và giám sát đối với người học [H17.17.04.21], [H17.17.04.22], [H17.17.04.23]. Kết quả khảo sát ý kiến phản hồi của SV, cựu SV thể hiện mức độ hài lòng đối với hoạt động phục vụ, hỗ trợ và giám sát người học với 90% ý

kiến của SV và 85% ý kiến của cựu SV hài lòng [H17. 17.04.24]. Trong giai đoạn 2015-2019, Nhà trường tổ chức nhiều hoạt động hiệu quả phục vụ và hỗ trợ người học [H17. 17.04.25], [H17. 17.04.26], [H17. 17.04.27]. Ý kiến của CB, GV, NV tại Hội nghị Người lao động hàng năm cũng như ý kiến của SV tại diễn đàn đối thoại hàng năm với lãnh đạo Nhà trường thể hiện sự hài lòng đối với hoạt động phục vụ, hỗ trợ và giám sát người học của Trường [H17. 17.04.28], [H17. 17.04.29].

Tự đánh giá: 5/7

Kết quả đánh giá tiêu chuẩn 17:

1. Tóm tắt các điểm mạnh:

Nhà trường ban hành hệ thống văn bản quản lý hoạt động phục vụ, hỗ trợ và người học và thông báo, phổ biến thực hiện trong toàn Trường.

Trong kế hoạch năm học hàng năm của Nhà trường và của các đơn vị luôn có các hoạt động phục vụ, hỗ trợ và giám sát người học với sự phân công cụ thể cho các đơn vị thực hiện.

Nhân sự tham gia các hoạt động hỗ trợ và phục vụ người học là những người có kinh nghiệm và thường xuyên được cử tham gia các khóa tập huấn nhằm nâng cao trình độ, nghiệp vụ tác nghiệp.

Các hoạt động phục vụ, hỗ trợ và giám sát người học của Nhà trường được triển khai đa dạng ở cả cấp trường và ở các đơn vị.

Hệ thống theo dõi, giám sát người học được Nhà trường triển khai giám sát quá trình học tập và rèn luyện của người học từ đơn vị lớp đến Khoa và đến cấp Trường.

Nhà trường thường xuyên tổ chức các khóa tập huấn nhằm nâng cao nghiệp vụ cho đội ngũ CVHT của Trường nhằm góp phần thực hiện tốt công tác giám sát người học.

Hàng năm, Nhà trường thực hiện việc rà soát, đánh giá hiệu quả phục vụ, hỗ trợ và giám sát người học của trường để từ đó có các biện pháp cải tiến chất lượng công tác phục vụ, hỗ trợ và giám sát người học.

Đội ngũ nhân viên hỗ trợ của Nhà trường được đánh giá hàng năm với kết quả đảm bảo năng lực phục vụ, hỗ trợ người học của Trường.

Nhà trường cải tiến, tổ chức đa dạng các hoạt động và loại hình hỗ trợ và phục vụ người học với phương châm người học là trung tâm.

Phần mềm quản lý đào tạo của Nhà trường được cải tiến và góp phần hiệu quả trong công tác giám sát người học ở cấp trường, cấp khoa và đơn vị lớp.

Hàng năm, Nhà trường thực hiện khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan về hoạt động của Trường, trong đó có nội dung khảo sát hiệu quả của các hoạt động phục vụ, hỗ trợ và giám sát đối với người học.

Kết quả khảo sát ý kiến của SV và cựu SV thể hiện mức độ hài lòng về các hoạt động phục vụ, hỗ trợ và giám sát người học của Nhà trường.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại:

Một số nhân viên hỗ trợ của Nhà trường đảm nhiệm các công việc kiêm nhiệm nên chưa phát huy tối đa năng lực phục vụ, hỗ trợ người học.

3. Kế hoạch cải tiến:

Từ học kỳ 2 năm học 2019-2020, Nhà trường tăng cường tuyển dụng nhân sự nhân viên hỗ trợ nhằm giảm công việc kiêm nhiệm cho đội ngũ nhân viên hỗ trợ để tối đa hóa năng lực của họ trong công tác phục vụ, hỗ trợ người học của Trường.

4. Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
Tiêu chuẩn 17	5
Tiêu chí 17.1	5
Tiêu chí 17.2	5
Tiêu chí 17.3	5
Tiêu chí 17.4	5

Tiêu chuẩn 18: Quản lý NCKH

Tiêu chí 18.1. Thiết lập được hệ thống chỉ đạo, điều hành, thực hiện, giám sát và rà soát các hoạt động nghiên cứu, chất lượng cán bộ nghiên cứu, các nguồn lực và các hoạt động liên quan đến nghiên cứu

Trong nghị quyết của HĐQT luôn có nội dung chỉ đạo chú trọng triển khai các hoạt động NCKH của GV và SV của Nhà trường [H18.18.01.01]. Nhà trường phân công Phòng KH & HTQT với chức năng tham mưu, giúp việc cho Hiệu trưởng trong công tác KHCN của CB, GV, NV và SV, thực hiện các nghiệp vụ về KHCN trong Trường theo quy định chung của Bộ GD&ĐT và của Nhà trường; chịu trách nhiệm chính trong việc triển khai, giám sát và rà soát các hoạt động KHCN, chất lượng cán bộ nghiên cứu, các nguồn lực và các hoạt động liên quan đến nghiên cứu trong Trường [H18.18.01.02], [H18.18.01.03], [H18.18.01.04]. Phòng KH & HTQT hiện có 03 nhân sự, bao gồm: 01 Trưởng phòng, 01 Phó Trưởng phòng, 01 chuyên viên [H18.18.01.05], [H18.18.01.06], [H18.18.01.07], [H18.18.01.08], [H18.18.01.09]. Ở các Khoa, Nhà trường phân công 01 Phó Trưởng khoa phụ trách hoạt động NCKH của CB, GV, SV của khoa [H18.18.01.10], [H18.18.01.11]. Trong thành phần BGH Nhà trường phân công 01 Phó Hiệu trưởng phụ trách hoạt động NCKH của Trường [H18.18.01.12]. Hoạt động NCKH của Nhà trường được giám sát, rà soát ở cấp Trường do Phòng KH & HTQT thực hiện và ở cấp Khoa là do Ban chủ nhiệm Khoa triển khai thực hiện [H18.18.01.04], [H18.18.01.15].

Căn cứ các văn bản của Bộ GD&ĐT, Phòng KH & HTQT soạn thảo dự thảo quy định quản lý hoạt động NCKH, thông qua cuộc họp giữa BGH với lãnh đạo các đơn vị, trình Hiệu trưởng ký ban hành [H18.18.01.13], [H18.18.01.14], [H18.18.01.15]. Trong Quy định quản lý hoạt động NCKH của Nhà trường ban hành có quy định về trách nhiệm của các đơn vị, định kỳ thực hiện giám sát và rà soát các hoạt động nghiên cứu của Trường [H18.18.01.15]. Bên cạnh đó, trong kế hoạch năm học của Nhà trường và kế hoạch năm học của Phòng KH & HTQT có nội dung giám sát và rà soát các hoạt động NCKH của Trường [H18.18.01.16], [H18.18.01.17]. Hàng năm, trong báo cáo tổng kết của Nhà trường và của Phòng KH & HTQT luôn có nội dung báo cáo về việc giám sát và rà soát các hoạt động NCKH của Trường theo quy định và theo kế hoạch năm học [H18.18.01.18], [H18.18.01.19].

Trong văn bản Quy định quản lý hoạt động NCKH của Nhà trường ban hành có quy định cụ thể về trách nhiệm quản lý của BGH, Phòng KH & HTQT, các Khoa, của CB, GV, SV đối với hoạt động NCKH của Trường [H18.18.01.15]. Đồng thời, trong Quy định quản lý hoạt động NCKH của Nhà trường nêu rõ các bước của quy trình xây dựng và đề xuất đề tài NCKH, thẩm định và phê duyệt đề tài NCKH, nghiệm thu cùng với các biểu mẫu thống nhất, đồng bộ [H18.18.01.15]. Nhà trường gửi văn bản Quy định quản lý hoạt động NCKH đến các đơn vị để thực hiện và phổ biến đến CB, GV, SV biết để thực hiện [H18.18.01.20]. Hàng năm, Phòng KH & HTQT tham mưu BGH Nhà trường ban hành kế hoạch hoạt động NCKH của GV và SV, thông báo đến các đơn vị và các GV, SV biết để thực hiện [H18.18.01.21]. Bên cạnh đó, căn cứ văn bản quy định của Bộ GD&ĐT về chế độ làm việc của GV, BGH Nhà trường tổ chức họp với lãnh đạo các đơn vị và trên cơ sở thống nhất ý kiến với lãnh đạo các đơn vị, Hiệu trưởng ban hành quy định về chế độ làm việc của GV Nhà trường, trong đó quy định về khối lượng NCKH đối với CB, GV và được quy đổi thành 240 tiết/năm [H18.18.01.22], [H18.18.01.23]. Ngoài ra, căn cứ các văn bản quy định về sở hữu trí

tuệ của Quốc hội và Chính phủ, Nhà trường ban hành quy định về Sở hữu trí tuệ và chuyển giao công nghệ [H18.18.01.24], [H18.18.01.25], [H18.18.01.26], [H18.18.01.27]. Các văn bản Quy định quản lý hoạt động NCKH, quy định về chế độ làm việc của GV, quy định về SHTT, kế hoạch hoạt động về NCKH của GV và SV được đăng tải trên website của Trường, của Phòng KH & HTQT và của các Khoa [H18.18.01.28].

Hàng năm, căn cứ kế hoạch hoạt động NCKH của GV và SV đã được phê duyệt, Phòng KH & HTQT đề xuất kế hoạch tài chính cho hoạt động NCKH và gửi Phòng TC-NS để trình BGH Nhà trường phê duyệt [H18.18.01.29]. Hàng năm, Nhà trường luôn dành kinh phí cho hoạt động NCKH của GV và SV với kinh phí tăng qua từng năm [H18.18.01.30]. Căn cứ Quy định quản lý hoạt động NCKH, quy chế tài chính nội bộ và kết quả xét duyệt đề tài NCKH của các Hội đồng xét duyệt đề tài NCKH, Nhà trường ký hợp đồng với các chủ nhiệm đề tài và cấp kinh phí để thực hiện đề tài trên cơ sở thuyết minh đề tài đã được thông qua [H18.18.01.31], [H18.18.01.32]. Nhà trường cấp kinh phí cho các đề tài cấp trường của CB, GV tối đa là 100 triệu đồng và đối với đề tài NCKH của SV là 20 triệu đồng [H18.18.01.31], [H18.18.01.32]. Ngoài ra, Nhà trường dành kinh phí hàng năm chi cho việc tổ chức các hội nghị, hội thảo, tập huấn về khoa học, cử CB, GV tham dự các hội nghị, hội thảo quốc tế, khen thưởng các công trình NCKH, mua sắm trang thiết bị phục vụ hoạt động NCKH,... [H18.18.01.33], [H18.18.01.34], [H18.18.01.35], [H18.18.01.36], [H18.18.01.37].

Trong văn bản ban hành các KPIs và các chỉ tiêu phấn đấu chính hàng năm của Nhà trường có các KPIs đánh giá hoạt động NCKH của Trường [H18.18.01.38]. Bên cạnh đó, trong KHCL, kế hoạch trung hạn và kế hoạch năm học của Nhà trường có các KPIs và các chỉ tiêu phấn đấu chính về hoạt động NCKH [H18.18.01.16], [H18.18.01.21], [H18.18.01.39], [H18.18.01.40], [H18.18.01.41], [H18.18.01.42], [H18.18.01.43]. Nhà trường phân công Phòng KH & HTQT là đơn vị theo dõi, giám sát, đánh giá chung về chất lượng hoạt động NCKH của Trường [H18.18.01.02], [H18.18.01.04], [H18.18.01.07], [H18.18.01.08], [H18.18.01.15]. Trong quy định quản lý hoạt động NCKH của Nhà trường có quy định rõ các tiêu chí đánh giá chất lượng đề tài NCKH các cấp [H18.18.01.15]. Chất lượng đề tài NCKH do hội đồng nghiệm thu đề tài NCKH các cấp đánh giá và tuân thủ theo quy định quản lý hoạt động NCKH của Nhà trường [H18.18.01.15]. Trong báo cáo tổng kết năm học của Nhà trường và của Phòng KH & HTQT luôn có nội dung đánh giá về số lượng và chất lượng NCKH của CB, GV, NV, SV của Trường thực hiện trong năm học [H18.18.01.18], [H18.18.01.19].

Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 18.2. Chiến lược tìm kiếm nguồn kinh phí phục vụ nghiên cứu, thúc đẩy nghiên cứu, phát triển khoa học, hợp tác và nghiên cứu đỉnh cao được triển khai để đạt được tầm nhìn và sứ mạng của CSGD

Trong KHCL giai đoạn 2009-2016 tầm nhìn 2020, KHCL giai đoạn 2017-2025 tầm nhìn 2030, kế hoạch trung hạn giai đoạn 2017-2020 của Nhà trường luôn có nội dung tập trung phát triển nguồn tài chính hợp pháp, trong đó có nguồn thu từ hoạt động NCKH [H18.18.02.01], [H18.18.02.02], [H18.18.02.03]. Bên cạnh đó, trong kế hoạch năm học của Nhà trường có các nội dung phát triển nguồn thu từ hoạt động NCKH dựa trên cơ sở cụ thể hóa KHCL, kế hoạch trung hạn của Trường [H18.18.02.04], [H18.18.02.05]. Tại các cuộc họp giao ban giữa BGH với lãnh đạo

các đơn vị, Nhà trường yêu cầu, động viên, khuyến khích các đơn vị, đặc biệt là các Khoa tích cực tham gia phát triển nguồn thu của Trường từ hoạt động NCKH [H18.18.02.06]. Trong quy chế tài chính nội bộ và quy định về quản lý hoạt động NCKH của Nhà trường có các chính sách khen thưởng đối với các đơn vị và CB, GV đóng góp phát triển nguồn thu của Trường từ hoạt động NCKH [H18.18.02.07], [H18.18.02.08]. Trong giai đoạn 2015-2019, nguồn thu của Trường từ hoạt động NCKH là 600 triệu đồng [H18.18.02.09], [H18.18.02.10].

Phòng KH & HTQT của Nhà trường dựa trên các văn bản hướng dẫn của Bộ GD&ĐT và các văn bản quy định của các trường ĐH về việc thành lập các nhóm nghiên cứu mạnh để xây dựng dự thảo, thông qua cuộc họp giữa BGH với lãnh đạo các đơn vị, trình Hiệu trưởng ký ban hành quy định về việc thành lập các nhóm nghiên cứu - giảng dạy của Trường [H18.18.02.11], [H18.18.02.12], [H18.18.02.13], [H18.18.02.14]. Nhà trường thông báo đến các đơn vị để thực hiện nhằm phát triển các nhóm nghiên cứu mạnh của Trường [H18.18.02.15]. Các Khoa của Trường tích cực triển khai xây dựng các đề án thành lập các nhóm nghiên cứu - giảng dạy theo biểu mẫu được ban hành kèm theo quy định về việc thành lập các nhóm nghiên cứu - giảng dạy của Trường và trong giai đoạn 2015-2019, Nhà trường đã thành lập nhóm Kinh doanh và Luật, Ngôn ngữ Anh, Công nghệ thông tin [H18.18.02.16], [H18.18.02.17], [H18.18.02.18]. Trong quy định về việc thành lập các nhóm nghiên cứu - giảng dạy, Nhà trường có chính sách ưu tiên về việc xét duyệt đề tài, cấp kinh phí thực hiện các nghiên cứu cũng như chế độ khen thưởng đối với các nhóm nghiên cứu mạnh [H18.18.02.13], [H18.18.02.14], [H18.18.02.19]. Bên cạnh đó, trong quy định về quản lý hoạt động NCKH và quy chế tài chính nội bộ của Nhà trường có các chính sách khen thưởng đối với CB, GV, SV đạt được thành tích trong NCKH cũng như đăng tải các bài báo trên các tạp chí trong danh mục ISI, Scopus, xuất bản các giáo trình... [H18.18.02.07], [H18.18.02.08].

Nhà trường rất chú trọng đến vấn đề hợp tác với các đối tác trong NCKH cũng như thương mại hóa và chuyển giao các đề tài NCKH [H18.18.02.19], [H18.18.02.20]. Phòng KH & HTQT và các Khoa của Trường tích cực tìm kiếm và ký kết với các đối tác trong và ngoài nước, trong đó có hợp tác trong NCKH [H18.18.02.21], [H18.18.02.22], [H18.18.02.23]. Trong giai đoạn 2015-2019, Nhà trường đã ký kết hợp tác với nghiên cứu với trên 20 doanh nghiệp, 01 Viện nghiên cứu, 05 trường ĐH trong và ngoài nước [H18.18.02.24]. Trên cơ sở đó, Nhà trường triển khai hoạt động NCKH với Tạp chí Việt Nam hội nhập, Viện nghiên cứu phát triển TP.HCM [H18.18.02.23], [H18.18.02.24]. Bên cạnh đó, Nhà trường phối hợp tổ chức 10 hội thảo khoa học về nghiên cứu khoa học [H18.18.02.25]. Trong giai đoạn 2015-2019, Nhà trường đã chuyển giao 2 công trình NCKH cho Tập đoàn Á Châu để áp dụng đối với các trường trong hệ thống với số tiền là 600 triệu đồng [H18.18.02.26].

Căn cứ kế hoạch hoạt động NCKH hàng năm của Nhà trường đã được phê duyệt, Phòng KH & HTQT gửi thông báo đến các đơn vị để triển khai CB, GV đề xuất, đăng ký các đề tài NCKH [H18.18.02.27]. Các đơn vị tổng hợp các đề xuất các đề tài NCKH của CB, GV và gửi về Phòng KH & HTQT, trên cơ sở đó, Phòng KH & HTQT tham mưu BGH Nhà trường ký quyết định thành lập hội đồng xét duyệt đề tài NCKH cấp trường [H18.18.02.28], [H18.18.02.29]. Dựa trên kết quả tuyển chọn đề tài NCKH của Hội đồng xét duyệt đề tài NCKH cấp trường, Nhà trường thông báo đến các chủ nhiệm đề tài được chọn để ký kết hợp đồng và quyết định cấp kinh phí để thực

hiện đề tài [H18.18.02.30], [H18.18.02.31]. Mức kinh phí thực hiện đề tài theo Quy định quản lý hoạt động NCKH và Quy chế tài chính nội bộ của Trường [H18.18.02.07], [H18.18.02.08], [H18.18.02.31], [H18.18.02.32]. Các chủ nhiệm đề tài thực hiện các đề tài NCKH theo hợp đồng với Nhà trường và được Trường tổ chức nghiệm thu theo Quy định quản lý hoạt động NCKH của BGH Nhà trường ký ban hành [H18.18.02.07], [H18.18.02.33], [H18.18.02.34]. Bên cạnh đó, hàng năm, Nhà trường thông báo đến các khoa về việc triển khai Hội nghị NCKH SV [H18.18.02.35]. Các Khoa thông báo đến SV đăng ký các đề tài NCKH, tổ chức tập huấn và hướng dẫn SV NCKH, phân công GV hướng dẫn SV thực hiện [H18.18.02.36]. Phòng KH & HTQT được phân công là đơn vị chủ trì tổ chức Hội nghị NCKH SV hàng năm và tham mưu BGH ký các quyết định thành lập các hội đồng chấm các đề tài NCKH của SV [H18.18.02.37], [H18.18.02.38], [H18.18.02.39]. Nhà trường cấp kinh phí cho SV thực hiện NCKH với mức là 20 triệu đồng/đề tài NCKH và áp dụng các hình thức khen thưởng đối với SV đạt giải theo Quy định quản lý hoạt động NCKH và Quy chế tài chính nội bộ của Trường [H18.18.02.07], [H18.18.02.40]. Hoạt động NCKH của Nhà trường trong giai đoạn 2015-2019 luôn được triển khai theo đúng kế hoạch năm học và đạt được các KPIs về NCKH đã được xác định [H18.18.02.41], [H18.18.02.42], [H18.18.02.43]. Thông tin về hoạt động NCKH của CB, GV, SV thường xuyên được đăng tải trên website của Nhà trường [H18.18.02.44].

Tiêu chí 18.3. Các chỉ số thực hiện chính được sử dụng để đánh giá số lượng và chất lượng nghiên cứu

Trong văn bản ban hành các KPIs và các chỉ tiêu phấn đấu chính hàng năm của Nhà trường có các KPIs đánh giá hoạt động NCKH của Trường [H18.18.03.01]. Bên cạnh đó, trong KHCL, kế hoạch trung hạn và kế hoạch năm học của Nhà trường có các KPIs và các chỉ tiêu phấn đấu chính về hoạt động NCKH [H18.18.03.02], [H18.18.03.03], [H18.18.03.04], [H18.18.03.05], [H18.18.03.06], [H18.18.03.07]. Hàng năm, Nhà trường sử dụng các KPIs và các chỉ tiêu phấn đấu chính để đánh giá hoạt động NCKH của Trường và của các đơn vị [H18.18.03.01], [H18.18.03.09], [H18.18.03.10], [H18.18.03.11]. Về các chỉ số đánh giá chất lượng các công trình NCKH được quy định rõ trong quy định quản lý hoạt động NCKH của Nhà trường [H18.18.03.12]. Các hội đồng nghiệm thu các đề tài NCKH, giáo trình của CB, GV đều tuân thủ các chỉ số đánh giá chất lượng đã được Nhà trường quy định [H18.18.03.12], [H18.18.03.13].

Trong nội dung các cuộc họp giao ban giữa BGH với lãnh đạo các đơn vị, Nhà trường giao nhiệm vụ cho Phòng KH & HTQT sử dụng các KPIs để đánh giá hoạt động NCKH cấp trường và các Khoa sử dụng các KPIs để đánh giá hoạt động NCKH cấp Khoa [H18.18.03.14]. Hàng năm, trong báo cáo tổng kết năm học của Nhà trường, của Phòng KH & HTQT, của các Khoa luôn có nội dung đánh giá về kết quả hoạt động NCKH, trong đó có sử dụng các KPIs về hoạt động NCKH đã được Trường ban hành [H18.18.03.01], [H18.18.03.09], [H18.18.03.10], [H18.18.03.11]. Các Hội đồng nghiệm thu đề tài NCKH, nghiệm thu giáo trình luôn tuân thủ và sử dụng các KPIs đánh giá chất lượng các công trình NCKH được nêu trong quy định quản lý hoạt động NCKH của Nhà trường [H18.18.03.12], [H18.18.03.13], [H18.18.03.15]. Hàng năm, Nhà trường ban hành kế hoạch khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan về hoạt động của Trường, trong đó có nội dung khảo sát tác động của hoạt động NCKH đối với Nhà trường và xã hội [H18.18.03.16], [H18.18.03.17], [H18.18.03.18]. Nhà trường

giao nhiệm vụ cho Phòng KT&ĐBCL là đơn vị chủ trì và phối hợp với các Khoa để thực hiện [H18.18.03.16]. Bên cạnh đó, tại diễn đàn đối thoại giữa BGH với SV hàng năm, Nhà trường tiếp thu ý kiến phản hồi của người học về hoạt động NCKH của SV Trường [H18.18.03.19]. Đồng thời, tại hội nghị người lao động hàng năm, Nhà trường tiếp thu ý kiến của CB, GV về hoạt động NCKH của Trường cũng như tác động đối với xã hội [H18.18.03.20]. Ngoài ra, tại các hội nghị, hội thảo khoa học do Nhà trường tổ chức, Trường luôn tiếp thu ý kiến của các đại biểu tham dự về hoạt động NCKH của Trường và tác động của hoạt động NCKH của Trường đối với xã hội [H18.18.03.21], [H18.18.03.22].

Hàng năm, Phòng KH & HTQT tiến hành đối sánh kết quả hoạt động NCKH của năm học so với các KPIs và các chỉ tiêu phấn đấu chính về hoạt động NCKH được xác định trong kế hoạch năm học [H18.18.03.23]. Phòng KH & HTQT đề xuất những điều chỉnh các KPIs và các chỉ tiêu phấn đấu chính về hoạt động NCKH, thông qua cuộc họp giữa BGH với lãnh đạo các đơn vị, trên cơ sở đó, Nhà trường có những điều chỉnh cụ thể về hoạt động NCKH của Trường trong kế hoạch năm học tiếp theo về hoạt động NCKH [H18.18.03.24]. Các KPIs và các chỉ tiêu phấn đấu chính về hoạt động NCKH của Nhà trường được điều chỉnh qua từng năm học phù hợp với thực tiễn của Trường [H18.18.03.25].

Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 18.4. Công tác quản lý nghiên cứu được cải tiến để nâng cao chất lượng nghiên cứu và phát kiến khoa học

Căn cứ quy định về khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan, hàng năm, Nhà trường ban hành kế hoạch khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan về hoạt động của Trường [H18.18.04.01], [H18.18.04.02]. Trong nội dung khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan về hoạt động của Trường có khảo sát về hoạt động NCKH của Nhà trường [H18.18.04.03]. Phòng KT&ĐBCL là đơn vị chủ trì và phối hợp với các Khoa để thực hiện khảo sát ý kiến của CB, GV, SV của Trường [H18.18.04.02]. Bên cạnh đó, tại diễn đàn đối thoại giữa BGH với SV hàng năm, Nhà trường tiếp thu ý kiến phản hồi của người học về hoạt động NCKH của SV Trường [H18.18.04.04]. Đồng thời, tại hội nghị người lao động hàng năm, Nhà trường tiếp thu ý kiến của CB, GV về hoạt động NCKH của Trường cũng như tác động đối với xã hội [H18.18.04.05]. Ngoài ra, tại các hội nghị, hội thảo khoa học do Nhà trường tổ chức, Trường luôn tiếp thu ý kiến của các đại biểu tham dự về hoạt động NCKH của Trường và tác động của hoạt động NCKH của Trường đối với xã hội [H18.18.04.06], [H18.18.04.07].

Dữ liệu khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan do Phòng KT&ĐBCL xử lý và trong giai đoạn 2015-2019, ý kiến đánh giá của CB, GV, SV đối với hoạt động NCKH và công tác quản lý hoạt động NCKH của Nhà trường ở mức độ Tốt [H18.18.04.04], [H18.18.04.05], [H18.18.04.07], [H18.18.04.08]. Kết quả khảo sát ý kiến của CB, GV, SV về hoạt động NCKH của Nhà trường được báo cáo BGH và thông báo tại cuộc họp giao ban giữa BGH với lãnh đạo các đơn vị để các đơn vị có những biện pháp cải tiến nhằm nâng cao hiệu quả, số lượng, chất lượng hoạt động NCKH của Trường [H18.18.04.09]. Các biện pháp, nội dung cải tiến hoạt động NCKH của Nhà trường được thể hiện trong kế hoạch năm học và được BGH Nhà trường thường xuyên chỉ đạo, yêu cầu các đơn vị tập trung triển khai thực hiện [H18.18.04.10], [H18.18.04.11]. Trong từng năm học, Nhà trường dành kinh phí chi

cho việc tập trung, tăng cường các hoạt động NCKH của Trường với số tiền tăng lên qua từng năm [H18.18.04.12], [H18.18.04.13]. Nhà trường tổ chức nhiều hội nghị, hội thảo về NCKH đối với GV và SV [H18.18.04.14]. Bên cạnh đó, Nhà trường áp dụng nhiều chính sách động viên, khuyến khích CB, GV, SV tham gia NCKH như: Khen thưởng đối với CB, GV, SV đạt được thành tích trong NCKH cũng như đăng tải các bài báo trên các tạp chí trong danh mục ISI, Scopus, xuất bản các giáo trình,... [H18.18.04.12], [H18.18.04.13], [H18.18.04.15]. Nhà trường đạt được nhiều kết quả tích cực trong hoạt động NCKH của GV và SV [H18.18.04.16], [H18.18.04.17]. Trong giai đoạn 2015-2019, các tập thể và cá nhân CB, GV, SV của Nhà trường được nhận nhiều hình thức khen thưởng các cấp vì đạt được những thành tích trong NCKH [H18.18.04.18], [H18.18.04.19].

Tự đánh giá: 4/7

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 18:

1. Tóm tắt các điểm mạnh:

- Nhà trường thành lập Phòng KH & HTQT là đơn vị chuyên trách thực hiện giám sát, rà soát các hoạt động NCKH của Trường và phân công Phó Trưởng khoa chịu trách nhiệm thực hiện giám sát, rà soát các hoạt động nghiên cứu của khoa.

- Nhà trường ban hành quy định quản lý hoạt động NCKH và triển khai áp dụng trong quản lý hoạt động NCKH đối với CB, GV và SV.

- Nhà trường ban hành Quy định chế độ làm việc của GV, trong đó quy định về khối lượng hoạt động NCKH mà GV phải thực hiện trong năm học.

- Hàng năm, Nhà trường luôn dành kinh phí chi cho hoạt động NCKH với số tiền tăng lên qua từng năm.

- Nhà trường chú trọng và tích cực triển khai phát triển các nguồn thu hợp pháp, trong đó có nguồn thu từ hoạt động NCKH.

- Hàng năm, Nhà trường ban hành kế hoạch hoạt động NCKH, thông báo đến các đơn vị và CB, GV, SV đề xuất các đề tài NCKH và triển khai thực hiện đúng theo quy định quản lý hoạt động NCKH của Trường ban hành.

- Nhà trường triển khai đa dạng các hoạt động NCKH trong từng năm học với kết quả hoạt động NCKH đạt được các KPIs được xác định trong kế hoạch năm học và tăng qua từng năm.

- Nhà trường áp dụng nhiều chính sách khen thưởng, động viên, khuyến khích CB, GV, SV tham gia hoạt động NCKH.

- Nhà trường ban hành quy định về việc thành lập nhóm nghiên cứu giảng dạy - học tập và trong giai đoạn 2015-2019, Nhà trường thành lập 3 nhóm nghiên cứu mạnh và tạo điều kiện tối đa để có sản phẩm NCKH, chuyển giao công nghệ.

- Nhà trường ký kết hợp tác và triển khai hợp tác NCKH với nhiều trường ĐH, doanh nghiệp, tổ chức trong và ngoài nước.

- Hàng năm, Nhà trường tiến hành rà soát, đánh giá các KPIs và các chỉ tiêu phấn đấu chính về hoạt động NCKH và tiến hành điều chỉnh, bổ sung các KPIs về hoạt động NCKH cho phù hợp với điều kiện thực tiễn của Trường.

- Kết quả khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan đánh giá công tác quản lý hoạt động NCKH của Nhà trường ở mức độ Tốt.

- Các tập thể và cá nhân CB, GV, SV của Nhà trường được nhận hình thức khen thưởng các cấp vì đã có thành tích trong NCKH.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại:

Kinh phí thu được từ hoạt động NCKH và chuyển giao công nghệ, chuyển giao tri thức, thương mại hóa sản phẩm nghiên cứu của Nhà trường còn thấp.

- Số lượng đề tài NCKH hợp tác với các đối tác bên ngoài còn hạn chế.

3. Kế hoạch cải tiến:

Từ học kỳ 2 năm học 2019-2020 và những năm tiếp theo, Nhà trường tăng cường áp dụng các chính sách khen thưởng nhằm động viên, khuyến khích CB, GV thực hiện các đề tài NCKH liên kết với các đơn vị bên ngoài Trường và triển khai chuyển giao công nghệ nhằm tăng nguồn thu cho Nhà trường từ hoạt động NCKH.

4. Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
Tiêu chuẩn 18	4.75
Tiêu chí 18.1	5
Tiêu chí 18.2	5
Tiêu chí 18.3	5
Tiêu chí 18.4	4

Tiêu chuẩn 19: Quản lý tài sản trí tuệ

Tiêu chí 19.1. Thiết lập được hệ thống quản lý và bảo hộ các phát minh, sáng chế, bản quyền và kết quả nghiên cứu

Phòng KH & HTQT được Nhà trường giao chức năng tham mưu, giúp việc cho Hiệu trưởng trong công tác KHCN của CB, GV, NV và SV, thực hiện các nghiệp vụ về KHCN trong Trường theo quy định chung của Bộ GD&ĐT và của Nhà trường; chịu trách nhiệm chính trong việc triển khai, giám sát và rà soát các hoạt động KHCN, chất lượng cán bộ nghiên cứu, các nguồn lực và các hoạt động liên quan đến nghiên cứu trong Trường; đồng thời quản lý, hướng dẫn, hỗ trợ bảo hộ các phát minh, sáng chế, bản quyền và kết quả nghiên cứu của Trường và của CB, GV, SV [H19.19.01.01], [H19.19.01.02], [H19.19.01.03]. Phòng KH & HTQT hiện có 03 nhân sự, bao gồm: 01 Trưởng phòng, 01 Phó Trưởng phòng, 01 chuyên viên [H19.19.01.04], [H19.19.01.05], [H19.19.01.06], [H19.19.01.07], [H19.19.01.08]. Phòng KH & HTQT phân công 01 chuyên viên thực hiện nhiệm vụ quản lý, hướng dẫn, hỗ trợ bảo hộ các phát minh, sáng chế, bản quyền và kết quả nghiên cứu của Trường và của CB, GV, SV [H19.19.01.07]. Ở các Khoa, Nhà trường phân công 01 Phó Trưởng khoa phụ trách hoạt động NCKH của CB, GV, SV của khoa, trong đó có nội dung quản lý, hướng dẫn, hỗ trợ bảo hộ các phát minh, sáng chế, bản quyền và kết quả nghiên cứu của CB, GV, SV của Khoa [H19.19.01.09], [H19.19.01.10]. Trong thành phần BGH Nhà trường phân công 01 Phó Hiệu trưởng phụ trách hoạt động NCKH của Trường, trong đó chỉ đạo việc quản lý, hướng dẫn, hỗ trợ bảo hộ các phát minh, sáng chế, bản quyền và kết quả nghiên cứu của Trường và của CB, GV, SV [H19.19.01.11].

Căn cứ các văn bản quy định về sở hữu trí tuệ, Phòng KH & HTQT xây dựng dự thảo quy định sở hữu trí tuệ, lấy ý kiến góp ý của các đơn vị, thông qua cuộc họp giữa BGH với lãnh đạo các đơn vị, trình Hiệu trưởng ký ban hành [H19.19.01.12], [H19.19.01.13], [H19.19.01.14], [H19.19.01.15], [H19.19.01.16], [H19.19.01.17], [H19.19.01.18], [H19.19.01.19]. Nhà trường thông báo Quy định SHTT đến các đơn vị để thực hiện và phổ biến đến CB, GV, NV, SV biết và thực hiện [H19.19.01.20]. Nhà trường tổ chức tập huấn CB, GV, NV, SV các nội dung trong quy định về SHTT và quản lý tài sản trí tuệ của Trường [H19.19.01.21]. Đối với SV, thông qua các cuộc họp lớp, CVHT phổ biến đến SV các nội dung quy định cụ thể về SHTT và quản lý TSTT [H19.19.01.22]. Trong quy định về SHTT của Trường có quy định rõ về việc bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ, về các sáng chế bản quyền và các kết quả nghiên cứu khác; và định giá các đối tượng sở hữu trí tuệ phù hợp với yêu cầu của quốc gia và quốc tế [H19.19.01.19]. Quy định về SHTT của Nhà trường được đăng tải trên website của Trường, Phòng KH và HTQT [H19.19.01.23].

Nhằm đẩy mạnh hoạt động NCKH và khai thác các sản phẩm NCKH, trong nội dung Nghị quyết của HĐQT luôn có nội dung chỉ đạo tăng cường hoạt động NCKH và chuyển giao công nghệ [H19.19.01.24]. Trong Quy định quản lý hoạt động NCKH của Nhà trường có các nội dung về việc hỗ trợ trong giai đoạn chuẩn bị và hỗ trợ khai thác thương mại hóa các đề tài nghiên cứu [H19.19.01.25]. Bên cạnh đó, trong Quy chế tài chính của Nhà trường có quy định về mức kinh phí hỗ trợ trong giai đoạn chuẩn bị và hỗ trợ khai thác thương mại hóa các đề tài nghiên cứu cũng như khen thưởng các sản phẩm NCKH được thương mại hóa [H19.19.01.26]. Ngoài ra, chính sách hỗ trợ trong giai đoạn chuẩn bị và hỗ trợ khai thác thương mại hóa các đề tài nghiên cứu được thể hiện trong Quy định SHTT của Trường [H19.19.01.19].

Trong Quy định SHTT của Trường đồng thời có quy định về việc khai thác tài sản trí tuệ như: thử nghiệm, sản xuất thử, thương mại hóa và trích dẫn [H19.19.01.19]. Bên cạnh đó, trong quá trình học tập môn NKCH cũng như hướng dẫn thực hiện các đề tài NCKH, luận văn tốt nghiệp, SV của Nhà trường được hướng dẫn cụ thể về việc trích dẫn các công trình khoa học theo đúng quy định [H19.19.01.27], [H19.19.01.28], [H19.19.01.29]. Các GV của Nhà trường tuân thủ đúng trích dẫn đối với các sách, giáo trình, bài báo khoa học đã công bố [H19.19.01.30], [H19.19.01.31].

Trong Quy định quản lý hoạt động NKCH của Nhà trường có quy định về quy trình công bố, theo dõi và lưu trữ kết quả nghiên cứu [H19.19.01.25]. Nhà trường yêu cầu lãnh đạo các đơn vị thông báo, phổ biến đến các đơn vị, CB, GV thực hiện đúng quy định về công bố, theo dõi và lưu trữ kết quả nghiên cứu [H19.19.01.18]. Trong giai đoạn 2015-2019, Nhà trường thực hiện đúng việc công bố, theo dõi và lưu trữ kết quả nghiên cứu. [H19.19.01.32], [H19.19.01.33].

Tự đánh giá: 4/7

Tiêu chí 19.2. Hệ thống ghi nhận, lưu trữ và khai thác tài sản trí tuệ được triển khai

Trong Quy định SHTT của Nhà trường nêu rõ các tài sản trí tuệ phải được đăng ký bảo hộ theo đúng quy định của pháp luật, trong đó các sản phẩm chuyên biệt của Trường và các đề tài NCKH của CB, GV được lựa chọn để đăng ký SHTT [H19.19.02.01]. Bên cạnh đó, trong Quy định quản lý hoạt động NKCH của Nhà trường có hướng dẫn về việc ghi nhận, lưu trữ và khai thác tài sản trí tuệ [H19.19.02.02]. Trong giai đoạn 2015-2019, các TSTT của Nhà trường được đăng ký SHTT theo đúng quy định [H19.19.02.03], [H19.19.02.04].

Nhà trường thông báo Quy định SHTT đến các đơn vị để thực hiện và phổ biến đến CB, GV, NV, SV biết và thực hiện [H19.19.02.05]. Bên cạnh đó, Nhà trường tổ chức tập huấn CB, GV, NV, SV các nội dung trong quy định về SHTT và quản lý tài sản trí tuệ của Trường, trong đó có các biểu mẫu cụ thể để đăng ký bản quyền, quyền sở hữu công nghiệp, công nhận sản phẩm KHCN, khiếu nại hoặc khởi kiện về hành vi xâm phạm quyền SHTT của CB, GV [H19.19.02.06]. Đối với SV, thông qua các cuộc họp lớp, CVHT phổ biến đến SV các nội dung quy định cụ thể về SHTT và quản lý TSTT [H19.19.02.07]. Ngoài ra, quy định về SHTT của Nhà trường được đăng tải trên website của Trường, Phòng KH & HTQT [H19.19.02.08].

Nhà trường phân công Phòng KH & HTQT thực hiện việc xây dựng cơ sở dữ liệu; rà soát, phát hiện các hành vi vi phạm TSTT của Trường [H19.19.02.09], [H19.19.02.10], [H19.19.02.11], [H19.19.02.12], [H19.19.02.13]. Trên cơ sở đó, Phòng KH & HTQT xây dựng cơ sở dữ liệu; rà soát, phát hiện các hành vi vi phạm TSTT của Trường [H19.19.02.14], [H19.19.02.15]. Trong giai đoạn 2015-2019, căn cứ kết quả công bố đề tài NCKH, Nhà trường đã tiến hành xúc tiến 02 sản phẩm được cấp Giấy chứng nhận quyền SHTT, đó là Phương án, giải pháp “Thực trạng, tác hại và biện pháp phòng chống bệnh giun truyền qua đất” và “Thực trạng và giải pháp phòng chống lây nhiễm bệnh tay-chân-miệng ở trẻ em” [H19.19.02.15]. Bên cạnh đó, Nhà trường ký kết hợp đồng chuyển giao sản phẩm cho Tập đoàn Giáo dục Quốc tế Á Châu và đã chuyển giao thành công 02 sản phẩm [H19.19.02.16], [H19.19.02.17], [H19.19.02.18].

Tự đánh giá: 4/7

Tiêu chí 19.3. Hệ thống rà soát công tác quản lý tài sản trí tuệ được triển khai thực hiện

Nhà trường phân công Phòng KH & HTQT triển khai rà soát công tác quản lý tài sản trí tuệ của Nhà trường [H19.19.03.01], [H19.19.03.02], [H19.19.03.03], [H19.19.03.04], [H19.19.03.05]. Năm 2018 và năm 2019, Phòng KH & HTQT xây dựng kế hoạch rà soát công tác quản lý tài sản trí tuệ của Nhà trường [H19.19.03.06]. Trên cơ sở đó, Phòng KH và HTQT thực hiện báo cáo rà soát công tác quản lý tài sản trí tuệ của Nhà trường, trong đó xác định kết quả đạt được, hạn chế và đề xuất các giải pháp cải tiến công tác quản lý tài sản trí tuệ của Nhà trường [H19.19.03.07]. BGH Nhà trường tổ chức họp với các đơn vị để rà soát công tác quản lý tài sản trí tuệ của Nhà trường và trên cơ sở đó áp dụng các biện pháp nhằm cải tiến các TSTT của Trường [H19.19.03.08].

Trong báo cáo tổng kết hằng năm của Nhà trường và báo cáo tổng kết năm học của Phòng KH & HTQT luôn có nội dung tổng kết, đánh giá công tác quản lý TSTT, [H19.19.03.09], [H19.19.03.10]. Trong giai đoạn 2015-2019, Nhà trường có 02 sản phẩm được cấp Giấy chứng nhận quyền SHTT [H19.19.03.11], [H19.19.03.12], [H19.19.03.13], [H19.19.03.14], [H19.19.03.15]. Các TSTT của Nhà trường phát huy được các ứng dụng cụ thể trong thực tế và góp phần nâng cao học hiệu của Trường [H19.19.03.09], [H19.19.03.10]. Bên cạnh đó, trong giai đoạn 2015-2019, Nhà trường không có sai phạm trong công tác quản lý TSTT [H19.19.03.09], [H19.19.03.10]. Các tập thể và cá nhân CB, GV, SV của Nhà trường được nhận nhiều hình thức khen thưởng các cấp vì đạt được những thành tích trong NCKH [H19.19.03.16], [H19.19.03.17].

Tự đánh giá: 4/7

Tiêu chí 19.4. Công tác quản lý tài sản trí tuệ được cải tiến để bảo hộ CSGD, cán bộ nghiên cứu và các lợi ích cộng đồng

Năm 2018 và năm 2019, dựa trên báo cáo rà soát công tác quản lý TSTT do Phòng KH & HTQT thực hiện và các ý kiến góp ý của lãnh đạo các đơn vị tại cuộc họp giao bao, Nhà trường ban hành kế hoạch cải tiến chất lượng quản lý TSTT [H19.19.04.01], [H19.19.04.02], [H19.19.04.03], [H19.19.04.04]. Nhà trường thông báo kế hoạch cải tiến chất lượng quản lý tài sản trí tuệ đến các đơn vị để thực hiện [H19.19.04.05]. Bên cạnh đó, trong kế hoạch năm học của Nhà trường và của Phòng KH & HTQT luôn có các nội dung đề cập đến việc cải tiến chất lượng quản lý tài sản trí tuệ [H19.19.04.06], [H19.19.04.07]. Trên cơ sở đó, trong báo cáo tổng kết năm học của Nhà trường và của Phòng KH & HTQT có các nội dung đánh giá đề cập đến việc cải tiến chất lượng quản lý TSTT, trong đó có đánh giá tổng nguồn thu từ khai thác thương mại TSTT [H19.19.04.08], [H19.19.04.09], [H19.19.04.10], [H19.19.04.11], [H19.19.04.12]. Nhà trường áp dụng nhiều chính sách cũng như thực hiện nhiều hoạt động để tăng cường số lượng các TSTT [H19.19.04.13], [H19.19.04.14], [H19.19.04.15]. Năm 2019, Phòng KH và HTQT thực hiện báo cáo tổng kết việc cải tiến chất lượng công tác quản lý TSTT của Trường. [H19.19.04.16].

Căn cứ quy định về khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan, hằng năm, Nhà trường ban hành kế hoạch khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan về hoạt động của Trường [H19.19.04.17]. Trong nội dung khảo sát ý kiến phản hồi của các

bên liên quan về hoạt động của Trường có khảo sát về hoạt động công tác quản lý TSTT [H19.19.04.18]. Phòng KT&ĐBCL là đơn vị chủ trì và phối hợp với các Khoa để thực hiện khảo sát ý kiến của CB, GV, SV của Trường [H19.19.04.17]. Kết quả khảo sát CB, GV, SV về công tác quản lý TSTT thể hiện mức độ hài lòng trên 75% ý kiến được khảo sát [H19.19.04.19]. Bên cạnh đó, ý kiến của CB, GV tại hội nghị người lao động hằng năm và ý kiến của SV tại diễn đàn đối thoại giữa BGH với SV hằng năm thể hiện sự hài lòng đối với công tác quản lý TSTT của Nhà trường [H19.19.04.20], [H19.19.04.21].

Tự đánh giá: 4/7

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 19:

1. Tóm tắt các điểm mạnh:

- Nhà trường phân công Phòng KH & HTQT là đơn vị quản lý và hỗ trợ bảo hộ các phát minh, sáng chế, bản quyền và kết quả nghiên cứu của CB, GV, SV.

- Căn cứ các văn bản quy định của Nhà nước về SHTT, Nhà trường ban hành Quy định về SHTT và thông báo đến các đơn vị triển khai thực hiện.

- Nhà trường áp dụng đa dạng các hình thức phổ biến Quy định về SHTT đến CB, GV, SV để thực hiện đúng các TSTT và quy trình công bố, theo dõi và lưu trữ kết quả nghiên cứu.

- Trong Quy định về SHTT của Nhà trường thể hiện rõ quy định rõ về việc bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ, về các sáng chế bản quyền và các kết quả nghiên cứu khác và định giá các đối tượng sở hữu trí tuệ phù hợp với yêu cầu của quốc gia và quốc tế.

- Trong Quy định về SHTT của Nhà trường đồng thời thể hiện chính sách hỗ trợ trong giai đoạn chuẩn bị và hỗ trợ khai thác thương mại hóa các đề tài nghiên cứu.

- Các tài sản trí tuệ của Nhà trường được đăng ký bảo hộ theo đúng quy định của pháp luật.

- Năm 2018 và năm 2019, Nhà trường triển khai rà soát công tác quản lý TSTT và trên cơ sở đó Nhà trường xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng công tác quản lý TSTT.

- Nhà trường áp dụng nhiều chính sách, hoạt động cải tiến chất lượng công tác quản lý TSTT và đến nay Trường có 01 TSTT được cấp Giấy chứng nhận SHTT.

- Phòng KH & HTQT xây dựng cơ sở dữ liệu về TSTT của Trường và cập nhật qua từng năm.

- Nhà trường ký kết hợp đồng chuyển giao 02 phương án, giải pháp cho Tập đoàn Giáo dục Quốc tế Á Châu và đã chuyển giao thành công.

- Hơn 75% ý kiến của CB, GV, SV được khảo sát thể hiện mức độ hài lòng về công tác quản lý TSTT của Trường.

- Nhà trường không có bất kỳ vi phạm nào về SHTT trong 05 năm của chu kỳ đánh giá.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại:

Một số CB, GV chưa chú trọng đăng ký bảo hộ các TSTT đối với các công trình NCKH đã thực hiện.

3. Kế hoạch cải tiến:

Từ học kỳ 2 năm học 2019-2020 và những năm học tiếp theo, Nhà trường tăng cường rà soát, hỗ trợ CB, GV thực hiện đăng ký SHTT đối với các công trình NCKH đã thực hiện nhằm tăng số lượng TSTT của Trường.

4. Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
Tiêu chuẩn 19	4
Tiêu chí 19.1	4
Tiêu chí 19.2	4
Tiêu chí 19.3	4
Tiêu chí 19.4	4

Tiêu chuẩn 20: Hợp tác và đối tác NCKH

Tiêu chí 20.1. Xây dựng hệ thống để thiết lập các mối quan hệ hợp tác và đối tác trong nghiên cứu nhằm đáp ứng các mục tiêu nghiên cứu

Căn cứ các văn bản quy định về đối tác trong ĐT, NCKH, PVCD, tham khảo các văn bản quy định của các trường ĐH, Phòng KH & HTQT dự thảo quy định về lựa chọn đối tác, thông qua cuộc họp giữa BGH với lãnh đạo các đơn vị, trình Hiệu trưởng ký ban hành [H20.20.01.01], [H20.20.01.02], [H20.20.01.03], [H20.20.01.04], [H20.20.01.05]. Nhà trường thông báo Quy định về lựa chọn đối tác đến các đơn vị để thực hiện [H20.20.01.06]. Trong Quy định về lựa chọn đối tác của Nhà trường ban hành có các nội dung cụ thể về tiêu chí lựa chọn đối tác nói chung, trong đó có quy định tiêu chí và quy định thiết lập các mối quan hệ hợp tác trong nghiên cứu nhằm đáp ứng các mục tiêu nghiên cứu [H20.20.01.05]. Ngoài ra, hoạt động hợp tác với các đối tác nước ngoài được thực hiện theo đúng các văn bản quy định về đối ngoại và Quy định hoạt động HTQT do Nhà trường ban hành [H20.20.01.07], [H20.20.01.08], [H20.20.01.09], [H20.20.01.10] [H20.20.01.11].

Trong KHCL giai đoạn 2009-2016 tầm nhìn 2020, KHCL giai đoạn 2017-2025 tầm nhìn 2030, kế hoạch trung hạn giai đoạn 2017-2020 và kế hoạch năm học hằng năm của Nhà trường luôn có các KPIs về phát triển hợp tác, đối tác [H20.20.01.12], [H20.20.01.13], [H20.20.01.14], [H20.20.01.15]. Bên cạnh đó, Nhà trường ban hành KHCL giai đoạn 2017-2025 về hoạt động HTQT, trên cơ sở đó ban hành kế hoạch trung hạn giai đoạn 2017-2020 về hoạt động HTQT và kế hoạch năm học hằng năm Phòng KH & HTQT xây dựng kế hoạch năm học, trong đó thể hiện chiến lược và các hoạt động phát triển hợp tác, đối tác phát triển và phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn của Trường [H20.20.01.16], [H20.20.01.17], [H20.20.01.18].

Trong Quy định về lựa chọn đối tác của Nhà trường có quy định cụ thể trách nhiệm cụ thể cho các bộ phận, cá nhân trong hoạt động hợp tác, đối tác và sự phối hợp giữa các đơn vị trong hoạt động hợp tác, đối tác của Trường [H20.20.01.05]. Hằng năm, Nhà trường đón tiếp các đơn vị đối tác trong và ngoài nước đến làm việc, hợp tác với Trường [H20.20.01.19], [H20.20.01.20]. Bên cạnh đó, Nhà trường cử các đoàn công tác và CB, GV, SV công tác, học tập, nghiên cứu, tham quan tại các các đơn vị đối tác trong và ngoài nước [H20.20.01.21], [H20.20.01.22]. Trong giai đoạn 2015-2019, Nhà trường đón tiếp nhiều đoàn khách quốc tế đến làm việc với Trường cũng như các đoàn của Trường tham quan, học tập ở nước ngoài [H20.20.01.19], [H20.20.01.20], [H20.20.01.21], [H20.20.01.22], [H20.20.01.23].

Trong KHCL giai đoạn 2009-2016 tầm nhìn 2020, KHCL giai đoạn 2017-2025 tầm nhìn 2030, kế hoạch trung hạn giai đoạn 2017-2020 và kế hoạch hằng năm của Nhà trường luôn có các KPIs về phát triển hợp tác, đối tác nói chung và đối với hoạt động NCKH nói riêng [H20.20.01.12], [H20.20.01.13], [H20.20.01.14], [H20.20.01.15]. Bên cạnh đó, trong KHCL giai đoạn 2017-2025 về hoạt động HTQT, kế hoạch trung hạn giai đoạn 2017-2020 về hoạt động HTQT và kế hoạch năm học hằng năm của Phòng KH & HTQT luôn có các KPIs về phát triển hợp tác, đối tác nói chung và đối với hoạt động NCKH nói riêng [H20.20.01.16], [H20.20.01.17], [H20.20.01.18]. Hằng năm, Nhà trường tiến hành tổng kết, đánh giá hoạt động hợp tác, đối tác của Trường, trong đó có các hợp tác, đối tác trong NCKH [H20.20.01.24], [H20.20.01.25], [H20.20.01.26]. Trên cơ sở đó, Nhà trường đề xuất các biện pháp cải thiện hợp tác, đối tác trong NCKH và thể hiện trong

kế hoạch năm học tiếp theo [H20.20.01.15], [H20.20.01.18]. Trong giai đoạn 2015-2019, số lượng các hợp tác, đối tác của Nhà trường tăng lên và trên cơ sở đó, Trường triển khai các hoạt động hợp tác trong NCKH [H20.20.01.27], [H20.20.01.28], [H20.20.01.29], [H20.20.01.30], [H20.20.01.31], [H20.20.01.32], [H20.20.01.33], [H20.20.01.34].

Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 20.2. Triển khai được các chính sách và quy trình thúc đẩy hợp tác và đối tác nghiên cứu

Nhà trường thông báo Quy định về lựa chọn đối tác, Quy định về hoạt động HTQT đến các đơn vị để thực hiện [H20.20.02.01], [H20.20.02.02], [H20.20.02.03], [H20.20.02.04]. Trong các cuộc họp giao ban giữa BGH với lãnh đạo các đơn vị, BGH Nhà trường triển khai, yêu cầu các đơn vị triển khai các hoạt động theo chiến lược phát triển, kế hoạch hợp tác, phát triển đối tác để đạt được các KPI cụ thể [H20.20.02.05]. Trong giai đoạn 2015-2019, Nhà trường triển khai nhiều hoạt động để phát triển đối tác với số lượng các đối tác với Trường tăng lên qua từng năm [H20.20.02.06], [H20.20.02.07], [H20.20.02.08].

Căn cứ Quy định về lựa chọn đối tác, các đơn vị chủ động lựa chọn các đối tác và hợp tác NCKH phù hợp với SM, TN của Trường, trong đó các đơn vị gửi thư mời, tài liệu giới thiệu về trường đến các đơn vị phù hợp với tiêu chí lựa chọn [H20.20.02.01], [H20.20.02.03], [H20.20.02.06], [H20.20.02.07]. Đối với các đơn vị đối tác, Phòng KH & HTQT căn cứ vào kế hoạch chiến lược, kế hoạch năm học và tiêu chí chọn lựa đối tác, Phòng tham mưu cho Nhà trường tiến hành lựa chọn đối tác và ký kết để mở rộng mạng lưới HTQT, Nhà trường phản hồi và thực hiện các nội dung để ký kết văn bản hợp tác [H20.20.02.09]. Trong giai đoạn 2015-2019, Nhà trường ký kết với nhiều đối tác trong và ngoài nước để triển khai các hoạt động NCKH [H20.20.02.08], [H20.20.02.09], [H20.20.02.10].

Nhà trường triển khai nhiều hoạt động hợp tác nghiên cứu với các đối tác thông qua việc thực hiện các công trình NCKH chung, đăng tải các bài báo chung, tổ chức chung hội thảo khoa học [H20.20.02.10], [H20.20.02.11], [H20.20.02.12], [H20.20.02.13], [H20.20.02.14]. Trong giai đoạn 2015-2019, Nhà trường có 9 đề tài NCKH được thực hiện bởi GV Trường và các GV của các trường ĐH khác, nhiều bài báo công bố chung và sách được xuất bản chung [H20.20.02.11], [H20.20.02.12], , [H20.20.02.15], [H20.20.02.16], [H20.20.02.17]. Nhà trường tổ chức nhiều hội thảo với các đối tác và thu hút đông đảo đại biểu tham dự [H20.20.02.13], [H20.20.02.14], [H20.20.02.15], [H20.20.02.16], [H20.20.02.17].

Hàng năm, Nhà trường quan tâm dành kinh phí, đầu tư CSVC, trang thiết bị cho hoạt động phát triển hợp tác, đối tác trong nghiên cứu [H20.20.02.18], [H20.20.02.19], [H20.20.02.20]. Bên cạnh đó, Nhà trường chú trọng tiếp đón các đoàn đến làm việc tại Trường cũng như các đoàn công tác trong và ngoài nước với mục đích tìm kiếm, tăng cường phát triển hợp tác, đối tác [H20.20.02.21], [H20.20.02.22], [H20.20.02.23], [H20.20.02.24]. Ngoài ra, Nhà trường chú trọng bố trí nhân sự cho Phòng KH và HTQT để quản lý, thực hiện công việc phát triển hợp tác, đối tác của Trường [H20.20.02.25], [H20.20.02.26], [H20.20.02.27].

Trong giai đoạn 2015-2019, Nhà trường đã chuyển giao 2 công trình NCKH cho Tập đoàn Á Châu để áp dụng đối với các trường trong hệ thống với số tiền là 600 triệu đồng [H20.20.02.28]. Bên cạnh đó, nguồn thu từ hoạt động NCKH của CB, GV

Nhà trường với các đối tác là: 600 triệu đồng [H20.20.02.28]. Nhà trường và CB, GV, SV đạt được nhiều hình thức khen thưởng thông qua hợp tác trong NCKH [H20.20.02.29], [H20.20.02.30].

Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 20.3. Hệ thống rà soát tính hiệu quả của hợp tác và đối tác nghiên cứu được triển khai thực hiện

Trong Quy định về lựa chọn đối tác do Nhà trường ban hành có nội dung quy định rà soát tính hiệu quả trong hợp tác nói chung và đối với NCKH nói riêng [H20.20.03.01]. Nhà trường phân công Phòng KH & HTQT là đơn vị thực hiện rà soát tính hiệu quả trong hợp tác NCKH của Trường [H20.20.03.02], [H20.20.03.03]. Trên cơ sở đó, Phòng KH và HTQT phân công nhân sự theo dõi, rà soát, đánh giá tính hiệu quả trong hợp tác NCKH của Trường [H20.20.03.04], [H20.20.03.05]. Tính hiệu quả trong hợp tác NCKH được Nhà trường xác định thông qua các chỉ số về các đề tài NCKH và sách, bài báo công bố chung, hội thảo khoa học đồng tổ chức, nguồn thu từ hoạt động NCKH và được quy định trong Quy định về lựa chọn đối tác do Nhà trường ban hành [H20.20.03.01].

Hằng năm, nội dung rà soát, đánh giá tính hiệu quả trong hợp tác NCKH của Nhà trường được thể hiện trong báo cáo tổng kết của Trường, của Phòng KH & HTQT [H20.20.03.06], [H20.20.03.07], [H20.20.03.08]. Bên cạnh đó, tại các cuộc họp giao ban giữa BGH với lãnh đạo các đơn vị, BGH Nhà trường yêu cầu các đơn vị đẩy mạnh hoạt động hợp tác NCKH và trên cơ sở đó xác định các biện pháp tăng cường các hoạt động hợp tác và xây dựng các đối tác chiến lược, được thể hiện trong kết luận các cuộc họp và trong kế hoạch năm học của Nhà trường và của các đơn vị [H20.20.03.09], [H20.20.03.10], [H20.20.03.11], [H20.20.03.12].

Nhà trường thực hiện báo cáo thực hiện KHCL giai đoạn 2009-2016 của Trường, trong đó có nội dung đánh giá hiệu quả trong hợp tác NCKH về số lượng đề tài NCKH và sách, bài báo công bố chung với các đối tác, hội thảo khoa học đồng tổ chức với các đối tác, nguồn thu từ hoạt động NCKH [H20.20.03.13], [H20.20.03.14], [H20.20.03.15]. Bên cạnh đó, Nhà trường rà soát, đánh giá hiệu quả trong hợp tác về hoạt động ĐT và thể hiện trong báo cáo thực hiện KHCL giai đoạn 2009-2016 của Trường [H20.20.03.13], [H20.20.03.15]. Trong giai đoạn 2015-2019, Nhà trường có nhiều đề tài NCKH được thực hiện bởi GV Trường và các GV của các trường ĐH khác, nhiều bài báo công bố chung và sách được xuất bản chung [H20.20.03.16], [H20.20.03.17]. Nhà trường tổ chức nhiều hội thảo với các đối tác và thu hút đồng đạo đại biểu tham dự [H20.20.03.18]. Nhà trường đã chuyển giao 2 công trình NCKH cho Tập đoàn Á Châu để áp dụng đối với các trường trong hệ thống với số tiền là 600 triệu đồng [H20.20.03.19]. Bên cạnh đó, nguồn thu từ hoạt động NCKH của CB, GV Nhà trường với các đối tác là: 600 triệu đồng [H20.20.03.19]. Hằng năm, Nhà trường ban hành kế hoạch khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan về hoạt động của Nhà trường [H20.20.03.20], [H20.20.03.21]. Trong nội dung khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan về hoạt động của Nhà trường có khảo sát về hiệu quả hoạt động hợp tác [H20.20.03.20], [H20.20.03.21]. Kết quả khảo sát CB, GV, SV thể hiện mức độ hài lòng về hiệu quả hợp tác của Nhà trường [H20.20.03.22]. Ngoài ra, Nhà trường thu thập ý kiến của các doanh nghiệp sử dụng lao động, của cựu SV về hoạt động hợp tác trong NCKH tại các hội nghị, hội thảo do Trường tổ chức [H20.20.03.23], [H20.20.03.24] [H20.20.03.25].

Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 20.4: Các hoạt động hợp tác và đối tác nghiên cứu được cải thiện để đạt được các mục tiêu nghiên cứu

Nhà trường sử dụng các chỉ số về các đề tài NCKH và sách, bài báo công bố chung, hội thảo khoa học đồng tổ chức, nguồn thu từ hoạt động NCKH để rà soát, đánh giá tính hiệu quả trong hợp tác NCKH [H20.20.04.01], [H20.20.04.03]. Nội dung rà soát, đánh giá tính hiệu quả trong hợp tác NCKH của Nhà trường được thể hiện trong báo cáo tổng kết của Trường, của Phòng KH & HTQT và của các Khoa [H20.20.04.02], [H20.20.04.03], [H20.20.04.04]. Trên cơ sở đó, Nhà trường xác định các biện pháp cải thiện các mối quan hệ trong NCKH, lựa chọn lại các đối tác sau rà soát để đạt được những hiệu quả từ những hoạt động phát triển hợp tác, phát triển đối tác, được thể hiện trong kết luận các cuộc họp và trong kế hoạch năm học của Nhà trường và của các đơn vị [H20.20.04.05], [H20.20.04.06], [H20.20.04.07]. Ngoài ra, trong KHCL hoạt động HTQT giai đoạn 2017-2025, kế hoạch trung hạn hoạt động HTQT giai đoạn 2017-2020 của Nhà trường có các nội dung, biện pháp tăng cường hợp tác trong NCKH [H20.20.04.08], [H20.20.04.09].

Nhà trường quan tâm triển khai nhiều biện pháp tăng cường hợp tác và phát triển các đối tác trong NCKH với kết quả số lượng các đối tác, hợp tác trong NCKH tăng lên, trong đó có nhiều nhà khoa học, nhà tuyển dụng và có thêm các đối tác xứng tầm như: Viện Nghiên cứu Phát triển TP.HCM, Cơ quan tham mưu cho UBND TP.HCM, Tạp chí Việt Nam hội nhập, Viện chính sách pháp luật và quản lý, Trường Tiểu học, THCS & THPT Quốc tế Á Châu [H20.20.04.10], [H20.20.04.11], [H20.20.04.12]. Bên cạnh đó, Nhà trường là thành viên của các tổ chức kiểm định uy tín thế giới của Hoa Kỳ: Hội đồng kiểm định quốc tế các trường đại học đào tạo ngành Kinh doanh (IACBE) và Hiệp hội phát triển giảng dạy doanh thương bậc ĐH (AACSB), đang thực hiện chương trình kiểm định quốc tế của IACBE [H20.20.04.13]. Trong giai đoạn 2015-2019, Nhà trường đã cử nhiều CB, GV, NV tham gia học tập sau đại học ở nước ngoài cũng như tham gia các khóa tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ ở nước ngoài [H20.20.04.14], [H20.20.04.15], [H20.20.04.16]. Nhà trường đón tiếp nhiều GV đến tham quan, làm việc tại Trường và trong giai đoạn 2015-2019, Nhà trường hợp đồng nhiều GV là người nước ngoài giảng dạy, nghiên cứu tại Trường [H20.20.04.17], [H20.20.04.18]. Đối với người học, trong giai đoạn 2015-2019, Nhà trường cử SV tham gia học tập, tham quan tại các trường ĐH ở nước ngoài cũng như đón SV tham gia học tập tại Trường [H20.20.04.19], [H20.20.04.20].

Trong báo cáo tổng kết năm học của Nhà trường, của Phòng KH & HTQT đánh giá kết quả hoạt động hợp tác của Trường đáp ứng được mục tiêu nghiên cứu đã xác định [H20.20.04.02], [H20.20.04.03]. Trong giai đoạn 2015-2019, Nhà trường có nhiều đề tài NCKH được thực hiện bởi GV Trường và các GV của các trường ĐH khác, nhiều bài báo công bố chung và sách được xuất bản chung [H20.20.04.21], [H20.20.04.22]. Nhà trường tổ chức nhiều hội thảo với các đối tác và thu hút đông đảo đại biểu tham dự [H20.20.04.23], [H20.20.04.24], [H20.20.04.25].

Trong Nghị quyết của HĐQT luôn có các chính sách, chỉ đạo về việc tăng cường các hợp tác và đối tác của Trường [H20.20.04.26]. Nhà trường tăng cường kinh phí chi cho các hoạt động hợp tác, đối tác trong nghiên cứu, đầu tư CSVC, trang thiết bị để tăng cường các quan hệ hợp tác với các đối tác để thực hiện NCKH [H20.20.04.27], [H20.20.04.28], [H20.20.04.29]. Nguồn lực của Nhà trường thu được

thông qua hoạt động hợp tác, đối tác tăng lên trong giai đoạn 2015-2019, trong đó số lượng CB, GV được đào tạo, bồi dưỡng thông qua các hợp tác, đối tác tăng lên, đặc biệt, Nhà trường có nguồn thu từ hoạt động NCKH và chuyển giao công nghệ thông qua hợp tác, đối tác [H20.20.04.28], [H20.20.04.30]. Ý kiến khảo sát CB, GV, SV và ý kiến của các doanh nghiệp sử dụng lao động, của cựu SV tại các hội nghị, hội thảo do Nhà trường tổ chức thể hiện đánh giá Tốt về hoạt động hợp tác, đối tác trong NCKH của Trường [H20.20.04.25], [H20.20.04.31], [H20.20.04.32], [H20.20.04.33]. Nhà trường, các đơn vị và CB, GV, SV nhận được nhiều hình thức khen thưởng trong hoạt động hợp tác, đối tác trong nghiên cứu [H20.20.04.34], [H20.20.04.35].

Tự đánh giá: 4/7

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 20:

1. Tóm tắt các điểm mạnh:

- Nhà trường ban hành Quy định về lựa chọn đối tác của Trường, trong đó quy định cụ thể trách nhiệm cụ thể cho các bộ phận, cá nhân trong hoạt động hợp tác, đối tác và sự phối hợp giữa các đơn vị trong hoạt động hợp tác, đối tác của Trường.

- Nhà trường ban hành KHCL hoạt động HTQT giai đoạn 2017-2025, kế hoạch trung hạn hoạt động HTQT giai đoạn 2017-2020 và trên cơ sở đó ban hành kế hoạch năm học, trong đó có các nội dung cụ thể về phát triển và triển khai hợp tác, đối tác trong nghiên cứu.

- Các KPIs về hoạt động hợp tác, đối tác trong nghiên cứu của Nhà trường được xác định và thể hiện trong KHCL hoạt động HTQT giai đoạn 2017-2015, kế hoạch trung hạn hoạt động HTQT giai đoạn 2017-2020 và các kế hoạch năm học.

- Nhà trường thường xuyên quán triệt, chỉ đạo các đơn vị triển khai các hoạt động hợp tác, đối tác trong nghiên cứu theo kế hoạch đã được phê duyệt.

- Các đơn vị của Trường chủ động, tích cực triển khai các hoạt động hợp tác, đối tác trong nghiên cứu, góp phần thực hiện SM, TN của Trường.

- Hàng năm, Nhà trường triển khai rà soát, đánh giá hiệu quả của các đối tác, hợp tác trong NCKH để từ đó áp dụng các biện pháp cải thiện hợp tác, đối tác của Trường.

- Nhà trường ban hành và áp dụng nhiều chính sách, biện pháp nhằm cải thiện và gia tăng các quan hệ hợp tác, đối tác trong nghiên cứu để đạt được SM, TN của Trường.

- Số lượng đối tác, hợp tác nói chung của Trường và số lượng đối tác, hợp tác trong nghiên cứu của Trường gia tăng, trong đó có nhiều đối tác tiềm năng trong NCKH.

- Các hoạt động hợp tác và đối tác làm gia tăng đáng kể về nguồn lực của Trường, trong đó góp phần nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của CB, GV và tăng nguồn thu cho Trường thông qua hoạt động NCKH và chuyển giao công nghệ.

- Các hoạt động hợp tác và đối tác nghiên cứu của Nhà trường trong giai đoạn 2015-2019 được cải thiện và đạt được các mục tiêu nghiên cứu của Trường.

- Ý kiến khảo sát CB, GV, SV và ý kiến của các doanh nghiệp sử dụng lao động, của cựu SV tại các hội nghị, hội thảo do Nhà trường tổ chức thể hiện đánh giá Tốt về hoạt động hợp tác, đối tác trong NCKH của Trường.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại:

Hoạt động hợp tác nghiên cứu với các trường ĐH quốc tế còn hạn chế.

3. Kế hoạch cải tiến:

Từ học kỳ 2 năm học 2019 - 2020, Nhà trường tăng cường chính sách động viên, khuyến khích các Khoa và đội ngũ CB, GV tích cực liên hệ, ký kết, thực hiện các đề tài NCKH với các trường ĐH quốc tế.

4. Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
Tiêu chuẩn 20	4.75
Tiêu chí 20.1	5
Tiêu chí 20.2	5
Tiêu chí 20.3	5
Tiêu chí 20.4	4

Tiêu chuẩn 21: Kết nối và phục vụ cộng đồng

Tiêu chí 21.1. Xây dựng được kế hoạch kết nối và cung cấp các dịch vụ phục vụ cộng đồng để thực hiện tầm nhìn và sứ mạng của CSGD

ĐHQT Nhà trường luôn quan tâm chỉ đạo, định hướng về hoạt động kết nối PVCĐ và thể hiện thông qua Nghị quyết của ĐHQT [H21.21.01.01]. Trong KHCL Trường Đại học Quốc tế Sài Gòn giai đoạn 2009-2016 tầm nhìn 2020, KHCL Trường Đại học Quốc tế Sài Gòn giai đoạn 2017-2025 tầm nhìn 2030, kế hoạch trung hạn giai đoạn 2017-2020 đã được ban hành có các chính sách, chỉ tiêu về hoạt động kết nối và PVCĐ [H21.21.01.02], [H21.21.01.03], [H21.21.01.04]. Trên cơ sở đó, trong kế hoạch năm học hàng năm của Nhà trường và của các đơn vị có các nội dung cụ thể về hoạt động kết nối và PVCĐ [H21.21.01.05]. Bên cạnh đó, các đơn vị xây dựng các kế hoạch cụ thể về hoạt động kết nối và PVCĐ để thực hiện tầm nhìn và sứ mạng của Trường [H21.21.01.06], [H21.21.01.07], [H21.21.01.08].

Trong Quy chế tổ chức và hoạt động của Nhà trường có thể hiện chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị trong việc thực hiện hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ PVCĐ [H21.21.01.09]. Bên cạnh đó, Nhà trường xây dựng và ban hành quy định về hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ PVCĐ của Trường và thông báo đến các đơn vị thực hiện [H21.21.01.10], [H21.21.01.11]. Theo đó, Phòng Đào tạo là đơn vị chủ trì và phối hợp với các Khoa để thực hiện nhiệm vụ đào tạo đáp ứng nhu cầu của cộng đồng; Phòng KH & HTQT là đơn vị chủ trì và phối hợp với các Khoa thực hiện nhiệm vụ NCKH đáp ứng nhu cầu của cộng đồng; Phòng TS&CTSV là đơn vị chủ trì và phối hợp với Công đoàn, các Câu lạc bộ thực hiện các hoạt động PVCĐ [H21.21.01.10]. Trong kế hoạch năm học hàng năm của Nhà trường đồng thời giao trách nhiệm cụ thể cho các đơn vị triển khai các hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ PVCĐ theo đúng các văn bản quy định của pháp luật cũng như quy định của Trường [H21.21.01.05]. Trong văn bản quy định về hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ PVCĐ do Nhà trường ban hành đồng thời giao nhiệm vụ cho Phòng TS&CTSV là đơn vị theo dõi, giám sát việc triển khai các hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ PVCĐ của toàn Trường và các đơn vị tham gia có trách nhiệm theo dõi, giám sát việc triển khai các hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ PVCĐ do đơn vị thực hiện nhằm đảm bảo tuân thủ các quy định [H21.21.01.12], [H21.21.01.13], [H21.21.01.14], [H21.21.01.15].

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được quy định trong Quy chế tổ chức và hoạt động của Nhà trường và trách nhiệm được xác định trong Quy định về hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ PVCĐ của Trường, các đơn vị tham mưu ban hành chính sách, xây dựng kế hoạch và triển khai các hoạt động cụ thể về kết nối và cung cấp các dịch vụ PVCĐ [H21.21.01.09], [H21.21.01.10]. Theo đó, Phòng Đào tạo là chủ trì và phối hợp với các Khoa xây dựng kế hoạch và thực hiện các hoạt động đào tạo đáp ứng nhu cầu của cộng đồng; Phòng KH & HTQT chủ trì và phối hợp với các Khoa xây dựng kế hoạch và thực hiện các hoạt động NCKH đáp ứng nhu cầu của cộng đồng; Phòng TS&CTSV chủ trì và phối hợp với Phòng HC-DVSV, Công đoàn, Đoàn thanh niên, các câu lạc bộ xây dựng kế hoạch và thực hiện các hoạt động PVCĐ [H21.21.01.09], [H21.21.01.10]. Trên cơ sở đó, các đơn vị của Trường xây dựng, triển khai các hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ PVCĐ theo kế hoạch đã được phê duyệt [H21.21.01.16], [H21.21.01.17], [H21.21.01.18]. Nhà trường và các đơn vị ký kết hợp tác với nhiều công ty, tổ chức, trường đại học trong và ngoài nước để triển khai các

hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ PVCĐ [H21.21.01.19]. Hàng năm, Nhà trường đều dành kinh phí cho các hoạt động kết nối cung cấp các dịch vụ PVCĐ [H21.21.01.20], [H21.21.01.21]. Ngoài ra, Nhà trường tăng cường đầu tư CSVC, trang thiết bị nhằm phục vụ tốt hoạt động kết nối cung cấp các dịch vụ PVCĐ [H21.21.01.22].

Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 21.2. Các chính sách và hướng dẫn cho hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng được thực hiện

Nhà trường thông báo Quy định về hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ PVCĐ đến các đơn vị để triển khai thực hiện [H21.21.02.01], [H21.21.02.02]. Tại cuộc họp giao ban đầu năm học và giao ban định kỳ giữa BGH với lãnh đạo các đơn vị, BGH yêu cầu và quán triệt các đơn vị tập trung triển khai các hoạt động kết nối và PVCĐ theo kế hoạch đã được phê duyệt [H21.21.02.03]. Nhà trường và các đơn vị chủ động ký kết với nhiều công ty, tổ chức, trường đại học trong và ngoài nước để triển khai các hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ PVCĐ [H21.21.02.04]. Phòng Đào tạo chủ trì và phối hợp với các Khoa tổ chức nhiều hoạt động đào tạo đáp ứng nhu cầu của cộng đồng như: các chương trình hội thảo về chuyên môn, kiến thức xã hội, kỹ năng nghề nghiệp, cơ hội nghề nghiệp trong nước lẫn quốc tế [H21.21.02.05], [H21.21.02.06], [H21.21.02.09]. Phòng KH & HTQT chủ trì và phối hợp với các Khoa thực hiện nhiều hoạt động NCKH và chuyển giao công nghệ đáp ứng nhu cầu của cộng đồng, nhà trường đã chuyển giao thành công 02 công trình NCKH là: Phương án, giải pháp “Thực trạng, tác hại và biện pháp phòng chống bệnh giun truyền qua đất” và phương án, giải pháp “Thực trạng và giải pháp phòng chống lây nhiễm bệnh tay - chân - miệng ở trẻ em” cho Tập đoàn Giáo dục Á Châu để áp dụng đối với các trường trong hệ thống với số tiền là 600.000.000 đồng [H21.21.02.05], [H21.21.02.06], [H21.21.02.10], [H21.21.02.12]. Phòng TS&CTSV chủ trì và phối hợp với Phòng HC-DVSV, Công đoàn, Đoàn thanh niên, các CLB SV thực hiện nhiều hoạt động PVCĐ như: các chương trình thiện nguyện, hướng nghiệp, tuyển sinh, những chương trình định hướng nghề nghiệp [H21.21.02.05], [H21.21.02.06], [H21.21.02.07], [H21.21.02.08], [H21.21.02.11]. Bộ phận tham vấn tâm lý và hướng nghiệp của Nhà trường đã triển khai nhiều hoạt động tư vấn hỗ trợ học sinh của các trường THPT, THCS, tiểu học của Tập đoàn Giáo dục Á Châu và trên địa bàn TP. HCM [H21.21.02.13], [H21.21.02.14]. Hàng năm, Nhà trường đều dành kinh phí cho các hoạt động kết nối cung cấp các dịch vụ PVCĐ [H21.21.02.15], [H21.21.02.16]. Ngoài ra, Nhà trường tăng cường đầu tư CSVC, trang thiết bị nhằm phục vụ tốt hoạt động kết nối cung cấp các dịch vụ PVCĐ [H21.21.02.17]. Trong quá trình soạn thảo và họp thông qua Quy định về hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ PVCĐ, Nhà trường xem xét và chú trọng tuân thủ các văn bản quy định của Bộ GD&ĐT về hoạt động kết nối và PVCĐ [H21.21.02.18]. Trong các cuộc họp giao ban giữa BGH với lãnh đạo các đơn vị, Nhà trường luôn giám sát, quán triệt việc tuân thủ các quy định của pháp luật trong quá trình thực hiện các hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ PVCĐ [H21.21.02.03].

Trong giai đoạn 2015-2019, các hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ PVCĐ của Nhà trường luôn tuân thủ các quy định của pháp luật [H21.21.02.18], [H21.21.02.19], [H21.21.02.20], [H21.21.02.21]. Nhà trường và các đơn vị, cá nhân CB, GV, NV và SV đã được nhận nhiều hình thức khen thưởng các cấp và giấy chứng

nhận của Nhà trường vì đã có thành tích xuất sắc trong hoạt động kết nối và PVCĐ như: Bằng khen của Chủ tịch UBND TP.HCM vì đã có thành tích hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm học 2017-2018 góp phần tích cực trong phong trào thi đua của thành phố [H21.21.02.22], [H21.21.02.23], [H21.21.02.24].

Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 21.3. Triển khai được hệ thống đo lường, giám sát việc kết nối và phục vụ cộng đồng

Trong Quy định về hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ PVCĐ do Nhà trường ban hành có quy định chỉ số đo lường kết quả kết nối và PVCĐ, trong đó tập trung ở mức độ hài lòng của đối tượng thụ hưởng, theo đúng kế hoạch đã ban hành, hướng đến TN và SM của Trường, tuân thủ đúng quy định của pháp luật và của Trường [H21.21.03.01], [H21.21.03.02], [H21.21.03.03], [H21.21.03.04], [H21.21.03.05]. Bên cạnh đó, trong KHCL Trường Đại học Quốc tế Sài Gòn giai đoạn 2009-2016 tầm nhìn 2020, KHCL Trường Đại học Quốc tế Sài Gòn giai đoạn 2017-2025 tầm nhìn 2030, kế hoạch trung hạn giai đoạn 2017-2020, kế hoạch năm học của Trường và của các đơn vị luôn có các chỉ số để đánh giá hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ PVCĐ [H21.21.03.06], [H21.21.03.07], [H21.21.03.08], [H21.21.03.09], [H21.21.03.10], [H21.21.03.11], [H21.21.03.12].

Phòng TS&CTSV là đơn vị xây dựng CSDL về hoạt động PVCĐ của toàn trường [H21.21.03.13], [H21.21.03.14], [H21.21.03.15], [H21.21.03.16]. Trên cơ sở đó, Phòng TS&CTSV phân công 01 nhân sự xây dựng CSDL về hoạt động PVCĐ của toàn trường và cập nhật hàng năm [H21.21.03.15], [H21.21.03.17], [H21.21.03.18]. Từng học kỳ và kết thúc năm học, các đơn vị tham gia PVCĐ báo cáo dữ liệu hoạt động PVCĐ đã thực hiện để Phòng TS&CTSV cập nhật CSDL chung về hoạt động PVCĐ của Trường [H21.21.03.17], [H21.21.03.18].

Nhà trường phân công Phòng TS&CTSV là đơn vị theo dõi, giám sát việc triển khai các hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ PVCĐ của toàn trường [H21.21.03.05], [H21.21.03.13], [H21.21.03.14], [H21.21.03.15]. Bên cạnh đó, các đơn vị tham gia PVCĐ giám sát các hoạt động PVCĐ do đơn vị thực hiện [H21.21.03.05]. Trong các cuộc họp giao ban định kỳ giữa BGH với lãnh đạo các đơn vị, BGH Nhà trường yêu cầu các đơn vị báo cáo kết quả thực hiện các hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ PVCĐ [H21.21.03.19]. Ngoài ra, các hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ PVCĐ của Nhà trường được giám sát bởi đội ngũ CB, GV, NV, SV và thể hiện qua Hội nghị Người lao động hàng năm cũng như diễn đàn đối thoại hàng năm giữa lãnh đạo Nhà trường với SV [H21.21.03.20], [H21.21.03.21].

Hàng năm, Phòng TS&CTSV tiến hành đối sánh kết quả hoạt động kết nối và PVCĐ đã đạt được so với chỉ tiêu đã xác định trong kế hoạch năm học cũng như so với quy định của Trường [H21.21.03.22], [H21.21.03.23]. Bên cạnh đó, Phòng TS&CTSV đối sánh kết quả hoạt động kết nối và PVCĐ đã đạt được trong năm học so với năm học trước [H21.21.03.24]. Đồng thời, Phòng TS&CTSV đối sánh kết quả hoạt động kết nối và PVCĐ của Trường so với tiêu chuẩn đánh giá chất lượng trường đại học do Bộ GD&ĐT ban hành cũng như so với Trường Đại học Công nghệ TP.HCM [H21.21.03.25], [H21.21.03.26].

Nhà trường phân công Phòng KT&ĐBCL là đơn vị chủ trì và phối hợp với các Khoa để thực hiện khảo sát ý kiến của CB, GV, SV của Trường, trong đó có nội dung

đánh giá về hoạt động kết nối và PVCĐ [H21.21.03.27], [H21.21.03.28], [H21.21.03.29]. Kết quả khảo sát CB, GV, SV về hoạt động kết nối và PVCĐ của Trường thể hiện mức độ hài lòng trên 75% ý kiến được khảo sát [H21.21.03.30]. Ngoài ra, ý kiến của các doanh nghiệp sử dụng lao động, của cựu SV tại các hội nghị, hội thảo do Nhà trường tổ chức cũng như ý kiến của CB, GV tại hội nghị người lao động hàng năm và ý kiến của SV tại diễn đàn đối thoại hàng năm giữa lãnh đạo Nhà trường với SV thể hiện mức độ hài lòng về kết quả hoạt động kết nối và PVCĐ của Trường [H21.21.03.20], [H21.21.03.21], [H21.21.03.31], [H21.21.03.32]. Nhà trường và các đơn vị tham gia PVCĐ nhận được các hình thức khen thưởng, thư cảm ơn của các đơn vị thụ hưởng sản phẩm do Nhà trường cung cấp [H21.21.03.33], [H21.21.03.34], [H21.21.03.35], [H21.21.03.36]. Trong báo cáo tổng kết hàng năm của Nhà trường và của các đơn vị luôn có nội dung đánh giá hiệu quả các hoạt động kết nối và PVCĐ [H21.21.03.37], [H21.21.03.38], [H21.21.03.39]. Trên cơ sở đó, Nhà trường có nhiều đầu tư cho hoạt động PVCĐ của Trường nhằm tăng cường hiệu quả của hoạt động PVCĐ [H21.21.03.40], [H21.21.03.41], [H21.21.03.42]. Trong giai đoạn 2015-2019, Nhà trường tổ chức hiệu quả nhiều hoạt động kết nối và PVCĐ [H21.21.03.43], [H21.21.03.44], [H21.21.03.45].

Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 21.4. Việc cung cấp các dịch vụ phục vụ và kết nối cộng đồng được cải tiến để đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan

Trong KHCL của Nhà trường giai đoạn 2009-2016 tầm nhìn 2020, KHCL Nhà trường giai đoạn 2017-2025 tầm nhìn 2030, kế hoạch trung hạn giai đoạn 2017-2020 đã được ban hành có các nội dung cụ thể về hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ PVCĐ [H21.21.04.01], [H21.21.04.02], [H21.21.04.03], Bên cạnh đó, trong kế hoạch năm học hàng năm của Nhà trường và của các đơn vị có các nội dung cụ thể về hoạt động kết nối và PVCĐ [H21.21.04.04], [H21.21.04.05], [H21.21.04.06], [H21.21.04.07]. Trên cơ sở đó, các đơn vị xây dựng các kế hoạch cụ thể về hoạt động kết nối và PVCĐ để thực hiện tầm nhìn và sứ mạng của Trường [H21.21.04.08], [H21.21.04.09], [H21.21.04.10]. Phòng Đào tạo chủ trì và phối hợp với các Khoa xây dựng kế hoạch và thực hiện các hoạt động đào tạo đáp ứng nhu cầu của cộng đồng [H21.21.04.04], [H21.21.04.05], [H21.21.04.08]. Phòng KH & HTQT chủ trì và phối hợp với các Khoa xây dựng kế hoạch và thực hiện các hoạt động NCKH đáp ứng nhu cầu của cộng đồng [H21.21.04.04], [H21.21.04.05], [H21.21.04.09]. Phòng TS&CTSV chủ trì và phối hợp với Phòng HC-DVSV, Công đoàn, các CLB SV xây dựng kế hoạch và thực hiện các hoạt động PVCĐ [H21.21.04.04], [H21.21.04.05], [H21.21.04.06], [H21.21.04.07], [H21.21.04.10]. Các đơn vị triển khai các hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ PVCĐ theo đúng Quy định về hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ PVCĐ do Nhà trường ban hành [H21.21.04.11].

Căn cứ báo cáo tổng kết kết quả hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ PVCĐ hàng năm, kết quả khảo sát kiến phản hồi, đánh giá của các bên liên quan cũng như kết quả đối sánh về kết quả hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ PVCĐ, BGH Nhà trường họp với lãnh đạo các đơn vị để rà soát, điều chỉnh hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ PVCĐ đồng thời xác định các nội dung cải tiến nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ PVCĐ của Trường và thể hiện trong kế hoạch năm học tiếp theo [H21.21.04.06], [H21.21.04.11], [H21.21.04.12], [H21.21.04.13], [H21.21.04.14], [H21.21.04.15], [H21.21.04.16], [H21.21.04.17],

[H21.21.04.18], [H21.21.04.19]. Nhà trường tăng cường kinh phí, đầu tư CSVC, trang thiết bị cho hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ PVCĐ hàng năm [H21.21.04.20], [H21.21.04.21], [H21.21.04.22]. Bên cạnh đó, các đơn vị tham gia hoạt động kết nối và PVCĐ của Trường đã triển khai nhiều biện pháp, nội dung cải tiến như: tiêu chí PVCĐ được xem là tiêu chí đánh giá và xem xét các mức độ khen thưởng đối với đội ngũ CB, GV, NV Nhà trường; các đơn vị thường xuyên tổ chức các cuộc họp đề vận động, khuyến khích CB, GV, NV tham gia các hoạt động PVCĐ của Nhà trường [H21.21.04.23]. Phòng KH&HTQT đã tiến hành chuyển giao công nghệ NCKH cho Tập đoàn Giáo dục Á Châu; Phòng TS&CTSV xây dựng chương trình tư vấn tâm lý phòng thi cho học sinh khối 12 trên địa bàn tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu hay tổ chức chương trình định hướng nghề nghiệp cho học sinh THPT trên địa bàn; Phòng ĐT đã tổ chức tập huấn phương pháp giảng dạy tiếng Anh cho giáo viên THPT thuộc Tập đoàn Giáo dục Quốc tế Á Châu và trên địa bàn TP.HCM; các CLB đã gia tăng hoạt động thiện nguyện [H21.21.04.24], [H21.21.04.25].

Kết quả khảo sát ý kiến của CB, GV, SV về hoạt động kết nối và PVCĐ của Trường thể hiện mức độ hài lòng trên 75% ý kiến được khảo sát [H21.21.04.15]. Ngoài ra, ý kiến của các doanh nghiệp sử dụng lao động, của cựu SV tại các hội nghị, hội thảo do Nhà trường tổ chức cũng như ý kiến của CB, GV tại hội nghị người lao động hàng năm và ý kiến của SV tại diễn đàn đối thoại hàng năm giữa lãnh đạo Nhà trường với SV thể hiện mức độ hài lòng về kết quả hoạt động kết nối và PVCĐ của Trường [H21.21.04.16], [H21.21.04.17], [H21.21.04.18], [H21.21.04.19]. Nhà trường và các đơn vị tham gia PVCĐ nhận được các hình thức khen thưởng, thư cảm ơn của các đơn vị thụ hưởng sản phẩm do Nhà trường cung cấp [H21.21.04.26], [H21.21.04.27], [H21.21.04.28], [H21.21.04.29]. Trong giai đoạn 2015-2019, hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ PVCĐ của Nhà trường được cải tiến qua từng năm và góp phần thực hiện thành công SM, TN của Trường [H21.21.04.23], [H21.21.04.24], [H21.21.04.25].

Tự đánh giá: 5/7

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 21:

1. Tóm tắt các điểm mạnh:

- Nhà trường ban hành và áp dụng nhiều chính sách ưu tiên cho hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ PVCĐ, đồng thời xây dựng các kế hoạch cụ thể để triển khai hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ PVCĐ.

- Căn cứ các văn bản quy định của Bộ GD&ĐT, Nhà trường ban hành Quy định về hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ PVCĐ của Trường và thông báo đến các đơn vị để thực hiện.

- Các đơn vị của Nhà trường chủ động xây dựng kế hoạch và triển khai các hoạt động PVCĐ một cách hiệu quả, góp phần thực hiện SM, TN của Trường.

- Nhà trường luôn dành kinh phí hàng năm cho hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ PVCĐ, đồng thời quan tâm đầu tư CSVC, trang thiết bị nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ PVCĐ.

- Nhà trường phân công trách nhiệm cụ thể cho các đơn vị trong việc thực hiện, giám sát, xây dựng cơ sở dữ liệu, đánh giá hiệu quả hoạt động kết nối và PVCĐ của Trường và của các đơn vị thực hiện.

- Trong giai đoạn 2015-2019, Nhà trường và các đơn vị tổ chức đa dạng, hiệu quả hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ PVCD.

- Hàng năm, Nhà trường tiến hành đối sánh, khảo sát ý kiến của các bên liên quan. đánh giá kết quả và hiệu quả hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ PVCD và trên cơ sở đó áp dụng các biện pháp cải tiến các hoạt động PVCD.

- Nhà trường áp dụng nhiều biện pháp cải tiến hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ PVCD với hiệu quả, kết quả hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ PVCD của Trường tăng qua từng năm.

- Trung tâm Tham vấn học đường của Nhà trường đã triển khai nhiều hoạt động tư vấn hỗ trợ học sinh của các trường THPT, THCS, tiểu học của Tập đoàn Giáo dục Á Châu và trên địa bàn TP. HCM.

- Kết quả khảo sát các bên liên quan thể hiện mức độ hài lòng về kết quả hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ PVCD của Nhà trường.

- Nhà trường và các đơn vị tham gia PVCD nhận được các hình thức khen thưởng, thư cảm ơn của các đơn vị thụ hưởng sản phẩm do Nhà trường cung cấp.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại:

Do tổ chức Đoàn Thanh niên, Hội SV của Nhà trường chưa được thành lập nên phần nào ảnh hưởng đến kết quả của hoạt động PVCD của Trường.

3. Kế hoạch cải tiến:

Trong học kỳ 2 năm học 2019-2020, Nhà trường tích cực đẩy mạnh việc thành lập Đoàn Thanh niên, Hội SV của Nhà trường để nâng cao hiệu quả, kết quả các hoạt động PVCD của Trường.

4. Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
Tiêu chuẩn 21	5
Tiêu chí 21.1	5
Tiêu chí 21.2	5
Tiêu chí 21.3	5
Tiêu chí 21.4	5

Tiêu chuẩn 22. Kết quả đào tạo

Tiêu chí 22.1. Tỷ lệ người học đạt yêu cầu và tỷ lệ thôi học của tất cả các CTĐT, các môn học được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến

Nhà trường phân công Phòng ĐT là đơn vị chủ trì xây dựng kế hoạch giảng dạy toàn trường [H22.22.01.01], [H22.22.01.02], [H22.22.01.03], [H22.22.01.04]. Trong quá trình xây dựng và phát triển CTĐT, các Khoa xác định kế hoạch đào tạo trong toàn khóa học, gửi về Phòng ĐT để tổng hợp thành kế hoạch đào tạo toàn khóa học cho tất cả các CTĐT của toàn trường [H22.22.01.05], [H22.22.01.06], [H22.22.01.07], [H22.22.01.08], [H22.22.01.09], [H22.22.01.10], [H22.22.01.11], [H22.22.01.12], [H22.22.01.13]. Căn cứ kết quả thống kê tỷ lệ tốt nghiệp, tỷ lệ thôi học của tất cả các CTĐT của nhà trường thông qua việc sử dụng phần mềm quản lý đào tạo, Phòng ĐT xác định dự kiến tỷ lệ tốt nghiệp, tỷ lệ thôi học của tất cả các CTĐT của Trường, thông qua cuộc họp với Ban chủ nhiệm các Khoa với sự chủ trì của BGH để thống nhất về dự kiến tỷ lệ tốt nghiệp, tỷ lệ thôi học của tất cả các CTĐT của Trường [H22.22.01.15], [H22.22.01.16]. Dựa trên cơ sở thống nhất với các khoa tại cuộc họp, Phòng ĐT xác định tỷ lệ tốt nghiệp, tỷ lệ thôi học của tất cả các CTĐT của Trường trong khóa học và thể hiện trong kế hoạch đào tạo. BGH Nhà trường ký ban hành kế hoạch đào tạo trong đó có xác định tỷ lệ tốt nghiệp, tỷ lệ thôi học của tất cả các CTĐT của Trường, thông báo đến các đơn vị để triển khai thực hiện [H22.22.01.14], [H22.22.01.17]. Đồng thời, hằng năm, Nhà trường thông báo kế hoạch đào tạo của năm học và thời khóa biểu đến các Khoa để thực hiện [H22.22.01.18], [H22.22.01.19].

Nhà trường phân công Phòng ĐT là đơn vị chủ trì việc theo dõi, giám sát, đánh giá tỷ lệ tốt nghiệp, tỷ lệ thôi học của tất cả các CTĐT; tỷ lệ học lại, thi lại các môn học để có biện pháp cải tiến chất lượng phù hợp [H22.22.01.01], [H22.22.01.02], [H22.22.01.03], [H22.22.01.04]. Phòng ĐT sử dụng phần mềm quản lý đào tạo để thống kê, theo dõi, giám sát, đánh giá tỷ lệ tốt nghiệp, tỷ lệ thôi học của tất cả các CTĐT; tỷ lệ học lại, thi lại các môn học của Trường [H22.22.01.15], [H22.22.01.16]. Bên cạnh đó, Nhà trường phân công các Khoa theo dõi, giám sát, đánh giá tỷ lệ tốt nghiệp, tỷ lệ thôi học của tất cả các CTĐT; tỷ lệ học lại, thi lại các môn học đối với SV của Khoa quản lý [H22.22.01.20], [H22.22.01.21]. Ngoài ra, đội ngũ CVHT của Nhà trường được giao nhiệm vụ theo dõi, giám sát tỷ lệ tốt nghiệp, tỷ lệ thôi học của tất cả các CTĐT; tỷ lệ học lại, thi lại các môn học đối với SV của lớp được phân công phụ trách [H22.22.01.22], [H22.22.01.23]. Định kỳ từng học kỳ và cuối mỗi năm học, Phòng ĐT thống kê tỷ lệ tốt nghiệp, tỷ lệ thôi học của tất cả các CTĐT; tỷ lệ học lại, thi lại các môn học thông qua việc sử dụng phần mềm quản lý đào tạo [H22.22.01.15], [H22.22.01.16].

Căn cứ kết quả thống kê tỷ lệ tốt nghiệp, tỷ lệ thôi học của tất cả các CTĐT; tỷ lệ học lại, thi lại các môn học, Phòng ĐT đối sánh tỷ lệ tốt nghiệp, tỷ lệ thôi học của tất cả các CTĐT; tỷ lệ học lại, thi lại các môn học so với tỷ lệ đã được dự đoán trong kế hoạch năm học, đồng thời Phòng ĐT đối sánh tỷ lệ tốt nghiệp, tỷ lệ thôi học của tất cả các CTĐT; tỷ lệ học lại, thi lại các môn học của năm học so với năm học trước cũng như giữa các CTĐT của Trường [H22.22.01.24], [H22.22.01.25], [H22.22.01.26]. Ngoài ra, kết quả về tỷ lệ tốt nghiệp, thôi học của tất cả các CTĐT; tỷ lệ học lại, thi lại các môn học được thể hiện trong báo cáo tổng kết năm học của Nhà trường cũng như của các Khoa và Phòng ĐT [H22.22.01.27], [H22.22.01.28], [H22.22.01.29]. Hàng năm, Nhà trường tổ chức họp giữa Phòng ĐT và các Khoa để xem xét, rà soát,

điều chỉnh tỷ lệ tốt nghiệp, tỷ lệ thôi học của tất cả các CTĐT [H22.22.01.11]. Đồng thời, tỷ lệ tốt nghiệp, tỷ lệ thôi học của tất cả các CTĐT của Trường được đề cập đến tại hội nghị công tác đào tạo do Nhà trường tổ chức [H22.22.01.30], [H22.22.01.31].

Trong các nghị quyết hàng năm của HĐQT, kế hoạch năm học của Nhà trường và của các đơn vị, các Khoa luôn có các nội dung cần thực hiện nhằm tăng tỷ lệ tốt nghiệp; giảm tỷ lệ học lại, thi lại học phần của SV cũng như áp dụng các chế độ, biện pháp khuyến khích SV học tập [H22.22.01.32], [H22.22.01.33], [H22.22.01.34], [H22.22.01.35]. Nhà trường tăng cường đầu tư CSVC, trang thiết bị nhằm tạo điều kiện thuận lợi để SV học tập tốt [H22.22.01.36]. Bên cạnh đó, Nhà trường chú trọng điều chỉnh CTĐT, yêu cầu GV đổi mới phương pháp dạy học, đổi mới hình thức kiểm tra đánh giá đa dạng như: làm đồ án, thuyết trình, tiểu luận, tổ chức sự kiện môn học nhằm tích cực hóa hoạt động học tập của SV [H22.22.01.12], [H22.22.01.13], [H22.22.01.37], [H22.22.01.38]. Nhà trường áp dụng nhiều hình thức hỗ trợ SV, chú trọng trang bị các kỹ năng mềm để SV tự tin, tích cực học tập [H22.22.01.39]. Ngoài ra, Nhà trường tăng cường liên kết với các doanh nghiệp, trong các hoạt động tham quan, thực tập thực tế, thực tập tốt nghiệp để hỗ trợ SV rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp và trong việc tìm kiếm việc làm sau khi tốt nghiệp cũng như công việc bán thời gian nhằm tạo động lực để SV tích cực học tập [H22.22.01.40], [H22.22.01.41], [H22.22.01.42], [H22.22.01.43]. Với việc áp dụng nhiều biện pháp cải tiến chất lượng, tỷ lệ học lại, thi lại các môn học giảm dần qua từng năm [H22.22.01.24], [H22.22.01.25], [H22.22.01.26], [H22.22.01.27], [H22.22.01.28], [H22.22.01.29].

22.1. Bảng thống kê tỷ lệ sinh viên thi lại, học lại qua các năm

Năm học	Năm học 2014-2015		Năm học 2015-2016		Năm học 2016-2017		Năm học 2017-2018		Năm học 2018-2019	
	HKI	HKII	HKI	HKII	HKI	HKII	HKI	HKII	HKI	HKII
Tỷ lệ SV học tập yếu kém	26.9%	38.2%	29.8%	27.4%	25.5%	24.9%	20.5%	27.4%	25.3%	15.9%
Tỷ lệ SV thi lại	11.04%	16.40%	15.94%	12.50%	15.25%	17.15%	14.06%	11.69%	10.86%	10.97%
Tỷ lệ SV học lại	7.15%	11.11%	9.92%	6.04%	7.80%	5.42%	6.65%	7.01%	6.81%	5.54%
Tỷ lệ SV bỏ học	2.77%	6.92%	6.97%	10.45%	5.23%	7.69%	6.55%	12.59%	5.27%	8.02%

Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 22.2. Thời gian tốt nghiệp trung bình cho tất cả các CTĐT được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến

Căn cứ Quy định phân công trách chức năng, nhiệm vụ các đơn vị trong Trường, Phòng ĐT được phân công là đơn vị chủ trì trong việc xây dựng kế hoạch giảng dạy toàn trường [H22.22.02.01], [H22.22.02.02], [H22.22.02.03],

[H22.22.02.04]. Trong quá trình xây dựng chương trình đào tạo, Nhà trường đã thiết kế CTĐT, bố trí các học phần một cách hợp lý đảm bảo khối lượng kiến thức và thời gian tốt nghiệp cho SV [H22.22.02.05], [H22.22.02.06], [H22.22.02.07]. Thời gian tốt nghiệp trung bình cho người học được quy định trong tất cả CTĐT là 4 năm và thời gian tối đa để người học tốt nghiệp CTĐT là 8 năm [H22.22.02.07], [H22.22.02.08]. Hàng năm, Phòng ĐT sử dụng phần mềm quản lý đào tạo để thống kê thời gian tốt nghiệp trung bình của người học đối với các CTĐT [H22.22.02.09], [H22.22.02.10]. Trên cơ sở đó, Nhà trường tổ chức họp giữa Phòng ĐT và các Khoa để dự đoán, xác lập thời gian tốt nghiệp trung bình cho người học đối với tất cả các CTĐT và được thể hiện trong kế hoạch đào tạo của Trường [H22.22.02.08], [H22.22.02.11], [H22.22.02.12]. Đồng thời, hàng năm, Nhà trường thông báo kế hoạch đào tạo của năm học và thời khóa biểu đến các Khoa để thực hiện [H22.22.01.13], [H22.22.01.14].

Nhà trường phân công Phòng ĐT là đơn vị chủ trì việc theo dõi, giám sát, đánh giá thời gian tốt nghiệp trung bình của người học để có biện pháp cải tiến chất lượng phù hợp [H22.22.02.01], [H22.22.02.02], [H22.22.02.03], [H22.22.02.04]. Phòng ĐT sử dụng phần mềm quản lý đào tạo để thống kê, theo dõi, giám sát, đánh giá thời gian tốt nghiệp trung bình của người học ở tất cả các CTĐT [H22.22.02.09], [H22.22.02.10]. Bên cạnh đó, Nhà trường phân công các Khoa theo dõi, giám sát, đánh giá thời gian tốt nghiệp trung bình của người học ở các CTĐT do Khoa quản lý [H22.22.02.15], [H22.22.02.16]. Định kỳ cuối mỗi năm học, Phòng ĐT sử dụng phần mềm quản lý đào tạo để thống kê và báo cáo kết quả về thời gian tốt nghiệp trung bình của người học ở tất cả các CTĐT của Trường để Nhà trường có các biện pháp cải tiến nhằm giảm thời gian tốt nghiệp của người học đối với các CTĐT [H22.22.02.09], [H22.22.02.10].

Căn cứ kết quả thống kê thời gian tốt nghiệp trung bình của người học của tất cả các CTĐT hàng năm, Phòng ĐT đối sánh thời gian tốt nghiệp trung bình của người học so với thời gian tốt nghiệp trung bình của người học đã được dự đoán và thể hiện trong kế hoạch đào tạo, đồng thời đối sánh thời gian tốt nghiệp trung bình của người học của năm học so với năm học trước cũng như giữa các CTĐT của Trường [H22.22.02.17], [H22.22.02.18], [H22.22.02.19]. Ngoài ra, kết quả về thời gian tốt nghiệp trung bình của người học của các CTĐT được thể hiện trong báo cáo tổng kết năm học của Nhà trường cũng như của các Khoa và Phòng ĐT [H22.22.02.20], [H22.22.02.21], [H22.22.02.22]. Hàng năm, Nhà trường tổ chức họp giữa Phòng ĐT và các Khoa để xem xét, rà soát, điều chỉnh thời gian tốt nghiệp trung bình của người học của tất cả các CTĐT [H22.22.02.11]. Đồng thời, thời gian tốt nghiệp trung bình của người học của Trường được đề cập đến tại hội nghị công tác đào tạo do Nhà trường tổ chức [H22.22.01.23], [H22.22.01.24].

Trong các nghị quyết hàng năm của HĐQT, kế hoạch năm học của Nhà trường và của các đơn vị, các Khoa luôn có các nội dung cần thực hiện nhằm giảm thời gian tốt nghiệp trung bình của người học của tất cả các CTĐT [H22.22.02.25], [H22.22.02.26], [H22.22.02.27], [H22.22.02.28]. Phòng ĐT phối hợp với các Khoa rà soát, điều chỉnh CTĐT với mục đích nhằm tăng cường tính chủ động cho người học để từ đó người học có thể rút ngắn thời gian tốt nghiệp CTĐT [H22.22.02.06], [H22.22.02.07]. Từ năm học 2019-2020, Nhà trường áp dụng học kỳ phụ để SV có thể đăng ký học tập và rút ngắn thời gian tốt nghiệp CTĐT [H22.22.02.13]. Đối với SV chưa tốt nghiệp đúng tiến độ đa số do sinh viên thiếu chứng chỉ điều kiện tiếng Anh,

Nhà trường đã tăng cường các hoạt động thực hành trong các học phần tiếng Anh và giảng viên tiếng Anh hỗ trợ hướng dẫn cung cấp tài luyện, hướng dẫn các kỹ năng ngôn ngữ nhằm giúp sinh viên đủ điều kiện xét tốt nghiệp trong thời gian đào tạo quy định [H22.22.02.29]. Ngoài ra, Nhà trường áp dụng nhiều biện pháp hỗ trợ SV như có chính sách học bổng cho sinh viên đạt kết quả học tập tốt tạo động lực cho sinh viên phấn đấu tích cực học tập tăng cường trang bị cho SV các kỹ năng mềm, tăng cường liên kết với các doanh nghiệp trong các hoạt động gắn kết thực tiễn trong đào tạo nhằm tạo điều kiện để SV tích cực học tập và từ đó rút ngắn thời gian tốt nghiệp CTĐT [H22.22.02.30]. Đội ngũ CVHT của Nhà trường thường xuyên theo dõi, giám sát, động viên SV tích cực học tập nhằm đảm bảo và rút ngắn thời gian tốt nghiệp CTĐT [H22.22.02.31], [H22.22.02.32]. Trong giai đoạn 2015-2019, thời gian học trung bình để người học tốt nghiệp CTĐT là: 4,5 năm [H22.22.02.17].

22.2. Bảng thống kê tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp và bỏ học qua các năm.

Năm học	Tổng số SV của khóa học	% tốt nghiệp			% thôi học sau			
		3 năm	4 năm	> 4 năm	1 năm	2 năm*	3 năm	>3 năm
2014-2015	138		20.3	2.2 (dự kiến 26.8)	22.5	3.6	6.5	18.1
2015-2016	146		17.1		18.5	6.9%	11.6%	2.7%
2016-2017	127	Chưa tốt nghiệp			22.1	10.2%	4.7%	3.2%
2017-2018	199				14.6	9.1%	0.5%	
2018-2019	215				10.7%			

Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 22.3. Khả năng có việc làm của người học tốt nghiệp của tất cả các CTĐT được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến

Căn cứ Quy định phân công trách chức năng, nhiệm vụ các đơn vị trong Trường, Phòng ĐT được phân công là đơn vị chủ trì trong việc xây dựng kế hoạch giảng dạy toàn trường [H22.22.03.01], [H22.22.03.02], [H22.22.03.03], [H22.22.03.04]. Trong chương trình đào tạo và chuẩn đầu ra các CTĐT của Nhà trường luôn xác định vị trí việc làm của người học sau tốt nghiệp [H22.22.03.05], [H22.22.03.06]. Nhà trường phân công Phòng KT&ĐBCL là đơn vị khảo sát tình hình việc làm của SV tốt nghiệp [H22.22.03.07], [H22.22.03.08], [H22.22.03.09]. Hàng năm, Nhà trường tổ chức họp giữa Phòng ĐT, Phòng KT&ĐBCL và các Khoa để xác định tỷ lệ có việc làm của người học sau khi tốt nghiệp của tất cả các CTĐT và được thể hiện trong kế hoạch đào tạo của Trường [H22.22.03.10], [H22.22.03.11], [H22.22.03.12].

Hàng năm, Phòng KT&ĐBCL tiến hành khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan, trong đó có nội dung khảo sát tình hình việc làm của người học tốt nghiệp của tất cả các CTĐT sau 1 năm tốt nghiệp và sau 3 năm tốt nghiệp [H22.22.03.13], [H22.22.03.14], [H22.22.03.15]. Bên cạnh đó, Phòng KT&ĐBCL xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu tình hình việc làm của người học tốt nghiệp của tất cả các CTĐT sau 1 năm tốt nghiệp và sau 3 năm tốt nghiệp [H22.22.03.16]. Kết quả khảo sát tình hình việc làm của người học tốt nghiệp của tất cả các CTĐT được Phòng KT&ĐBCL báo cáo BGH và gửi đến các đơn vị để có biện pháp cải tiến để nâng cao tỷ lệ có việc làm và mức độ đáp ứng yêu cầu công việc sau tốt nghiệp của tất cả các CTĐT [H22.22.03.17].

Trong giai đoạn 2015-2019, kết quả khảo sát tình hình việc làm của SV tốt nghiệp của Nhà trường thể hiện 100% SV có việc làm, trong đó 73.1% SV có việc làm đúng chuyên môn được đào tạo [H22.22.03.16], [H22.22.03.17]. Bên cạnh đó, tỷ lệ việc làm của SV tốt nghiệp của Nhà trường sau 3 năm đạt 100%, trong đó có 84.3% SV có việc làm đúng chuyên môn được đào tạo [H22.22.03.16], [H22.22.03.17]. Các ngành Quản trị kinh doanh có tỷ lệ SV có việc làm chiếm tỷ lệ cao với đúng chuyên môn được đào tạo [H22.22.03.16], [H22.22.03.17].

Hàng năm, Phòng KT&ĐBCL tiến hành đối sánh tỷ lệ có việc làm của SV tốt nghiệp so với tỷ lệ dự kiến được xác định trong kế hoạch đào tạo, đồng thời đối sánh giữa các CTĐT và tỷ lệ có việc làm của SV tốt nghiệp so với năm trước [H22.22.03.18], [H22.22.03.19], [H22.22.03.20]. Thông qua kết quả đối sánh thể hiện tỷ lệ việc làm của SV tốt nghiệp của Nhà trường sau 1 năm tăng lên qua từng năm [H22.22.03.19]. Ngoài ra, kết quả về tình hình việc làm của SV tốt nghiệp được thể hiện trong báo cáo tổng kết năm học của Nhà trường và của Phòng KT&ĐBCL [H22.22.03.21], [H22.22.03.22].

Trong các nghị quyết hàng năm của HĐQT, kế hoạch năm học của Nhà trường và của các đơn vị, các Khoa luôn có các nội dung cần thực hiện nhằm nâng cao tỷ lệ có việc làm và mức độ đáp ứng yêu cầu công việc sau tốt nghiệp của tất cả các CTĐT [H22.22.03.23], [H22.22.03.24], [H22.22.03.25]. Nhà trường đã áp dụng nhiều biện pháp đồng bộ nhằm tích cực hóa quá trình học tập của SV, tăng cường trang bị kỹ năng mềm cho SV, tổ chức nhiều khóa tham quan thực tiễn cho SV, tạo điều kiện để SV tiếp cận môi trường công việc ngay trong quá trình học tập nhằm nâng cao tỷ lệ có việc làm và mức độ đáp ứng yêu cầu công việc sau tốt nghiệp của tất cả các CTĐT [H22.22.03.26], [H22.22.03.27], [H22.22.03.28], [H22.22.03.29], [H22.22.03.30]. Kết quả khảo sát tình hình việc làm của SV tốt nghiệp của Nhà trường thể hiện SV đáp ứng được yêu cầu của công việc [H22.22.03.15]. Bên cạnh đó, kết quả khảo sát các doanh nghiệp sử dụng lao động thông qua các hội nghị, hội thảo của Nhà trường và các đơn vị, các Khoa tổ chức thể hiện sự hài lòng đối với SV tốt nghiệp của Trường, trong đó phần lớn các ý kiến đánh giá hài lòng ở mức độ cao [H22.22.03.31], [H22.22.03.32]. Trong giai đoạn 2015-2019, nhiều cựu SV của Nhà trường đã thành công trong công việc ở trong và ngoài nước như: Tập đoàn Bosch, Tập đoàn Neumann KaffeeGruppe - Đức, Tập đoàn En-Japan (EnWorld) - Nhật, VietinBank, Tổ chức S.E.A. Education Consultants Viet Nam, Samsung, Đài Truyền hình TPHCM (HTV), Tập đoàn Hoa Sen, FPT, Sheraton, Rex, SABECO, Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC), Vietnam Airlines, Petrolimex, Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn, HSBC, ANZ, Standard Chartered, OPPO, CBRE Group [H22.22.03.33].

Bảng 22.3. Thực trạng việc làm và thời gian có việc làm sau khi ra trường

Năm học	Tỷ lệ việc làm sau 1 năm (%)		Tỷ lệ việc làm sau 3 năm (%)	
	Đã có việc làm	Chưa có việc làm	Đã có việc làm	Chưa có việc làm
2014-2015	95.5	4.5	100	0
2015-2016	93.4	6.6	100	0
2016-2017	100	0	0	0
2017-2018	100	0	0	0
2018-2019	100	0	0	0

Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 22.4. Mức độ hài lòng của các bên liên quan về chất lượng của người học tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến

Căn cứ Quy định phân công chức năng, nhiệm vụ các đơn vị trong Trường, Phòng ĐT được phân công là đơn vị chủ trì trong việc xây dựng kế hoạch giảng dạy toàn trường [H22.22.04.01], [H22.22.04.02], [H22.22.04.03], [H22.22.04.04]. Bên cạnh đó, Phòng KT&ĐBCL được phân công là đơn vị chủ trì khảo sát mức độ hài lòng của các bên liên quan về chất lượng của người học sau tốt nghiệp của tất cả các CTĐT [H22.22.04.04], [H22.22.04.05], [H22.22.04.06], [H22.22.04.07]. Phòng KT&ĐBCL căn cứ văn bản quy định của Bộ GD&ĐT về việc khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan, tham mưu BGH Nhà trường ban hành văn bản quy định về khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan, trong đó có nội dung khảo sát mức độ hài lòng của các bên liên quan về chất lượng của người học sau tốt nghiệp của tất cả các CTĐT [H22.22.04.08]. Hàng năm, Nhà trường ban hành kế hoạch khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan, trong đó có nội dung khảo sát mức độ hài lòng của các bên liên quan về chất lượng của người học sau tốt nghiệp của tất cả các CTĐT và thông báo đến các đơn vị để triển khai thực hiện [H22.22.04.09].

Trong văn bản quy định về khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan do Nhà trường ban hành có phân công Phòng KT&ĐBCL là đơn vị chủ trì và phối hợp với các đơn vị để triển khai thực hiện [H22.22.04.08]. Bên cạnh đó, trong văn bản quy định về khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan của Nhà trường nêu rõ về mục đích, yêu cầu, phương pháp, cách thức khảo sát, thu thập và xử lý cũng như lưu trữ dữ liệu khảo sát [H22.22.04.08]. Bên cạnh đó, trong kế hoạch khảo sát mức độ hài lòng của các bên liên quan do Nhà trường ban hành hàng năm luôn có nội dung thu thập thông tin về sự hài lòng đối với chất lượng của người học tốt nghiệp của tất cả các CTĐT cùng với biểu mẫu khảo sát cụ thể [H22.22.04.09], [H22.22.04.10].

Căn cứ văn bản quy định về khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan và kế hoạch khảo sát hàng năm do Nhà trường ban hành, Phòng KT&ĐBCL phối hợp với các Khoa tiến hành khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan, trong đó có nội dung khảo sát mức độ hài lòng của các bên liên quan về chất lượng của người học sau tốt nghiệp của tất cả các CTĐT [H22.22.04.08], [H22.22.04.09], [H22.22.04.10]. Các Khoa tiến hành khảo sát đối với SV tốt nghiệp và doanh nghiệp sử dụng lao động về

mức độ hài lòng của các bên liên quan về chất lượng của người học sau tốt nghiệp của tất cả các CTĐT [H22.22.04.09], [H22.22.04.10]. Dữ liệu khảo sát được các Khoa tổng hợp và gửi về Phòng KT&ĐBCL để Phòng KT&ĐBCL xử lý, lưu trữ cơ sở dữ liệu [H22.22.04.10], [H22.22.04.11]. Bên cạnh đó, thông qua các các hội nghị, hội thảo của Nhà trường và các đơn vị, các Khoa tổ chức, Nhà trường thu thập ý kiến của các doanh nghiệp về mức độ hài lòng đối với chất lượng của người học sau tốt nghiệp của tất cả các CTĐT của Trường [H22.22.04.12], [H22.22.04.13]. Kết quả khảo sát về mức độ hài lòng của các bên liên quan về chất lượng của người học sau tốt nghiệp của tất cả các CTĐT được KT&ĐBCL báo cáo BGH và gửi đến các đơn vị để làm cơ sở áp dụng các biện pháp nâng cao mức độ hài lòng của các bên liên quan về chất lượng của người học tốt nghiệp của tất cả các CTĐT [H22.22.04.14].

Nhà trường phân công Phòng KT&ĐBCL là đơn vị giám sát các đơn vị, đặc biệt là các Khoa sử dụng thông tin phản hồi về mức độ hài lòng của các bên liên quan về chất lượng của người học tốt nghiệp của tất cả các CTĐT [H22.22.04.04], [H22.22.04.05], [H22.22.04.06], [H22.22.04.07]. Hàng năm, Nhà trường tổ chức họp giữa Phòng KT&ĐBCL và các đơn vị để dự đoán, xác định mức độ hài lòng của các bên liên quan về chất lượng của người học tốt nghiệp của tất cả các CTĐT và thể hiện trong kế hoạch đào tạo [H22.22.04.15]. Bên cạnh đó, trong kế hoạch năm học của Nhà trường và các đơn vị luôn có nội dung nâng cao chất lượng đào tạo mà được xác định dựa trên kết quả phản hồi của các bên liên quan về chất lượng của người học tốt nghiệp của tất cả các CTĐT của Trường [H22.22.04.16], [H22.22.04.17], [H22.22.04.18]. Trong giai đoạn 2015-2019, nhiều cựu SV của Nhà trường đã thành công trong công việc ở trong và ngoài nước [H22.22.04.19].

Hàng năm, Phòng KT&ĐBCL tiến hành đối sánh mức độ hài lòng của các bên liên quan về chất lượng của người học tốt nghiệp của tất cả các CTĐT so với tỷ lệ dự kiến được xác định trong kế hoạch đào tạo, đồng thời đối sánh giữa các CTĐT và mức độ hài lòng của các bên liên quan về chất lượng của người học tốt nghiệp của tất cả các CTĐT so với năm trước [H22.22.04.20], [H22.22.04.21], [H22.22.04.22]. Thông qua kết quả đối sánh thể hiện mức độ hài lòng của các bên liên quan về chất lượng của người học tốt nghiệp của tất cả các CTĐT của Nhà trường tăng lên qua từng năm [H22.22.04.22]. Ngoài ra, kết quả mức độ hài lòng của các bên liên quan về chất lượng của người học tốt nghiệp của tất cả các CTĐT được thể hiện trong báo cáo tổng kết năm học của Nhà trường và của Phòng KT&ĐBCL [H22.22.04.23], [H22.22.04.24].

Trong các nghị quyết hàng năm của HĐQT, kế hoạch năm học của Nhà trường và của các đơn vị, các Khoa luôn có các nội dung cần thực hiện nhằm nâng cao mức độ hài lòng của các bên liên quan về chất lượng của người học tốt nghiệp của tất cả các CTĐT [H22.22.04.25], [H22.22.04.26], [H22.22.04.27], [H22.22.04.28]. Bên cạnh đó, trong kế hoạch đào tạo toàn khóa và kế hoạch năm học của Nhà trường có dự đoán mức độ hài lòng của các bên liên quan về chất lượng của người học tốt nghiệp của tất cả các CTĐT [H22.22.04.29], [H22.22.04.30]. Nhà trường đã áp dụng nhiều biện pháp đồng bộ nhằm tích cực hóa quá trình học tập của SV, tăng cường trang bị kỹ năng mềm cho SV, tổ chức nhiều hội thảo chuyên đề chuyên ngành, nhiều khóa tham quan thực tiễn cho SV, tạo điều kiện để SV tiếp cận môi trường công việc ngay trong quá trình học tập nhằm nâng cao mức độ hài lòng của các bên liên quan về chất lượng của người học tốt nghiệp của tất cả các CTĐT [H22.22.04.31], [H22.22.04.32], [H22.22.04.33], [H22.22.04.34], [H22.22.04.35]. Bên cạnh đó, Nhà trường tiến hành

rà soát, điều chỉnh CTĐT và CDR cho phù hợp với yêu cầu của các bên liên quan [H22.22.04.36], [H22.22.04.37]. Ngoài ra, Nhà trường chú trọng nâng cấp CSVC, trang thiết bị hiện đại phù hợp với thực tiễn nhằm nâng cao năng lực thực hành cho SV để SV đáp ứng yêu cầu của công việc sau tốt nghiệp [H22.22.04.38]. Kết quả khảo sát ý kiến các bên liên quan thể hiện mức độ hài lòng cao về chất lượng của người học tốt nghiệp của tất cả các CTĐT của Trường [H22.22.04.11].

Tư đánh giá: 5/7

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 22:

1. Tóm tắt các điểm mạnh:

- Nhà trường phân công nhiệm vụ cụ thể cho Phòng ĐT là đơn vị chủ trì và phối hợp với các Khoa để xây dựng kế hoạch đào tạo và ban hành kế hoạch đào tạo từng năm.

- Nhà trường phân công trách nhiệm cụ thể cho các đơn vị trong việc khảo sát, thu thập ý kiến phản hồi của các bên liên quan về chất lượng đào tạo của trường để có cơ sở dự đoán, xác lập tỷ lệ có việc làm của SV tốt nghiệp cũng như mức độ hài lòng của các bên liên quan về chất lượng người học sau tốt nghiệp các CTĐT.

- Phòng ĐT sử dụng phần mềm quản lý đào tạo để thống kê số liệu về kết quả đào tạo, thời gian tốt nghiệp trung bình của các CTĐT để từ đó dự đoán, xác định tỷ lệ tốt nghiệp, thôi học của của tất cả các CTĐT; tỷ lệ học lại, thi lại các môn học.

- Trong kế hoạch đào tạo của Nhà trường có xác định các tỷ lệ liên quan đến kết quả đào tạo, thời gian tốt nghiệp trung bình của các CTĐT, tỷ lệ người học có việc làm sau tốt nghiệp, mức độ hài lòng của các bên liên quan về chất lượng người học sau tốt nghiệp các CTĐT.

- Nhà trường xác định trách nhiệm cụ thể và áp dụng hệ thống theo dõi, giám sát, đánh giá tỷ lệ tốt nghiệp, tỷ lệ đạt/không đạt các môn học, thời gian tốt nghiệp trung bình của các CTĐT, tỷ lệ có việc làm của SV tốt nghiệp, mức độ hài lòng của các bên liên quan về chất lượng người học sau tốt nghiệp các CTĐT.

- Hàng năm, Nhà trường tiến hành đối sánh tỷ lệ tốt nghiệp, tỷ lệ đạt/không đạt các môn học, thời gian tốt nghiệp trung bình của các CTĐT, tỷ lệ có việc làm của SV tốt nghiệp, mức độ hài lòng của các bên liên quan về chất lượng người học sau tốt nghiệp các CTĐT.

- Nhà trường sử dụng kết quả đối sánh hàng năm về tỷ lệ tốt nghiệp, tỷ lệ đạt/không đạt các môn học, thời gian tốt nghiệp trung bình của các CTĐT, tỷ lệ có việc làm của SV tốt nghiệp, mức độ hài lòng của các bên liên quan về chất lượng người học sau tốt nghiệp các CTĐT để xây dựng các kế hoạch cải tiến chất lượng.

- Nhà trường áp dụng nhiều biện pháp đồng bộ để tăng tỷ lệ tốt nghiệp, giảm tỷ lệ thôi học, rút ngắn thời gian tốt nghiệp trung bình CTĐT của người học, nâng cao mức độ đáp ứng công việc của SV tốt nghiệp cũng như mức độ hài lòng của các bên liên quan về chất lượng người học sau tốt nghiệp các CTĐT.

- Trong giai đoạn 2015-2019, 100 % SV tốt nghiệp của Nhà trường có việc làm sau 1 năm tốt nghiệp, trong đó 73.1% SV có việc làm đúng chuyên môn được đào tạo; tỷ lệ việc làm của SV tốt nghiệp của Nhà trường sau 3 năm đạt 100%, trong đó có 84.3% SV có việc làm đúng chuyên môn được đào tạo.

- Hàng năm, Nhà trường đều dành nguồn kinh phí chi để thực hiện các biện pháp, các hoạt động nhằm nâng cao chất lượng đào tạo của Trường và mức độ hài lòng của các bên liên quan về chất lượng người học sau tốt nghiệp các CTĐT.

- Nhà trường áp dụng đa dạng các hình thức khảo sát, thu thập ý kiến của các bên liên quan về chất lượng người học sau tốt nghiệp các CTĐT của Trường.

- Các doanh nghiệp sử dụng lao động và cựu SV của Nhà trường thể hiện mức độ hài lòng cao đối với chất lượng người học sau tốt nghiệp các CTĐT.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại:

Việc điều chỉnh tỷ lệ đạt/không đạt của tất cả học phần/các CTĐT đôi lúc còn chưa phù hợp với thực tế.

Việc rút ngắn thời gian tốt nghiệp trung bình của các CTĐT còn hạn chế.

3. Kế hoạch cải tiến:

Từ học kỳ 2 năm học 2019-2020, định kỳ từng học kỳ, Nhà trường tiến hành rà soát tỷ lệ đạt/không đạt của tất cả môn học các CTĐT để từ đó điều chỉnh cho phù hợp với thực tế. Bên cạnh đó, Nhà trường tổ chức học kỳ phụ và tăng cường các môn học tự chọn nhằm tạo điều kiện để SV rút ngắn thời gian trung bình tốt nghiệp CTĐT.

4. Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
Tiêu chuẩn 22	5
Tiêu chí 22.1	5
Tiêu chí 22.2	5
Tiêu chí 22.3	5
Tiêu chí 22.4	5

Tiêu chuẩn 23: Kết quả NCKH

Tiêu chí 23.1. Loại hình và khối lượng nghiên cứu của đội ngũ GV và cán bộ nghiên cứu được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến

Hoạt động NCKH của GV được xác định là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của Nhà trường và được thể hiện rõ trong Nghị quyết của HĐQT [H23.23.01.01]. Trong KHCL về hoạt động NCKH giai đoạn 2017-2025, kế hoạch trung hạn hoạt động NCKH giai đoạn 2017-2020 và kế hoạch năm học hàng năm của Trường luôn có các KPIs về NCKH nói chung, trong đó có NCKH của GV [H23.23.01.02], [H23.23.01.03], [H23.23.01.04]. Nhà trường ban hành và thông báo Quy chế làm việc của GV, trong đó có quy định rõ về hoạt động NCKH mà GV phải thực hiện trong năm học [H23.23.01.05], [H23.23.01.06], [H23.23.01.07]. Bên cạnh đó, trong Quy định về hoạt động NCKH của Nhà trường có quy định cụ thể về các loại hình hoạt động nghiên cứu; số lượng và chất lượng NCKH mà đội ngũ GV và cán bộ nghiên cứu phải thực hiện [H23.23.01.08]. Hàng năm, số lượng các công trình khoa học của GV được quy đổi thành số tiết theo quy định và đối sánh với quy định của Nhà trường về loại hình hoạt động nghiên cứu; số lượng và chất lượng NCKH mà đội ngũ GV và cán bộ nghiên cứu phải thực hiện [H23.23.01.09].

Nhà trường phân công Phòng KH & HTQT là đơn vị theo dõi, giám sát hoạt động NCKH của đội ngũ GV và cán bộ nghiên cứu toàn trường [H23.23.01.10], [H23.23.01.12], [H23.23.01.13], [H23.23.01.14]. Bên cạnh đó, Nhà trường phân công Ban chủ nhiệm các Khoa có trách nhiệm giám sát hoạt động NCKH của đội ngũ giảng viên và cán bộ nghiên cứu của Khoa [H23.23.01.15], [H23.23.01.16]. Các Hội đồng nghiệm thu đề tài NCKH và giáo trình có trách nhiệm giám sát, đánh giá các đề tài NCKH và các giáo trình được nghiệm thu [H23.23.01.17], [H23.23.01.18]. Cuối mỗi năm học, GV kê khai các hoạt động NCKH đã thực hiện, kèm theo minh chứng và gửi về Phòng KH & HTQT xác nhận và tính giờ quy đổi, trên cơ sở đó, Phòng KH & HTQT có trách nhiệm xác nhận khối lượng hoạt động NCKH cho từng GV, từng đơn vị [H23.23.01.09]. Phòng KH & HTQT đồng thời phân công 01 nhân sự của Phòng thực hiện việc xây dựng cơ sở dữ liệu về loại hình và khối lượng nghiên cứu đạt được của từng GV và cán bộ nghiên cứu, trong đó cập nhật từng năm [H23.23.01.14], [H23.23.01.19], [H23.23.01.20]. Ngoài ra, GV của Nhà trường có trách nhiệm kê khai và cập nhật các công trình khoa học đã công bố trên lý lịch khoa học được đăng tải trên website của Trường [H23.23.01.21].

Căn cứ quy định khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan, hàng năm, Nhà trường ban hành kế hoạch khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan về hoạt động của Trường [H23.23.01.22]. Trong nội dung khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan về hoạt động của Trường có khảo sát về chất lượng hoạt động nghiên cứu của đội ngũ GV và cán bộ nghiên cứu, [H23.23.01.23]. Phòng KT&ĐBCL là đơn vị chủ trì và phối hợp với các Khoa để thực hiện khảo sát ý kiến của CB, GV, SV của Trường, trong đó có nội dung về chất lượng hoạt động nghiên cứu của đội ngũ GV và cán bộ nghiên cứu [H23.23.01.22]. Kết quả khảo sát CB, GV, SV về chất lượng hoạt động nghiên cứu của đội ngũ GV và cán bộ nghiên cứu, thể hiện mức độ hài lòng trên 75% ý kiến được khảo sát [H23.23.01.24]. Bên cạnh đó, ý kiến của các doanh nghiệp sử dụng lao động, của cựu SV tại các hội nghị, hội thảo do Nhà trường tổ chức cũng như ý kiến của CB, GV tại hội nghị người lao động hàng năm thể hiện mức độ hài lòng về

chất lượng hoạt động nghiên cứu của đội ngũ GV và cán bộ nghiên cứu [H23.23.01.25], [H23.23.01.26], [H23.23.01.27], [H23.23.01.28].

Căn cứ quy định về hoạt động so chuẩn, đối sánh do Nhà trường ban hành, Nhà trường giao nhiệm vụ cho Phòng KH & HTQT thực hiện nhiệm vụ đối sánh về loại hình, khối lượng và chất lượng nghiên cứu của đội ngũ GV và cán bộ nghiên cứu của toàn trường; các Khoa thực hiện đối sánh về loại hình, khối lượng và chất lượng nghiên cứu của đội ngũ GV của Khoa [H23.23.01.29]. Kết thúc mỗi năm học, Phòng KH & HTQT đối sánh kết quả về loại hình, khối lượng, chất lượng nghiên cứu của GV và cán bộ nghiên cứu của Nhà trường đạt được so với chỉ tiêu đã xác định trong kế hoạch năm học cũng như so với quy định của Trường [H23.23.01.30]. Bên cạnh đó, Phòng KH & HTQT đối sánh kết quả về loại hình, khối lượng và chất lượng nghiên cứu của đội ngũ GV và cán bộ nghiên cứu của Nhà trường đạt được trong năm học so với năm học trước [H23.23.01.31]. Ngoài ra, các Khoa tiến hành đối sánh kết quả về loại hình, khối lượng và chất lượng nghiên cứu mà đội ngũ GV của Khoa đạt được so với quy định của Trường [H23.23.01.32]. Phòng KH & HTQT tiến hành đối sánh kết quả về loại hình, khối lượng và chất lượng nghiên cứu của đội ngũ GV và cán bộ nghiên cứu của Nhà trường đạt được so với tiêu chuẩn đánh giá chất lượng trường đại học do Bộ GD&ĐT ban hành cũng như so với Trường Đại học Công nghệ TP.HCM [H23.23.01.33], [H23.23.01.34].

Hàng năm, BGH Nhà trường họp với lãnh đạo các đơn vị để rà soát số lượng và chất lượng các hoạt động NCKH của đội ngũ GV và cán bộ nghiên cứu đạt được cũng như xem xét ý kiến phản hồi, đánh giá của các bên liên quan về số lượng và chất lượng các hoạt động NCKH của GV Nhà trường, đồng thời căn cứ kết quả đối sánh, Trường xác định các nội dung cải tiến nhằm tăng cường số lượng và chất lượng các hoạt động NCKH của đội ngũ GV, cán bộ nghiên cứu và thể hiện trong kế hoạch năm học tiếp theo [H23.23.01.04], [H23.23.01.35], [H23.23.01.36], [H23.23.01.37], [H23.23.01.38]. Bên cạnh đó, trong Nghị quyết của HĐQT có các nội dung tăng cường đầu tư cho hoạt động NCKH nhằm đẩy mạnh hoạt động NCKH của Nhà trường [H23.23.01.01]. Ngoài ra, Nhà trường áp dụng nhiều chính sách, biện pháp, nguồn kinh phí nhằm nâng cao số lượng, chất lượng hoạt động NCKH của Trường trong đó có số lượng và chất lượng các hoạt động NCKH của GV [H23.23.01.39], [H23.23.01.40], [H23.23.01.41]. Nhà trường tổ chức nhiều hội nghị, hội thảo khoa học với mục đích tăng cường hoạt động NCKH của GV [H23.23.01.42]. Trong giai đoạn 2015-2019, số lượng đề tài NCKH, bài báo, sách và giáo trình do GV Nhà trường thực hiện và tham gia tăng qua từng năm, đặc biệt đội ngũ GV và cán bộ nghiên cứu của Nhà trường được nhận các hình thức khen thưởng các cấp vì đã có thành tích trong NCKH [H23.23.01.43], [H23.23.01.44], [H23.23.01.45], [H23.23.01.46], [H23.23.01.47], [H23.23.01.48], [H23.23.01.49].

Tự đánh giá: 4/7

Tiêu chí 23.2. Loại hình và khối lượng nghiên cứu của người học được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến

Nhà trường giao nhiệm vụ cho Phòng KH & HTQT là đơn vị tham mưu đề xuất về các loại hình và khối lượng nghiên cứu của người học [H23.23.02.01], [H23.23.02.02], [H23.23.02.03], [H23.23.02.04], [H23.23.02.05]. Căn cứ các văn bản quy định của Bộ GD&ĐT về hoạt động NCKH của SV, Phòng KH & HTQT xây dựng dự thảo, thông qua cuộc họp giữa BGH với lãnh đạo các đơn vị, trình Hiệu trưởng ký

ban hành Quy định về hoạt động NCKH của SV và thông báo đến các đơn vị triển khai thực hiện [H23.23.02.06], [H23.23.02.07], [H23.23.02.08], [H23.23.02.09]. Trong Quy định về hoạt động NCKH của SV có nội dung về các loại hình và khối lượng nghiên cứu của người học thực hiện [H23.23.02.08]. Trong KHCL về hoạt động NCKH giai đoạn 2017-2025, kế hoạch trung hạn hoạt động NCKH giai đoạn 2017-2020 và kế hoạch năm học hàng năm của Trường luôn có các KPIs về hoạt động NCKH nói chung, trong đó có NCKH của SV [H23.23.02.10], [H23.23.02.11], [H23.23.02.12], [H23.23.02.13], [H23.23.02.14], [H23.23.02.15]. Hàng năm, Nhà trường tổ chức Hội nghị SV NCKH, trong đó quy định cụ thể về loại hình nghiên cứu và động viên SV toàn trường tham gia [H23.23.02.16]. Bên cạnh đó, theo Quy chế đào tạo, tất cả SV của Nhà trường phải thực hiện khóa luận tốt nghiệp [H23.23.02.17], [H23.23.02.18]. Ngoài ra, trong quy chế rèn luyện của SV có nội dung đánh giá đối với khối lượng nghiên cứu của người học thực hiện trong năm học [H23.23.02.19], [H23.23.02.20].

Nhà trường phân công Phòng KH & HTQT là đơn vị theo dõi, giám sát hoạt động NCKH của SV toàn trường [H23.23.02.01], [H23.23.02.02], [H23.23.02.03], [H23.23.02.04], [H23.23.02.05]. Phòng KH & HTQT phân công 01 nhân sự theo dõi, giám sát hoạt động NCKH của SV toàn trường [H23.23.02.05]. Bên cạnh đó, Nhà trường phân công Ban chủ nhiệm các Khoa có trách nhiệm giám sát hoạt động NCKH của SV của Khoa [H23.23.02.21], [H23.23.02.22]. Các Hội đồng xét duyệt và chấm chọn các đề tài NCKH của SV có trách nhiệm giám sát, đánh giá các công trình NCKH của SV [H23.23.02.23], [H23.23.02.24]. Cuối mỗi năm học, Phòng KH & HTQT thống kê toàn trường [H23.23.02.25]. Phòng KH & HTQT đồng thời phân công 01 nhân sự của Phòng thực hiện việc xây dựng cơ sở dữ liệu về loại hình, khối lượng và chất lượng nghiên cứu của SV, trong đó cập nhật từng năm [H23.23.02.05], [H23.23.02.26], [H23.23.02.28]. Ngoài ra, các Khoa xây dựng cơ sở dữ liệu về loại hình, khối lượng và chất lượng nghiên cứu của SV của Khoa [H23.23.02.27].

Căn cứ quy định về khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan, hàng năm, Nhà trường ban hành kế hoạch khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan về hoạt động của Trường [H23.23.02.29], [H23.23.02.30]. Trong nội dung khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan về hoạt động của Trường có khảo sát về chất lượng hoạt động NCKH của SV [H23.23.02.31]. Phòng KT&ĐBCL là đơn vị chủ trì và phối hợp với các Khoa để thực hiện khảo sát ý kiến của CB, GV, SV của Trường, trong đó có nội dung về chất lượng hoạt động NCKH của SV [H23.23.02.30]. Kết quả khảo sát CB, GV, SV về chất lượng hoạt động NCKH của SV thể hiện mức độ hài lòng trên 75% ý kiến được khảo sát [H23.23.02.32]. Bên cạnh đó, ý kiến của các doanh nghiệp sử dụng lao động, của cựu SV tại các hội nghị, hội thảo do Nhà trường tổ chức cũng như ý kiến của CB, GV tại hội nghị người lao động hàng năm, ý kiến của SV tại diễn đàn đối thoại giữa BGH với SV hàng năm thể hiện mức độ hài lòng về chất lượng hoạt động NCKH của SV [H23.23.02.33], [H23.23.02.34], [H23.23.02.35], [H23.23.02.36].

Căn cứ quy định về hoạt động so chuẩn, đối sánh do Nhà trường ban hành, Phòng KH & HTQT thực hiện nhiệm vụ đối sánh về loại hình, khối lượng và chất lượng nghiên cứu của SV; các Khoa thực hiện đối sánh về loại hình, khối lượng và chất lượng nghiên cứu của SV của Khoa [H23.23.02.37]. Kết thúc mỗi năm học, Phòng KH & HTQT đối sánh kết quả về loại hình, khối lượng, chất lượng nghiên cứu của SV của Nhà trường đạt được so với chỉ tiêu đã xác định trong kế hoạch năm học

cũng như so với quy định của Trường [H23.23.02.38]. Bên cạnh đó, Phòng KH & HTQT đối sánh kết quả về loại hình, khối lượng và chất lượng nghiên cứu của SV Nhà trường đạt được trong năm học so với năm học trước [H23.23.02.39]. Ngoài ra, các Khoa tiến hành đối sánh kết quả về loại hình, khối lượng và chất lượng nghiên cứu SV của Khoa đạt được so với quy định của Trường [H23.23.02.40]. Phòng KH & HTQT tiến hành đối sánh kết quả về loại hình, khối lượng và chất lượng nghiên cứu của SV Nhà trường đạt được so với tiêu chuẩn đánh giá chất lượng trường đại học do Bộ GD&ĐT ban hành cũng như so với Trường Đại học Công nghệ TP.HCM [H23.23.02.41], [H23.23.02.42], [H23.23.02.43].

Hàng năm, BGH Nhà trường họp với lãnh đạo các đơn vị để rà soát số lượng và chất lượng hoạt động NCKH của SV đạt được cũng như xem xét ý kiến phản hồi, đánh giá của các bên liên quan về số lượng và chất lượng các hoạt động NCKH của SV Nhà trường, đồng thời căn cứ kết quả đối sánh, Trường xác định các nội dung cải tiến nhằm tăng cường số lượng và chất lượng các hoạt động NCKH của SV và thể hiện trong kế hoạch năm học tiếp theo [H23.23.02.44], [H23.23.02.45]. Bên cạnh đó, trong Nghị quyết của HĐQT có các nội dung tăng cường đầu tư cho hoạt động NCKH nhằm đẩy mạnh hoạt động NCKH của Nhà trường [H23.23.02.46]. Ngoài ra, Nhà trường áp dụng nhiều chính sách, biện pháp, nguồn kinh phí nhằm nâng cao số lượng, chất lượng hoạt động NCKH của Trường trong đó có số lượng và chất lượng các hoạt động NCKH của SV [H23.23.02.47], [H23.23.02.48], [H23.23.02.49]. Nhà trường tổ chức nhiều hội nghị, hội thảo NCKH của SV với mục đích tăng cường hoạt động NCKH của SV [H23.23.02.50]. Trong giai đoạn 2015-2019, số lượng đề tài NCKH do SV Nhà trường thực hiện và tham gia tăng qua từng năm, đặc biệt SV của Nhà trường được nhận các hình thức khen thưởng các cấp vì đã có thành tích trong NCKH [H23.23.02.51], [H23.23.02.52], [H23.23.02.53], [H23.23.02.54].

Tự đánh giá: 4/7

Tiêu chí 23.3. Loại hình và số lượng các công bố khoa học bao gồm cả các trích dẫn được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến

Trong văn bản Quy định hoạt động NCKH của Nhà trường ban hành có nội dung quy định rõ về việc thực hiện trích dẫn khi thực hiện các công trình NCKH [H23.23.03.01]. Bên cạnh đó, trong Quy định hoạt động NCKH của Nhà trường ban hành đồng thời nêu rõ quy định đối với SV về việc thực hiện trích dẫn khi thực hiện các công trình NCKH [H23.23.03.02]. Nhà trường thông báo, hướng dẫn về việc thực hiện trích dẫn đến CB, GV, SV để thực hiện [H23.23.03.03], [H23.23.03.04]. Ngoài ra, trong KHCL về hoạt động NCKH giai đoạn 2017-2025, kế hoạch trung hạn hoạt động NCKH giai đoạn 2017-2020 và kế hoạch năm học hàng năm của Trường luôn có các KPIs về NCKH, trong đó có việc tăng cường số lượng các bài báo đăng trên các tạp chí khoa học uy tín trong nước và quốc tế, đặc biệt là các tạp chí thuộc danh mục ISI, Scopus để từ đó đồng thời nâng cao số lượng các trích dẫn [H23.23.03.05], [H23.23.03.06], [H23.23.03.07], [H23.23.03.08], [H23.23.03.09], [H23.23.03.10], [H23.23.03.11], [H23.23.03.12]. Nhà trường triển khai để tất cả các GV kê khai các công trình khoa học trên Google Scholar nhằm nâng cao hệ số trích dẫn của Trường [H23.23.03.13], [H23.23.03.14], [H23.23.03.15].

Nhà trường phân công Phòng KH & HTQT là đơn vị theo dõi, giám sát các loại hình và số lượng các công bố khoa học, bao gồm cả các trích dẫn, chỉ số IF của toàn trường [H23.23.03.16], [H23.23.03.17], [H23.23.03.18], [H23.23.03.19],

[H23.23.03.20]. Bên cạnh đó, Nhà trường phân công Ban chủ nhiệm các Khoa có trách nhiệm giám sát các loại hình và số lượng các công bố khoa học, bao gồm cả các trích dẫn, chỉ số IF của Khoa [H23.23.03.21], [H23.23.03.22]. Hàng năm, GV kê khai các công trình NCKH trên tài khoản Google Scholar của cá nhân và Phòng KH và HTQT tổng hợp để xây dựng CSDL của toàn trường [H23.23.03.14]. Phòng KH & HTQT đồng thời phân công 01 nhân sự của Phòng thực hiện việc xây dựng cơ sở dữ liệu về loại hình và số lượng các công bố khoa học, bao gồm cả các trích dẫn, chỉ số IF, trong đó cập nhật từng năm [H23.23.03.15], [H23.23.03.20]. Ngoài ra, GV của Nhà trường có trách nhiệm kê khai và cập nhật các công trình khoa học đã công bố trên lý lịch khoa học được đăng tải trên website của Trường [H23.23.03.23], [H23.23.03.24].

Căn cứ quy định về khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan, hàng năm, Nhà trường ban hành kế hoạch khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan về hoạt động của Trường [H23.23.03.25], [H23.23.03.26]. Trong nội dung khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan về hoạt động của Trường có khảo sát về các loại hình và số lượng các công bố khoa học, bao gồm các trích dẫn [H23.23.03.27]. Phòng KT&ĐBCL là đơn vị chủ trì và phối hợp với các Khoa để thực hiện khảo sát ý kiến của CB, GV, SV của Trường, trong đó có nội dung về các loại hình và số lượng các công bố khoa học, bao gồm các trích dẫn [H23.23.03.26]. Kết quả khảo sát CB, GV, SV về các loại hình và số lượng các công bố khoa học, bao gồm các trích dẫn thể hiện mức độ hài lòng trên 75% ý kiến được khảo sát [H23.23.03.28]. Bên cạnh đó, ý kiến của các doanh nghiệp sử dụng lao động, của cựu SV tại các hội nghị, hội thảo do Nhà trường tổ chức cũng như ý kiến của CB, GV tại Hội nghị người lao động hàng năm thể hiện mức độ hài lòng về các loại hình và số lượng các công bố khoa học, bao gồm các trích dẫn của Trường [H23.23.03.29], [H23.23.03.30], [H23.23.03.31].

Căn cứ quy định về hoạt động so chuẩn, đối sánh do Nhà trường ban hành, Nhà trường giao nhiệm vụ cho Phòng KH & HTQT thực hiện nhiệm vụ đối sánh về các loại hình và số lượng các công bố khoa học, bao gồm các trích dẫn [H23.23.03.35]. Kết thúc mỗi năm học, Phòng KH & HTQT đối sánh kết quả về các loại hình và số lượng các công bố khoa học, bao gồm các trích dẫn của Nhà trường đạt được so với chỉ tiêu đã xác định trong kế hoạch năm học [H23.23.03.32], [H23.23.03.33], [H23.23.03.34], [H23.23.03.36]. Bên cạnh đó, Phòng KH & HTQT đối sánh kết quả về các loại hình và số lượng các công bố khoa học, bao gồm các trích dẫn của Nhà trường đạt được trong năm học so với năm học trước [H23.23.03.37]. Ngoài ra, Phòng KH & HTQT tiến hành đối sánh kết quả về các loại hình và số lượng các công bố khoa học, bao gồm các trích dẫn của Nhà trường đạt được so với tiêu chuẩn đánh giá chất lượng trường đại học do Bộ GD&ĐT ban hành cũng như so với Trường Đại học Công nghệ TP.HCM [H23.23.03.38], [H23.23.03.39], [H23.23.03.40].

Hàng năm, BGH Nhà trường họp với lãnh đạo các đơn vị để rà soát các loại hình và số lượng các công bố khoa học, bao gồm các trích dẫn đạt được cũng như xem xét ý kiến phản hồi, đánh giá của các bên liên quan về các loại hình và số lượng các công bố khoa học, bao gồm các trích dẫn của Nhà trường, đồng thời căn cứ kết quả đối sánh, Trường xác định các nội dung cải tiến nhằm tăng cường các loại hình và số lượng các công bố khoa học, bao gồm các trích dẫn và thể hiện trong kế hoạch năm học tiếp theo [H23.23.03.41], [H23.23.03.42]. Bên cạnh đó, trong Nghị quyết của HĐQT có các nội dung tăng cường đầu tư cho hoạt động NCKH nhằm đẩy mạnh hoạt động NCKH của Nhà trường, trong đó tăng cường các loại hình và số lượng các công

bố khoa học, bao gồm các trích dẫn [H23.23.03.43], [H23.23.03.44]. Ngoài ra, Nhà trường áp dụng nhiều chính sách, biện pháp, nguồn kinh phí nhằm nâng cao số lượng, chất lượng hoạt động NCKH của Trường trong đó có các loại hình và số lượng các công bố khoa học, bao gồm các trích dẫn [H23.23.03.45], [H23.23.03.46], [H23.23.03.47]. Nhà trường tổ chức nhiều hội nghị, hội thảo khoa học với mục đích tăng cường các loại hình và số lượng các công bố khoa học, bao gồm các trích dẫn của CB, GV, SV [H23.23.03.48], [H23.23.03.49]. Trong giai đoạn 2015-2019, số lượng các loại hình và số lượng các công bố khoa học, bao gồm các trích dẫn của Nhà trường tăng qua từng năm [H23.23.03.50], [H23.23.03.51], [H23.23.03.52], [H23.23.03.53], [H23.23.03.54].

Tự đánh giá: 4/7

Tiêu chí 23.4. Loại hình và số lượng các tài sản trí tuệ được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến

Trong văn bản Quy định SHTT của Nhà trường ban hành có quy định cụ thể về việc thực hiện các nội dung về SHTT cũng như đăng ký TSTT [H23.23.04.01], [H23.23.04.02], [H23.23.04.03], [H23.23.04.04], [H23.23.04.05], [H23.23.04.06], [H23.23.04.07]. Bên cạnh đó, trong văn bản Quy định hoạt động NCKH của GV và Quy định hoạt động NCKH của SV do Nhà trường ban hành có các nội dung về việc thực hiện SHTT trong quá trình thực hiện các công trình khoa học [H23.23.04.09], [H23.23.04.11]. Nhà trường thông báo Quy định SHTT và Quy định hoạt động NCKH của GV, SV do Trường ban hành đến các đơn vị phổ biến đến GV, SV thực hiện [H23.23.04.08], [H23.23.04.10], [H23.23.04.12]. Ngoài ra, trong KHCL về hoạt động NCKH giai đoạn 2017-2025, kế hoạch trung hạn hoạt động NCKH giai đoạn 2017-2020 và kế hoạch năm học hàng năm của Trường luôn có các KPIs về NCKH, trong đó có các loại hình và số lượng các tài sản trí tuệ, trong đó có quy định về việc SHTT [H23.23.04.13], [H23.23.04.14], [H23.23.04.15]. Nhà trường phân công Phòng KH & HTQT là đơn vị theo dõi, giám sát loại hình và số lượng các TSTT toàn trường [H23.23.04.16], [H23.23.04.17], [H23.23.04.18],[H23.23.04.19], [H23.23.04.20]. Bên cạnh đó, Nhà trường phân công Ban chủ nhiệm các Khoa có trách nhiệm giám sát loại hình và số lượng các TSTT của Khoa [H23.23.04.21], [H23.23.04.22]. Phòng KH & HTQT đồng thời phân công 01 nhân sự của Phòng thực hiện việc xây dựng cơ sở dữ liệu về loại hình và số lượng các TSTT của Trường, trong đó cập nhật từng năm [H23.23.04.20], [H23.23.04.23], [H23.23.04.24], [H23.23.04.25].

Căn cứ quy định về khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan, hàng năm, Nhà trường ban hành kế hoạch khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan về hoạt động của Trường [H23.23.04.26], [H23.23.04.27]. Trong nội dung khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan về hoạt động của Trường có khảo sát về loại hình và số lượng các TSTT [H23.23.04.28]. Phòng KT&ĐBCL là đơn vị chủ trì và phối hợp với các Khoa để thực hiện khảo sát ý kiến của CB, GV, SV của Trường, trong đó có nội dung về loại hình và số lượng các TSTT [H23.23.04.27]. Kết quả khảo sát CB, GV, SV về loại hình và số lượng các TSTT thể hiện mức độ hài lòng trên 75% ý kiến được khảo sát [H23.23.04.29]. Căn cứ quy định về hoạt động so chuẩn, đối sánh do Nhà trường ban hành, Nhà trường giao nhiệm vụ cho Phòng KH & HTQT thực hiện nhiệm vụ đối sánh về loại hình và số lượng các TSTT của Trường [H23.23.04.30]. Kết thúc mỗi năm học, Phòng KH & HTQT đối sánh kết quả về loại hình và số lượng các TSTT của Nhà trường đạt được so với chỉ tiêu đã xác định trong kế hoạch năm học

[H23.23.04.31]. Bên cạnh đó, Phòng QLKH đối sánh kết quả về loại hình và số lượng các TSTT của Nhà trường đạt được trong năm học so với năm học trước [H23.23.04.32]. Ngoài ra, Phòng KH & HTQT tiến hành đối sánh kết quả về loại hình và số lượng các TSTT đạt được so với tiêu chuẩn đánh giá chất lượng trường đại học do Bộ GD&ĐT ban hành cũng như so với Trường Đại học Công nghệ TP.HCM [H23.23.04.33], [H23.23.04.34]. Hàng năm, BGH Nhà trường họp với lãnh đạo các đơn vị để rà soát loại hình và số lượng các TSTT đạt được cũng như xem xét ý kiến phản hồi, đánh giá của các bên liên quan về loại hình và số lượng các TSTT của Nhà trường, đồng thời căn cứ kết quả đối sánh, Trường xác định các nội dung cải tiến nhằm tăng cường các loại hình và số lượng các TSTT và thể hiện trong kế hoạch năm học tiếp theo [H23.23.04.35], [H23.23.04.36]. Bên cạnh đó, trong Nghị quyết của HĐQT có các nội dung tăng cường đầu tư cho hoạt động NCKH nhằm đẩy mạnh hoạt động NCKH của Nhà trường, trong đó tăng cường các loại hình và số lượng các TSTT [H23.23.04.37], [H23.23.04.38]. Ngoài ra, Nhà trường áp dụng nhiều chính sách, biện pháp, nguồn kinh phí nhằm nâng cao số lượng, chất lượng hoạt động NCKH của Trường trong đó có các loại hình và số lượng các TSTT [H23.23.04.39], [H23.23.04.40], [H23.23.04.41]. Trong giai đoạn 2015-2019, các loại hình và số lượng các TSTT của Nhà trường tăng lên [H23.23.04.42], [H23.23.04.43], [H23.23.04.44].

Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 23.5. Ngân quỹ cho từng loại hoạt động nghiên cứu được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến

Trong KHCL Nhà trường giai đoạn 2009-2016 tầm nhìn 2020, KHCL Nhà trường giai đoạn 2017-2025 tầm nhìn 2030, kế hoạch trung hạn giai đoạn 2017-2020, kế hoạch năm học hằng năm đã được ban hành và thực hiện luôn có các mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể về tài chính, trong đó tập trung phát triển các nguồn thu hợp pháp nhằm phục vụ việc thực hiện các hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ [H23.23.05.01], [H23.23.05.02], [H23.23.05.05], [H23.23.05.08]. Bên cạnh đó, trong KHCL về NCKH, tài chính của Nhà trường giai đoạn 2017-2025, kế hoạch trung hạn về NCKH, tài chính giai đoạn 2017-2020 của Nhà trường có các KPIs về NCKH và tài chính từ hoạt động NCKH cũng như ngân quỹ dành cho hoạt động NCKH [H23.23.05.03], [H23.23.05.04], [H23.23.05.06], [H23.23.05.07]. Quy chế tài chính nội bộ, Quy chế hoạt động NCKH của GV, Quy chế hoạt động NCKH của SV do Nhà trường ban hành có quy định cụ thể về ngân quỹ, mức chi cho các hoạt động NCKH [H23.23.05.09], [H23.23.05.10], [H23.23.05.11]. Hàng năm, Nhà trường đều dành kinh phí chi cho hoạt động NCKH với mức kinh phí tăng qua từng năm [H23.23.05.12]. Trong giai đoạn 2015-2019, Nhà trường đã chi 500 triệu cho hoạt động NCKH của Trường [H23.23.05.13], [H23.23.05.14].

Căn cứ quy định về khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan, hàng năm, Nhà trường ban hành kế hoạch khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan về hoạt động của Trường [H23.23.05.15], [H23.23.05.16]. Trong nội dung khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan về hoạt động của Trường có khảo sát về mức độ phù hợp, minh bạch của ngân quỹ cho hoạt động NCKH [H23.23.05.17]. Phòng KT&ĐBCL là đơn vị chủ trì và phối hợp với các Khoa để thực hiện khảo sát ý kiến của CB, GV của Trường, trong đó có nội dung về mức độ phù hợp, minh bạch của ngân quỹ cho hoạt động NCKH [H23.23.05.16]. Kết quả khảo sát CB, GV về mức độ phù hợp, minh bạch của ngân quỹ cho hoạt động NCKH của Nhà trường thể hiện mức

độ hài lòng trên 75% ý kiến được khảo sát [H23.23.05.18]. Bên cạnh đó, ý kiến của CB, GV tại hội nghị người lao động hàng năm thể hiện mức độ hài lòng về mức độ phù hợp, minh bạch của ngân quỹ cho hoạt động NCKH của Trường [H23.23.05.19].

Nhà trường phân công Phòng TC-NS là đơn vị theo dõi, giám sát việc phân bổ ngân quỹ cho từng loại hoạt động nghiên cứu [H23.23.05.20], [H23.23.05.21], [H23.23.05.22]. Căn cứ kết quả xét duyệt đề tài NKCH hàng năm, Phòng KH & HTQT triển khai ký kết hợp đồng thực hiện đề tài với các chủ nhiệm đề tài, trên cơ sở đó, Phòng TC-NS cấp kinh phí thực hiện cho các chủ nhiệm đề tài theo mức kinh phí đã được xét duyệt [H23.23.05.23], [H23.23.05.24], [H23.23.05.25], tài [H23.23.05.26], tài [H23.23.05.27]. Bên cạnh đó, khi tiến hành thanh lý hợp đồng đề tài NCKH, Phòng TC-NS đồng thời giám sát việc sử dụng kinh phí đã được cấp của các chủ nhiệm đề [H23.23.05.28], [H23.23.05.29]. Trong thành phần BGH, Nhà trường phân công hiệu trưởng phụ trách về công tác tài chính của Nhà trường trong đó theo dõi, giám sát việc phân bổ ngân quỹ cho từng loại hoạt động nghiên cứu của Trường [H23.23.05.30]. Bên cạnh đó, Nhà trường hợp đồng với Công ty Crowe Vietnam Co., Ltd (“Crowe Vietnam”) để thực hiện công tác giám sát, kiểm toán hoạt động tài chính của Trường, trong đó có giám sát việc phân bổ ngân quỹ cho từng loại hoạt động nghiên cứu [H23.23.05.31]. Ngoài ra, Phòng TC-NS thực hiện báo cáo tài chính HĐQT, BGH, trong đó có báo cáo việc phân bổ ngân quỹ cho từng loại hoạt động nghiên cứu của Trường [H23.23.05.32]. Trong báo cáo tổng kết hàng năm của Nhà trường luôn đánh giá kết quả việc phân bổ ngân quỹ cho từng loại hoạt động nghiên cứu [H23.23.05.33], [H23.23.05.34].

Hàng năm, Phòng TC-NS thực hiện đối sánh ngân quỹ dành cho hoạt động NCKH và việc phân bổ ngân quỹ cho từng loại hoạt động nghiên cứu với chỉ tiêu đã xác định trong kế hoạch năm học cũng như so với quy định của Trường [H23.23.05.35], [H23.23.05.36]. Bên cạnh đó, Phòng TC-NS đối sánh ngân quỹ dành cho hoạt động NCKH và việc phân bổ ngân quỹ cho từng loại hoạt động nghiên cứu trong năm học so với năm học trước [H23.23.05.37]. Ngoài ra, Phòng TC-NS tiến hành đối sánh ngân quỹ dành cho hoạt động NCKH và việc phân bổ ngân quỹ cho từng loại hoạt động nghiên cứu so với tiêu chuẩn đánh giá chất lượng trường đại học do Bộ GD&ĐT ban hành, quy định của Nhà nước cũng như so với Trường Đại học Công nghệ TP.HCM [H23.23.05.38], [H23.23.05.39]. Căn cứ báo cáo tài chính hàng năm, kết quả khảo sát kiến phản hồi, đánh giá của các bên liên quan cũng như kết quả đối sánh về ngân quỹ dành cho hoạt động NCKH và việc phân bổ ngân quỹ cho từng loại hoạt động nghiên cứu, HĐQT, BGH Nhà trường điều chỉnh ngân quỹ dành cho hoạt động NCKH và việc phân bổ ngân quỹ cho từng loại hoạt động nghiên cứu [H23.23.05.26]. Trong giai đoạn 2015-2019, ngân quỹ dành cho hoạt động NCKH và việc phân bổ ngân quỹ cho từng loại hoạt động nghiên cứu của Nhà trường tăng qua từng năm [H23.23.05.33], [H23.23.05.37]. Đặc biệt, Nhà trường thành lập Quỹ hoạt động NCKH để chi phí cho việc tăng cường các hoạt động NCKH và chuyển giao công nghệ của Trường [H23.23.05.40], [H23.23.05.41], [H23.23.05.42]. Song song với việc tăng ngân quỹ cho các hoạt động NCKH, Nhà trường áp dụng nhiều chính sách, biện pháp nhằm đẩy mạnh hoạt động NCKH của Trường [H23.23.05.43], [H23.23.05.44]. Trong giai đoạn 2015-2019, Nhà trường đã chuyển giao thành công 02 công trình NCKH cho Tập đoàn Quốc tế Á Châu để áp dụng đối với các trường trong hệ thống với số tiền là 600 triệu đồng [H23.23.05.45].

Tự đánh giá: 4/7

Tiêu chí 23.6. Kết quả nghiên cứu và sáng tạo (bao gồm cả việc thương mại hóa, thử nghiệm chuyển giao, thành lập các đơn vị khởi nghiệp) được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến

Trong KHCL của Nhà trường giai đoạn 2009-2016 tầm nhìn 2020, KHCL Nhà trường giai đoạn 2017-2025 tầm nhìn 2030, kế hoạch trung hạn giai đoạn 2017-2020 của Trường đã được ban hành và thực hiện luôn có các mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể về kết quả nghiên cứu và sáng tạo [H23.23.06.01], [H23.23.06.02], [H23.23.06.04]. Bên cạnh đó, trong KHCL về NCKH của Nhà trường giai đoạn 2017-2025, kế hoạch trung hạn về NCKH giai đoạn 2017-2020 của Nhà trường có các KPIs về NCKH nói chung, trong đó có kết quả nghiên cứu và sáng tạo [H23.23.06.03], [H23.23.06.05]. Trong kế hoạch năm học hàng năm của Nhà trường, của Phòng KH & HTQT, các Khoa luôn có nội dung về kết quả nghiên cứu và sáng tạo [H23.23.06.06], [H23.23.06.07], [H23.23.06.08]. Ngoài ra, kết quả nghiên cứu và sáng tạo được thể hiện trong Quy định hoạt động NCKH của GV, Quy định hoạt động NCKH của SV, Quy định về SHTT do Nhà trường ban hành [H23.23.06.09], [H23.23.06.10], [H23.23.06.11].

Căn cứ quy định về khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan, hàng năm, Nhà trường ban hành kế hoạch khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan về hoạt động của Trường [H23.23.06.12], [H23.23.06.13]. Trong nội dung khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan về hoạt động của Trường có khảo sát về chất lượng kết quả nghiên cứu và sáng tạo [H23.23.06.14]. Phòng KT&ĐBCL là đơn vị chủ trì và phối hợp với các Khoa để thực hiện khảo sát ý kiến của CB, GV, SV của Trường, trong đó có nội dung về chất lượng kết quả nghiên cứu và sáng tạo [H23.23.06.13]. Kết quả khảo sát CB, GV, SV về chất lượng kết quả nghiên cứu và sáng tạo của Nhà trường thể hiện mức độ hài lòng trên 75% ý kiến được khảo sát [H23.23.06.15]. Bên cạnh đó, ý kiến của các doanh nghiệp sử dụng lao động, của cựu SV tại các hội nghị, hội thảo do Nhà trường tổ chức cũng như ý kiến của CB, GV tại hội nghị người lao động hàng năm thể hiện mức độ hài lòng về chất lượng kết quả nghiên cứu và sáng tạo của Trường [H23.23.06.16], [H23.23.06.17], [H23.23.06.18].

Trong giai đoạn 2015-2019, Nhà trường luôn quan tâm đến việc đẩy mạnh hoạt động khởi nghiệp thông qua việc thành lập các CLB khởi nghiệp và thể hiện rõ trong nghị quyết HĐQT, kế hoạch năm học hàng năm của Trường [H23.23.06.06], [H23.23.06.19]. Nhà trường đã thành lập 1 CLB khởi nghiệp cho SV và các Khoa đang hoàn thiện đề án, thủ tục thành lập CLB khởi nghiệp dành cho của khoa [H23.23.06.20]. Nhà trường ưu tiên dành kinh phí nhằm đẩy mạnh hoạt động của CLB khởi nghiệp [H23.23.06.21]. Nhà trường phân công Phòng KH & HTQT là đơn vị theo dõi, giám sát kết quả nghiên cứu và sáng tạo của CB, GV, SV của toàn trường [H23.23.06.22], [H23.23.06.23], [H23.23.06.24], [H23.23.06.25], [H23.23.06.26], [H23.23.06.27]. Bên cạnh đó, Nhà trường phân công Ban chủ nhiệm các Khoa có trách nhiệm theo dõi, giám sát kết quả nghiên cứu và sáng tạo của CB, GV, SV của Khoa [H23.23.06.27], [H23.23.06.28]. Phòng KH & HTQT đồng thời phân công 01 nhân sự của Phòng thực hiện việc xây dựng cơ sở dữ liệu về kết quả nghiên cứu và sáng tạo của CB, GV, SV, trong đó cập nhật từng năm [H23.23.06.26], [H23.23.06.29].

Hàng năm, Phòng KH & HTQT thực hiện đối sánh về kết quả nghiên cứu và sáng tạo của CB, GV, SV của Nhà trường đạt được so với chỉ tiêu đã xác định trong kế hoạch năm học cũng như so với quy định của Trường [H23.23.06.30], [H23.23.06.31].

Bên cạnh đó, Phòng KH & HTQT đối sánh kết quả nghiên cứu và sáng tạo của Nhà trường đạt được trong năm học so với năm học trước [H23.23.06.32]. Ngoài ra, Phòng KH & HTQT tiến hành đối sánh kết quả nghiên cứu và sáng tạo của Nhà trường đạt được so với tiêu chuẩn đánh giá chất lượng trường đại học do Bộ GD&ĐT ban hành cũng như so với Trường Đại học Công nghệ TP.HCM [H23.23.06.33], [H23.23.06.34], [H23.23.06.35]. Căn cứ báo cáo tổng kết kết quả nghiên cứu và sáng tạo hàng năm, kết quả khảo sát kiến phản hồi, đánh giá của các bên liên quan cũng như kết quả đối sánh về kết quả nghiên cứu và sáng tạo, BGH Nhà trường họp với lãnh đạo các đơn vị đề rà soát, điều chỉnh hoạt động nghiên cứu và sáng tạo đồng thời xác định các nội dung cải tiến nhằm tăng cường chất lượng kết quả nghiên cứu và sáng tạo của Trường và thể hiện trong kế hoạch năm học tiếp theo [H23.23.06.36], [H23.23.06.37]. Trong Nghị quyết của HĐQT có các nội dung tăng cường đầu tư cho hoạt động NCKH nhằm đẩy mạnh hoạt động NCKH của Nhà trường, trong đó có tăng cường chất lượng kết quả nghiên cứu và sáng tạo [H23.23.06.19], [H23.23.06.38]. Ngoài ra, Nhà trường áp dụng nhiều chính sách, biện pháp, nguồn kinh phí nhằm nâng cao chất lượng kết quả nghiên cứu và sáng tạo của CB, GV, SV [H23.23.06.39], [H23.23.06.40], [H23.23.06.41]. Trong giai đoạn 2015-2019, kết quả nghiên cứu và sáng tạo của CB, GV, SV Nhà trường tăng lên [H23.23.06.42], [H23.23.06.43], [H23.23.06.44].

Tự đánh giá: 4/7

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 23:

1. Tóm tắt các điểm mạnh:

- Nhà trường ban hành và áp dụng quy định cụ thể về các loại hình hoạt động nghiên cứu, số lượng và chất lượng NCKH mà đội ngũ GV, cán bộ nghiên cứu và SV phải thực hiện.

- Nhà trường ban hành quy định cụ thể về các loại hình và số lượng các TSTT, kết quả nghiên cứu và sáng tạo của Trường.

- Nhà trường phân công Phòng KH & HTQT thực hiện nhiệm vụ theo dõi, giám sát, đối sánh loại hình hoạt động nghiên cứu, số lượng và chất lượng NCKH mà đội ngũ GV, cán bộ nghiên cứu và SV phải thực hiện, kết quả nghiên cứu và sáng tạo của Trường, đồng thời phân công BCN Khoa theo dõi, giám sát, đối sánh loại hình hoạt động nghiên cứu, số lượng và chất lượng NCKH mà đội ngũ GV, cán bộ nghiên cứu và SV phải thực hiện, kết quả nghiên cứu và sáng tạo của Khoa.

- Phòng KH & HTQT triển khai theo dõi, giám sát, đối sánh, xây dựng CSDL và cập nhật hàng năm về loại hình hoạt động nghiên cứu, số lượng và chất lượng NCKH mà đội ngũ GV, cán bộ nghiên cứu và SV phải thực hiện, kết quả nghiên cứu và sáng tạo của Trường.

- Nhà trường ban hành quy định khảo sát ý kiến của các bên liên quan về hoạt động của Trường và hàng năm thực hiện khảo sát ý kiến của các bên liên quan, trong đó có nội dung khảo sát về hoạt động NCKH, SHTT, ngân quỹ dành cho NCKH, kết quả nghiên cứu và sáng tạo của Trường.

- Nhà trường quan tâm dành kinh phí cho hoạt động NCKH và xây dựng Quỹ hoạt động NCKH của Trường.

- Hàng năm, Nhà trường tổ chức rà soát các loại hình hoạt động nghiên cứu, số lượng và chất lượng NCKH mà đội ngũ GV, cán bộ nghiên cứu và SV phải thực hiện,

kết quả nghiên cứu và sáng tạo của Trường và trên cơ sở đó xác định các biện pháp cải tiến chất lượng hoạt động NCKH của Trường.

- Nhà trường áp dụng nhiều chính sách, biện pháp cải tiến chất lượng hoạt động NCKH, kết quả nghiên cứu và sáng tạo của Trường.

- Kết quả hoạt động NCKH của Nhà trường được cải thiện qua từng năm và góp phần thực hiện SM, TN, TLGD của Trường.

- Đến nay, Nhà trường có 02 TSTT và đã chuyển giao thành công 02 công trình NCKH cho Tập đoàn Quốc tế Á Châu để áp dụng đối với các trường trong hệ thống với số tiền là 600.000.000 đồng.

- Nhà trường thành lập 4 CLB khởi nghiệp SV và đầu tư kinh phí cho hoạt động khởi nghiệp của Trường.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại:

Tuy Nhà trường áp dụng các chính sách khen thưởng đối với các bài báo đăng trên các tạp chí uy tín quốc tế nhưng đến nay số lượng các bài báo của GV đăng trên các tạp chí trong danh mục ISI, Scopus còn hạn chế.

3. Kế hoạch cải tiến:

Từ học kỳ 2 năm học 2019-2020, Nhà trường áp dụng các KPIs đối với các Khoa về việc đăng tải các trên các tạp chí uy tín quốc tế trong danh mục ISI, Scopus nhằm tăng cường số lượng các bài báo của Nhà trường đăng trên các tạp chí uy tín quốc tế.

4. Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
Tiêu chuẩn 23	4.17
Tiêu chí 23.1	4
Tiêu chí 23.2	4
Tiêu chí 23.3	4
Tiêu chí 23.4	5
Tiêu chí 23.5	4
Tiêu chí 23.6	4

Tiêu chuẩn 24: Kết quả PVCĐ

Tiêu chí 24.1. Loại hình và khối lượng tham gia vào hoạt động kết nối và PVCĐ, đóng góp cho xã hội được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến

Trong Quy chế tổ chức và hoạt động do Nhà trường ban hành có quy định trách nhiệm, quyền hạn của đội ngũ CB, GV, NV, trong đó quy định CB, GV, NV có trách nhiệm tham gia và thực hiện các hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ nhằm đóng góp vào sự phát triển của Trường và cho cộng đồng, cho xã hội [H24.24.01.01]. Bên cạnh đó, trong Quy định làm việc của GV nêu rõ trách nhiệm tham gia hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ đối với GV của Trường [H24.24.01.02]. Hàng năm, trong các tiêu chí đánh giá CB, GV, NV của Nhà trường luôn có các tiêu chí đánh giá về mức độ, kết quả các hoạt động của cá nhân tham gia các hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ, đóng góp cho xã hội [H24.24.01.03]. Bên cạnh đó, Công đoàn Nhà trường thường xuyên tổ chức các hoạt động PVCĐ và triển khai đến CB, GV, NV tham gia [H24.24.01.04]. Đối với SV, Nhà trường ban hành quy định về trách nhiệm tham gia các hoạt động PVCĐ của SV [H24.24.01.05]. Trong nội dung đánh giá rèn luyện hàng năm của SV Nhà trường có quy định về đánh giá kết quả tham gia các hoạt động PVCĐ [H24.24.01.06], [H24.24.01.07], [H24.24.01.08]. Các văn bản về hoạt động kết nối và PVCĐ, đóng góp cho xã hội của Nhà trường đồng thời được đăng tải trên website của Trường, Phòng TS&CTSV và các Khoa cũng như thể hiện trong Sổ tay GV, Sổ tay SV của Trường [H24.24.01.09], [H24.24.01.10], [H24.24.01.11]. Ngoài ra, trong KHCL giai đoạn 2009-2016 tầm nhìn 2020, KHCL giai đoạn 2017-2025 tầm nhìn 2030, kế hoạch trung hạn giai đoạn 2017-2020 và kế hoạch hàng năm của Nhà trường luôn có các KPIs về hoạt động kết nối và PVCĐ đóng góp cho xã hội [H24.24.01.12], [H24.24.01.13], [H24.24.01.14], [H24.24.01.15].

Nhà trường phân công trách nhiệm cho các đơn vị theo dõi, giám sát kết quả thực hiện các hoạt động kết nối và PVCĐ, đóng góp cho xã hội của Trường [H24.24.01.16]. Theo đó, Phòng ĐT là đơn vị theo dõi, giám sát các hoạt động kết nối và PVCĐ trong lĩnh vực ĐT, Phòng KH&HTQT là đơn vị theo dõi, giám sát các hoạt động kết nối và PVCĐ trong lĩnh vực NCKH, Phòng TS&CTSV là đơn vị theo dõi, giám sát các hoạt động kết nối và PVCĐ [H24.24.01.17], [H24.24.01.18], [H24.24.01.19], [H24.24.01.20], [H24.24.01.21], [H24.24.01.22]. Các Phòng ĐT, Phòng KH&HTQT, Phòng TS&CTSV phân công nhân sự của Phòng theo dõi, giám sát các hoạt động kết nối và PVCĐ đối với lĩnh vực được phân công [H24.24.01.18], [H24.24.01.20], [H24.24.01.22]. Bên cạnh đó, Phòng TS&CTSV là đơn vị tổng hợp, theo dõi, giám sát các hoạt động PVCĐ của toàn trường [H24.24.01.21], [H24.24.01.22]. Hàng năm, kết quả thực hiện các hoạt động kết nối và PVCĐ, đóng góp cho xã hội của Trường được thể hiện trong báo cáo tổng kết năm học của Nhà trường và của các đơn vị cũng như trong báo cáo Hội nghị người lao động [H24.24.01.23], [H24.24.01.24], [H24.24.01.25], [H24.24.01.26].

Nhà trường phân công Phòng ĐT là đơn vị đối sánh kết quả hoạt động kết nối và PVCĐ, đóng góp cho xã hội của Trường trong lĩnh vực ĐT, Phòng KH&HTQT là đơn vị đối sánh kết quả hoạt động kết nối và PVCĐ, đóng góp cho xã hội của Trường trong lĩnh vực NCKH, Phòng TS&CTSV là đơn vị đối sánh các hoạt động kết nối và PVCĐ [H24.24.01.16]. Bên cạnh đó, Phòng TS&CTSV là đơn vị tổng hợp kết quả đối sánh hoạt động kết nối và PVCĐ, đóng góp cho xã hội của toàn Trường [H24.24.01.16]. Các Phòng ĐT, Phòng KH&HTQT, Phòng TS&CTSV phân công

nhân sự của Phòng thực hiện đối sánh kết quả hoạt động kết nối và PVCĐ, đóng góp cho xã hội của Trường đối với lĩnh vực được phân công [H24.24.01.18], [H24.24.01.20], [H24.24.01.22]. Kết thúc mỗi năm học, Phòng TS&CTSV tổng hợp và đối sánh kết quả hoạt động kết nối và PVCĐ, đóng góp cho xã hội của Trường so với chỉ tiêu đã xác định trong kế hoạch năm học cũng như so với quy định của Trường [H24.24.01.27], [H24.24.01.28]. Bên cạnh đó, Phòng TS&CTSV đối sánh kết quả hoạt động kết nối và PVCĐ, đóng góp cho xã hội của Trường đạt được trong năm học so với năm học trước [H24.24.01.29]. Ngoài ra, đối sánh kết quả hoạt động kết nối và PVCĐ, đóng góp cho xã hội của Trường so với tiêu chuẩn đánh giá chất lượng trường đại học do Bộ GD&ĐT ban hành cũng như so với Trường Đại học Công nghệ TP.HCM [H24.24.01.30], [H24.24.01.31]. Hàng năm, Nhà trường tổ chức họp giữa BGH với lãnh đạo các đơn vị để xem xét, đánh giá, rà soát, điều chỉnh loại hình và khối lượng tham gia vào hoạt động kết nối và PVCĐ, đóng góp cho xã hội. Phòng TS&CTSV xây dựng CSDL của Nhà trường về kết quả hoạt động kết nối và PVCĐ, đóng góp cho xã hội và cập nhật qua từng năm [H24.24.01.15], [H24.24.01.32], [H24.24.01.33].

Căn cứ quy định về khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan, hàng năm, Nhà trường ban hành kế hoạch khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan về hoạt động của Trường [H24.24.01.34], [H24.24.01.35]. Trong nội dung khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan về hoạt động của Trường có khảo sát về loại hình và khối lượng tham gia vào hoạt động kết nối và PVCĐ, đóng góp cho xã hội [H24.24.01.36], [H24.24.01.37]. Bên cạnh đó, ý kiến của các doanh nghiệp sử dụng lao động, của cựu SV tại các hội nghị, hội thảo do Nhà trường tổ chức đồng thời đánh giá, góp ý đối với Trường nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động kết nối và PVCĐ [H24.24.01.38], [H24.24.01.39]. Ngoài ra, ý kiến của CB, GV tại hội nghị người lao động hàng năm, ý kiến của SV tại diễn đàn đối thoại giữa BGH với SV hàng năm thể hiện mức độ hài lòng về chất lượng hoạt động kết nối và PVCĐ của Trường [H24.24.01.40], [H24.24.01.41]. Trong giai đoạn 2015-2019, ý kiến của các bên liên quan đánh giá về hoạt động kết nối và PVCĐ, đóng góp cho xã hội của Trường ở mức độ Khá [H24.24.01.37].

Trong Nghị quyết của HĐQT Nhà trường luôn có các nội dung định hướng, chỉ đạo triển khai các biện pháp nhằm cải tiến, nâng cao chất lượng hoạt động kết nối và PVCĐ, đóng góp cho xã hội của Trường [H24.24.01.42]. Bên cạnh đó, các kết luận cuộc họp giao ban của Nhà trường luôn có các nội dung cụ thể để cải tiến, nâng cao chất lượng hoạt động kết nối và PVCĐ, đóng góp cho xã hội của Trường [H24.24.01.33]. Căn cứ kết quả thu thập và khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan về hoạt động kết nối và PVCĐ, đóng góp cho xã hội của Trường cũng như kết quả đối sánh về loại hình và khối lượng tham gia vào hoạt động kết nối và PVCĐ, đóng góp cho xã hội, Nhà trường xác định các nội dung cải tiến, nâng cao chất lượng hoạt động kết nối và PVCĐ, đóng góp cho xã hội của Trường và thể hiện trong kế hoạch năm học của năm tiếp theo của Trường và của các đơn vị [H24.24.01.04], [H24.24.01.15], [H24.24.01.43]. Hàng năm, Nhà trường luôn dành kinh phí chi cho việc áp dụng các biện pháp cải tiến chất lượng hoạt động kết nối và PVCĐ, đóng góp cho xã hội [H24.24.01.44], [H24.24.01.45]. Nhà trường đồng thời quan tâm đầu tư CSVC, trang thiết bị nhằm nâng cao hiệu quả các hoạt động kết nối và PVCĐ, đóng góp cho xã hội của Trường [H24.24.01.46]. Trong giai đoạn 2015-2019, kết quả hoạt động kết nối và PVCĐ của Nhà trường được cải tiến qua từng năm [H24.24.01.23],

[H24.24.01.24], [H24.24.01.25], [H24.24.01.26], [H24.24.01.29]. Nhà trường và các đơn vị, các cá nhân của Trường đã được nhận nhiều hình thức khen thưởng các cấp vì đã có thành tích trong hoạt động kết nối và PVCĐ [H24.24.01.47], [H24.24.01.48].

Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 24.2. Tác động xã hội, kết quả của hoạt động kết nối và PVCĐ, đóng góp cho xã hội được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến

Nhà trường phân công Phòng TS&CTSV là đơn vị đơn vị thực hiện đánh giá tác động của hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ PVCĐ của Trường [H24.24.02.01], [H24.24.02.02]. Bên cạnh đó, Nhà trường phân công các đơn vị tham gia hoạt động kết nối và PVCĐ thực hiện đánh giá tác động của hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ PVCĐ đối với lĩnh vực được phân công thực hiện [H24.24.02.01], [H24.24.02.02]. Theo đó, Phòng ĐT là đơn vị thực hiện đánh giá tác động của hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ PVCĐ trong lĩnh vực ĐT, Phòng KH&HTQT là đơn vị thực hiện đánh giá tác động của hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ PVCĐ trong lĩnh vực NCKH, Phòng TS&CTSV, Công đoàn là đơn vị thực hiện đánh giá tác động hoạt động PVCĐ [H24.24.02.01], [H24.24.02.02], [H24.24.02.03], [H24.24.02.04], [H24.24.02.05], [H24.24.02.06], [H24.24.02.07], [H24.24.02.08]. Phòng ĐT, Phòng KH&HTQT, Phòng TS&CTSV phân công nhân sự của Phòng thực hiện đánh giá tác động của hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ PVCĐ của Trường đối với lĩnh vực được phân công [H24.24.02.04], [H24.24.02.06], [H24.24.02.08]. Trong kế hoạch năm học hàng năm của Nhà trường và của Phòng ĐT, Phòng KH&HTQT, Phòng TS&CTSV có nội dung đánh giá tác động của hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ PVCĐ của Trường [H24.24.02.09], [H24.24.02.10]. Hàng năm, trong báo cáo tổng kết năm học của Nhà trường và của Phòng ĐT, Phòng KH&HTQT, Phòng TS&CTSV luôn có nội dung đánh giá tác động của hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ PVCĐ của Trường [H24.24.02.11], [H24.24.02.12]. Các Phòng ĐT, Phòng KH&HTQT Phòng TS&CTSV phân công nhân sự của Phòng theo dõi, giám sát tác động xã hội, kết quả thực hiện các hoạt động kết nối và PVCĐ, đóng góp cho xã hội đối với lĩnh vực được phân công [H24.24.02.04], [H24.24.02.06], [H24.24.02.08]. Bên cạnh đó, Phòng TS&CTSV là đơn vị tổng hợp, theo dõi, giám sát tác động xã hội, kết quả thực hiện các hoạt động kết nối và PVCĐ đóng góp cho xã hội của Trường [H24.24.02.07], [H24.24.02.08]. Hàng năm, tác động xã hội, kết quả thực hiện các hoạt động kết nối và PVCĐ, đóng góp cho xã hội của Trường được thể hiện trong báo cáo tổng kết năm học của Nhà trường và của các đơn vị cũng như trong báo cáo Hội nghị người lao động [H24.24.02.11], [H24.24.02.13].

Phòng ĐT là đơn vị đối sánh tác động xã hội, kết quả thực hiện các hoạt động kết nối và PVCĐ, đóng góp cho xã hội của Trường trong lĩnh vực ĐT, Phòng KH&HTQT là đơn vị đối sánh tác động xã hội, kết quả thực hiện các hoạt động kết nối và PVCĐ, đóng góp cho xã hội của Trường trong lĩnh vực NCKH, Phòng TS&CTSV là đơn vị đối sánh tác động xã hội, kết quả thực hiện các hoạt động kết nối và PVCĐ, đóng góp cho xã hội [H24.24.02.02]. Bên cạnh đó, Phòng TS&CTSV là đơn vị tổng hợp kết quả đối sánh tác động xã hội, kết quả thực hiện các hoạt động kết nối và PVCĐ, đóng góp cho xã hội của toàn Trường [H24.24.02.02]. Phòng ĐT, Phòng KH&HTQT Phòng TS&CTSV phân công nhân sự của Phòng thực hiện đối sánh tác động xã hội, kết quả thực hiện các hoạt động kết nối và PVCĐ, đóng góp cho xã hội của Trường đối với lĩnh vực được phân công [H24.24.02.04], [H24.24.02.06],

[H24.24.02.08]. Kết thúc mỗi năm học, Phòng TS&CTSV tổng hợp và đối sánh tác động xã hội, kết quả thực hiện các hoạt động kết nối và PVCĐ, đóng góp cho xã hội của Trường so với chỉ tiêu đã xác định trong kế hoạch năm học cũng như so với quy định của Trường [H24.24.02.14], [H24.24.02.15]. Bên cạnh đó, Phòng TS&CTSV đối sánh kết quả tác động xã hội, kết quả thực hiện các hoạt động kết nối và PVCĐ, đóng góp cho xã hội của Trường đạt được trong năm học so với năm học trước [H24.24.02.16]. Ngoài ra, đối sánh tác động xã hội, kết quả thực hiện các hoạt động kết nối và PVCĐ, đóng góp cho xã hội của Trường so với tiêu chuẩn đánh giá chất lượng trường đại học do Bộ GD&ĐT ban hành cũng như so với Trường Đại học Công nghệ TP.HCM [H24.24.02.17], [H24.24.02.18].

Căn cứ quy định về khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan, hàng năm, Nhà trường ban hành kế hoạch khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan về hoạt động của Trường [H24.24.02.19], [H24.24.02.20]. Trong nội dung khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan về hoạt động của Trường có khảo sát về tác động xã hội, kết quả thực hiện các hoạt động kết nối và PVCĐ, đóng góp cho xã hội [H24.24.02.21], [H24.24.02.22]. Bên cạnh đó, ý kiến của các doanh nghiệp sử dụng lao động, của cựu SV tại các hội nghị, hội thảo do Nhà trường tổ chức đồng thời đánh giá, góp ý đối với Trường nhằm nâng cao tác động xã hội cũng như hiệu quả hoạt động kết nối và PVCĐ [H24.24.02.23], [H24.24.02.24]. Ngoài ra, ý kiến của CB, GV tại hội nghị người lao động hàng năm, ý kiến của SV tại diễn đàn đối thoại giữa BGH với SV hàng năm thể hiện mức độ hài lòng về tác động xã hội, kết quả thực hiện các hoạt động kết nối và PVCĐ, đóng góp cho xã hội của Trường [H24.24.02.13], [H24.24.02.25]. Trong giai đoạn 2015-2019, ý kiến của các bên liên quan đánh giá về tác động xã hội, kết quả thực hiện các hoạt động kết nối và PVCĐ, đóng góp cho xã hội của Trường ở mức độ Khá [H24.24.02.22].

Hàng năm, Nhà trường tổ chức họp giữa BGH với lãnh đạo các đơn vị để xem xét, đánh giá, rà soát, điều chỉnh tác động xã hội, kết quả thực hiện các hoạt động kết nối và PVCĐ, đóng góp cho xã hội của Trường [H24.24.02.26]. Trong Nghị quyết của HĐQT Nhà trường luôn có các nội dung định hướng, chỉ đạo triển khai các biện pháp nhằm cải tiến, nâng cao chất lượng hoạt động kết nối và PVCĐ, đóng góp cho xã hội của Trường [H24.24.02.27]. Bên cạnh đó, các kết luận cuộc họp giao ban của Nhà trường luôn có các nội dung cụ thể để cải tiến, nâng cao chất lượng hoạt động kết nối và PVCĐ, đóng góp cho xã hội của Trường [H24.24.02.28]. Căn cứ kết quả thu thập và khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan về hoạt động kết nối và PVCĐ, đóng góp cho xã hội của Trường cũng như kết quả đối sánh tác động xã hội, kết quả thực hiện các hoạt động kết nối và PVCĐ, đóng góp cho xã hội, Nhà trường xác định các nội dung cải tiến, nâng cao chất lượng hoạt động kết nối và PVCĐ, đóng góp cho xã hội của Trường và thể hiện trong kế hoạch năm học [H24.24.02.09], [H24.24.02.10]. Hàng năm, Nhà trường luôn dành kinh phí chi cho việc áp dụng các biện pháp cải tiến chất lượng hoạt động kết nối và PVCĐ, đóng góp cho xã hội [H24.24.02.29], [H24.24.02.30]. Nhà trường đồng thời quan tâm đầu tư CSVC, trang thiết bị nhằm nâng cao hiệu quả các hoạt động kết nối và PVCĐ, đóng góp cho xã hội của Trường [H24.24.02.31]. Trong giai đoạn 2015-2019, tác động xã hội, kết quả hoạt động kết nối và PVCĐ của Nhà trường được cải tiến qua từng năm [H24.24.02.11], [H24.24.02.12], [H24.24.02.13], [H24.24.02.16]. Nhà trường và các đơn vị, các cá nhân của Trường đã được nhận nhiều hình thức khen thưởng các cấp vì đã có thành tích trong hoạt động kết nối và PVCĐ [H24.24.02.32], [H24.24.02.33].

Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 24.3. Tác động của hoạt động kết nối và PVCĐ đối với người học và đội ngũ cán bộ, giảng viên, nhân viên được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến

Trong kế hoạch năm học hàng năm của Nhà trường và của Phòng ĐT, Phòng KH&HTQT, Phòng TS&CTSV có nội dung đánh giá tác động của hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ PVCĐ đối với người học và đội ngũ CB, GV, NV [H24.24.03.01], [H24.24.03.02]. Nhà trường phân công Phòng TS&CTSV là đơn vị thực hiện đánh giá tác động của hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ PVCĐ đối với người học và đội ngũ CB, GV, NV [H24.24.03.03]. Bên cạnh đó, Nhà trường phân công các đơn vị tham gia hoạt động kết nối và PVCĐ thực hiện đánh giá tác động của hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ PVCĐ trong lĩnh vực được phân công thực hiện đối với người học và đội ngũ CB, GV, NV [H24.24.03.03]. Theo đó, Phòng ĐT là đơn vị thực hiện đánh giá tác động của hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ PVCĐ trong lĩnh vực ĐT, Phòng KH&HTQT là đơn vị thực hiện đánh giá tác động của hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ PVCĐ trong lĩnh vực NCKH, Phòng TS&CTSV, Công đoàn là đơn vị thực hiện đánh giá tác động hoạt động PVCĐ đối với người học và đội ngũ CB, GV, NV [H24.24.03.03]. Phòng ĐT, Phòng KH&HTQT, Phòng TS&CTSV phân công nhân sự của Phòng thực hiện đánh giá tác động của hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ PVCĐ của Trường trong lĩnh vực được phân công đối với người học và đội ngũ CB, GV, NV [H24.24.03.04], [H24.24.03.05], [H24.24.03.06], [H24.24.03.07], [H24.24.03.08], [H24.24.03.09]. Hàng năm, trong báo cáo tổng kết năm học của Nhà trường và của Phòng ĐT, Phòng KH&HTQT, Phòng TS&CTSV luôn có nội dung đánh giá tác động của hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ PVCĐ của Trường đối với người học và đội ngũ CB, GV, NV [H24.24.03.10], [H24.24.03.11].

Phòng ĐT, Phòng KH&HTQT, Phòng TS&CTSV phân công nhân sự của Phòng theo dõi, giám sát tác động xã hội, kết quả thực hiện các hoạt động kết nối và PVCĐ, đóng góp cho xã hội đối với lĩnh vực được phân công đối với người học và đội ngũ CB, GV, NV [H24.24.03.05], [H24.24.03.07], [H24.24.03.09]. Bên cạnh đó, Phòng TS&CTSV là đơn vị tổng hợp, theo dõi, giám sát tác động xã hội, kết quả thực hiện các hoạt động kết nối và PVCĐ đóng góp cho xã hội đối với người học và đội ngũ CB, GV, NV [H24.24.03.09]. Hàng năm, tác động xã hội, kết quả thực hiện các hoạt động kết nối và PVCĐ, đóng góp cho xã hội đối với người học và đội ngũ CB, GV, NV được thể hiện trong báo cáo tổng kết năm học của Nhà trường và của các đơn vị cũng như trong báo cáo Hội nghị người lao động [H24.24.03.10], [H24.24.03.11], [H24.24.03.12].

Nhà trường phân công Phòng ĐT là đơn vị đối sánh tác động xã hội, kết quả thực hiện các hoạt động kết nối và PVCĐ, đóng góp cho xã hội đối với người học và đội ngũ CB, GV, NV trong lĩnh vực ĐT, Phòng KH&HTQT là đơn vị đối sánh tác động xã hội, kết quả thực hiện các hoạt động kết nối và PVCĐ, đóng góp cho xã hội đối với người học và đội ngũ CB, GV, NV trong lĩnh vực NCKH, Phòng TS&CTSV là đơn vị đối sánh tác động xã hội, kết quả thực hiện các hoạt động kết nối và PVCĐ, đóng góp cho xã hội đối với người học và đội ngũ CB, GV, NV [H24.24.03.03]. Bên cạnh đó, Phòng TS&CTSV là đơn vị tổng hợp kết quả đối sánh tác động xã hội, kết quả thực hiện các hoạt động kết nối và PVCĐ, đóng góp cho xã hội đối với người học và đội ngũ CB, GV, NV [H24.24.03.03]. Phòng ĐT, Phòng KH&HTQT, Phòng

TS&CTSV phân công nhân sự của Phòng thực hiện đối sánh tác động xã hội, kết quả thực hiện các hoạt động kết nối và PVCĐ, đóng góp cho xã hội đối với người học và đội ngũ CB, GV, NV đối với lĩnh vực được phân công [H24.24.03.05], [H24.24.03.07], [H24.24.03.09]. Kết thúc mỗi năm học, Phòng TS&CTSV tổng hợp và đối sánh tác động xã hội, kết quả thực hiện các hoạt động kết nối và PVCĐ, đóng góp cho xã hội đối với người học và đội ngũ CB, GV, NV so với chỉ tiêu đã xác định trong kế hoạch năm học cũng như so với quy định của Trường [H24.24.03.13], [H24.24.03.14]. Bên cạnh đó, Phòng TS&CTSV đối sánh kết quả tác động xã hội, kết quả thực hiện các hoạt động kết nối và PVCĐ, đóng góp cho xã hội đối với người học và đội ngũ CB, GV, NV trong năm học so với năm học trước [H24.24.03.15]. Ngoài ra, đối sánh tác động xã hội, kết quả thực hiện các hoạt động kết nối và PVCĐ, đóng góp cho xã hội đối với người học và đội ngũ CB, GV, NV so với tiêu chuẩn đánh giá chất lượng trường đại học do Bộ GD&ĐT ban hành cũng như so với Trường Đại học Công nghệ TP.HCM [H24.24.03.16], [H24.24.03.17].

Căn cứ quy định về khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan, hàng năm, Nhà trường ban hành kế hoạch khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan về hoạt động của Trường [H24.24.03.18], [H24.24.03.19]. Trong nội dung khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan về hoạt động của Trường có khảo sát về tác động xã hội, kết quả thực hiện các hoạt động kết nối và PVCĐ, đóng góp cho xã hội đối với người học và đội ngũ CB, GV, NV [H24.24.03.20], [H24.24.03.21]. Bên cạnh đó, ý kiến của các doanh nghiệp sử dụng lao động, của cựu SV tại các hội nghị, hội thảo do Nhà trường tổ chức đồng thời đánh giá, góp ý đối với Trường nhằm nâng cao tác động xã hội cũng như hiệu quả hoạt động kết nối và PVCĐ đối với người học và đội ngũ CB, GV, NV [H24.24.03.22], [H24.24.03.23]. Ngoài ra, ý kiến của CB, GV tại hội nghị người lao động hàng năm, ý kiến của SV tại diễn đàn đối thoại giữa BGH với SV hàng năm thể hiện mức độ hài lòng về tác động xã hội, kết quả thực hiện các hoạt động kết nối và PVCĐ, đóng góp cho xã hội của Trường [H24.24.03.12], [H24.24.03.24]. Trong giai đoạn 2015-2019, ý kiến của các bên liên quan đánh giá về tác động xã hội, kết quả thực hiện các hoạt động kết nối và PVCĐ, đóng góp cho xã hội của Trường ở mức độ Khá [H24.24.03.21].

Hàng năm, Nhà trường tổ chức họp giữa BGH với lãnh đạo các đơn vị để xem xét, đánh giá, rà soát, điều chỉnh tác động xã hội, kết quả thực hiện các hoạt động kết nối và PVCĐ, đóng góp cho xã hội đối với người học và đội ngũ CB, GV, NV [H24.24.03.25]. Trong Nghị quyết của HĐQT Nhà trường luôn có các nội dung định hướng, chỉ đạo triển khai các biện pháp nhằm cải tiến, nâng cao chất lượng hoạt động kết nối và PVCĐ, đóng góp cho xã hội đối với người học và đội ngũ CB, GV, NV [H24.24.03.26]. Bên cạnh đó, các kết luận cuộc họp giao ban của Nhà trường luôn có các nội dung cụ thể để cải tiến, nâng cao chất lượng hoạt động kết nối và PVCĐ, đóng góp cho xã hội đối với người học và đội ngũ CB, GV, NV [H24.24.03.27]. Căn cứ kết quả thu thập và khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan về hoạt động kết nối và PVCĐ, đóng góp cho xã hội của Trường cũng như kết quả đối sánh tác động xã hội, kết quả thực hiện các hoạt động kết nối và PVCĐ, đóng góp cho xã hội đối với người học và đội ngũ CB, GV, NV, Nhà trường xác định các nội dung cải tiến, nâng cao chất lượng hoạt động kết nối và PVCĐ, đóng góp cho xã hội của Trường và thể hiện trong kế hoạch năm học [H24.24.03.01], [H24.24.03.02]. Hàng năm, Nhà trường luôn dành kinh phí chi cho việc áp dụng các biện pháp cải tiến chất lượng hoạt động kết nối và PVCĐ, đóng góp cho xã hội [H24.24.03.28], [H24.24.03.29]. Nhà trường đồng thời

quan tâm đầu tư CSVC, trang thiết bị nhằm nâng cao hiệu quả các hoạt động kết nối và PVCĐ, đóng góp cho xã hội của Trường [H24.24.03.30]. Trong giai đoạn 2015-2019, kết quả hoạt động kết nối và PVCĐ của Nhà trường được cải tiến qua từng năm [H24.24.03.10], [H24.24.03.11], [H24.24.03.15]. Nhà trường và các đơn vị, các cá nhân của Trường đã được nhận nhiều hình thức khen thưởng các cấp vì đã có thành tích trong hoạt động kết nối và PVCĐ [H24.24.03.31], [H24.24.03.32].

Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 24.4. Sự hài lòng của các bên liên quan về hoạt động kết nối và PVCĐ, đóng góp cho xã hội được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến

Hàng năm, trong kế hoạch năm học của Nhà trường có nội dung khảo sát, đánh giá, giám sát sự hài lòng của các bên liên quan về hoạt động kết nối và PVCĐ, đóng góp cho xã hội [H24.24.04.01]. Căn cứ quy định về khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan, hàng năm, Nhà trường ban hành kế hoạch khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan về hoạt động của Trường [H24.24.04.02]. Trong nội dung khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan về hoạt động của Trường có khảo sát về tác động xã hội, kết quả thực hiện các hoạt động kết nối và PVCĐ, đóng góp cho xã hội [H24.24.04.03]. Phòng KT&ĐBCL là đơn vị triển khai khảo sát, đồng thời giám sát sự hài lòng của các bên liên quan về hoạt động kết nối và PVCĐ, đóng góp cho xã hội hàng năm của Trường [H24.24.04.05], [H24.24.04.06], [H24.24.04.07], [H24.24.04.08], [H24.24.04.09]. Phòng KT&ĐBCL phối hợp với các đơn vị để khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan về hoạt động của Trường, trong đó có sự hài lòng của các bên liên quan về hoạt động kết nối và PVCĐ, đóng góp cho xã hội của Trường [H24.24.04.03], [H24.24.04.04], [H24.24.04.05], [H24.24.04.06], [H24.24.04.07].

Kết quả khảo sát CB, GV, SV về hoạt động kết nối và PVCĐ, đóng góp cho xã hội của Trường thể hiện mức độ hài lòng trên 75% ý kiến được khảo sát [H24.24.04.10]. Nhà trường thông báo kết khảo sát CB, GV, SV về hoạt động kết nối và PVCĐ, đóng góp cho xã hội của Trường đến các đơn vị để tham khảo trong quá trình đề xuất áp dụng các biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động kết nối và PVCĐ [H24.24.04.11].

Nhà trường đồng thời giao nhiệm vụ cho các đơn vị thực hiện thu thập ý kiến của các bên liên quan về chất lượng và hiệu quả hoạt động kết nối và PVCĐ của Trường ngay trong quá trình tổ chức các hoạt động kết nối và PVCĐ [H24.24.04.12]. Ý kiến của các doanh nghiệp sử dụng lao động, của cựu SV tại các hội nghị, hội thảo do Nhà trường tổ chức đồng thời đánh giá, góp ý đối với Trường nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động kết nối và PVCĐ [H24.24.04.13], [H24.24.04.14]. Bên cạnh đó, ý kiến của CB, GV tại hội nghị người lao động hàng năm, ý kiến của SV tại diễn đàn đối thoại giữa BGH với SV hàng năm thể hiện mức độ hài lòng về kết quả thực hiện các hoạt động kết nối và PVCĐ, đóng góp cho xã hội của Trường [H24.24.04.15], [H24.24.04.16]. Trong giai đoạn 2015-2019, ý kiến của các bên liên quan đánh giá về kết quả thực hiện các hoạt động kết nối và PVCĐ, đóng góp cho xã hội của Trường ở mức độ Khá [H24.24.04.10].

Nhà trường phân công trách nhiệm cho các đơn vị theo dõi, giám sát sự hài lòng của các bên liên quan về hoạt động kết nối và PVCĐ, đóng góp cho xã hội của Trường, trong đó Phòng ĐT là đơn vị theo dõi, giám sát tác động xã hội, kết quả thực

hiện các hoạt động kết nối và PVCĐ trong lĩnh vực ĐT, Phòng KH&HTQT là đơn vị theo dõi, giám sát tác động xã hội, kết quả thực hiện các hoạt động kết nối và PVCĐ trong lĩnh vực NCKH, Phòng TS&CTSV là đơn vị theo dõi, giám sát tác động xã hội, kết quả thực hiện các hoạt động kết nối và PVCĐ [H24.24.04.12]. Phòng ĐT, Phòng KH&HTQT, Phòng TS&CTSV phân công nhân sự của Phòng theo dõi, giám sát tác động xã hội, kết quả thực hiện các hoạt động kết nối và PVCĐ, đóng góp cho xã hội đối với lĩnh vực được phân công [H24.24.04.17], [H24.24.04.18], [H24.24.04.19], [H24.24.04.20], [H24.24.04.21], [H24.24.04.22]. Bên cạnh đó, Phòng TS&CTSV là đơn vị tổng hợp, theo dõi, giám sát tác động xã hội, kết quả thực hiện các hoạt động kết nối và PVCĐ đóng góp cho xã hội của Trường [H24.24.04.21], [H24.24.04.22]. Hàng năm, tác động xã hội, kết quả thực hiện các hoạt động kết nối và PVCĐ, đóng góp cho xã hội của Trường được thể hiện trong báo cáo tổng kết năm học của Nhà trường và của các đơn vị cũng như trong báo cáo Hội nghị người lao động [H24.24.04.16], [H24.24.04.23], [H24.24.04.24].

Nhà trường phân công Phòng ĐT là đơn vị đối sánh sự hài lòng của các bên liên quan về kết quả thực hiện các hoạt động kết nối và PVCĐ, đóng góp cho xã hội của Trường trong lĩnh vực ĐT, Phòng KH&HTQT là đơn vị đối sánh sự hài lòng của các bên liên quan về kết quả thực hiện các hoạt động kết nối và PVCĐ, đóng góp cho xã hội của Trường trong lĩnh vực NCKH, Phòng TS&CTSV là đơn vị đối sánh sự hài lòng của các bên liên quan về kết quả thực hiện các hoạt động kết nối và PVCĐ, đóng góp cho xã hội của Trường [H24.24.04.12]. Bên cạnh đó, Phòng TS&CTSV là đơn vị tổng hợp kết quả đối sánh sự hài lòng của các bên liên quan về kết quả thực hiện các hoạt động kết nối và PVCĐ, đóng góp cho xã hội của toàn Trường [H24.24.04.12]. Phòng ĐT, Phòng KH&HTQT, Phòng TS&CTSV phân công nhân sự của Phòng thực hiện đối sánh sự hài lòng của các bên liên quan về kết quả thực hiện các hoạt động kết nối và PVCĐ, đóng góp cho xã hội của Trường [H24.24.04.18], [H24.24.04.20], [H24.24.04.22]. Kết thúc mỗi năm học, Phòng TS, CTSV tổng hợp và đối sánh sự hài lòng của các bên liên quan về kết quả thực hiện các hoạt động kết nối và PVCĐ, đóng góp cho xã hội của Trường so với chỉ tiêu đã xác định trong kế hoạch năm học cũng như so với quy định của Trường [H24.24.04.25], [H24.24.04.26]. Bên cạnh đó, Phòng TS&CTSV đối sánh sự hài lòng của các bên liên quan về kết quả thực hiện các hoạt động kết nối và PVCĐ, đóng góp cho xã hội của Trường so với tiêu chuẩn đánh giá chất lượng trường đại học do Bộ GD&ĐT ban hành cũng như so với Trường Đại học Công nghệ TP.HCM [H24.24.04.27], [H24.24.04.28]. Hàng năm, Nhà trường tổ chức họp giữa BGH với lãnh đạo các đơn vị để xem xét, đánh giá, rà soát, điều chỉnh các hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng, đóng góp cho xã hội của Trường [H24.24.04.29].

Trong Nghị quyết của HĐQT Nhà trường luôn có các nội dung định hướng, chỉ đạo triển khai các biện pháp nhằm cải tiến, nâng cao chất lượng hoạt động kết nối và PVCĐ, đóng góp cho xã hội của Trường [H24.24.04.30]. Bên cạnh đó, các kết luận cuộc họp giao ban của Nhà trường luôn có các nội dung cụ thể để cải tiến, nâng cao chất lượng hoạt động kết nối và PVCĐ, đóng góp cho xã hội của Trường [H24.24.04.31]. Căn cứ kết quả thu thập và khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan về hoạt động kết nối và PVCĐ, đóng góp cho xã hội của Trường cũng như kết quả đối sánh về loại hình và khối lượng tham gia vào hoạt động kết nối và PVCĐ, đóng góp cho xã hội, Nhà trường xác định các nội dung cải tiến, nâng cao chất lượng hoạt động kết nối và PVCĐ, đóng góp cho xã hội của Trường và thể hiện trong kế

hoạch năm học [H24.24.04.01]. Hàng năm, Nhà trường luôn dành kinh phí chi cho việc áp dụng các biện pháp cải tiến chất lượng hoạt động kết nối và PVCĐ, đóng góp cho xã hội [H24.24.04.32], [H24.24.04.33]. Nhà trường đồng thời quan tâm đầu tư CSVC, trang thiết bị nhằm nâng cao hiệu quả các hoạt động kết nối và PVCĐ, đóng góp cho xã hội của Trường [H24.24.04.34]. Trong giai đoạn 2015-2019, kết quả hoạt động kết nối và PVCĐ của Nhà trường được cải tiến qua từng năm [H24.24.04.23], [H24.24.04.24], [H24.24.04.26]. Nhà trường và các đơn vị, các cá nhân của Trường đã được nhận nhiều hình thức khen thưởng các cấp vì đã có thành tích trong hoạt động kết nối và PVCĐ [H24.24.04.35], [H24.24.04.36].

Tự đánh giá: 5/7

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 24:

1. Tóm tắt các điểm mạnh:

- Nhà trường ban hành hệ thống văn bản quy định về hoạt động kết nối và PVCĐ đối với người học và đội ngũ CB, GV, NV của Trường.
- Nhà trường phân công trách nhiệm cụ thể cho các đơn vị trong việc tổ chức thực hiện, theo dõi, giám sát, đối sánh, thu thập ý kiến phản hồi các bên liên quan về hiệu quả hoạt động kết nối và PVCĐ, đóng góp cho xã hội của Trường.
- Trong KHCL giai đoạn 2009-2016 tầm nhìn 2020, KHCL giai đoạn 2017-2025 tầm nhìn 2030, kế hoạch trung hạn giai đoạn 2017-2020 và kế hoạch năm học hàng năm của Nhà trường luôn có các nội dung về hoạt động kết nối và PVCĐ.
- Nhà trường dành nguồn lực để tổ chức các hoạt động kết nối và PVCĐ xuyên suốt trong năm học theo SM, TN của Trường.
- Các đơn vị của Trường tổ chức thực hiện, theo dõi, giám sát, đối sánh, đánh giá kết quả hoạt động kết nối và PVCĐ, đóng góp cho xã hội của Trường.
- Các hoạt động kết nối và PVCĐ, đóng góp xã hội do Nhà trường tổ chức luôn có sự tham gia của các bên liên quan bên ngoài Trường.
- Hàng năm, Nhà trường thực hiện khảo sát ý kiến của các bên liên quan về hoạt động kết nối và PVCĐ, đóng góp cho xã hội của Trường.
- Kết quả khảo sát ý kiến các bên liên quan thể hiện sự hài lòng đối với hoạt động kết nối và PVCĐ, đóng góp cho xã hội của Trường ở mức độ Khá.
- Nhà trường xây dựng kế hoạch cải tiến dựa trên ý kiến phản hồi của các bên liên quan và triển khai các hoạt động cải tiến nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động kết nối và PVCĐ, đóng góp cho xã hội của Trường.
- Nhà trường quan tâm đầu tư CSVC, trang thiết bị và công tác đào tạo, bồi dưỡng nhân sự tham gia hoạt động kết nối và PVCĐ để nâng cao hiệu quả hoạt động kết nối và PVCĐ, đóng góp cho xã hội của Trường.
- Nhà trường, các đơn vị và cá nhân CB, GV, NV, SV được nhận nhiều hình thức khen thưởng các cấp vì đã có thành tích trong hoạt động kết nối và PVCĐ, đóng góp cho xã hội.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại:

Nguồn thu từ các hoạt động kết nối và PVCD của Nhà trường còn hạn chế so với các nguồn thu khác.

3. Kế hoạch cải tiến:

Từ học kỳ 2 năm học 2019 - 2020, Nhà trường chú trọng tăng cường nguồn thu từ hoạt động PVCD nhằm đa dạng hóa nguồn thu và phát huy tối đa nội lực Trường trong hoạt động kết nối và PVCD.

4. Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
Tiêu chuẩn 24	5
Tiêu chí 24.1	5
Tiêu chí 24.2	5
Tiêu chí 24.3	5
Tiêu chí 24.4	5

Tiêu chuẩn 25: Kết quả tài chính và thị trường

Tiêu chí 25.1. Kết quả và các chỉ số tài chính của hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến

Nhà trường đã ban hành KHCL Trường Đại học Quốc tế Sài Gòn giai đoạn 2009-2016 tầm nhìn 2020, KHCL Trường Đại học Quốc tế Sài Gòn giai đoạn 2017-2025 tầm nhìn 2030, trong đó bên cạnh các mục tiêu chiến lược, Nhà trường đồng thời quy định cụ thể về kết quả và các chỉ số tài chính đạt được của hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ [H25.25.01.01], [H25.25.01.02]. Bên cạnh đó, năm 2017, Nhà trường ban hành KHCL về tài chính giai đoạn 2017-2025 và kế hoạch tài chính trung hạn giai đoạn 2017-2020 với các nội dung quy định về kết quả và các chỉ số tài chính đạt được của hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ [H25.25.01.03], [H25.25.01.04]. Ngoài ra, Nhà trường luôn lập kế hoạch tài chính năm học quy định về kết quả và các chỉ số tài chính đạt được của hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ cần đạt được trong năm học [H25.25.01.05]. Nhà trường thông báo các KHCL, kế hoạch tài chính trung hạn giai đoạn 2017-2020 và kế hoạch tài chính năm học đến các đơn vị để triển khai thực hiện nhằm đạt được kết quả và các chỉ số tài chính về hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ [H25.25.01.06], [H25.25.01.07], [H25.25.01.08], [H25.25.01.09].

Nhà trường giao nhiệm vụ cho Phòng TC-NS là đơn vị quản lý công tác tài chính, đồng thời là đơn vị theo dõi, giám sát kết quả và các chỉ số tài chính đạt được của hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ [H25.25.01.10], [H25.25.01.11], [H25.25.01.12]. Trong thành phần BGH, Nhà trường phân công Hiệu trưởng phụ trách về công tác tài chính của Nhà trường trong đó theo dõi, giám sát kết quả và các chỉ số tài chính đạt được của hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ của Trường [H25.25.01.13]. Bên cạnh đó, Nhà trường hợp đồng với Công ty TNHH Crowe Việt Nam để thực hiện công tác giám sát, kiểm toán hoạt động tài chính của Trường [H25.25.01.14]. Định kỳ hàng tháng, hàng năm, Công ty TNHH Crowe Việt Nam thực hiện báo cáo giám sát tài chính và gửi báo cáo đến HĐQT, BGH Nhà trường [H25.25.01.15]. Ngoài ra, Phòng TC-NS thực hiện báo cáo HĐQT, BGH về kết quả và các chỉ số tài chính đạt được của hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ [H25.25.01.16]. Trong báo cáo kết quả tài chính hàng năm của Nhà trường luôn đánh giá kết quả và các chỉ số tài chính đạt được của hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ của Trường trong năm học [H25.25.01.17].

Hàng năm, Phòng TN-CS thực hiện đối sánh kết quả và các chỉ số tài chính của hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ đã đạt được so với chỉ tiêu phấn đấu được xác định trong kế hoạch và mục tiêu hoạt động hàng năm [H25.25.01.09], [H25.25.01.18]. Bên cạnh đó, Phòng TC-NS thực hiện đối sánh nguồn thu với nguồn chi từ hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ cũng như đối sánh kết quả và các chỉ số tài chính của hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ đạt được trong năm so với năm trước [H25.25.01.19]. Trong giai đoạn 2015-2019, nguồn thu tài chính từ các hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ của Nhà trường tăng qua từng năm [H25.25.01.20]. Bên cạnh đó, hàng năm, Nhà trường luôn dành kinh phí chi cho các hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ và chi cho việc tăng cường CSVC [H25.25.01.21].

Nhà trường phân công nhiệm vụ cho Phòng TC-NS là đơn vị thu thập ý kiến phản hồi của các bên liên quan về kết quả và các chỉ số tài chính của hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ của Trường [H25.25.01.11]. Tại các cuộc họp giao ban định kỳ giữa BGH với lãnh đạo các đơn vị cũng như các cuộc họp chuyên đề về tài chính, Phòng

TC-NS tiếp thu ý kiến của lãnh đạo các đơn vị về vấn đề tài chính của Nhà trường nói chung và về kết quả, các chỉ số tài chính của hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ nói riêng để từ đó tham mưu BGH về công tác tài chính của Trường [H25.25.01.22]. Bên cạnh đó, tại Hội nghị Người lao động hàng năm, Nhà trường tiếp thu ý kiến của CB, GV, NV về hoạt động tài chính và quản lý tài chính của Trường cũng như giải thích những thắc mắc của người lao động [H25.25.01.23]. Đối với SV, thông qua buổi đối thoại giữa BGH với SV hàng năm, Nhà trường tiếp thu ý kiến của SV về các vấn đề tài chính của Trường để từ đó có những điều chỉnh kịp thời nhằm đảm bảo quyền lợi cũng như trách nhiệm của người học [H25.25.01.24].

Hàng năm, căn cứ ý kiến phản hồi của các đơn vị cũng như của CB, GV, NV, SV, Phòng TC-NS tham mưu BGH có những điều chỉnh cho phù hợp về kết quả và các chỉ số tài chính của hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ và thể hiện trong kế hoạch tài chính năm học [H25.25.01.05], [H25.25.01.22], [H25.25.01.23], [H25.25.01.24], [H25.25.01.25]. Bên cạnh đó, căn cứ kết quả thực hiện KHCL Trường Đại học Quốc tế Sài Gòn giai đoạn 2009-2016 tầm nhìn 2020, Nhà trường đã có những điều chỉnh về kết quả và các chỉ số tài chính của hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ trong KHCL Trường Đại học Quốc tế Sài Gòn giai đoạn 2017-2025 tầm nhìn 2030 [H25.25.01.01], [H25.25.01.02], [H25.25.01.26]. Ngoài ra, để đạt được kết quả và các chỉ số tài chính của hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ, các đơn vị đã triển khai nhiều hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ [H25.25.01.27], [H25.25.01.28], [H25.25.01.29], [H25.25.01.30].

Phòng TC-NS là đơn vị xây dựng và lưu trữ cơ sở dữ liệu đánh giá về kết quả và các chỉ số tài chính của hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ của Trường [H25.25.01.11]. Nhà trường sử dụng phần mềm “Chương trình quản lý trường học eAsiaSchool” để quản lý tài chính, trong đó có lưu trữ kết quả và các chỉ số tài chính của hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ của Trường [H25.25.01.31]. Bên cạnh đó, các ý kiến phản hồi của CB, GV, NV, SV về tài chính, kết quả, các chỉ số tài chính từ hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ của Trường được Phòng TC-NS lưu trữ [H25.25.01.25]. Trong giai đoạn 2015-2019, CB, GV, NV và SV Nhà trường hài lòng về vấn đề tài chính, kết quả, các chỉ số tài chính của Trường từ hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ [H25.25.01.25].

Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 25.2. Kết quả và các chỉ số thị trường của hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến

Đối với kết quả hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ của Nhà trường được thể hiện rõ trong KHCL Trường Đại học Quốc tế Sài Gòn giai đoạn 2009-2016 tầm nhìn 2020, KHCL Trường Đại học Quốc tế Sài Gòn giai đoạn 2017-2025 tầm nhìn 2030, kế hoạch trung hạn giai đoạn 2017-2020 và kế hoạch năm học tài chính hàng năm [H25.25.02.01], [H25.25.02.02], [H25.25.02.03], [H25.25.02.04]. Từ năm 2017, hàng năm, BGH họp với lãnh đạo các đơn vị để xác định chỉ số cạnh tranh của Trường nói chung và đối với các hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ nói riêng [H25.25.02.05]. Nhà trường căn cứ kết quả hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ và các thông tin thu được qua báo cáo 3 công khai của các trường ĐH trên địa bàn TP. Hồ Chí Minh để xác định chỉ số cạnh tranh [H25.25.02.06]. Trên cơ sở đó, BGH ký ban hành văn bản xác định chỉ số cạnh tranh của Nhà trường [H25.25.02.07].

Nhà trường giao nhiệm vụ cho Phòng TC-NS là đơn vị quản lý công tác tài chính, đồng thời là đơn vị theo dõi, giám sát kết quả và các chỉ số thị trường của hoạt

động ĐT, NCKH và PVCĐ [H25.25.02.08], [H25.25.02.09], [H25.25.02.10]. Trong thành phần BGH, Nhà trường phân công Hiệu trưởng phụ trách về công tác tài chính của Nhà trường trong đó theo dõi, giám sát kết quả và các chỉ số thị trường của hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ của Trường [H25.25.02.11]. Bên cạnh đó, trong báo cáo kết quả tài chính hàng năm của Phòng TC-NS luôn đánh giá kết quả và các chỉ số tài chính đạt được của hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ của Trường trong năm học [H25.25.02.12].

Hàng năm, Phòng TC-NS thực hiện đối sánh kết quả và các chỉ số thị trường của hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ đã đạt được so với chỉ tiêu phân đầu được xác định trong kế hoạch và mục tiêu hoạt động hàng năm [H25.25.02.04], [H25.25.02.13]. Bên cạnh đó, Phòng TC-NS thực hiện đối sánh kết quả và các chỉ số thị trường của hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ giữa các năm của Nhà trường [H25.25.02.14]. Bên cạnh đó, Phòng TC-NS thực hiện đối sánh kết quả và các chỉ số thị trường của hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ so với các trường ĐH trên địa bàn TP. Hồ Chí Minh thông qua các thông tin thu được trong báo cáo 3 công khai [H25.25.02.15]. Trong giai đoạn 2015-2019, kết quả và các chỉ số thị trường của hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ của Nhà trường được cải thiện qua từng năm [H25.25.02.14].

Nhà trường phân công nhiệm vụ cho Phòng TC-NS là đơn vị thu thập ý kiến phản hồi của các bên liên quan về kết quả và các chỉ số thị trường của hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ của Trường [H25.25.02.09], [H25.25.02.16]. Tại các cuộc họp giao ban định kỳ giữa BGH với lãnh đạo các đơn vị về công tác tài chính, Phòng TC-NS tiếp thu ý kiến của lãnh đạo các đơn vị về kết quả và các chỉ số thị trường của hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ [H25.25.02.17]. Bên cạnh đó, tại Hội nghị Người lao động hàng năm, Nhà trường tiếp thu ý kiến của CB, GV, NV về kết quả và các chỉ số thị trường của hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ [H25.25.02.18]. Đối với SV, thông qua buổi đối thoại giữa BGH với SV hàng năm, Nhà trường tiếp thu ý kiến của SV về của hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ [H25.25.02.19].

Hàng năm, căn cứ ý kiến phản hồi của các đơn vị cũng như của CB, GV, NV, SV, Phòng TC-NS tham mưu BGH có những điều chỉnh cho phù hợp về kết quả và các chỉ số thị trường của hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ và thể hiện trong kế hoạch tài chính năm học và kế hoạch năm học [H25.25.02.04], [H25.25.02.20]. Bên cạnh đó, căn cứ kết quả thực hiện KHCL Trường Đại học Quốc tế Sài Gòn giai đoạn 2009-2016 tầm nhìn 2020, Nhà trường đã có những điều chỉnh về kết quả và các chỉ số thị trường của hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ trong KHCL Trường Đại học Quốc tế Sài Gòn giai đoạn 2017-2025 tầm nhìn 2030 [H25.25.02.01], [H25.25.02.02], [H25.25.02.21]. Ngoài ra, để đạt được kết quả và các chỉ số thị trường của hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ, các đơn vị triển khai thực hiện nhiều hoạt động về ĐT, NCKH, PVCĐ [H25.25.02.22], [H25.25.02.23], [H25.25.02.24], [H25.25.02.25].

Nhà trường phân công Phòng TC-NS là đơn vị xây dựng và lưu trữ cơ sở dữ liệu đánh giá về kết quả và các chỉ số thị trường của hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ của Trường [H25.25.02.09], [H25.25.02.16]. Phòng TC-NS phân công nhân sự thực hiện lưu trữ dữ liệu đánh giá về kết quả và các chỉ số thị trường của hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ của Trường [H25.25.02.19]. Trong giai đoạn 2015-2019, CB, GV, NV và SV Nhà trường hài lòng về kết quả và các chỉ số thị trường của các hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ của Trường [H25.25.02.16], [H25.25.02.17], [H25.25.02.18], [H25.25.02.19].

Tự đánh giá: 5/7

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 25:

1. Tóm tắt các điểm mạnh:

Nhà trường luôn chủ động xây dựng kế hoạch tài chính và quản lý tài chính nhằm phục vụ hiệu quả hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ.

Nhà trường xây dựng và ban hành quy chế chi tiêu nội bộ để quản lý hoạt động tài chính của Trường thống nhất và đồng bộ.

Nhà trường hợp đồng với Công ty TNHH Crowe Việt Nam để giám sát hoạt động tài chính của Trường.

Nhà trường xác định kết quả và chỉ số tài chính, chỉ số thị trường của hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ.

Hệ thống theo dõi, giám sát, đánh giá kết quả và chỉ số tài chính, chỉ số thị trường của hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ được triển khai thường xuyên.

Hệ thống thu thập ý kiến phản hồi của CB, GV, NV, SV về kết quả và chỉ số tài chính, chỉ số thị trường của hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ của Trường đa dạng và hiệu quả.

Hàng năm, Nhà trường tiến hành đối sánh kết quả và chỉ số tài chính, chỉ số thị trường của hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ đã được trong năm học để từ đó có những điều chỉnh cho phù hợp.

Nhà trường áp dụng nhiều biện pháp và triển khai các hoạt động nhằm nâng cao kết quả và chỉ số tài chính, chỉ số thị trường của hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ của Trường.

Nhà trường triển khai lưu trữ cơ sở dữ liệu về kết quả và chỉ số tài chính, chỉ số thị trường của hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ của Trường.

Trong giai đoạn 2015-2019, ý kiến của CB, GV, NV, SV Nhà trường hài lòng về kết quả và chỉ số tài chính, chỉ số thị trường của hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ của Trường.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại:

Do những khó khăn trong việc thu thập thông tin của các trường ĐH khác nên số lượng các trường ĐH được Nhà trường tiến hành đối sánh để xác định chỉ số thị trường còn hạn chế.

3. Kế hoạch cải tiến:

Từ học kỳ 2 năm học 2019-2020, Nhà trường tăng cường thu thập thông tin của các trường ĐH trên địa bàn TP. Hồ Chí Minh và cả nước để có thể xác định chỉ số thị trường về hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ một cách phổ quát hơn.

4. Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
Tiêu chuẩn 25	5
Tiêu chí 25.1	5
Tiêu chí 25.2	5

BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CSGD

TT	Lĩnh vực/ Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Tự đánh giá (mức điểm)	Ghi chú
I	Lĩnh vực 1. ĐBCL về chiến lược		
I.1	Tiêu chuẩn 1. Tâm nhìn, sứ mạng và văn hóa	5.2	
1.	1.1	6	
2.	1.2	5	
3.	1.3	5	
4.	1.4	5	
5.	1.5	5	
I.2	Tiêu chuẩn 2. Quản trị	4.75	
6.	2.1	4	
7.	2.2	5	
8.	2.3	5	
9.	2.4	5	
I.3	Tiêu chuẩn 3. Lãnh đạo và quản lý	4.75	
10.	3.1	5	
11.	3.2	5	
12.	3.3	4	
13.	3.4	5	
I.4	Tiêu chuẩn 4. Quản trị chiến lược	5	
14.	4.1	5	
15.	4.2	5	
16.	4.3	5	
17.	4.4	5	
I.5	Tiêu chuẩn 5. Các chính sách về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng	5	
18.	5.1	5	
19.	5.2	5	
20.	5.3	5	
21.	5.4	5	

TT	Lĩnh vực/ Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Tự đánh giá (mức điểm)	Ghi chú
I.6	Tiêu chuẩn 6. Quản lý nguồn nhân lực	4	
22.	6.1	4	
23.	6.2	4	
24.	6.3	4	
25.	6.4	4	
26.	6.5	4	
27.	6.6	4	
28.	6.7	4	
I.7	Tiêu chuẩn 7. Quản lý tài chính và cơ sở vật chất	5	
29.	7.1	5	
30.	7.2	5	
31.	7.3	5	
32.	7.4	5	
33.	7.5	5	
I.8	Tiêu chuẩn 8. Các mạng lưới và quan hệ đối ngoại	5	
34.	8.1	5	
35.	8.2	5	
36.	8.3	5	
37.	8.4	5	
II	Lĩnh vực 2. ĐBCL về hệ thống		
II.9	Tiêu chuẩn 9. Hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong	5	
38.	9.1	5	
39.	9.2	5	
40.	9.3	5	
41.	9.4	5	
42.	9.5	5	
43.	9.6	5	
II.10	Tiêu chuẩn 10. Tự đánh giá và đánh giá ngoài	5.25	

TT	Lĩnh vực/ Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Tự đánh giá (mức điểm)	Ghi chú
44.	10.1	6	
45.	10.2	5	
46.	10.3	5	
47.	10.4	5	
II.11	Tiêu chuẩn 11. Hệ thống thông tin ĐBCL bên trong	4.5	
48.	11.1	5	
49.	11.2	5	
50.	11.3	4	
51.	11.4	4	
II.12	Tiêu chuẩn 12. Nâng cao chất lượng	4.4	
52.	12.1	5	
53.	12.2	5	
54.	12.3	4	
55.	12.4	4	
56.	12.5	4	
III	Lĩnh vực 3. ĐBCL về thực hiện các chức năng		
III.13	Tiêu chuẩn 13. Tuyển sinh và nhập học	5	
57.	13.1	5	
58.	13.2	5	
59.	13.3	5	
60.	13.4	5	
61.	13.5	5	
III.14	Tiêu chuẩn 14. Thiết kế và rà soát chương trình dạy học	5	
62.	14.1	5	
63.	14.2	5	
64.	14.3	5	
65.	14.4	5	
66.	14.5	5	

TT	Lĩnh vực/ Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Tự đánh giá (mức điểm)	Ghi chú
III.15	Tiêu chuẩn 15. Giảng dạy và học tập	5	
67.	15.1	5	
68.	15.2	5	
69.	15.3	5	
70.	15.4	5	
71.	15.5	5	
III.16	Tiêu chuẩn 16. Đánh giá người học	4.5	
72.	16.1	5	
73.	16.2	5	
74.	16.3	4	
75.	16.4	4	
III.17	Tiêu chuẩn 17. Các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học	5	
76.	17.1	5	
77.	17.2	5	
78.	17.3	5	
79.	17.4	5	
III.18	Tiêu chuẩn 18. Quản lý NCKH	4.75	
80.	18.1	5	
81.	18.2	5	
82.	18.3	5	
83.	18.4	4	
III.19	Tiêu chuẩn 19. Quản lý tài sản trí tuệ	4	
84.	19.1	4	
85.	19.2	4	
86.	19.3	4	
87.	19.4	4	
III.20	Tiêu chuẩn 20. Hợp tác và đối tác NCKH	4.75	
88.	20.1	5	

TT	Lĩnh vực/ Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Tự đánh giá (mức điểm)	Ghi chú
89.	20.2	5	
90.	20.3	5	
91.	20.4	4	
III.21	Tiêu chuẩn 21. Kết nối và phục vụ cộng đồng	5	
92.	21.1	5	
93.	21.2	5	
94.	21.3	5	
95.	21.4	5	
IV	Lĩnh vực 4. Kết quả hoạt động		
IV.22	Tiêu chuẩn 22. Kết quả đào tạo	5	
96.	22.1	5	
97.	22.2	5	
98.	22.3	5	
99.	22.4	5	
IV.23	Tiêu chuẩn 23. Kết quả NCKH	4.17	
100.	23.1	4	
101.	23.2	4	
102.	23.3	4	
103.	23.4	5	
104.	23.5	4	
105.	23.6	4	
IV.24	Tiêu chuẩn 24. Kết quả phục vụ cộng đồng	5	
106.	24.1	5	
107.	24.2	5	
108.	24.3	5	
109.	24.4	5	
IV.25	Tiêu chuẩn 25. Kết quả tài chính và thị trường	5	
110.	25.1	5	
111.	25.2	5	

Ghi chú:

- Tiêu chí có điểm cao nhất: 6 điểm (tiêu chí: 1.1; 10.1);
- Tiêu chí có điểm thấp nhất: 4 điểm (tiêu chí: 2.1; 3.3; 6.1; 6.2; 6.3; 6.4; 6.5; 6.6; 6.7; 11.3; 11.4; 12.3; 12.4; 12.5; 16.3; 16.4; 18.4; 19.1; 19.2; 19.3; 19.4; 20.4; 23.1; 23.2; 23.3; 23.5; 23.6)
- Số tiêu chí đạt từ 4 điểm trở lên: 111/111 (100%);
- Số tiêu chuẩn có điểm trung bình từ 4,00 điểm trở lên: 25/25 (100%);
- Số tiêu chuẩn có điểm trung bình dưới 2,00 điểm: 0/25 (0%).

TPHCM, ngày 31 tháng 12 năm 2019

HIỆU TRƯỞNG

TS. Trần Xuân Định

PHỤ LỤC